Sàigòn Tuyết Trắng



Việt Nam Tháng 4, 1975

Vũ Thụy Hoàng

Vũ Thụy Hoàng

Sài Gòn Tuyết Trắng

Việt Nam: tháng 4, 1975

Vietnam Books

Tái bản lần thứ hai năm 2000
(có sửa đổi)

Yêu tặng Thu Trang, Hoàng Đức,
Linh Phương, Phương Mai

Copyright @ 2000 by Vu Thuy Hoang
All rights reserved. No part of this publication may be reproduced or transmitted in any form or by any means, without permission in writing from the author.

Cover designed by Hien Nguyen
Published 2000 in the United States of America
by Vietnam Books
Reprinted with revision, 2000
Printed and bound in the United of America.

Mục Lục

Lời Nói Đầu 7
1. Rối Ruột 11
2. "Sét Giáng" 27
3. "Đường Đầy Nước Mắt" 46
4. "Hỏa Ngục" 59
5. Niềm tin sắt đá 78
6. Ánh Hải Đăng 109
7. Bập Bềnh 129
8. "Người Nguy Hiểm Số 1" 145
9. Nóng Lạnh 171
10. "Nghĩa Vụ...Sâu Đậm" 192
11. Ngày Dài Thăm Thẳm 210
12. Chui Lủi 227
13. Dồn Dập 245
14. Tuyết Trắng 255
15. Vì Đâu Nên Nỗi? 309
16. Được Gì? 330
Chú Thích 336
Sách Tham Khảo 343
Danh Mục 346
Vài Hàng Về Tác Giả 349
Độc giả & Báo Chí với Sài Gòn Tuyết Trắng 353

Lời Nói Đầu

Chiến trận mùa xuân năm 1975, dù muốn hay không, đã để lại nhiều ấn tượng quá sâu đậm không dễ gì xóa nhòa được trong ký ức hàng triệu người Việt ở trong cũng như ngoài nước.

Đây là trận nổi bật nhất trong nước ở thế kỷ 20 và cũng là trận đánh lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, với quân số hai bên lên tới gần hai triệu người. Biến cố này làm thay đổi hẳn cục diện chính trị, quân sự và địa dư củaViệt Nam và ảnh hưởng tới cả bán đảo Đông Dương. Cuộc sống của hàng triệu người Việt cũng do đó đã thay đổi hoặc đảo lộn.

Cuộc tấn công của cộng quân Bắc Việt khởi đầu từ trận đánh chiếm Ban Mê Thuột tháng 3, 1975 đã trở thành cuộc tổng công kích với nhịp độ tiến quân bão lốc và tầm mức lan rộng khắp miền Nam Việt Nam. Nhiều thành phố lần lượt thất thủ hoặc rút bỏ. Tình hình đột nhiên trở nên nguy ngập.

Như nhiều người Việt khác hồi đó nhìn thấy miền Nam Việt Nam nghiêng ngửa sắp chìm đắm, gia đình chúng tôi biết chắc mình không có chỗ đứng trong một chế độ mà

mình đã không chấp nhận và đối kháng từ hai chục năm qua.

Chúng tôi thấy trước mắt chỉ có một lối đi: tìm đường chạy ra khỏi nước.

Chúng tôi quyết định đi bằng mọi cách, đi bằng mọi giá. Không chần chừ. Không do dự.

Quyết định đi là một việc. Làm sao đi được mới là vấn đề! Các vụ xuất ngoại bị cấm đoán và chặn bắt. Đi bằng cách nào? Đi đâu? Ở đâu? Làm gì để sống?

Ngần ấy câu hỏi cứ quay cuồng trong đầu, ám ảnh trong tâm trí chúng tôi trong mấy tuần lễ liền.

Khổ nỗi, những mưu tính quan trọng như vậy lại không được bàn luận cởi mở, mà chỉ xầm xì to nhỏ giữa những người cần bàn trong gia đình, giữa một số bạn bè thật thân tín cùng chung một ý nghĩ và dự định. Kiểu thì thầm lén lút như vậy, cộng thêm nỗi e sợ bị bại lộ, bị bắt, bị tù đầy, làm đầu óc càng thêm bồn chồn, căng thẳng.

Tâm trạng âu lo, ngột ngạt đó, lúc con tàu NamViệt Nam đang chìm dần, đã được tôi ghi lại trong tập nhật ký. Tôi khởi đầu cuốn nhật ký bằng quyển vở học trò ngay từ ngày đầu có ý trốn chạy cộng sản cho tới ngày tôi rời khỏi trại tỵ nạn ở Mỹ.

Bổ sung vào phần nhật ký, tôi đã chuyện trò và phỏng vấn thêm cả trăm người khác, rải rác từ năm 1975. Trong số những người này nhiều người phải trải qua cảnh bom rơi, đạn rít của những trận giao tranh khốc liệt, hoặc tất tả chạy ngược chạy xuôi trong cảnh xáo động của tháng ba và tháng tư, 1975.

Ngoài ra tôi cũng tra cứu thêm tài liệu sách báo tiếng Việt và ngoại ngữ viết về giai đoạn kết thúc cuộc chiến

Việt Nam. Được may mắn làm việc với báo The Washington Post, tôi có cơ hội sưu tầm thêm tài liệu để cuốn sách được phong phú và chính xác hơn.

Cuộc chiến đã chấm dứt cách đây 25 năm. Thắng hay bại đều đã thành truyện quá khứ. Cuốn sách này được viết không có ý ca ngợi, hay biện minh, mà cũng chẳng đổ lỗi, hoặc chỉ trích một cá nhân hay một phe phái nào. Tán tụng, bênh vực hay chê trách, oán hờn không xoay ngược lại được lịch sử. Người viết chỉ muốn thuật lại trung thực hoàn cảnh của mình và của một số người từng sống trong cảnh sôi bỏng của chiến tranh và có may mắn thoát khỏi thảm họa của cuộc chiến, để cùng chia sẻ những kinh nghiệm của mình với độc giả, với những người ở trong hoàn cảnh tương tự, hầu biết thêm, hiểu thêm về một biến cố lịch sử.

Trong việc sưu tầm tài liệu và biên soạn cuốn sách, tôi đã chồng chất biết bao nợ nần tinh thần vì được nhiều người hỗ trợ. Cuốn sách không thể thành tựu, hoặc kém phần khởi sắc, nếu không có những hỗ trợ đó.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả quý vị đã gợi ý, góp ý kiến, tiếp tay, hoặc dành thì giờ quý báu để phụ giúp hoặc để chúng tôi phỏng vấn, chuyện trò, trong đó có rất nhiều người mà cuốn sách nhỏ bé này không đủ chỗ để nêu tên.

Virginia, mùa xuân 2000.

1

Rối Ruột

Tôi thẫn thờ nhìn vào khoảng trời mờ mờ tối của thành phố Sài Gòn. Đầu óc tôi rối bời. Tâm thần tôi mệt mỏi. Lòng tôi trũng xuống. Nhiều câu hỏi đang quay cuồng nhảy múa trong trí tôi. Chúng chập chờn, khi ẩn khi hiện. Câu hỏi này chưa được trả lời, câu hỏi khác lại nhảy tới. Chúng như đám muỗi vo ve, vây hãm và châm đốt tôi tới tấp. Những âu lo vì vậy dồn dập chồng chất trong lòng tôi sau cả một ngày căng thẳng.

Tôi đứng trên lầu ba, tựa người vào thành bao lơn, lơ là nhìn xuống đường Hai Bà Trưng ở phía dưới. Chạy ngang trước mặt nhà thờ Tân Định, đoạn đường vào giờ này bớt ồn ào. Xe cộ ngược xuôi thưa thớt hơn Một chiếc xe gắn máy phóng thật nhanh, tiếng động cơ rít lên, vụt chạy về phía Phú Nhuận như vội về nhà gấp trước giờ sắp giới nghiêm. Dãy nhà hai bên đường đứng bình thản. Nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi, chênh chếch trước mặt tôi về phía tay

phải, im lìm trong tăm tối. Xa xa phía tay trái bảng hiệu của nhà hòm nổi tiếng Tobia lờ mờ trong ánh đèn vàng.

Tôi thấy mình rờn rợn. Tôi đăm chiêu, tư lự.

"Có lẽ nào mau lẹ thế?" tôi tự hỏi.

Bầu trời Việt Nam từ lâu đã không sáng sủa. Nhiều đám mây đen vẫn lảng vảng ở phía xa. Điều không thể ngờ là những đám mây đen ùn ùn đùn lên quá nhanh. Nền trời thấp hẳn xuống, tối sầm lại. Chớp giật loang loáng. Sấm sét nổ ầm ĩ. Mưa tuôn ào ạt. Gió giật đùng đùng, rít mạnh từng hồi. Thoạt đầu tưởng chỉ là một cơn giông thường, trận bão bất ngờ biến thành hung dữ, hoành hành với cường độ mãnh liệt nhất tôi chưa từng thấy.

Con thuyền mong manh Việt Nam đang bị trận bão nhồi dập, sắp chìm đắm. Tôi nghĩ đến cuộc chiến Việt Nam, sau gần 30 năm, đang diễn tiến ác liệt để đi đến hồi kết thúc.

Tình hình biến chuyển quá nhanh, đột nhiên trở thành khẩn trương. Có lẽ nào miền Nam Việt Nam xụp đổ mau lẹ và thảm hại trước những đoàn quân nón cối, mà nhiều binh sĩ cộng hòa khi nói đến vẫn coi thường và tỏ vẻ khinh khi. Nhưng tin tức chiến trận trong những ngày gần đây thật ngỡ ngàng và bi thảm. Ban Mê Thuột mất. Kontum, Pleiku di tản. Quảng Trị triệt thoái. Huế rút. Quảng Ngãi, Quảng Tín chạy. Đà Nẵng bỏ.

Tất cả trong khoảng thời gian không đầy ba tuần lễ, Việt Nam Cộng Hòa mất hai quân đoàn, 13 trong số 44 tỉnh. Một nửa lãnh thổ lọt vào tay cộng quân.

Trước kia Việt Cộng thỉnh thoảng đánh chiếm được một quận lỵ, hoặc tỉnh lỵ, chỉ vài ngày sau là bị phản công, tái chiếm. Hồi Tết Mậu Thân Huế bị chiếm ba tuần lễ. Ngay ở Sài Gòn một số địa điểm cũng bị chiếm hồi đó. Năm 1972, Quảng Trị bị mất gần ba tháng và An Lộc bị bao vây ngặt nghèo trên hai tháng trời. Tất cả đều được lấy lại.

Lần này tình thế khác hẳn. Tỉnh lỵ Phước Bình bị chiếm từ đầu năm và vẫn còn trong tay cộng quân. Không có hy vọng gì tái chiếm các tỉnh mới mất, miền Nam Việt Nam còn phải đương đầu với nguy cơ xụp đổ mau lẹ.

Tưởng như không tin nổi. Mà đó là sự thật. Một sự thật quá phũ phàng!

Tôi mường tượng lúc cộng quân tiến vào đường phố Sài Gòn. Những bộ đội cầm súng xông tới! Tất cả sẽ đảo lộn hết! Bộ mặt Sài Gòn sẽ thay đổi!

Sài Gòn rồi sẽ đi về đâu? Bộ mặt hoa lệ của Sài Gòn sẽ biến mất. Chế độ khác sẽ thay thế. Đời sống biết bao người sẽ xáo trộn. Đời sống của chính tôi và gia đình sẽ đảo lộn. Mình sẽ ra sao? Bị giết? Bị bắt? Bị tù đày? Vợ sẽ khóc lóc, kêu gào. Con sẽ sợ sệt, lấm lét, bơ vơ. Tôi rùng mình, tự nhủ "Không thể được! Mình không muốn những cảnh tượng đó xảy ra. Phải tìm đường chạy! Phải làm sao thoát đi trước khi cộng quân tới."

Tôi nghĩ đến những cách thế vượt thoát khỏi Sài Gòn.

Bằng phi cơ dân sự? Không được! Muốn mua được vé máy bay đi nước ngoài, trước hết phải có thông hành. Xin được thông hành ở Việt Nam lúc thường đã là khó. Lúc này còn khó muôn vàn lần. Chính phủ đã ra lệnh cấm thanh niên từ 17 đến 43 không được xuất ngoại. Trong hoàn cảnh này người có tiền muốn hối lộ cũng không dễ kiếm được thông hành để đi. Cửa ngõ ra khỏi phi cảng Tân Sơn Nhứt hầu như đóng chặt.

Đi đường bộ? Con đường này đầy nguy hiểm. Chiến trận ở Kampuchia cũng đang đến hồi kết thúc. Khmer Đỏ chiếm cứ hầu hết miền quê và đang xiết chặt vòng vây ở Nam Vang. Tại Ai Lao, tình hình cũng tương tự với khí thế thắng lợi của Pathet Lào. Những người Việt lo sợ cộng sản, không muốn sống với Việt Cộng, không dại gì mạo hiểm đi qua hai nước này để ra khỏi nước.

Còn đường thủy? Biển đông mông mênh. Tàu vượt đại dương của Việt Nam lại ít ỏi! Chỉ còn thuyền đánh cá. Những thuyền này mỏng manh, nhỏ bé, chỉ có khả năng chạy ven vùng duyên hải.

Không còn cách nào ư?

Nếu tìm được, đi lọt cũng không dễ. Trở ngại chính là những vụ đi đó không được phép mà còn bất hợp pháp. Người đi như tôi nếu bị bắt sẽ bị coi là đào ngũ, đào nhiệm, là hèn nhát, là chủ bại. Nguy hơn nữa là vào tù thì hết đường xoay xở. Khi cộng quân đến, được ra tù thì hết đường chạy!

Đi thoát bằng cách nào? Đây là câu hỏi hóc búa nhất mà tôi không sao tìm ra được giải đáp thỏa đáng. Không nhìn thấy lối thoát, tôi càng băn khoăn và hầu như tuyệt vọng.

Tuyệt vọng mà vẫn hỏi mình: Thoát được rồi đi đâu?

Đi Pháp hay đi Mỹ? Đường xa quá! Đi sao nổi! Làm gì có tiền mà đi!

Đi Thái Lan? Mã Lai? Tân Gia Ba? Hay Hương Cảng? Đường gần hơn, nhưng ngôn ngữ khác biệt. Không có ai quen biết ở đó. Đất đai lại chật hẹp.

Rồi làm gì để sinh sống? Chà! Biết làm gì đây khi còn vợ con sát bên cạnh.

Bằng ấy câu hỏi cứ ám ảnh, luẩn quẩn và chồng chất trong đầu óc tôi. Có lúc chúng như những ngọn lửa hừng hực thiêu đốt lòng tôi. Gió nhẹ mát thường có của buổi tối Sài Gòn vẫn không làm dịu được những nôn nóng trong lòng tôi. Từ buổi sáng tôi cứ giao động và thấp thỏm vì mẩu tin cụt ngắn. Mẩu tin không được giới chức thẩm quyền xác nhận, nên tôi phải sục sạo chỗ này chỗ khác, tìm người này người kia để hỏi han, kiểm chứng.

Sáng hôm đó là ngày thứ bảy 29 tháng 3,1975. Mới sáng ra, trời Sài Gòn đã nóng gắt. Chiếc máy lạnh chạy đều đều ở tòa báo Dân Chủ. Ban biên tập đang cắm cúi làm việc. Hai nhóm người ngồi quanh hai dãy bàn dài Người viết tin. Người dịch tin. Người sửa bài. Họ làm việc trong yên lặng, ít khi trò chuyện. Khi cần bàn thảo tin tức hoặc sửa bài, đặt tựa đề, họ cũng cố gắng vắn tắt, giải quyết vấn đề mau lẹ. Ai nấy đều cố làm xong việc trước 12 giờ trưa, thời hạn chót để đưa bài cho thợ in sắp chữ.

Báo Dân Chủ là cơ quan ngôn luận của đảng Dân Chủ, mà chủ tịch đảng là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Tòa báo nằm trong khuôn viên một biệt thự ở góc đường Hiền Vương và Công Lý. Tôi đảm trách điều hành bộ biên tập của tờ báo.

Đang chăm chú đọc bài, tôi nghe có tiếng nói nhỏ ở bên tai:

"Đà Nẵng mất liên lạc rồi! Mất tối qua."

"Tin đâu vậy?" tôi giật mình, ngưng đọc, hỏi ngay. Tôi quay đầu nhìn người vừa nói. Trung Tá Nguyễn Thế Lộc đang cúi xuống bên cạnh tôi.

"Bạn moa, chánh văn phòng của Nguyễn Bá Cẩn, vừa gọi moa," (Cẩn là chủ tịch Hạ Viện, hơn tuần sau được chỉ định làm thủ tướng) Trung Tá Lộc trả lời, giọng tự tin, đôi mắt mở lớn. Mặc áo sọc ngắn tay, thêm cặp ria mép rậm, Lộc có phong thái một tay công tử phong lưu. Lộc còn là một thể thao gia về môn đánh kiếm. Lộc phụ trách việc phát hành cho báo Dân Chủ.

"Đà Nẵng mất liên lạc!" tôi nhắc lại để mấy bạn ngồi gần nghe được, rồi tiếp: "Chết cha, Trần Quang bị kẹt! Mà lạ nhỉ! Điện tín mới nhận được của hắn báo tin lên phi trường lúc sáu giờ sáng nay để đáp phi cơ về mà!"

"Mất liên lạc" có nghĩa là bặt tin. Nhưng trong giới làm báo từ ngữ quân sự này thường được hiểu là vị trí bị mất, bị thất thủ trước khi được loan báo chính thức.

Phan Thanh Tâm, chủ biên tin quốc nội, và Trần Trọng Thức, trưởng ban phóng viên, ngồi cạnh nhau, đối diện với tôi, ngước mắt nhìn. Chúng tôi mắt nhìn nhau, không nói gì. Vẻ ngỡ ngàng, thất vọng hiện rõ trên nét mặt. Im lặng và tỏ ra không quan tâm lắm là thái độ thường có của quân nhân, công chức sau nhiều lần trải qua những biến động bất thường về chính trị, quân sự của mấy năm trước.

Đối với người làm báo, nếu được làm báo tự do, tin mất Đà Nẵng như thế này tất nhiên phải là tin lớn. Tin này liên hệ đến cả hàng triệu người và ảnh hưởng nặng đến số phận của đất nước, chúng tôi hẳn phải đứng phắt dậy, quay số điện thoại đi các nơi để phối kiểm, phái phóng viên ra ngoài để hỏi thăm tin tức, thu lượm thêm chi tiết, đào sâu những phản ứng của các giới, phân tích tình hình và nhận định thời cuộc. Một ấn bản đặc biệt có thể được phát hành để độc giả biết tin nóng hổi và theo kịp tình hình. Nhưng

tại Việt Nam báo chí vẫn bị kiểm duyệt, và có thể bị tịch thu, bị truy tố khi nhà cầm quyền cho tin được đăng là bất lợi, gây hoang mang trong dân chúng, hoặc làm suy giảm tinh thần chiến đấu của quân dân. Tại tòa soạn Dân Chủ, tờ báo được coi là của chính quyền, việc loan tin mất Đà Nẵng khi các phát ngôn viên chính phủ chưa công khai xác nhận, quả là điều phiêu lưu, dại dột, mở đường cho khiển trách, cách chức hoặc đẩy đi tiền tuyến. Chúng tôi chẳng những không đuổi theo nguồn tin vừa biết, mà còn làm ra vẻ rửng rưng, không quan tâm lắm đến tin đó. Một tin quan trọng, làm nghiêng lệch hẳn thế trận, ảnh hưởng nặng đến cuộc chiến, mà chỉ được coi nhẹ như một tin tai nạn xe cộ nhỏ nhen!

Mọi người lại tiếp tục làm việc. Lúc đó khoảng 9 giờ sáng. Tôi chỉ dặn phóng viên Anh Chương lưu ý xem phát ngôn viên quân sự nói gì về vụ Đà Nẵng trong cuộc họp báo thường lệ mỗi ngày vào lúc 10 giờ sáng sắp tới.

Tôi lật tìm bức điện tín của Trần Quang trong tập tin để bên cạnh, rồi đưa cho mấy bạn coi. Tôi phân vân trong lòng. Sao mất lẹ vậy? Không có tin giao tranh mà mất à? Lạ nhỉ! Tôi không khỏi nghi ngờ, nhưng nghĩ đến những vụ rút quân gần đây, tôi tự bảo mình "cũng có thể lắm!"

Trong mấy ngày qua những tin tức về tình trạng hỗn độn, vô kỷ luật ở thành phố Đà Nẵng, kèm theo những dự đoán bi quan về quân sự cho thấy tình hình tại đó thật đen tối.

Từ hơn hai tuần nay tôi đến sở sớm hơn thường lệ, trước mọi nhân viên của tòa báo. Đến tòa soạn, tôi lấy ngay tập tin của các hãng thông tấn ngoại quốc để đọc vội tin tức về tình hình chiến sự sôi bỏng ở Việt Nam. Những ngày này tin Việt Nam chiếm hàng đầu trong những bản tin của

bốn hãng thông tấn AP, UPI, Reuters and AFP. Tin của những hãng này được Việt Tấn Xã nhận trực tiếp bằng máy viễn ký rồi bán lại cho các báo Việt Nam đặt mua. Những bản tin ngoại ngữ này trên nguyên tắc có đủ những tin của họ loan đi để báo chí nhanh chóng khai thác làm tin hàng ngày. Trong thực tế, một số tin tức liên hệ đến Việt Nam mà bị chính quyền coi là bất lợi về mặt chính trị và quân sự thường vẫn bị Việt Tấn Xã cắt xén. Dù vậy những bản tin này vẫn cho biết phần nào những chi tiết diễn tiến của tình hình. Hồi đó, theo tôi biết, chỉ có báo Chính Luận và Dân Chủ là mua đủ cả bốn hãng tin ngoại quốc. Các báo Việt không mua những tin này thường chỉ dùng tin đã được dịch ra Việt ngữ của Việt Tấn Xã nên tin thường chậm hơn.

Buổi sáng lúc đọc lướt tập tin viễn ký ngoại ngữ, tôi ngạc nhiên thấy xen lẫn mấy giòng chữ bằng tiếng Việt. Tôi tò mò đọc, vừa ngạc nhiên vừa thích thú thấy đó là tin điện của Trần Quang gửi về báo tin lên phi trường. Quang chuyển tin bằng máy viễn ấn của văn phòng Việt Tấn Xã ở Đà Nẵng, nên tin này nằm trong những tin nhận được bằng máy ở Sài Gòn của Việt Tấn Xã.

Tôi còn ngạc nhiên hơn khi thấy sau trang có điện tín của Trần Quang, còn một bức điện khác viết: "Hai ngày trước tình hình tuyệt vọng. Tôi không hiểu sao ở Sài Gòn ông Thiệu lại lạc quan như vậy. Đừng nghe những gì ông Thiệu nói." Tôi cố đọc tên người gửi trong bản tin điện, mà không đọc nổi. Chữ đánh máy lộn xộn như kiểu đánh trật. Tôi nghĩ bụng "Cha nào to gan thật!" Việc một phóng viên nhà nước thổ lộ nỗi bất bình, thất vọng trên

điện tín đối với vị nguyên thủ quốc gia trong một chế độ không cởi mở quả là điều hiếm có.

Trần Quang là một phóng viên cốt cán của tòa báo. Quang, 26 tuổi, người nhỏ bé, độc thân, thích sục sạo tin tức, ưa xông xáo ra ngoài làm phóng sự. Là thiếu úy được biệt phái về làm cho báo Dân Chủ, Quang quê quán ở Huế, nơi hai cụ thân sinh Quang cư ngụ. Khi tình hình Huế nguy kịch, Quang mất liên lạc với gia đình. Quang xin đi Đà Nẵng, một phần để tường trình tình hình sôi động ở trong vùng, phần khác để có dịp tìm kiếm gia đình mà Quang nghĩ đã rời Huế đi Đà Nẵng. Tôi không muốn Quang đi, vì thấy tình hình nhiều bất trắc. Quang có thể bị kẹt như mấy vụ rút quân gần đây đã xảy ra bất ngờ và vội vã. Việc tìm người trong hoàn cảnh tỵ nạn hỗn độn cũng thật khó khăn.

"Tình hình có vẻ nguy hiểm. Ra đấy nhỡ có gì, làm sao về được?" tôi hỏi Quang.

"Anh cứ cho Quang đi. Có gì Quang xin chịu hết. Quang sẽ gửi bài về tòa soạn, còn được dịp tìm người nhà. Gia đình mất liên lạc, Quang ở đây cũng không còn bụng dạ nào làm việc được," Quang năn nỉ.

Tôi bàn với mấy anh em khác, rồi miễn cưỡng để Quang đi. Trước khi Quang lên đường, tôi dặn Quang cẩn thận, theo dõi tình hình và liệu ngày về lại Sài Gòn.

"Đây là giấy giới thiệu với Đại Tá Tường để phòng hờ. Có gì khó khăn, thì chạy đến xin ông giúp cho," tôi đưa cho Quang thư gửi Đại Tá Đào Trọng Tường, thị trưởng Đà Nẵng. Đại Tá Tường cùng làm việc với tôi ở Phủ Tổng Thống trước khi ông ra nhận chức ở Đà Nẵng cách đó hai năm.

Nay Đà Nẵng mất, Quang bị kẹt, hẳn sẽ bị bắt. Tôi thấy áy náy, tự trách thầm sao lại cả nể để Quang đi.

Từ lúc nghe tin Đà Nẵng mất liên lạc, tôi nóng lòng muốn biết thêm chi tiết. Buổi họp báo sáng hôm đó, phát ngôn viên quân sự không nói gì đến vụ Đà Nẵng. Tôi cũng không dùng điện thoại để hỏi những nguồn tin quen biết trong chính quyền. Họ có biết cũng ngần ngại ít dám nói.

Tôi ghé qua phòng Lộc để nói chuyện. Duyệt lại tình hình, tôi nói với Lộc: "Mất Đà Nẵng thì nguy quá. Thế là mình mất hai quân đoàn. Đà Nẵng lại là căn cứ lớn. Cả trăm ngàn quân của Quân Khu I. Năm 1954 Pháp thua trận Điện Biên Phủ, mất hơn mười ngàn quân, thì hiệp định Genève ra đời. Nay mình mất cả trăm ngàn quân..." Lộc gật đầu, không nói gì.

Về nhà ăn cơm trưa xong, tôi ra trường Quốc Gia Hành Chánh vì sinh viên có buổi họp lúc hai giờ để bàn việc phân phối đồ cứu trợ cho đồng bào tỵ nạn ở Đà Nẵng. Vừa gặp tôi, Nguyễn Văn Nghĩa, nét mặt buồn rười rượi, than:

"Đà Nẵng mất rồi! Chết tôi, anh Hoàng ơi! Thân nhân tôi ở hết ngoài đó."

"Anh cũng nghe tin Đà Nẵng? Gia đình anh ở ngoài đó?" tôi vừa gật đầu vừa hỏi anh.

"Tôi có người quen cho biết. Họ hàng tôi ở cả đó," Nghĩa trả lời, mặt anh dài thượt trên thân người mảnh khảnh, cao kều. Nghĩa là bạn học cùng lớp với tôi ở Cao Học Ngoại Giao khóa 10. Tôi ngạc nhiên thấy sinh viên ở đây đã biết tin Đà Nẵng. Vài sinh viên băn khoăn không biết sẽ gửi đồ cứu trợ đi đâu.

Trong buổi họp báo ban chiều, phát ngôn viên quân sự loan báo vắn tắt là đêm trước cộng quân pháo kích vào Đà Nẵng 70 trái, và có đặc công Việt Cộng xâm nhập thành phố.

Tôi hỏi thăm một đại tá thân nhân về tin Đà Nẵng thì được bảo "ông Trưởng và bộ tham mưu đã rút qua bãi biển Mỹ Khê."

Gần tối, Phan Thanh Tâm ngồi bên Việt Tấn Xã điện thoại báo tin cho tôi biết phóng viên của Việt Tấn Xã kẹt lại Đà Nẵng gửi tin điện chót vào cho hay Việt Cộng đã chiếm Đà Nẵng.

Sài Gòn đã vào giờ giới nghiêm. Đường phố vắng lặng, bắt đầu ngủ dưới ánh đèn vàng vọt.

Tôi tần ngần nghĩ đến Sài Gòn với nhiều quyến luyến, ràng buộc và kỷ niệm.

Sài Gòn là nơi tôi chọn lựa để sinh sống. Tôi bén rễ ở thành phố này đã được 19 năm, thân đã vươn cao, cành lá xum xuê, trổ hoa kết trái. Thành phố này là nơi tôi trưởng thành, học hành, xây dựng nghề nghiệp, tạo lập mái ấm gia đình, nuôi dưỡng con cái.

Tôi đã sống gần nửa cuộc đời 40 tuổi ở đất Sài Gòn, ở lâu hơn bất cứ một nơi nào khác trên phần đất Việt Nam. Hơn cả quê quán của tôi. Hơn cả những năm tản cư trong kỳ chiến tranh.

Sài Gòn là nơi tôi có nhiều bạn bè. Từ trung học, đại học, đến sở làm.

Sài Gòn là nơi trong lúc sống độc thân tôi la cà đến một số hàng ăn, quán nhậu, từ những tiệm phở đường Hiền Vương, những tiệm cơm bình dân khu Chợ Cũ, khu mì Ngã

Sáu, cho tới hiệu cơm tây ở Dakao, quán Tám Lọ, Bảy Hổ.

Sài Gòn là nơi tôi đã làm việc cho mấy sở trong gần 19 năm qua.

Vài địa điểm của Sài Gòn đã thành những bia mốc nổi bật trên những chặng đường tôi đã đi qua của cuộc đời

Đường Phan Đình Phùng cho tôi nhiều kỷ niệm nhất. Sân vận động thanh niên ở số 75 Phan Đình Phùng là nơi tôi trú ngụ đầu tiên trong những ngày đầu bơ vơ mới đặt chân xuống đất Sài thành. Hồi đó đường này còn mang tên Richaud. Tôi di cư vào nam cùng với Vũ Ngọc Cảnh, bạn học cùng lớp. Hai chúng tôi xuống tới sân bay Tân Sơn Nhứt đã được Lê Văn Tuấn, một bạn học khác, chờ đón sẵn. Tuấn đã vào nam trước đó mấy tuần, và đang làm trong đoàn thanh niên tình nguyện giúp đồng bào di cư. Anh bảo chúng tôi về ở chung một chỗ. Lần đầu ngồi trên chiếc xích lô máy do anh thuê hộ, tôi nhìn ngắm đường phố Sài Gòn, thích thú với tốc độ bạt gió bên tiếng máy xe nổ bành bạch át cả tai. Tôi gia nhập ngay đoàn thanh niên tình nguyện. Trường học đóng cửa, tôi ngày ngày lên phi trường đón tiếp đoàn người từ Hà Nội di cư vào. Chúng tôi ở trong dãy nhà thuộc sân vận động thanh niên. Ở chừng một vài tháng, chúng tôi dọn ra ở hai chiếc lều dựng trên bãi đất trống cạnh sân vận động. Đoàn thanh niên sống trong điều kiện đơn giản, mà làm việc hăng say đến nổi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm biết đến và ghé thăm. Những ngày tiếp cư bận rộn và vui nhộn của đoàn làm tôi nhiều lúc quên mình cũng là người di cư.

Trên đường Phan Đình Phùng còn vài địa điểm khác mà tôi thường xuyên lui tới một thời gian. Đài phát thanh Sài

Gòn nằm phía đầu đường là nơi tôi khởi đầu nghề làm báo lúc tôi 20 tuổi. Ban biên tập tin tức hồi đó hầu hết là sinh viên. Trưởng phòng là một sinh viên trường Luật, 22 tuổi, sau này là tiến sĩ kinh tế Phạm Văn Thuyết. Giờ làm việc với thời biểu khác hẳn giờ công sở là cơ hội quý hóa giúp tôi có phương tiện tiếp tục bậc đại học. Nhiều ngày sau khi viết xong bản tin bảy giờ sáng, tôi và vài đồng nghiệp hay đứng tựa cửa sổ nhìn những tà áo trắng ríu rít chuyện trò đi trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm tới trường Trưng Vương.

Nằm ngay hông đường Phan Đình Phùng là trường Luật, nơi tôi vội vã phóng xe đến sau giờ làm việc. Và Nha Báo Chí Bộ Thông Tin, chỗ tôi làm việc hơn năm năm trong thời gian nhập ngũ, nằm khúc đường kế cạnh sân vận động thanh niên. Vì đi lại nhiều năm trên đường Phan Đình Phùng, tôi gần như thuộc từng ngã tư của con đường. Mỗi khi có việc đi về hướng Dakao, tôi cũng thích đi trên đường này. Đường Phan Đình Phùng nửa phía trên có nhiều hàng cây cao che bớt nắng cháy của Sài Gòn; còn nửa dưới chạy xuống khu Bàn Cờ, nhà cửa san sát.

Tôi nhớ đến vài nơi khác mà mình cư ngụ. Khu Bàn Cờ đông đúc là nơi tôi cùng mấy bạn học ở được bốn năm. Vào cuối thập niên 1950 Bàn Cờ còn có nhiều ngõ hẻm lồi lõm, lẫn đất và sỏi đá. Khu Đoàn Thị Điểm thanh lịch, ít xe qua lại, ở gần ngã tư trường nữ học Gia Long. Khu ngã năm Bình Hòa, nơi tôi bị kẹt một đêm nằm nghe súng nổ ở Đồng Ông Cộ hồi Tết Mậu Thân. Cư xá kiến thiết Lê Đại Hành trước cửa trường đua Phú Thọ, nơi gia đình nhỏ bé của tôi thành hình và tăng trưởng, trước khi chúng tôi rời lên đường Hai Bà Trưng.

Rồi nhà thờ Đức Bà, chỗ vợ chồng tôi làm lễ cưới năm 1969 lúc tôi đã ngoài 34 tuổi. Viện Hóa Đạo, chùa Ấn Quang là những nơi tôi đi lại nhiều lần với các đồng nghiệp báo chí trong những lần có các cuộc tụ họp, biểu tình.

Mấy con đường khác cũng in sâu hình ảnh trong trí tôi, khó lòng quên được. Đường Tự Do sang trọng với những tiệm Givral, Brodard, Pagode, nơi quy tụ trai thanh gái lịch sau những buổi dắt tay nhau bát phố. Đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi có mấy cửa hàng trưng bày những sản phẩm mới nhất trên thị trường. Rồi chợ Bến Thành tấp nập người mua bán.

Nhớ lại Sài Gòn đã qua, tôi cũng tưởng tượng tới Sài Gòn mai kia. Liệu Sài Gòn có còn giữ được vẻ yêu kiều, diễm lệ với phố phường sung túc, vui tươi, có trai gái dập dìu tản bộ? Hay Sài Gòn sẽ biến đổi thành khắc khổ, lam lũ, tất tả ngược xuôi, như gái Hà Nội hồi đi tản cư ở miền Bắc thời chiến tranh Việt Pháp.

Tôi nghĩ đến Sài Gòn, lòng đầy nôn nao, lo lắng.

Sài Gòn bề ngoài có vẻ bình thản hồn nhiên như một trẻ thơ vui đùa, chưa biết có nguy hiểm đang kề sát bên. Sài Gòn như cô bé quàng khăn đỏ vẫn tung tăng, nhí nhảnh, chưa biết lang sói đang rình rập sắp vồ mình.

Nguy cơ đã gần kề. Lần này nguy thật, đe dọa thật sự! Chứ không phải chỉ bi quan!

Tôi tự nhủ "Mình lại phải chạy? Mà chạy sao đây? Chạy đi đâu?"

Tôi nhớ lại hai cuộc di cư chính trong đời tôi. Lần thứ nhất tôi rời Hà Nội khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ năm 1946. Tôi lúc đó mới 11 tuổi, bơ vơ một mình đi trong

đêm tối giữa những tiếng súng nổ liên hồi ở khu kế cận. Lần thứ hai tôi di cư từ Bắc vào Nam sau khi hiệp định Genève chia Việt Nam thành hai miền với hai chế độ đối địch nhau. Lúc đi Nam, tôi đã là một thanh niên, lên đường có phần nào háo hức trước một cuộc phiêu lưu mới. Cả hai lần, dù có những phập phồng, sợ hãi trong chốc lát, nhưng tôi không bị những âu lo dằn vặt.

Tình trạng năm 1975 khác hẳn. Tôi không còn một thân một mình để có thể dễ dàng xoay sở khi đến một chân trời mới. Tôi đã có vợ và ba con. Vợ tôi trẻ tuổi, chưa sống trong xáo trộn. Ba con còn nhỏ dại. Đứa lớn mới bốn tuổi, đứa nhỏ mới chín tháng. Tìm lối thoát cho một người đã là khó. Cho một gia đình còn khó hơn. Lại cả đại gia đình xấp xỉ hai chục người!

Tôi đoán vợ tôi sẽ hốt hoảng, sợ sệt và lo lắng khi biết rõ tình hình. Tôi không muốn vợ quá ưu phiền khi mình chưa tìm thấy con đường để đi. Nhưng tôi cũng muốn vợ biết sơ qua tình thế để chuẩn bị tinh thần và để đối phó với tương lai.

Tôi định bụng vào thông báo vắn tắt trước cho hai người trong nhà: vợ tôi và bố vợ. Bố mẹ vợ ở chung nhà với chúng tôi. Việc bàn thảo và hỗ trợ tinh thần nhờ vậy sẽ dễ dàng hơn.

Tôi bước vào trong nhà. Vợ tôi đang chơi với mấy con nhỏ.

"Em qua phòng ông, để mình bàn với ông chút việc," tôi khẽ bảo.

"Truyện gì thế?" vợ tôi hỏi.

"Em cứ qua đã," tôi vừa nói vừa kéo vợ đi, trước những cặp mắt nai tơ của ba con.

Đến gặp bố vợ, tôi lên tiếng đủ để hai người nghe: "Đà Nẵng mất rồi, bố ạ!"

"Chết! Mất rồi à?" vợ tôi hỏi ngay. "Thế những người chạy Việt Cộng về đó thì sao? Tội nghiệp họ quá!"

Tôi không biết trả lời sao, quay sang bố vợ, nói tiếp: "Mất liên lạc từ tối qua. Con đã hỏi vài nơi. Chưa có chính thức xác nhận, nhưng chắc đúng."

"Tệ quá nhỉ! Đà Nẵng lộn xộn từ mấy ngày nay mà," bố vợ tôi chêm vào.

"Tình hình nguy lắm, thưa bố," tôi tiếp lời. Tôi lặp lại câu nói với Lộc buổi sáng "Xưa Pháp chỉ mất hơn mười ngàn quân ở Điện Biên Phủ, rồi hiệp định Genève ra đời. Nay mình mất cả trăm ngàn quân, gấp mấy lần Điện Biên Phủ! Tình trạng có thể còn tệ hơn Điện Biên Phủ! Sợ giống như hồi Tưởng Giới Thạch ở Hoa Lục! Mình cũng phải lo tính đi là vừa, bố ạ."

2

"Sét Giáng"

Ban Mê Thuột vào chập tối hôm 9 tháng 3, 1975 vẫn là địa đàng đối với cuộc sống cặp kè cạnh tử thần của Thiếu Uý Thám Báo Nguyễn Công Phúc. Ở đây Phúc có người tình say đắm ngóng chờ. Ở đây Phúc được thưởng thức hương vị thơm nóng của ly cà phê, ngồi phà nhẹ làn khói thuốc, ru lòng nghe tiếng hát ngọt ngào của những ca sĩ qua loa âm thanh nổi. Đó là những thứ Phúc thèm nhớ nhất trong những ngày lẩn lủi ở rừng sâu giữa lòng địch.

Trẻ tuổi, quả cảm, ưa thích văn nghệ, Phúc vừa trở lại Ban Mê Thuột lúc chiều. Mười ngày qua Phúc cùng đại đội thám báo được phái đến Bandon, một địa điểm heo hút cách Ban Mê Thuột chừng 40 cây số về phía tây bắc gần sát biên giới Kampuchia. Bandon trước kia là một căn cứ của Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu được Biệt Kích Mỹ huấn luyện, rồi sau được chuyển sang thành Biệt Động Quân Biên Phòng. Căn cứ nằm trấn ngang hành lang

đường mòn Hồ Chí Minh của quân Bắc Việt xâm nhập vào nam.

Thám báo được coi là những binh sĩ thuộc loại ưu tú nhất, thiện chiến nhất và gan dạ nhất. Thiếu Uy Phúc là trung đội trưởng thuộc đại đội thám báo của Trung Đoàn 45, Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Hậu cứ của sư đoàn đặt tại Ban Mê Thuột.

Trong những đêm rải quân ra ngoài nằm giữa núi rừng vắng lặng, Phúc và đồng đội nghe thấy tiếng xe di chuyển, hoặc tiếng đốn cây sửa đường của cộng quân. Không phải chỉ gần đây cộng quân mới ồ ạt và gần như công khai di chuyển người và vũ khí trên đường mòn Hồ Chí Minh. Từ hơn một năm trước, Phúc và những toán thám báo đã khám phá nhịp độ gia tăng và xâm nhập rầm rộ của cộng quân.

"Mình báo cáo hoài mà chẳng thấy cấp trên làm gì cả. Có lần thượng cấp còn bảo 'báo cáo nhiều quá rồi, khỏi cần báo cáo nữa,'" Thiếu Uý Phúc kể lại những ngày lặn lội nguy hiểm ở hậu cứ địch để trinh sát. "Thế mà họ vẫn thảy mình vào chỗ chết như chơi. Nhảy vào sau tuyến địch. Ở giữa vùng địch, nếu bị lộ, khó chạy thoát. Chỉ có chết hoặc bị bắt. Chết thì còn đỡ. Bị bắt mới khổ. Nó tra tấn hành hạ. Mình là tai, là mắt của quân đội, nó có thể móc mắt, xẻo tai để trả thù. Trước kia đi công tác xong, có trực thăng đến đón về. Sau này trực thăng ít, có lần phải lội bộ mà về. Chỉ mới hơn tháng trước ngày Tết, tụi này mất sáu toán trinh sát ở gần Thuần Mẫn, một quận lỵ nằm trên đường 14 nối liền Ban Mê Thuột với Pleiku.

"Không có những vụ đi nhảy vào hậu cứ địch, thì lại đi tăng phái. Cứ chỗ nào gay cấn, khó khăn, đánh nhau dữ, thì họ lại đưa mình tới để tăng phái cho đơn vị khác. Tăng phái là đi làm rể với họ, mở đường cho họ đi hành quân. Mình đi đầu lãnh đủ."

Đang ở Bandon, Phúc và đồng đội được lệnh đi tăng phái cho Đức Lập, một quận nằm về phía tây nam Ban Mê Thuột. Chưa kịp đến thì nghe tin Đức Lập mất, Phúc và đại đội được lệnh về Ban Mê Thuột. Nhưng đường bộ đi Ban Mê Thuột cũng đã bị cắt đứt, xe không đến được để chở đại đội. Một trực thăng Chinook được phái tới và phải bay hai chuyến mới chở hết đại đội có 70 người.

Đến Ban Mê Thuột, đại đội được cử tăng phái cho Trung Đoàn 53 đóng gần phi trường Phụng Dực. Vì đến bất ngờ, và vì doanh trại của trung đoàn không đủ chỗ, đại đội thám báo được chỉ định ra đóng quân ở địa điểm sát phi trường.

Đi rừng nhiều ngày về, lại không được thông báo về tình hình, binh sĩ thám báo như chim được xổ lồng, bay nhảy ra ngoài. Một số binh sĩ muốn về thăm thân nhân. Đại đội trưởng cùng Phúc và mấy sĩ quan khác lên xe jeep vào thành phố. Chỉ còn đại đội phó và một số lính khác ở lại địa điểm đóng quân.

Phúc muốn ghé lại thăm người tình ở thành phố. Biết ý, đại đội trưởng bảo: "Mày cứ ở đây, Có gì tao cho xe lại bốc." Phúc cũng không muốn để các bạn lẻ loi lâu, nên hẹn sẽ gặp các bạn ở quán cà phê đường Hai Bà Trưng.

Thành phố Ban Mê Thuột tối chủ nhật 9/3/1975 vẫn sinh hoạt như thường lệ. Tiệm ăn, quán nước, phòng trà, rạp chiếu bóng vẫn mở cửa.

Ban Mê Thuột là thành phố lớn của vùng cao nguyên với dân số chừng 150,000 người, trong đó có nhiều người

Thượng. Thành phố đất đỏ này còn nổi tiếng về cà phê, và là nơi trước kia quốc trưởng Bảo Đại thường đến nghỉ ngơi và săn bắn. Với vị thế chính trị và kinh tế đó, Ban Mê Thuột còn là bản doanh của Sư Đoàn 23.

Trong kỳ tổng công kích Tết Mậu Thân 1968, cộng quân đã tấn công vào thành phố,và giao tranh ác liệt đã xảy ra trong ba ngày.

Từ đầu năm 1975 Ban Mê Thuột đã mấy lần được báo động là cộng quân có thể tấn công. "Tin nói Việt Cộng sẽ tấn công đã xảy ra nhiều lần," Nguyễn Ngọc Vỵ, phó tỉnh trưởng Darlac mà tỉnh lỵ là Ban Mê Thuột, nhớ lại tình hình hồi đó. "Trước Tết đã có tin nói Việt Cộng sẽ đánh Ban Mê Thuột, nên quân dân đều chuẩn bị. Một số người đã tản cư đi, không ăn Tết. Sau không thấy gì, họ trở về. Đến khi lại có tin Việt Cộng sẽ tấn công, tâm lý mọi người là nửa tin, nửa nghi. Ngày 8 tháng 3, đại tá tỉnh trưởng họp, cho biết tình hình nghiêm trọng, cộng sản sẽ tấn công nhưng không biết ngày nào."

Ban Mê Thuột vào tối ngày 9/3 như con nai còn thản nhiên nhấm búp non trên cành cây. Nghe tiếng động xột xoạt ở gần, nai không biết có cọp dữ núp sau lùm cây sắp sửa nhảy ra vồ.

Từ một địa điểm trong rừng sâu cách Ban Mê Thuột mấy chục cây số, Văn Tiến Dũng và bộ tham mưu đang nóng lòng ngồi chờ "giờ giao thừa," (1) giờ nổ súng tiến đánh Ban Mê Thuột. Dũng là tổng tham mưu quân đội Bắc Việt được cử vào miền nam trước đó hơn một tháng để trực tiếp

chỉ huy trận đánh Ban Mê Thuột, mở màn cuộc tấn công vùng cao nguyên trung phần.

Cuộc tấn công đã được quyết định dứt khoát vào ngày 9/1/1975 tại Hà Nội. Ý kiến đánh Ban Mê Thuột do tướng Trần Văn Trà đề xướng, thúc đẩy và vận động, trong khi Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt dè dặt chưa muốn (2). Trà là tư lệnh chiến trường B2 bao gồm Nam Bộ và một phần của vùng II. Trước đó Bộ Chính Trị Bắc Việt trong một phiên họp 20 ngày từ 18/12/1974 tới 8/1/1975 đã chấp thuận kế hoạch chiến lược trong hai năm 1975-76, theo đó năm 1975 cộng quân mở cuộc tấn công lớn và rộng khắp miền nam để tạo điều kiện mở cuộc tổng công kích vào năm 1976.(3) Sau khi phiên họp Bộ Chính Trị bế mạc, ban Thường Trực Quân Ủy Trung Ương họp bàn việc thi hành quyết nghị. Trà được sự tán đồng của Lê Đức Thọ, nhân vật quyền thế thứ hai sau Lê Duẫn. Khi Quân Ủy đang họp, Thọ tới dự, bảo "Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Ban Mê Thuột. Ta có gần năm sư đoàn ở Tây Nguyên mà không đánh được là thế nào?" (4)

Hà Nội chọn Tây Nguyên làm chiến trường chủ yếu, và Ban Mê Thuột làm điểm tấn công vì cho rằng chiếm được Ban Mê Thuột sẽ "tạo ra một thế trận hiểm và cơ động có thể làm thay đổi nhanh cục diện chiến trường" và "dẫn đến việc giải phóng miền Nam." (5)

Ban Mê Thuột là trung tâm chính trị, kinh tế và có vị trí chiến lược xung yếu ở vùng cao nguyên. Võ Nguyên Giáp, một chiến lược gia của Hà Nội đã từng nói chiếm được cao nguyên là kiểm soát được Đông Dương. Giáp ranh với Miên, Lào ở phía tây, vùng cao nguyên nối liền với duyên hải bằng quốc lộ 19 từ Pleiku đi Qui Nhơn, và

quốc lộ 21 từ Ban Mê Thuột đi Ninh Hòa. Quốc lộ 14 bắt đầu từ tỉnh Quảng Nam chạy xuyên cao nguyên qua những tỉnh Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột xuống tới An Lộc và Tây Ninh. Vì vậy kiểm soát được Ban Mê Thuột là kiểm soát được những con đường ở phía tây đi xuống vùng Sài Gòn. Đã hai lần vào năm 1965 và năm 1972 cộng quân đã tấn công mạnh ở cao nguyên, mưu toan tiến xuống duyên hải cắt Nam Việt Nam làm đôi.

Vùng này đất rộng, người thưa, nhiều rừng núi và cộng quân đã dùng làm hành lang xâm nhập người và chiến cụ từ bắc vào nam. Để ngăn chặn những xâm nhập của cộng quân, Mỹ Việt đã cho thiết lập nhiều căn cứ dọc theo biên giới. Những đoàn Dân Sự Chiến Đấu, trong đó hầu hết là người Thượng, đã được CIA và Biệt Kích Mỹ huấn luyện từ năm 1961. Vùng cao nguyên từng là nơi xảy ra nhiều cuộc giao tranh khốc liệt giữa cộng quân và các lực lượng Việt Mỹ như trận đánh ở Ia Drang năm 1965 giữa bộ đội Bắc Việt và sư đoàn 1 Không Kỵ của Mỹ mới tới Việt Nam. Trong trận này Mỹ bị 305 người chết, cùng với hàng ngàn cộng quân (6). Trận đánh dữ dội khác ở Dak To năm 1967 cũng gây tổn thất nặng nề cho cả hai bên: 287 người Mỹ chết, 985 bị thương, cùng với 347 binh sĩ Nam Việt Nam thiệt mạng; phía cộng quân 1.200 chết. (7)

Vùng cao nguyên vẫn thường được dự đoán là nơi cộng quân nhắm vào mỗi khi mở cuộc tấn công lớn, nhưng đoán biết được điểm mà địch sẽ tấn công là điều không dễ.

Để thực hiện kế hoạch tấn công Ban Mê Thuột, bộ tham mưu Hà Nội chọn phương châm "mạnh bạo, bí mật, bất ngờ và nghi binh rất nhiều." (8)

Trong việc chuẩn bị đánh Ban Mê Thuột, cộng quân huy động tới năm sư đoàn và 15 trung đoàn thiết giáp, pháo binh, phòng không và công binh, với tổng số binh sĩ từ 75.000 đến 80.000.(9) Một phần lực lượng này được bố trí để bao vây, chia cắt và cô lập Ban Mê Thuột với các tỉnh lân cận và đồng bằng thuộc Quân Khu II, đồng thời chặn đánh quân tiếp viện đến giải tỏa cho Ban Mê Thuột. Quốc lộ 19 và quốc lộ 21 vì vậy bị cộng quân cắt đứt từ mấy ngày trước khi Ban Mê Thuột bị đánh.

Lực lượng quốc gia phòng thủ ở Ban Mê Thuột chỉ có Trung đoàn 53 thuộc sư đoàn 23, một liên đoàn Biệt Động Quân cùng những đơn vị cơ hữu của hậu cứ, và Địa Phương Quân, Nghĩa Quân.(10) Hai trung đoàn 44, 45 của sư đoàn được đưa đi tăng cường ở vùng Pleiku. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23, do Chuẩn Tướng Lê Trung Tường, chỉ huy cũng đã di chuyển lên đóng ở Hàm Rồng gần Pleiku. Tại Ban Mê Thuột chỉ còn bộ chỉ huy nhẹ của sư đoàn và do Đại Tá Vũ Thế Quang, tư lệnh phó sư đoàn, điều hành.

Cộng quân như vậy chiếm ưu thế cả về bộ binh, thiết giáp và trọng pháo trong trận đánh Ban Mê Thuột. Theo Văn Tiến Dũng, bộ binh cộng quân gấp năm lần rưỡi ; xe tăng và xe bọc thép gấp 1,2; pháo lớn gấp 2,1 (11)

Để bảo toàn bí mật, để trận đánh khởi tiến bất ngờ, cộng quân tìm cách dấu kín lực lượng, bố trí kín đáo các đơn vị và tạo thế nghi binh, làm quân lực Việt Nam Cộng Hòa ước tính sai lầm hướng tấn công của đối phương. Làm như nhắm đánh vào Kontum và Pleiku, Văn Tiến Dũng cho gia tăng những cuộc quấy rối, pháo kích vào hai vùng đó, đánh chiếm đoạn đường trên quốc lộ 19 đi Qui Nhơn, và

huy động dân đi làm đường, sửa đường ở vùng họ chiếm đóng. Dũng ra lệnh "đánh một la mười." (12)

Trong lúc khoa trương khí thế ở phía bắc, cộng quân âm thầm di chuyển quân xuống phía nam. Tình báo Mỹ cũng bị cộng quân đánh lừa. Sư đoàn 320 của Bắc Việt kéo quân xuống vùng Ban Mê Thuột, nhưng vẫn để bộ tư lệnh giả ở vùng Đức Cơ gần Kontum và tiếp tục gửi các tín hiệu vô tuyến đi, làm ban kiểm báo của Mỹ và Việt đều tin là sư đoàn đó vẫn ở mạn bắc. (13)

Dũng có ý tập trung ba sư đoàn ở phía nam để bất ngờ đánh như "sét giáng" (14) vào Ban Mê Thuột..

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh Quân Khu 2, vẫn tin rằng mặt trận Kontum, Pleiku là mục tiêu chính của cộng quân. Khi cộng quân tấn công và pháo kích vùng Pleiku mấy ngày trước khi tấn công Ban Mê Thuột, Phú còn điều động trung đoàn 45 lên tăng viện cho Pleiku. Tướng Phú định xuống Ban Mê Thuột để xem xét tình hình hôm 8/3, nhưng sau lại hoãn chuyến đi. Cùng ngày đó, cộng quân cô lập hẳn Ban Mê Thuột bằng cách cắt đứt nốt đường 14, đánh chiếm Thuần Mẫn ở phía bắc, Đức Lập và Dak Song ở phía nam. Chiều ngày 9/3 Tướng Phú mới đáp trực thăng xuống Ban Mê Thuột để họp bàn tình hình. Lúc ông rời đấy, thành phố đang là con mồi làm đích cho những đoàn cộng quân sắp sửa xuất phát,

Khoảng 10 giờ tối Phúc cùng mấy sĩ quan còn ngồi ở quán cà phê nghe nhạc. Ngoài đường xe quân cảnh chạy qua khu thị tứ của Ban Mê Thuột để tìm kiếm quân nhân còn lai vãng ngoài doanh trại. Thấy mấy sĩ quan còn ở quán, quân cảnh đến chào và thông báo Ban Mê Thuột đã có lệnh báo động đỏ, các binh sĩ phải trở về ngay đơn vị,

và cộng quân có thể nổ súng bất cứ lúc nào. Phúc cùng đồng bạn vội nhảy lên xe jeep, phóng ngay về Phụng Dực.

Phúc và đồng đội nhận lệnh bố phòng và phân chia vị trí phòng thủ. Phúc đốc thúc binh sĩ đào hố cá nhân. Đất cứng, trời lại tối, việc đào hố thật vất vả, lại phải làm gấp rút.

Đi kiểm soát và thanh sát ngoại vi phòng thủ, Phúc bắt gặp đường giây điện thoại dã chiến giăng mắc ở vài nơi. "Cộng quân như vậy đã ở xung quanh mình, có lẽ chỉ cách vài trăm thước. Chúng có thể thấy mình mà không nổ súng vì chưa có lệnh. Lúc ấy vào khoảng nửa đêm," Phúc kể lại.

Đúng hai giờ sáng ngày 10/3 cộng quân khai hỏa. Cuộc tấn công Ban Mê Thuột khởi đầu bằng những cuộc pháo kích "bão lửa," đồng thời xe tăng, đại bác, cao xạ, bộ binh xuất quân trong lúc những đội đặc công xâm nhập thành phố. Chiến xa địch ở cách Ban Mê Thuột 40 cây số lên đường, dùng phà vượt sông, tiến về Ban Mê Thuột. (15) Mấy mục tiêu chính lúc đầu là sân bay quân sự L19 ở trong thị xã, kho đạn Mai Hắc Đế, tiểu khu Darlac, tòa hành chánh tỉnh, bộ tư lệnh sư đoàn 23, và hậu cứ của trung đoàn 53 sát phi trường Phụng Dực.

Tại phi trường L19 một trực thăng bay lên bị bắn rớt. Các máy bay khác bị tiêu hủy. Tại kho đạn đại úy chỉ huy bị nội công bắn chết khi vừa ở trong phòng bước ra.

Lúc Việt Cộng bắt đầu pháo kích, Vy đang ở tòa hành chánh tỉnh. Tòa tỉnh sau cũng bị pháo,Vy liền đưa gia đình, gồm vợ và sáu con nhỏ từ 2 đến 11 tuổi, ra khỏi tòa hành chánh, đến ở nhà một người dân ngoài phố, rồi quay

trở lại tòa tỉnh. Sau đợt pháo, từ bốn giờ trở đi, Vỵ nghe có tiếng súng nhỏ ở mấy nơi xa xa. Vỵ ra thăm lại gia đình. Dọc đường Vỵ gặp mấy người Thượng chạy vào cho biết Việt Cộng đã kéo về đầy buôn của họ. Vỵ dặn gia đình nếu có bề gì thì trà trộn lẫn vào trong đám đông đồng bào.

Khoảng gần 7 giờ Vỵ chạy sang tiểu khu. Một trái đạn pháo của địch nổ cách Vỵ có mấy thước. Chiếc xe bị lật. Vỵ bị tung khỏi xe, lăn xuống đường. Lính đưa Vỵ vào trong tiểu khu và Vỵ liên lạc được với Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng.

Đến khoảng 9 giờ, tiểu khu cháy gần hết vì bị pháo, trừ khu truyền tin. Đại Tá Luật cùng Vỵ chạy sang bản doanh sư đoàn. Vừa ló ra khỏi tiểu khu,"thấy Việt Cộng đông như vịt," Vỵ phải chạy trở lại tiểu khu và tòa hành chánh. Vỵ và một thiếu tá dùng súng bắn nhau với Việt Cộng. Mới bắn nhau mấy phút, một trái đạn pháo kích nổ cách chỗ hai người chừng năm sáu thước, Hai người thấy tình hình nguy hiểm, tìm lối rời bộ chỉ huy tiểu khu. Tiểu khu lúc ấy không còn mấy ai. Hai người đến được bộ tư lệnh sư đoàn, lính canh không chịu mở cổng. Đại Tá Luật cũng tới nơi, phải xưng danh, sau đấy Đại Tá Vũ Thế Quang, tư lệnh phó sư đoàn phải ra nhận diện rồi cho lệnh, lính mới mở cửa." Vỵ vào được bộ tư lệnh khoảng 11 giờ rưỡi,

Bộ tư lệnh sư đoàn đến lúc này vẫn chưa bị tấn công và vẫn tiếp tục liên lạc với sư đoàn, quân đoàn và không đoàn ở Nha Trang. Qua máy truyền tin, Thiếu Tá Hy, trưởng phòng 3, còn báo cáo đã diệt được 12, 13 xe tăng của địch. Bộ tư lệnh cho rằng sớm muộn cộng quân sẽ cho xe tăng đến tấn công, nên đã bố trí sẵn bốn khẩu súng bắn

chiến xa 57 ly ở cổng chính và đặt chiến xa ở vòng ngoài. Ban Mê Thuột cũng xin không quân đến oanh kích những địa điểm tập trung của cộng quân, và yểm trợ bộ binh để đánh lui các cuộc tấn công của địch.

Đêm đó, tình hình lắng đọng, "một thứ yên lặng ghê sợ," theo lời Phó Tỉnh Vỵ. Mọi người đều hồi hộp chờ đợi cuộc tấn công nữa của cộng quân. Lúc này Vỵ thấy đói. Lương thực cũng như đạn dược lại nằm ở ngoài vòng đai của Bộ Tư Lệnh.

Sáng ngày 11, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 phấn khởi khi được tin có những phi vụ bạn đến oanh kích cộng quân. Máy bay tới liền bị súng phòng không địch bắn lên dữ dội. Phi cơ bay tít trên cao và thông báo không thấy rõ mục tiêu oanh kích. Ban Mê Thuột được biết nửa giờ sau sẽ có phi vụ khác.

"Lúc 7 giờ 5 phút, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 bị trúng ngay trái bom của phi cơ thả xuống. Máy truyền tin bị tê liệt, không liên lạc được với bên ngoài. Mọi người hoang mang, mất tinh thần, lo chạy ra khỏi hầm. Vừa lúc đó, một trái bom khác nổ, làm sập cửa hầm, bít kín mất lối ra. Ai nấy sợ hãi, tuyệt vọng, mò mẫm trong đường hầm tối thui để tìm lối thoát. Có người dẫm cả vào thương binh. Moi móc gạch vụn mất 15 phút sau mới tìm thấy lỗ để chui ra. Mới ngoi lên khỏi hầm thì thấy xe tăng cộng quân ở phía xa. Dãy nhà tôn ở gần đấy đã bay mất mái có lẽ vì sức ép của hai trái bom. Lính cũng chạy ra theo Đại Tá Luật. Đại Tá Quang đứng ở trên, một tay cầm khẩu colt, tay kia chống nạng sườn, hỏi 'Đại Tá Luật đâu? PC (bộ chỉ huy) sập, phải tái lập.'"(16)

Đại Tá Quang chỉ lối chạy sang khu thiết giáp nằm khuất sau bệnh viện. Một số lính chạy theo. Khu thiết giáp còn hơn chục chiếc thiết vận xa M113 và một số lính. Thấy không thể ra lối trước vì sẽ đụng đầu với xe tăng của địch, Đại Tá Quang ra lệnh cho thiết giáp cán lên hàng rào kẽm gai ở phía sau mà đi.

Toán quân có chừng 200 người thoát xuống được thung lũng, đến suối Đốc Học là chỗ khuất và hơi kín. Suối lúc này cạn vì là mùa khô. Tưởng là thoát nguy, nhưng rồi thấy Việt Cộng ở cách đó không xa. Lính được dàn ra, bố trí, mai phục sẵn. Đại Tá Quang định tử thủ tại đấy, nhưng Đại Tá Luật cho chỗ đó trống trải quá. Hai người bàn cách đến trung tâm huấn luyện binh sĩ của sư đoàn để từ đấy bắt liên lạc lại với các đơn vị. Trung tâm này lại nằm phía bên kia thị xã Ban Mê Thuột. Muốn đến đó, phải theo đường đi qua thị xã, hoặc băng rừng vòng quanh thị xã. Đại Tá Quang, từng ở nhảy dù, muốn liều dẫn quân xâm nhập qua thành phố vào lúc đêm tối để tới trung tâm. Ông cho rằng cộng quân có thể chưa kịp nắm vững tình thế ở thị xã đêm đó. Đại Tá Luật thấy lối đó táo bạo và nguy hiểm, muốn đi đường vòng qua rừng để đến trung tâm. Bàn luận một hồi, hai ông quyết định phân tán, cho lính muốn theo ai thì chọn. Có chừng 50 người theo Đại Tá Luật. Số còn lại theo Đại Tá Quang. Hai toán chia tay nhau vào khoảng 11 giờ.

Vy là phó tỉnh nên theo Đại Tá Luật, tỉnh trưởng. Toán này lội bộ đến Buôn Ky gần đồn điền cà phê của cựu Trung Tướng Thái Quang Hoàng. Đi một lúc, Đại Tá Luật bảo mình đi lạc xa mục tiêu cả bảy cây số. Vừa vượt qua một ngọn đồi trọc, toán quân thấy xe tăng của cộng quân. Cộng quân cũng nhìn thấy họ.

"Xe tăng quạt mấy loạt liên thanh. Đoàn người chạy trở lại phía sau đồi. Chạy mới được 10 thước, Đại Tá Luật té đánh bịch. Mọi người lo chạy cho lẹ. Cố theo nhau mà chạy. Lúc chạy trốn, mình không sợ chết, mà chỉ sợ lạc. Chạy được ba bốn cây số, sang tới một đồi khác, toán của Vy chỉ còn một thiếu tá, một đại úy và một trung úy. Ai nấy quần áo tơi tả, rách bươm. Có người chỉ còn may ô, quần đùi," Vy kể lại.

Áo của Vy rách nát vì vướng cành cây, bụi rậm. Lẩn vào khu trồng cà phê, Vy tựa người vào gốc cây. Vừa đói, vừa mệt, Vy ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Vy chỉ giật mình thức dậy khi nghe nói "Chúng mày ngụy!" Vy mở mắt, thấy mấy mũi súng đang chĩa vào mình. Mấy thanh niên mặt trẻ măng nhìn chằm chặp vào Vy. Rồi chúng xông vào trói Vy, giải đi.

Ba ngày sau được đến chỗ mới, Vy gặp lại Đại Tá Luật bị giam cùng một chổ. Đại Tá Quang bị Việt Cộng bắt ở một địa điểm khác.

Được tin Ban Mê Thuột bị tấn công, Quân Đoàn II điều động lực lượng của sư đoàn 23 ở Pleiku về tiếp cứu. Bộ Tư Lệnh lúc đó đang ở Hàm Rồng. Binh sĩ sư đoàn rất nóng lòng về cứu Ban Mê Thuột vì nhiều người có gia đình tại thành phố hậu cứ của sư đoàn. Cả lính kèn cũng tình nguyện về, theo lời Trung Úy Trần Hùng thuộc phòng 3 của sư đoàn. Vì phải đợi có trực thăng, quân tiếp viện mãi hai ngày sau mới được đưa về Phước An, cách Ban Mê Thuột chừng 30 cây số về phía đông. Trên đường vào giải vây cho Ban Mê Thuột, quân tiếp viện mới đi chừng

10 cây số thì bị chặn đánh. tiến không nổi vì địch có chiến xa. Theo Philip B. Davidson, binh sĩ khi về đến Phước An lo đi tìm kiếm vợ con, và khi gặp vợ con thì bỏ hàng ngũ đưa gia đình đi. (16)

Những cơ sở đầu não ở Ban Mê Thuột bị đánh chiếm trong hai ngày đầu Việt Cộng tấn công vào thành phố. Mấy ngày sau Sài Gòn chưa nhìn nhận Ban Mê Thuột thất thủ vì chiến trận còn tiếp diễn ở khu gần phi trường nằm phía ngoài thị xã. Góp phần đáng kể vào việc kéo dài trận chiến là một đại đội chừng 70 binh sĩ tinh nhuệ, gan lì, được huấn luyện đặc biệt và quyết tâm hăng say chiến đấu đến cùng. Tham gia trận chiến Ban Mê Thuột ngay từ ngày đầu, và là đơn vị sau chót rút khỏi đấy là đại đội thám báo mà Thiếu Uý Nguyễn Công Phúc là một trung đội trưởng.

Đại đội đã chiến đấu trong hoàn cảnh cô đơn, cam go, căng thẳng và thiếu thốn súng đạn, lương thực. Họ đã gây tổn thương nặng cho một tiểu đoàn địch, giúp Trung Đoàn 53 của bạn chống trả lại những đợt tấn công mãnh liệt của đối phương, đồng thời chấm tọa độ hướng dẫn pháo binh bạn bắn vào những vị trí địch.

Một trong những yếu tố để đại đội đạt được thành tích trên và tồn tại mà chiến đấu bền bỉ nhất ở Ban Mê Thuột là cộng quân không biết vị trí đóng quân kín đáo và bất ngờ của đại đội. Cộng quân khi tấn công Trung Đoàn 53 đã bị thúc mạnh vào cạnh sườn vì không biết có đại đội thám báo nằm quanh những ụ đất dùng để che chở cho máy bay ở phi trường và gần rừng cao su phía ngoài căn cứ của trung đoàn. Đại đội mới nhận vị trí đóng quân ở đấy

vào buổi chiều. Chỗ đóng quân lại không phải là doanh trại. Quanh phi trường lại có những bãi trống, địch tiến quân dễ bị phát hiện.

Trong những giờ đầu của cuộc tấn công, Phúc theo dõi tình hình mặt trận qua máy truyền tin. Được trang bị hệ thống truyền tin tối tân hơn những đơn vị bộ binh thông thường khác, đại đội thám báo có thể liên lạc với những đợn vị bạn theo hàng dọc, mà cả với mấy đơn vị theo hàng ngang như quân đoàn, sư đoàn và không đoàn ở Nha Trang, Nhờ vậy Phúc biết thêm một số diễn tiến ở trận chiến. Trong đêm tối, giữa những tiếng gầm thét và những tia chớp lóe sáng của đạn pháo kích, Phúc nghe qua âm thanh hỗn loạn của máy truyền tin tiếng những đơn vị bạn gọi nhau ơi ới, báo cáo tình hình, yêu cầu bắn yểm trợ hoặc điều quân tiếp cứu.

Trung Đoàn 53 đêm đầu bị pháo kích mạnh. Đến 5 giờ sáng căn cứ bị địch tấn công từ hai phía đông bắc và đông nam. Địch chiếm được một phần căn cứ. Vào khoảng 8 giờ, quân trú phòng phản công, cộng quân bị đánh dạt sang một bên. Một cánh quân Việt cộng đã chạy về phía tây nam qua khu đất trống của phi trường. Họ trở thành "những con mồi, những mục tiêu bắn bia," theo lời Phúc, cho những tay súng thám báo nằm phục sẵn ở bìa rừng cao su gần phi đạo.

Thu dọn chiến trường vào buổi chiều, đại đội thám báo đếm được trên 40 xác Việt Cộng bỏ lại, cùng với hơn 100 nón cối, tịch thu một số vũ khí, đạn được và quân trang, trong đó có năm hỏa tiễn tầm nhiệt SA7. Một số súng đạn này sau được dùng để bắn lại cộng quân trong mấy ngày sau.

Cuốn nhật ký tịch thu trên người một đại đội trưởng Việt Cộng cho biết anh ta thuộc tiểu đoàn K5 của sư đoàn 316 từ Bắc Việt xâm nhập. Đây là một sư đoàn cơ giới trên đường xâm nhập vào nam đã sử dụng trên 500 chiếc xe lớn để chuyên chở binh lính, trong đó có cả chiến xa, xe bọc thép, đại bác tầm xa, cao xạ và những loại xe vận tải khác. (17) Nhiều xác lính Việt Cộng còn mang theo những khẩu hiệu "Mình Đồng, Vai Sắt." "Ăn No, Đánh Thắng" "Bí Mật, Bất Ngờ."

Hăng say với thắng lợi ngày đầu, Phúc và binh sĩ thám báo hôm sau càng thêm mừng rỡ, phấn khởi hơn nữa khi hay tin quân tiếp viện được đưa về giải vây cho Ban Mê Thuột. Trung Đoàn 44 được gửi tới gần Buôn Hồ ngày 11/3. Ngày hôm sau Trung Đoàn 45, là trung đoàn gốc của đại đội, được trực thăng vận xuống Phước An.

Nhưng niềm phấn khởi đó bị xẹp mau, khi được biết tiểu khu Darlac bị mất, bộ tư lệnh sư đoàn 23 bị chiếm, rồi quân tiếp viện không vô nổi và đã bỏ chạy lúc đụng đầu với xe tăng Việt Cộng.

Binh sĩ thám báo cũng thấy nao núng, mất bình tĩnh khi thấy trực thăng tản thương bị bắn rơi, thương binh không được di tản. Họ cũng tiếc xót nhìn những dù tiếp tế không rơi xuống phần đất của mình, mà nằm vật vờ trên mặt đất trống giữa mình với địch. Bên nào mon men định ra kéo dù vào liền bị bên kia bắn chặn. Những dù đó nằm suốt ngày ngoài nắng, chờ đêm tối mới có người liều lĩnh ra kéo.

Trong những ngày chiến đấu kế tiếp với Việt Cộng, Phúc và đồng đội còn trải qua nhiều nguy hiểm, gian lao, khổ cực. Không có đủ lương thực và súng đạn, họ phải

dùng súng đạn và lương thực tịch thu được của Việt Cộng. "Lương khô của chúng được ép thành miếng như bánh đậu xanh. Ăn vào khát nước muốn chết. Anh em phải xuống con suối ở cạnh ngọn đồi cuối phi đạo để lấy nước. Quân mình đã dặn nhau đi lấy nước cũng phải mang súng theo. Thấy tên nào lấy nước mà không có súng, thì đó là địch, được quyền bắn.

"Đánh nhau, quần áo bị rách nát hết. Phải lấy quần áo tịch thu được trong túi đeo lưng của xác Việt Cộng. Mấy anh em mặc đồ Việt Cộng và dùng súng Việt Cộng đi đánh nhau, nên có lúc bị binh sĩ Trung Đoàn 53 tưởng là Việt Cộng, bắn chối chết. Mình phải la lên trong máy, họ mới thôi," Phúc nhớ lại.

Trong cả tuần lễ liên tiếp giao tranh và bị địch pháo kích, Phúc và đồng đội mệt mỏi vì thiếu ăn thiếu ngủ. Phúc nói: "Đêm không được chợp mắt. Phải lo bố phòng, sợ địch xâm nhập. Sáng ra, chia nhau thành toán nhỏ, đi đánh giải tỏa vòng vây. Đánh theo kiểu những toán trinh sát, nhảy dù, di động luôn để giải tỏa áp lực, rồi tránh né, rút lẹ, chứ không theo kiểu dàn trận của tiểu đoàn bộ binh. Vì vậy địch không biết đơn vị có bao nhiêu người, không biết chiến tuyến chỗ nào. Lúc không đánh nhau thì núp trong hố cá nhân để địch không nhìn thấy. Hố được đào khoét trong những ụ đất có sẵn để bảo vệ máy bay. Cao bốn năm thước, bề dày hai ba thước, những ụ đất này là nơi ẩn nấp tốt cho mình và đồng đội.

"Vừa đói khát, lại không được nghỉ ngơi, anh em mệt mỏi cả thể chất lẫn tinh thần. Đầu óc căng thẳng, hồi hộp khi nhìn thấy đồng đội bị bắn banh xác, người bị thương kêu la rên rỉ, thật như sống trong cảnh địa ngục. Lúc chưa

vào cuộc thì sợ, nhưng khi ở trong cuộc rồi, mất sợ hết trơn. Anh em giữ được tinh thần cũng nhờ kỷ luật nghiêm khắc. Tới lúc đó, bất tuân lệnh là có quyền bắn bỏ."

"Đêm ngày 16/3, Việt Cộng pháo tàn bạo như địa chấn. Thám báo liên lạc với trung đoàn. Gọi trung đoàn mãi, không có trả lời. Chỉ có im lặng. Mình cảm thấy nỗi cô đơn ghê sợ. Cô đơn và tuyệt vọng. Đau đớn và chán chường. Muốn khóc. Muốn nổi khùng. Thế là hết. Thì ra họ đã rút chạy.

"Chỉ còn mấy chục anh em ở lại, lọt giữa lực lượng đông đảo của địch. Mình liên lạc được với quân đoàn, xin cho máy bay đến oanh kích địch sáng hôm sau để anh em mở đường máu chạy thoát. Quân đoàn đồng ý.

"Gần sáng Việt Cộng cho xe tăng tấn công căn cứ Trung Đoàn 53. Bộ binh cộng quân theo xe tăng vào chiếm căn cứ. Chiếm xong, cộng quân chuẩn bị tiến sang phía phi trường thanh toán nốt những ổ cuối cùng còn sót lại của đại đội thám báo. Đúng lúc cộng quân đang tập trung quân, phi cơ được thám báo hướng dẫn đến dội bom xuống đầu địch. Nhờ những trái bom thả đúng lúc, chặn đứng đà tiến của xe tăng và quân địch, đại đội thám báo còn lại hơn năm chục người rút chạy, lẩn vào khu rừng cao su.

"Thoát khỏi trận chiến, đoàn thám báo lúc này tơi tả, hốc hác và kiệt sức mà vẫn phải cố lết đi, tìm đường xuống phía nam nhắm hướng về Đà Lạt. Đến gần chi khu Lạc Thiện, một quận thuộc tỉnh Darlac, đám quân còn chừng 30 người mừng rỡ bắt được liên lạc vô tuyến với chi khu. Họ vui sướng tìm mau chỗ nghỉ chân sau những ngày sống sát thần chết. Chi khu yêu cầu cho biết chổ đang ở.

"Ít phút sau, đạn pháo rơi ào ào xuống toán thám báo còn đang nằm lăn ra nghỉ. Rồi địch nổ súng tấn công. Lại chạy tứ tán. Người chết, người bị thương."(18)

Phúc chỉ còn 15 người chạy theo được. Thấy đường đi về phía Đà Lạt không thành, Phúc tìm đường đi về hướng đông, hy vọng tới những tỉnh vùng duyên hải. Qua một hai ngày băng rừng, vặt lá đào cây để ăn, nhóm của Phúc lại lọt vào một ổ phục kích của cộng quân. Phúc và một y tá thoát ra khỏi ổ phục kích, nhưng rồi rút cục cũng bi bắt lúc đang vục mặt xuống vũng nước để uống. Hôm đó là ngày 22/3.

Sau này vào trại cải tạo, Phúc gặp một sĩ quan ở chi khu Lạc Thiện, liền trách cứ vụ bị pháo kích. Sĩ quan cho biết cộng quân đã chiếm Lạc Thiện từ mấy ngày trước và vẫn dùng tần số cũ để liên lạc với những toán quân khác của quân đội cộng hòa. Lúc ấy Phúc mới biết mình mắc bẫy khi tiết lộ tọa độ đóng quân.

3

"Đường Đầy Nước Mắt"

Ban Mê Thuột mất đã làm Nam Việt Nam sắp xếp lại thế trận.

Cùng lúc với trận đánh ở Ban Mê Thuột, cộng quân tung ra nhiều cuộc tấn công ở các vùng khác để gia tăng áp lực, đồng thời cầm chân các lực lượng Nam Việt Nam.

Biết Ban Mê Thuột có vị trí chiến lược quan trọng, Tổng Thống Thiệu muốn chiếm lại thành phố này. Nhưng bản đồ trận liệt cho thấy lực lượng Việt Nam dàn mỏng trên khắp lãnh thổ với 14 sư đoàn, trong lúc cộng quân có tới 19 sư đoàn.(1) Ngay ở vùng III quanh Sài Gòn, Việt Nam chỉ có ba sư đoàn tác chiến, trong lúc cộng quân có tới sáu sư đoàn.(2) Trần Văn Trà còn gia tăng áp lực ở vùng Sài Gòn. (3)

Ban Mê Thuột mất ngày 11/3, ngày hôm sau Thiệu khẩn cấp điện cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân Đoàn I, báo tin rút sư đoàn Dù từ vùng I để về tăng cường phòng thủ Sài Gòn.(4)

Ngày 13/3 Thiệu mời Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên và Trung Tướng Phụ Tá An Ninh Đặng Văn Quang tới ăn sáng tại dinh Độc Lập để bàn thảo tình hình. Thiệu mở bản đồ ra, nói quân lực Việt Nam hiện dàn quá mỏng, không đủ lực lượng để đương đầu với cộng quân ở khắp các mặt trận. Thiệu chỉ vào bản đồ vùng quân khu II cho biết sẽ giữ đất đai từ phía bắc Tuy Hòa chạy ngang qua Kampuchia trở xuống mà thôi. Như vậy Pleiku, Kontum bị bỏ, rút lực lượng về để chuẩn bị tái chiếm Ban Mê Thuột. Thiệu cũng thông báo sư đoàn Dù được rút khỏi Vùng I. Vùng I sẽ cố giữ Huế, nếu không được thì giữ Đà Nẵng, Tam Kỳ, Chu Lai. Nếu giữ không nổi nữa thì rút về Tuy Hòa. (5) Theo kế hoạch tái phối trí này, lực lượng Việt Nam rút bỏ khỏi những vùng thưa dân, khó bảo vệ để lui về giữ những vùng đông dân cư, trù phú, mà Frank Snepp gọi là "đầu bé đít to." (6)

Thiệu thông báo kế hoạch, ba tướng ngồi nghe bỡ ngỡ. Tướng Viên sau đấy lên tiếng cho rằng việc tái phối trí như vậy là cần thiết, và Viên cũng đã nghĩ điều đó từ lâu nhưng không dám nói sợ đi ngược lại chính sách quốc gia và có thể bị coi là chủ bại. Viên còn nghĩ trong bụng là quá trễ để tiến hành việc tái phối trí lớn lao như vậy, nhưng Viên không dám nói cho Thiệu hay.(7)

Ý niệm chiến lược mới này đã được các giới chức Việt dự phòng từ gần một năm trước, khi thấy viễn ảnh quốc hội Mỹ có khuynh hướng cắt giảm quân viện cho Việt Nam. Tướng John E. Murray, tùy viên quân sự Mỹ tại Việt Nam, không muốn quốc hội Mỹ giảm bớt quân viện, đã có ý báo động quốc hội Mỹ về tình trạng nguy hiểm

một khi Việt Nam bị giảm viện trợ. Murray cho rằng nếu quốc hội giảm viện trợ xuống dưới một tỷ mỹ kim cho tài khóa 1975, Việt Nam không còn khả năng duy trì hiện trạng, mà phải bỏ bớt một số vùng để rút về phòng thủ những căn cứ ở bờ biển. Nếu viện trợ giảm xuống dưới 750 triệu, Việt Nam chỉ có thể phòng thủ được vùng Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Tướng Murray cũng bàn vấn đề này với các tướng Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên của Bộ Tổng Tham Mưu quân đội Việt Nam. Các tướng Viên và Khuyên đồng ý về mặt quân sự, nhưng thấy không thể thực hiện được về mặt chính trị. Việc rút bỏ như vậy đi ngược lại chủ trương "Bốn Không" mà Thiệu từng khẳng định nhiều lần, trong đó có việc không nhường đất cho cộng sản. (8)

Ước vọng của Murray về ngân sách đã không thành. Hạ Viện Mỹ vào tháng 8, 1974 biểu quyết có 700 triệu viện trợ cho Việt Nam.

Ngoài ý kiến của Murray, còn có đề nghị của tướng hồi hưu người Úc Ted Sarong. Sarong, từng quen biết Thiệu từ chục năm trước, cũng đưa kế hoạch cắt bỏ một số vùng.

Nay với việc Ban Mê Thuột thất thủ, tình thế trở nên nghiêm trọng, Thiệu xét lại những ý kiến trên rồi quyết định. Thiệu, Khiêm, Viên và Quang đồng ý đi Cam Ranh ngày hôm sau để xem xét tình hình và thông báo cho Tướng Phú, tư lệnh Quân Đoàn II, biết quyết định mới.

Tại Cam Ranh trong buổi họp Phú trình bày tình trạng quân ít, địch đông, đường bị cắt đứt. Kontum, Pleiku hiện bị cô lập, chỉ có thể giữ được một tháng nếu có viện binh, đầy đủ chiến cụ, lương thực và máy bay yểm trợ. Thiệu

cho biết không còn quân tiếp viện và chiến cụ để gửi thêm. Như vậy Pleiku, Kontum sẽ rút, đưa quân về vùng bờ biển để hỗ trợ cho việc tái chiếm Ban Mê Thuột.

Quyết định rút, thì rút bằng đường nào? Các quốc lộ 19 và 14 đều bị địch cắt đứt và phục sẵn quân để chặn đánh. Viên đưa đề nghị rút quân theo đường 7B từ Pleiku qua Cheo Reo để về Tuy Hòa vì đường 7B nhỏ hẹp, bị bỏ từ lâu, quân hai bên ít đi lại nhưng có lợi điểm là tạo bất ngờ cho việc rút quân. Hội nghị đồng ý và giao cho Phú quyết định ngày giờ rút đi. Thiệu chỉ thị cuộc rút quân được thi hành bí mật, không cho Địa Phương Quân và Nghĩa Quân biết. Cả Mỹ cũng không được thông báo.(9)

Ngay sau buổi họp ở Cam Ranh, Phú bay về Pleiku, họp bộ tham mưu, thông báo quyết định rút quân. Đại Tá Phạm Duy Tất, tư lệnh Biệt Động Quân vùng II, được thăng lên cấp tướng và chỉ huy cuộc lui binh.

Theo đoàn quân triệt thoái khỏi Tây nguyên có Thiếu Úy Ngô Đăng Tuyên thuộc chiến đoàn Lôi Hổ ở Kontum. Tuyên, 25 tuổi, đã có hai năm công tác trong đoàn Lôi Hổ, với 22 chuyến hoạt động ngoài biên giới ở đường mòn Hồ Chí Minh bên Miên, Lào và vùng tam biên, trước khi về làm sĩ quan truyền tin của chiến đoàn.

Khi Ban Mê Thuột bị tấn công, chiến đoàn đang đóng ở Kontum. Qua hệ thống truyền tin, Tuyên nghe bạn là Thiếu Úy Bính nói: "Tụi tao bị tấn công nặng quá, không sử dụng được nữa!" Trưa ngày 13/3 sau phiên họp ở Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân tại Kontum, Lôi Hổ được lệnh rút khỏi Kontum xuống Pleiku để chuẩn bị đi cứu Ban Mê Thuột. Cũng được lệnh về cứu Ban Mê Thuột còn có một

chiến đoàn Lôi Hổ khác đã từ Ban Mê Thuột lên tăng phái cho Pleiku trước đó ít ngày. Đến đêm 13/3 lệnh đi cứu Ban Mê Thuột được hủy bỏ. Thay vào đó chiến đoàn được lệnh phòng thủ Pleiku.

Ngày 15/3 trong phiên họp ở quân đoàn, Lôi Hổ nghe phong thanh sẽ bỏ Pleiku. "Sài Gòn không có lệnh nào trực tiếp về việc rút quân, mà để tùy theo tình hình địa phương và cấp chỉ huy lớn," Tuyên nói. Đến 10 giờ rưỡi đêm hôm đó, binh sĩ Lôi Hổ được lệnh trang bị đồ tác chiến cá nhân để sẵn sàng ứng chiến.

Sáng ngày 16/3 Thiếu Tá Nguyễn Thanh Vân của Lôi Hổ sang quân đoàn họp thì biết quân đoàn rút đi, Không Quân cũng rút đi, bỏ lại phi trường Cù Hanh. Tuyên gọi về Sài Gòn xin hủy bỏ mật mã, cùng tiêu hủy tài liệu, máy móc. Hai giờ chiều, binh sĩ Lôi Hổ được lệnh lên xe theo Biệt Động Quân di tản khỏi Pleiku. Một đơn vị được để lại phá hủy doanh trại, kho vũ khí, trung tâm truyền tin và trung tâm hành quân. Tuyên đợi cho cháy hết, còn gài mìn với dấu hiệu "nguy hiểm đến tính mạng," rồi mới lên đường lúc ba giờ chiều.

Chiến đoàn Lôi Hổ không đủ xe để chở binh sĩ, phải lấy xe còn bỏ lại. Mấy toán của Chiến Đoàn 3 Lôi Hổ đang hoạt động trong rừng không về kịp, đã bị bỏ.

Đến năm giờ chiều đoàn quân tới Hàm Rồng và ngừng lại đó khi nghe tin lầm là Việt Cộng vào Phú Bổn.

Ngày 17/3 đoàn quân lên đường lúc bốn giờ sáng theo lộ trình đi Phú Bổn rồi Tuy Hòa.

Đặc phái viên Nguyễn Tú của báo Chính Luận đã có bài tường thuật nổi tiếng về cuộc rút quân khỏi Pleiku được mệnh danh là "Đường đầy nước mắt" và được một số sách

báo ngoại quốc trích đăng lại. Nguyễn Tú, 52 tuổi, đã đi theo Biệt Động Quân tới Hàm Rồng ở phía ngoài thị xã Pleiku, rồi quay trở lại tỉnh lỵ để quan sát. Nguyễn Tú viết:

"Tối 16/3 tất cả dân chúng tỉnh Pleiku, dân chúng các quận ven tỉnh và cả Kontum đổ xô nhau chạy về thị xã Pleiku tổ chức đêm không ngủ, không phải để biểu tình mà để vội vàng trong hốt hoảng tiếp tục chất hàng hóa, bàn ghế, tủ, giường cùng những vật dụng lên đủ các thứ xe: xe lam ba bánh, xe vận tải hạng nặng, xe jeep, xe đốt cát, xe GMC nhà binh, xe Honda. Thậm chí xe be, xe cần trục. trắc-tơ, xe hốt rác, xe chữa lửa cũng được dùng để chở đồ và chở người...

"Mọi đường phố không còn một nhân viên công lực nào giữ trật tự nữa. Tất cả mọi người đều về nhà lo việc di tản cho mình và gia đình mình. Từ trưa 16/3 các xe nào xếp xong đồ đạc đều chuyển bánh trên quốc lộ 14 đi về Phú Bổn, xếp thành đoàn dài. Nhưng phải kể từ 20 giờ hôm 16/3 sự di chuyển toàn diện của dân chúng mới bắt đầu. Đoàn xe ước chừng đến hàng ngàn chiếc, bật đèn pha nối đuôi nhau trên hàng chục cây số. Nhưng ra khỏi thị xã được vài ba cây số thì đoàn xe bị kẹt vì những chiếc xe nhỏ hơn như xe lam, xe Honda muốn vượt trước. Phải mấy giờ sau nạn kẹt xe mới được giải tỏa...

"Dân chúng nghèo cũng ra đi bằng phương tiện thiên nhiên trời đã phú cho là đôi chân của chính họ. Họ đây là gồm cả già trẻ, lớn bé, con nít còn bồng trên tay, đàn bà đang mang bầu, tay xách nách mang một vài manh chiếu, một vài bọc quần áo. Buồn tủi, lo âu, gia đình nọ nối tiếp gia đình kia đi thành hàng 1 sát bên lề đường để tránh

đoàn xe. Đèn pha của đoàn xe lần lượt chiếu các bóng lưng còng xuống của người lớn, những bóng nhỏ hơn của các trẻ em níu vạt áo hoặc ống quần của người bố hay người mẹ. Họ lặng lẽ, thất thểu bước...

"Các kho súng, kho đạn tại tỉnh Pleiku đã được lệnh thiêu hủy. Tiếng nổ lớn nối lên tiếng nổ nhỏ, và từng cột khói đen bốc lên trong lửa đỏ của các bồn nhiên liệu. Nhiều khu phố trong thị xã đã bị đập phá, phóng hỏa. Ít nhất tôi cũng đếm được 14 đám cháy trong những khu phố khác nhau...

"Một số bệnh nhân tại dân y viện cũng như một số thương binh tại quân y viện Pleiku đã bị bỏ rơi lại vì không còn ai lo cho họ nữa...

"Ngày 17/3: Hàng ngàn chiếc xe dân sự, quân sự vẫn nối tiếp nhau đi về hướng Phú Bổn. Nhiều xe vì chở nặng quá đã bỏ lại bên đường...Các doàn người đi bộ thật là thảm thương. Đàn bà, con trẻ đi bên lộ dưới ánh nắng mà không có một giọt nước để uống. Vì đi bộ, nên đi chậm, họ bị bỏ lại sau, nhưng họ vẫn cứ cố gắng lết đi trên đường nóng bỏng dưới ánh nắng. Chưa biết đêm nay họ có tới được Phú Bổn...hay nhiều người sẽ bị chết đói, chết khát dọc đường. Trên đoạn đường Pleiku tới Phú Bổn vẫn xảy ra nhiều đoạn đường kẹt xe, có thể kể đến hàng năm hay mười cây số. Chưa biết đoàn xe có tới Hậu Bổn được không. Từ Hậu Bổn đi đâu chưa ai rõ..."(10)

Đường số 7B, theo lời Nguyễn Tú, là con đường đủ cho hai xe đi lại. Đường trước kia có trải nhựa, nhưng bị bỏ hoang từ lâu, nên lớp nhựa bong đi ở nhiều chỗ, chỉ còn đất và đá lẫn lộn nhau. "Lúc đó may là mùa khô, chứ mưa thì chết."

Khi đoàn xe nối đuôi nhau rút khỏi Pleiku chạy về hướng Phú Bổn, trinh sát Việt Cộng thông báo ngay cho bộ tư lệnh của Văn Tiến Dũng. Dũng liền cùng bộ tham mưu mở bản đồ nghiên cứu, tìm chỗ đặt nút chặn, phái đơn vị ở gần nhất ra chặn đánh đoàn quân rút đi. Dũng ra lệnh cho sư đoàn 320 cấp tốc đưa quân ra chặn đánh ở dọc đường số 7, sư đoàn 968 vượt qua Pleiku truy kích và đánh tập hậu, còn lực lượng ở Phú Yên đưa quân ra chốt đường số 7 để chặn đường rút về Tuy Hòa.(11)

Về cuộc rút quân,Thiếu Úy Tuyên kể: "Cuộc di tản đáng lẽ phải có đơn vị mở đường, đơn vị đi cánh. Nhưng không có. Cuộc rút quân như một bày hỗn loạn khi gặp Việt Cộng đóng chốt ở dọc đường. Các đơn vị khác né tránh, không chịu đi mở đường, để Lôi Hổ đi đầu. Dân chúng mạnh ai nấy chạy. Phú Bổn có sông. Một cầu bị xập vì không chịu nổi chiến xa nặng. Xe cộ bị ứ đọng lại. Nếu mở đường đi tiếp, có thể đi luôn được. Nhưng đoàn quân dừng lại ở Phú Bổn. Tối hôm đó, Việt Cộng pháo vào Phú Bổn. Dân, lính hốt hoảng và hỗn loạn. Xe cộ bị đốt cháy. Lính cướp bóc và tranh dành nhau để lo sống.

"Ngày 18/3 Lôi Hổ cùng Biệt Động Quân cố mở đường máu hai ba lần, nhưng đều bị đánh bật lại. Lính bị thương không được cứu. Biển người phía sau hỗn loạn. Xe cộ và hành lý ngổn ngang. Đàn bà đuối sức nằm lại bên đường.

"Sau cùng thiết giáp tiến lên mở đường. Nhưng lúc này cộng quân đã củng cố thêm vị trí. Tuyên theo chiếc thiết giáp đi đầu. Xe bị bắn đứt xích. Tuyên nhảy xuống định sửa xích mà không được. Mấy chục chiến xa bị bắn cháy. Năm khẩu đại bác 175 ly chở trên xe phải bỏ lại. Có xe còn nổ máy.

Thấy nghẽn lối, một số xe quay lại. Thiết giáp cán cả vào xe jeep, vào cả dân. Dân chúng bồng bế nhau chạy. Người kêu cứu. Người khóc lóc, than vãn. Trẻ con la hét.

"Đêm đó Việt Cộng pháo rải rác vào nhiều chỗ, tạo thêm hỗn loạn. Thấy không thể đi xe cơ giới trên đường lộ được nữa, bộ chỉ huy đoàn Lôi Hổ quyết định phải lội bộ mà đi. Ai muốn đi bộ thì đi. Ai muốn ở lại đi xe thì ở.

"Đến 4giờ rưỡi sáng ngày 19, đoàn 56 người còn lại của Lôi Hổ vượt sông an toàn sang bờ bên kia. Dân và lính sau đó vượt sông bị chặn bắn. Một số đi thoát. Trước khi rời Pleiku đoàn Lôi Hổ có 104 người."

Tuyên và đồng đội bỏ đường lớn, băng rừng tìm đường nhỏ mà đi, nhắm theo hướng quận gần đó. Tới gần quận, Lôi Hổ và Biệt Động Quân không vào, mà thả quân vào thăm dò. Được Biệt Động Quân báo cho biết quận đã mất, đoàn quân lại nhắm Củng Sơn mà đi. Không có lương thực, họ phải vào một buôn Thượng kiếm bắp ăn. Khi hết lương thực, gặp bò lạc, họ nổ súng hạ. Do tiếng súng bắn bò, một lát sau Việt Cộng tới. Hai bên đụng độ. Một binh sĩ truyền tin bị thương nhẹ. Máy bị trúng đạn, mất liên lạc. Thoát đi được, họ bị đói khát và mệt mỏi. "Cứ đi chừng mười thước lại muốn nghỉ," Tuyên nói.(12)

Trên đường rút đi từ Phú Bổn, Tuyên gặp nhiều chỗ những người dân đi theo lính. Có những bà bế theo con nhỏ đi thất thểu vì đói khát. Nhiều người không đi nổi, bỏ cuộc giữa đường. Có bà bầu sanh con giữa rừng. Tuyên gom lại băng cá nhân của binh sĩ, đưa cho y tá giúp đỡ sản phụ.

Mãi đến ngày 28/3 Tuyên và đồng đội mới về gần tới đập Đồng Cam. Khi thấy mấy chiếc trực thăng bay gần, binh sĩ Lôi Hổ dùng kính chiếu lấp lánh để làm dấu hiệu cầu cứu. Phi công nhìn thấy và nhận ra tín hiệu, nên gọi thêm trực thăng đến bốc Tuyên và đồng đội về Tuy Hòa.

"Cuộc rút quân thất bại vì ngừng ở Phú Bổn. Nếu cứ đi luôn một lèo thì đạt được yếu tố bất ngờ. Việt Cộng đâu có chặn kịp. Vì dừng lại ở Phú Bổn, hôm sau cộng quân kéo đến kịp." theo nhận định của Chuẩn Tướng Tất, hiện cư ngụ tại Virginia.

Tất nói: "Ông Thiệu quyết định rút, ra lệnh cho tướng Phú rút để chuẩn bị tái chiếm Ban Mê Thuột. Nhưng ông Phú không biết rõ ý ông Thiệu bảo rút là rút đến đâu, giữ ở đâu. Vì vậy ông Phú cho lệnh dừng lại ở Phú Bổn. Bộ tham mưu quân đoàn đóng lại ở Phú Bổn. Tỉnh lỵ nhỏ như một quận lỵ, không có công sự phòng thủ gì. Đến lúc cộng quân pháo thì hoảng sợ, quân dân chạy toán loạn. Tôi và lính tác chiến ở ngoài, đâu có vào thành phố, nên không bị pháo.

"Cầu qua sông ở Phú Bổn có bị xập thật. Cầu yếu, xe tăng đi lên là xập, nhưng công binh đã làm cầu nổi khác để đi qua. Những xe của dân và xe khác đi vào đó mới bị kẹt.

"Ai cũng tưởng tôi chỉ huy hết các đơn vị trong cuộc rút quân. Thực ra đâu có. Trong cuộc rút quân, tôi xin cho quân đi thám sát hai bên đường cũng không được. Ông Phú bảo tôi 'đã có lữ đoàn thiết giáp của Đại Tá Đồng đi mở đường sẵn, anh chỉ việc cho quân rút đi mà thôi.

"Lúc bị chặn đánh ở đèo Tù Na, phía đông Cheo Reo, gọi máy bay đến yểm trợ. Máy bay ném bom luôn vào quân mình, làm tiêu cả tiểu đoàn Biệt Động Quân.

"Quân đi đầu là quân tác chiến. Quân đi sau không phải quân tác chiến, mà là lính hậu cứ, có thêm vợ con đi theo. Có vợ con theo, không ai chỉ huy được nữa. Lúc bị chặn đánh, bị pháo, họ sợ, rồi hỗn loạn và tan rã."(13)

Cuộc rút quân khỏi Pleiku thật thảm hại. Đoàn quân thoát đi được về tới sông Ba còn bị đoạn đường nhiều mìn mà quân đội Đại Hàn đã gài trước kia. Họ phải đổi đường vào tỉnh lộ 436 để đi, nhưng cũng bị cộng quân chặn đánh ở năm chỗ. Trong số 60.000 binh sĩ rút đi, chỉ có 20.000 tới được Tuy Hòa. Trong số 400.000 dân đi theo, chỉ có 100.000 đến nơi. (11)

Khi nghe tin Kontum, Pleiku đã triệt thoái, binh sĩ của sư đoàn 23 được phái đi tiếp cứu Ban Mê Thuột cũng được lệnh rút về Khánh Dương trên đường đi Ninh Hòa. Trung Úy Trần Hùng thuộc Sư Đoàn 23 đi theo cuộc rút quân kể lại: "Lúc này dân ở Ban Mê Thuột và Phước An sợ Việt Cộng, chạy ra. Cả xe cộ lẫn người kéo nhau đi đầy đường. Dân và lính văn phòng không dám đi trước, chờ quân đội đi mở đường. Người đông, phương tiện vận chuyển lại không có, cuộc rút quân không được tổ chức chu đáo, anh nào anh ấy phải tự lo cho mình. Binh sĩ có vợ con ở hai tỉnh Kontum, Pleiku buồn rầu, mặt dài ra. Một số bỏ đơn vị,"

Việt Cộng đã mau lẹ chặn đường những toán quân định rút về Nha Trang. Cộng quân đã dùng xe cơ giới chạy trên đường lộ vượt trước quân triệt thoái để lập nút chặn. (15)

Hùng cùng một sĩ quan đồng khóa và tám quân nhân khác thuộc trung đội hộ tống băng theo đường rừng, nhắm

hướng Khánh Dương mà đi. Toán quân chỉ có một địa bàn biệt kích để định hướng. Không có bản đồ, họ phải nhắm theo ngọn đồi 1005 mà đi. Họ đi đến chiều thì gặp một đường mòn. Đường này dẫn tới một con suối. "Men theo suối, thấy có phân người. Rồi thấy sáu bảy chỗ đào lò để nấu cơm. Những lò này khá to, có lẽ đủ nấu ăn cho cả một tiểu đoàn. Bên cạnh còn thấy vỏ hộp thức ăn có chữ Tàu. Anh em sợ quá, tránh né, không dám vào sâu nữa. Lại băng rừng để tiếp tục hướng Khánh Dương. Vì không biết vùng này của bạn hay địch, anh em thấy một đám người mà không dám nhập bọn. Đi tới tối thì ngủ ngay tại rừng. Sáng sau dậy, lại đi tiếp. Nhờ có chút lương khô, anh em ăn tạm. Leo qua được hai ngọn đồi, vài binh sĩ kêu mệt quá. Hai đồi này trọc cây, cỏ khô rụi. Ngọn đồi thứ ba có cỏ lau mọc cao tới đầu người. Người đi sau khó nhìn thấy người đi trước. Đi một lúc, Hùng thấy một hai chiếc đầu thấp thoáng ở phía trước. Hùng nghĩ bạn đồng ngũ, kêu 'ê! ê!' Người đi trước nghe kêu, ngừng lại, nói:

"Đi lên đây."

"Lên chứ," Hùng đáp.

"Bỏ súng, lên đây," người kia nói tiếp.

Hùng thấy anh ta nhìn mình chằm chặp. Hai người chỉ cách nhau chừng 10 thước. Hùng thoáng thấy quần áo mầu xanh và băng đạn vòng kiểu AK. Hùng lúc ấy còn mặc quân phục, đeo lon, nón sắt, ba-lô, Anh vội nhảy xuống sườn dốc, tụt lẹ. Người kia bắn theo một loạt, rồi ném theo một trái lựu đạn. Một binh sĩ cũng tụt theo Hùng, nhưng văng mất súng. Hùng may mắn còn khẩu súng Colt.

Xuống quá nửa đồi, Hùng mệt quá nằm nghỉ.

Nghỉ một lúc, Hùng nghe tiếng sột soạt. Rồi một bóng người thấp thoáng. Hùng chĩa súng về phía người lạ, sẵn sàng nhả đạn. Hùng nín thở. Bóng người vẫn tiến lại gần.

"Ố phe ta!" Hùng mừng tỡ thốt ra lời. Anh này là một Địa Phương Quân.

Đội ngũ của Hùng lúc này lại thành ba, và tiếp tục xuống đồi.

Đến chân đồi, toán của Hùng lại thấy tiếng sột soạt. Một binh sĩ nữa xuất hiện. Anh ta xưng là lính ở Ban Mê Thuột. Hùng hỏi tiểu khu trưởng là ai, anh ta trả lời đúng. Hùng cho anh ta đi theo, nhập bọn.

Bốn người đi tới chiều ngồi nghỉ, mở lương khô ra ăn. Họ thấy thấp thoáng hai người có mang súng từ trên đồi đang đi xuống. Không biết hai người này là bạn hay thù, họ phải lẩn tránh và tìm đường khác đi luôn. Nhắm hướng Khánh Dương, cả toán đi mãi cho tới tối, không còn nhìn thấy đường nữa, mới chịu ngừng chân. Ban đêm ngủ trong rừng, Hùng nghe tiếng trẻ con khóc ở phía xa xa.

Sáng sau bốn người tiếp tục cuộc băng rừng. Đi khoảng hai tiếng đồng hồ, thấy một đoàn chừng 100 người lẫn lộn vừa dân vừa lính, Hùng và các bạn liền nhập đoàn. Qua một quả núi, Hùng vui mừng nhìn thấy Khánh Dương, rồi từ đấy về Nha Trang.(16)

4

"Hỏa Ngục"

Nhiều tiếng súng nổ lẻ tẻ trong thành phố Đà Nẵng. Súng nổ không phải vì bắn nhau với đặc công Việt Cộng, mà là tiếng súng của một số binh sĩ cộng hòa bỏ đơn vị, rút chạy từ mặt trận về. Họ bắn để hả cơn giận, để thị oai, để lấy thực phẩm hoặc để chống lại quân cảnh. Không có người chỉ huy, lính không còn kỷ luật. Các cửa tiệm, cây xăng sợ cướp bóc, không dám mở cửa. Giao thông bị ứ đọng, nghẽn lối. Nhiều xe cộ ở ngoài đường bị đập bể, tháo gỡ phụ tùng. Một vài kho chứa thực phẩm bị cướp phá, hôi của. Cảnh sát không nhìn thấy ở ngoài đường. Người dân sống trong căng thẳng, hoang mang, lo sợ.

Vào mấy ngày chót trước khi mất vào tay Việt Cộng, Đà Nẵng là "thành phố hỗn loạn. Lính cướp bóc, bắn súng bừa bãi. Lính đủ loại: Bộ Binh, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân. Tôi phải cho đi dẹp. Cho xe thiết giáp M113 có lính đi theo, đi tuần tiễu. Cho tiểu đoàn Chiến Tranh Chính Trị dùng xe phóng

thanh và loa đi giải thích. Tôi ra lệnh bắn bỏ những quân nhân nào vô kỷ luật. Binh sĩ nào nghe lệnh chĩa mũi súng xuống đất thì được. Chĩa lên trời là tước khí giới. Chống cự là bắn,"(1) theo lời Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, quân trấn trưởng của Đà Nẵng vào mấy ngày cuối cùng. Tuần trước Duệ còn là tỉnh trưởng Thừa Thiên, kiêm thị trưởng cố đô Huế.

Đại Tá Thị Trưởng Đào Trọng Tường cũng nói: "Vào mấy ngày chót thành phố không còn kiểm soát được nữa. Hầu hết cảnh sát đã đào ngũ hoặc bỏ nhiệm sở. Một số binh sĩ cũng vậy, hoặc đào ngũ, hoặc không người chỉ huy. Tâm trạng họ lúc bấy giờ là bất bình, vì có tin đồn rằng chính phủ trung ương tại Sài Gòn bỏ miền Trung. Họ cho đó là bán đứng miền Trung, bán đứng quê hương của họ cho cộng sản, để chỉ giữ lại từ Nha Trang trở vào. Bất mãn, họ không còn muốn tuân lệnh, không nghĩ đến nhiệm vụ và công việc, mà chỉ lo làm sao tìm cách cho gia đình chạy được vào Sài Gòn." (2)

Người ở vùng khác chạy về thành phố để tìm hy vọng. Người ở thành phố lại lo tìm đường đi. Nhiều người tìm mọi cách vào Sài Gòn bằng mọi giá. Vé máy bay, vé tàu thủy đi Sài Gòn vì thế tăng vọt gấp bốn năm lần mấy ngày trước mà cũng khó mua nổi. Cửa vào phi trường đông nghẹt người, chen lấn nhau để tìm chỗ lên máy bay, tưởng như "tử thần đang đuổi ở phía sau, đến nỗi nếu có người té ngã thì bị dày xéo chứ không thể đứng dậy nổi," như lời một người thoát khỏi Đà Nẵng vào hôm cuối cùng trước khi thành phố mất.

Là bản doanh Quân Đoàn I và là một căn cứ trọng yếu của cả hải, lục, không quân, Đà Nẵng là nguồn hy vọng

chót để quân dân vùng I chạy về, sau khi không chặn giữ nổi đà tiến của cộng quân. Cùng với trận đánh Ban Mê Thuột, kéo theo cuộc rút chạy của Quân Đoàn II khỏi cao nguyên, cộng quân phối hợp mở luôn những cuộc tấn công ở năm tỉnh Quân Đoàn I.

Trước áp lực nặng nề của địch, Quảng Trị, Huế rút. Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Nam mất theo. Đến ngày 28/3 Đà Nẵng là giải đất chót còn sót lại ở vùng I.

Là thành phố lớn thứ nhì của Việt Nam, Đà Nẵng có dân số 600.000, thế mà chỉ trong vòng hai tuần lễ, con số này tăng vọt tới trên một triệu rưỡi vì những làn sóng người tràn về. Quân có. Dân có. Người dân tỵ nạn phờ phạc, ôm giữ hành lý, nằm ngủ cả ở vỉa hè, phóng uế bừa bãi ra lề đường. Lính tráng quần áo xộc xệch, súng cầm tay, đi lơ ngơ ngoài phố, cử chỉ bất mãn, dọa nạt.

Hôm 26/3 Tổng Thống Thiệu nói trên đài phát thanh quyết bảo vệ Đà Nẵng tới cùng. Thiệu rút sư đoàn Dù khỏi vùng I làm Trưởng bất bình vì lực lượng đã thua sút lại phải bố trí lại. Thiệu vì lý do chính trị không muốn bị chỉ trích là bỏ Huế, bỏ Đà Nẵng, nên tuyên bố giữ hai nơi.

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân Đoàn I, biết rõ ông không có đủ lực lượng để đối địch với cộng quân. Hơn một tháng trước đó, ông đã cho biết nếu cộng quân mở cuộc tấn công, chúng có thể chọc thủng phòng tuyến ở bất cứ chỗ nào.(3) Tướng Trưởng nói khi tiếp xúc với phái đoàn quốc hội Mỹ tới vùng I để cứu xét quân viện cho Việt Nam.

Lúc cộng quân chưa mở cuộc tấn công, Quân Đoàn I còn ba sư đoàn Bộ Binh, sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, bốn liên đoàn Biệt Động Quân cùng một số lực lượng thiết

giáp, pháo binh và những lực lượng võ trang khác. Vào cuối tháng 3, các lực lượng trên không còn nguyên vẹn. Có sư đoàn đã bị loại khỏi vòng chiến. Có sư đoàn bị què quặt. Có đơn vị đã tan.

"Tôi mất hết cả. Mất cả sư đoàn. Mất binh sĩ. Mất đất đai. Tôi chẳng còn gì nữa. Danh dự cũng không còn," Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Điểm, tư lệnh sư đoàn 1 Bộ Binh khi về tới Đà Nẵng đã than thở với Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại. (4)

Lực lượng của cộng quân ở vùng I trong khi đó có năm sư đoàn, 9 trung đoàn biệt lập, 3 trung đoàn đặc công, 3 trung đoàn thiết giáp, 8 trung đoàn pháo binh, 12 trung đoàn phòng không, tương đương với khoảng 8 đến 10 sư đoàn. (5)

Tướng Trưởng nhận chức tư lệnh Quân Đoàn I vào năm 1972 và được coi là một tướng lãnh xuất sắc của Nam Việt Nam. Trong phiên họp hôm 28/3 quân đoàn đã nhận định Đà Nẵng như một cái túi, ở trong túi đó thì nguy hiểm. Quân đội phải bố trí ở phía ngoài, có bề gì thì rút ra biển, có sẵn tàu đợi ngoài khơi.

Đà Nẵng trong tình trạng hỗn loạn và căng thẳng đó như một trái bóng hơi được bơm thật phồng, chỉ cần móng tay sắc hoặc một mũi kim nhỏ là trái bóng nổ xẹp.

Chập tối các giới chức quân sự cao cấp ở Đà Nẵng nhận được tin cộng quân sẽ pháo kích mạnh vào sáng sớm hôm sau và tiếp theo đó mở cuộc tấn công.

Cuộc pháo kích đã đến sớm hơn mấy tiếng đồng hồ. Hai mục tiêu chính là phi trường Đà Nẵng và bến tàu Tiên Sa.

Trung Uý Không Quân Phan Ngọc Danh có mặt tại phi trường Đà Nẵng lúc Việt Cộng pháo kích. Đài radar của phi trường bị trúng đạn, hư hại vào khoảng 10 giờ tối. Danh cố liên lạc với chỉ huy trưởng và các giới chức quân sự nhưng không gặp ai. Danh chạy ra hầm trú ẩn. Danh thấy một số trực thăng đã nổ máy sắp sửa cất cánh bay đi. Có chiếc lên được, có chiếc không. Danh băng qua phi đạo, lên được một trực thăng đi theo phi công bay sang Sơn Trà. Danh ở đó, hy vọng tìm được người anh làm ở căn cứ tiếp vận.

Tiên Sa là một căn cứ hải quân. Bộ Tư Lệnh Duyên Hải Vùng I đặt tại đây dưới quyền Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại. Cuộc pháo kích Tiên Sa nhằm khống chế và làm tê liệt quân cảng này. Thoại cho hay hải quân lúc đó quy tụ được 27 tàu lớn, chừng 150 tàu nhỏ đủ loại. Các tàu này đậu ở ngoài khơi, xa tầm súng của địch. Bộ tham mưu của Thoại đặt trên soái hạm HQ 5. "Hồi đó mình anh hùng, không ở trên tàu an toàn hơn, mà ở trên bộ, là để tỏ cho thấy quyết tâm ở lại với mọi người," Thoại cười nói.

Bản doanh của Thoại ở khu hầm trước kia được Mỹ xây cất kiên cố trong lòng núi Sơn Trà. Có mặt ở đấy tối hôm đó còn có Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, tư lệnh sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và cả Trung Tướng Trưởng. Tướng Trưởng, mặc quân phục Thủy Quân Lục Chiến, sang đây cùng với sĩ quan tùy viên.

"Tướng Trưởng là người ít nói, tối đó ông trầm ngâm, tư lự nhiều hơn," theo lời Đề Đốc Thoại. Có lúc nói điện thoại với Tổng Thống Thiệu, Tướng Trưởng xin được "mềm dẻo" trong việc quyết định về Đà Nẵng.

Có lúc cộng quân còn pháo kích bên ngoài, Thoại nhận thấy Trưởng không có mặt trong văn phòng bản doanh hải quân. Thoại hỏi binh sĩ thuộc viên thì được biết Trưởng đi ra ngoài. Binh sĩ liền đi tìm và thấy Trưởng đang đi loanh quanh, đầu không đội nón sắt. "Tướng Trưởng là người không bao giờ mặc đồ trận mà không có nón sắt trên đầu. Những quân nhân không đội nón sắt thường bị ông khiển trách," Thoại nói.(6)

Trưởng trở vào trong Bộ Tư Lệnh Hải Quân vùng I. Khoảng nửa đêm một chiếc trực thăng đáp xuống Tiên Sa. Trưởng im lặng bước ra. Thoại đi theo, quân phục tác chiến, tay cầm súng. Đó là loại trực thăng tản thương, chỉ có hai chỗ ngồi phía trước: một cho phi công và một còn trống. Sau hai ghế là khoảng trống, thường dùng làm chỗ để cáng chở thương bệnh binh. Tướng Trưởng bước lên máy bay. Thoại, một tay giữ súng, tay kia chào Trưởng, rồi nói "Xin vĩnh biệt Trung Tướng. Chắc mình không có dịp gặp lại nhau." (7)

Tướng Trưởng gật đầu chào lại, không nói gì. Máy bay cất cánh sau đó.

Lúc Việt Cộng pháo kích, Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ chạy tới Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I. Thấy Bộ Tư Lệnh trống trơn không còn ai, Duệ cùng mấy thuộc viên lên xe jeep tìm đường chạy. Duệ kể: "Lúc ấy mình không biết đi đâu, chỉ biết tài xế chạy ra bãi biển. Mình mới ở Huế vào, đâu có quen thuộc Đà Nẵng. Đi một hồi may làm sao lại thấy có trực thăng. Tới nơi mới biết trên trực thăng có ông Trưởng. Máy bay của ông bị hỏng, đang chờ trực thăng khác đến đón. Chiếc trực thăng đến sau có ông Khánh (Nguyễn Văn Khánh, tư lệnh sư đoàn 1 Không Quân).

Tướng Trưởng bảo tôi đi cùng. Mấy đàn em của tôi sáu bảy đứa cũng nhảy tuốt lên theo. Không đủ chỗ, một đứa phải ngồi lên lòng ông Trưởng. Lúc đó ông cũng xuề xòa. Phi công thấy nhiều người quá, tỏ ý e ngại không biết có bay nổi không. Nhưng rồi cũng bay."

Việt Cộng pháo kích phi trường Đà Nẵng, nhưng không pháo kích phi trường ở Non Nước. Nằm về phía nam Đà Nẵng chừng 10 cây số trên đường đi Hội An, Non Nước là một căn cứ Thủy Quân Lục Chiến và là nơi đặt bộ tư lệnh sư đoàn. Non Nước trước đấy hơn một tuần còn là căn cứ của sư đoàn Nhảy Dù. Khi sư đoàn này rút khỏi vùng I, căn cứ được giao lại cho Thủy Quân Lục Chiến cũng mới từ Quảng Trị rút về.

"Vì phi trường Đà Nẵng bị pháo, một số phi cơ bay đến Non Nước," Trung Tá Nguyễn Văn Phán, chỉ huy trưởng căn cứ Non Nước kể lại. "Có những chiếc bay đến rồi lại bay đi. Thấy phi cơ bay lên bay xuống nhiều, tôi e ngại Việt Cộng có thể pháo theo. Vả lại lúc này mình thấy cũng cần có phi cơ, tôi xin lệnh trên cho giữ lại những phi cơ nào đáp xuống. Máy bay nào xuống rồi, muốn cất cánh, phải có lệnh của tôi. Quá nửa đêm, quân cảnh báo cho biết có một trực thăng vừa đáp xuống là của cấp tướng. Tôi liền đích thân ra tận nơi. Từ trên phi cơ bước xuống có Trung Tướng Trưởng, Chuẩn Tướng Khánh và một số sĩ quan khác trong đó có Đại Tá thị trưởng Huế. Phái đoàn được mời vào văn phòng Bộ Tư Lệnh sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Tại phòng khách sư đoàn, Trung Tướng Trưởng ngồi ở chiếc ghế bành đầu bên kia. Mấy sĩ quan kia ngồi chung ở chiếc sô-pha dài bên cạnh. Đầu này

là Đại Tá Nguyễn Thanh Trí, tư lệnh phó Thủy Quân Lục Chiến. Tôi đứng ngay cạnh ông Trí.

"Tướng Trưởng ngồi xuống ghế, để chiếc cặp lên bàn, rồi rút khẩu colt P.38 ra đặt lên cặp. Xong ông rút thêm khẩu súng nhỏ nữa, bảo súng này do một sĩ quan hải quân cho. Đó là khẩu súng hai nòng, màu trắng, có hai viên đạn ở trong.

"Thấy tướng Trưởng đăm chiêu, không nói và có dáng điệu hơi khác lạ, ông Trí bấm tay tôi. Tôi hiểu ý, từ từ bước sang đứng xê xế phía sau tướng Trưởng. Nếu có gì, tôi sẽ mau lẹ, phản ứng tức thời.

"Rồi Tướng Trưởng hỏi tình hình anh em Thủy Quân Lục Chiến hiện nay ra sao. Ông Trí báo cáo những chỗ đóng quân của Thủy Quân Lục Chiến: một lữ đoàn ở Non Nước, một lữ đoàn khác ở hòn núi kế cận, và một ở đèo Hải Vân.

"Tướng Trưởng trầm ngâm một lúc, rồi ông đứng phắt dậy quay chào tướng Khánh và những người khác. Ông ba sao chào ông một sao! Rồi bảo: 'Thôi các anh đi đi. Tôi ở lại đây với anh em Thủy Quân Lục Chiến.'

"Mọi người sững sờ, im lặng. Không ai nói gì. Một lát sau tướng Trưởng đứng dậy chào lần nữa và dục mọi người đi. Tướng Khánh bấy giờ mới nói 'Khi nào Trung Tướng cho lệnh, tôi sẽ trở lại đón Trung Tướng.' Tướng Khánh và mọi người sau đó ra đi.

"Những người kia đi rồi, Tướng Trưởng vẻ mệt mỏi rõ rệt, nói 'Tôi muốn nằm nghỉ một chút.'

"Chúng tôi cho người dọn phòng, trải khăn trắng lên giường. Ông nằm nghiêng, quay mặt vào tường. Ông nghỉ một lát, chừng 15 phút thì dậy. Rồi ông hỏi có gì ăn không. Chúng tôi mở một hộp thức ăn đưa cho ông.

"Ăn xong, ông quay sang bảo ông Trí: 'Tôi muốn đi thăm Đức Cha Chi (Phạm Ngọc Chi, giám mục địa phận công giáo Đà Nẵng).

"Ông Trí và tôi trình bày đường đi Đà Nẵng rất khó khăn. Từ mấy ngày qua, đường phố đông người, kẹt xe lắm. Nhưng Tướng Trưởng vẫn tỏ ý nhất quyết đi. Chúng tôi phải thu xếp để hai xe quân cảnh hộ tống ông đi. Chừng hơn giờ sau ông trở về, nói: 'Tôi đã gặp được Đức Cha Chi. Tôi đã nói hết những gì cần nói. Tôi nhờ Đức Cha giúp tôi và dân chúng, chứ tôi không thể làm gì hơn được nữa.'" (8)

Tướng Trưởng ở lại đấy với Thủy Quân Lục Chiến.

Phán lát sau được lệnh chuẩn bị để chuyển quân sang núi Sơn Trà, và đơn vị khác đến thay thế. Phán nói: "Đêm đã khuya. Muốn di chuyển một lực lượng cả một lữ đoàn đâu phải truyện dễ. Phương tiện di chuyển lại không có. Để chở số quân đó, phải có ít là 40 chiếc xe vận tải. Kiếm đâu ra 40 chiếc lúc đó!

"Trong lúc chuẩn bị di chuyển, tôi nghe lính la lên 'có tàu ở ngoài khơi đang đi vào.' Trời hãy còn mờ mờ. Lúc đó khoảng 5 giờ sáng. Tôi nhìn ra biển, thấy một chiếc tàu đi vào, sau thấy một chiếc nữa, rồi một chiếc nữa. Anh em mừng quá. Chúng tôi được lệnh rút ra tàu.

"Chỗ này không có bến tàu, chỉ có bãi biển. Tàu không vào bãi được. Bãi nông, sợ mắc cạn, tàu phải đậu ở ngoài khơi. Anh em túa ra biển. Lội, bơi ra tàu. Có người dùng vỏ xe hơi làm phao để bơi ra.

"Một số xe thiết giáp cũng nhào xuống bãi, theo Thủy Quân Lục Chiến để ra tàu. Họ cho xe chạy xuống nước, định dùng xe làm cầu để đi ra, nhưng đâu có được. Xe ra xa bị chìm mất tiêu. Vài binh sĩ thiết giáp không đi được, nổi giận quay súng bắn về phía tàu. Khi thấy bị bắn, tàu lui ra xa hơn.

"Tôi cởi bỏ quần áo. Chỉ mặc quần xà lỏn, giữ lại áo chấn đạn làm phao cho dễ nổi. Tôi cùng Tướng Trưởng bơi ra tàu. Tàu đậu trông tưởng gần, mà bơi mãi không tới. Tướng Trưởng hơi đuối sức. Tôi dìu ông ở nách bên trái. Ông Trí xốc nách ông ở bên phải. Mãi rồi chúng tôi cũng tới nơi, lên được chiến hạm HQ 404. Tướng Trưởng được đưa vào phòng hạm trưởng nghỉ ngơi. Ông dặn không tiếp ai hết."

"Ở trên tàu một lát, tôi thấy có chiếc trực thăng bay lại, đậu ngay trên bãi cát sát mép nước biển. Một số người trên máy bay nhảy ra, cởi quần áo, lội xuống biển. Từ đài chỉ huy của chiến hạm, tôi dùng ống nhòm nhận ra đó là phi cơ của tướng Khánh, tư lệnh sư đoàn Không Quân. Ông Khánh và mấy người nữa cố bơi ra tàu. Khi gần đến tàu, tướng Khánh kiệt sức. Nhìn thấy ông ta quơ tay chới với như sắp chìm, tôi liền nhảy xuống, bơi đến dìu ông ta lên được tàu." (9)

Theo Đại Tá Duệ, chiếc trực thăng rời Non Nước bay ra Hòn Ré, nơi bộ tư lệnh sư đoàn 2 của Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt được hải quân chở ra hai ngày trước. Cù lao Ré nằm gần Chu Lai, cách bờ biển chừng 30 cây số. Vì đêm tối và có nhiều sương mù không nhìn thấy gì, máy bay lại sợ hết xăng, đành quay trở lại Đà Nẵng. Nhìn thấy tàu ở đây, máy bay đáp xuống liền.

Tiễn đưa Tướng Trưởng lên trực thăng đi, Phó Đề Đốc Thoại trở lại bản doanh gặp Thiếu Tướng Bùi Thế Lân. Hai người cùng một số tùy tùng rời Đà Nẵng. Thoại và Lân bước ra, đi về phía trực thăng của Lân còn đậu ở bãi đáp.

"Đi đâu đây?" Lân hỏi Thoại.

"Lấy trực thăng của anh ra soái hạm chớ," Thoại trả lời.

"Trực thăng hỏng rồi, không bay được. Bình xăng bị lủng vì pháo kích," Lân điềm nhiên nói.

"Chết cha rồi! Sao anh không nói trước?" Thoại sững sờ kêu.

Lân biết trực thăng hư, nhưng không hoảng hốt vì nghĩ Thoại có tàu hải quân đến đón. Bây giờ tàu không có. Tàu vào bến Tiên Sa thì sợ pháo kích.

Thoại lại được báo cáo dân và gia đình binh sĩ ở ngoài căn cứ đang tìm cách ùa vào. Rồi lại có tin đặc công Việt Cộng trà trộn trong dân để hướng dẫn pháo binh bắn. Thoại và Lân liền quyết định cùng binh sĩ đi đường bộ, băng qua rừng, sang phía bên kia núi Sơn Trà. Thoại và Lân xách súng, mang theo mấy băng đạn, lên đường.

"Anh có la bàn không?" Thoại hỏi Lân.

"Làm gì có," Lân đáp.

"Làm tướng đi trận mà không có la bàn. Biết hướng nào mà đi," Thoại còn đùa.

Thoại kể:"Trời tối, đoàn người phải lần đường mà đi. Lấy súng gạt cành cây, bụi rậm để có lối đi. Vậy mà quần áo vẫn rách nát. Tay chân, mặt mũi bị gai góc đâm sước, rướm máu."(10)

Đi tới gần sáng, nhóm người này mới tới bãi biển phía bên kia núi Sơn Trà. Thoại dùng máy liên lạc với hải quân. Một chiếc tàu nhỏ đi gần đấy bắt được tiếng nói của Thoại, liền chạy đến đón tư lệnh. Tàu đậu ngoài xa, đoàn người phải lội ra ngoài mới lên được tàu.

Việt Cộng trong đêm pháo kích phi trường và căn cứ hải quân ở Đà Nẵng, nhưng không pháo vào thành phố. Đại Tá Tường, thị trưởng, cùng bộ tham mưu ở trên một chiếc tàu nhỏ, chạy đi chạy lại trên sông Hàn. Chiếc tàu này đã được chuẩn bị từ vài ngày trước.

Khi thấy tình hình trầm trọng, Đại Tá Tường muốn bộ tham mưu đầu não của Đà Nẵng lúc nào cũng ở sát bên nhau để kịp ứng phó với biến chuyển. Bộ tham mưu này gồm có thị trưởng, phó thị trưởng, cảnh sát trưởng, bí thư cùng hai cận vệ. Tường cũng bảo cảnh sát trưởng tìm sẵn phương tiện lưu động có thiết lập hệ thống truyền tin để liên lạc thường xuyên được với những đơn vị của thị xã. Cảnh sát trưởng liền thu xếp với hãng tàu chở khách ở Đà Nẵng dành riêng cho một chiếc.

Tối 28/3 khi được báo nhà bên cạnh của lãnh sự Mỹ Albert Francis đã bỏ trống và Francis đã rời Đà Nẵng, Tường cùng bộ tham mưu rời tòa thị chính. Cảnh sát trưởng hướng dẫn tới chiếc tàu nhỏ đậu ở bến gần tòa thị chính.

Tàu này trước thường dùng để chở hành khách ngang sông Hàn qua bờ vịnh bên kia. Tường kể: "Tối đó tàu chạy dọc theo sông, ra cửa vịnh rồi quay lại, cứ đi đi về về như vậy. Chạy ra cửa biển, nhìn thấy đèn sáng ở những

chiếc tàu ngoài khơi là biết ngoài đó có sẵn tàu Mỹ và tàu Việt để di tản.

"Khi Đà Nẵng chưa bị tấn công, chưa mất, tôi không muốn bỏ đi, dù có phương tiện. Tôi chỉ muốn rời Đà Nẵng khi nào tình hình thật sự nguy kịch. Mình không phải là không sợ nguy hiểm. Mình chỉ muốn làm trọn nhiệm vụ của mình, để lương tâm mình cảm thấy trong trắng, thanh thản.

"Mình cũng có nói với một số cảnh sát và nhân viên trên tàu là tình hình không có gì sáng sủa. Tôi sẽ ở lại Đà Nẵng cho tới lúc chót. Tôi không có ý giữ anh em ở lại với tôi. Ai thấy cần lo cho gia đình thì cứ việc đi lo cho vợ, cho con. Còn ai muốn ở lại với tôi thì ở. Mình nói thế, chẳng có ai bỏ đi. Nhưng đến đêm khuya, vì quá mệt mỏi, lại bị đau đầu và đau cổ nặng, mình ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy được biết trong số 25 cảnh sát đi theo tàu lúc nãy, chỉ còn lại có hai người. Hai anh này không có gia đình hay thân nhân nào ở Đà Nẵng. Gia đình họ ở cả Sài Gòn.

"Đến gần sáng, khoảng năm giờ, tàu quay trở về bến gần tòa thị chính. Tôi định ghé lại văn phòng. Tôi và các cộng sự viên lên bờ, ở chỗ đậu xe buổi tối trước khi xuống tàu. Tới nơi không thấy xe, một dấu hiệu tình hình quả là lộn xộn. Mấy người kia đều mặc thường phục. Riêng tôi còn áo nhà binh, còn cả lon nữa. Ông bí thư thấy vậy choàng cho tôi chiếc áo khoác ngoài, che kín bộ quân phục. Mới đi một khúc trên đường đến tòa thị chính, chúng tôi thấy mấy người từ phía trước chạy lại, dáng điệu vội vàng và hùng hổ. Họ ngừng lại, hớt hải hỏi chúng tôi 'Có thấy tên trưởng trại tù chạy qua đây không?' Mọi người giật mình, còn đang ngơ ngác, thì ông phó thị trưởng

đáp 'Có người vừa chạy qua đây theo hướng này, không biết có phải ông ta không.' Mấy người kia liền chạy theo hướng tay chỉ. Thấy đám tù vừa ở ngục ra đi tìm viên giám đốc để trả thù, anh em biết là tình hình nguy kịch lắm, liền bảo nhau đi luôn.

"Tôi định quay lại tàu để đi. Nhưng tôi nghĩ còn những người mình đã bảo họ ở lại nhiệm sở, nay mình đi mà không báo cho họ biết thì mình áy náy, không an tâm. Tôi đặc biệt nghĩ tới ông đại úy cảnh sát ở phường Hải Châu, ông ta vẫn tiếp tục báo cáo tình hình thị xã cho mình biết. Lúc đó liên lạc điện thoại với phường lại không được. Chúng tôi bàn nhau kiếm một chiếc xe để đi.. Ngồi xe thì bớt lộ diện hơn là đi bộ, và cũng an toàn hơn, nhưng phải tìm chiếc xe nào cũ kỹ để người ta không để ý. Cảnh sát trưởng kiếm được xe, chúng tôi chạy qua tòa thị chính. Thấy nhân viên còn đứng gác, chúng tôi vẫy lại, bảo anh ta nói với mọi người về đi. Rồi chúng tôi liên lạc được với phường Hải Châu, bảo anh em tìm đường ra biển. Báo được cho hai nơi này, tôi thấy thư thái, yên tâm để rời Đà Nẵng. Một phụ tá của tôi ngỏ ý muốn ghé lại nhà để lấy chiếc va-li còn bỏ quên. Tôi phải nói 'lúc này va-li quý hay mạng sống của anh quý. Xe ghé qua nhà, hàng xóm biết ngay anh là ai. Họ biết anh thì nguy lắm.' Nghe vậy, anh ta đồng ý không trở lại nhà nữa. Thế là chúng tôi lên tàu rời Đà Nẵng. Lúc ấy vào khoảng chín, mười giờ sáng."

Chiếc tàu chở Tường là loại tàu chạy trên sông, chứ không phải tàu đi biển. Dù vậy tàu vẫn tiếp tục ra khơi, hy vọng sẽ gặp tàu Mỹ hoặc tàu hải quân Việt Nam. Thật vậy, tàu rời Đà Nẵng không lâu thì gặp hai tàu khác đang

đậu gần nhau. Một chiếc là thương thuyền Đại Lộc, còn chiếc kia là tàu tuần tiễu của hải quân. Tường xưng danh đại tá và xin cho mọi người được lên tàu Đại Lộc. Chủ tàu Đại Lộc cũng mừng rỡ khi tiếp nhận thêm người mới. Chủ tàu sau đó rỉ tai cho biết tàu tuần tiễu đã chặn tàu của ông lại và đòi đưa một triệu rưỡi mới cho đi. Vì chủ tàu không có đủ tiền, hai bên còn giằng co, thương lượng.

Tường đứng ra hòa giải, bảo đại úy hải quân:"Việt Cộng đã vào Đà Nẵng rồi. Lúc này lo chạy đi, chứ chần chừ ở đây làm gì nữa. Nó mà ra, nó chộp được, thì đâu còn gì?" (11)

Tàu hải quân thấy vậy liền từ từ rút đi. Tàu Đại Lộc sau đấy vội vã lên đường.

Cũng rời Đà Nẵng vào lúc nguy kịch là Đào Mạnh Dũng, thuộc đoàn 72 Lôi Hổ đóng ở Sơn Trà. Người rắn rỏi, nhanh nhẹn, nhiều năng động và hoạt bát, Dũng là trung sĩ biệt kích, 21 tuổi. Tối hôm 28, toán của Dũng nhận được lệnh di tản và được thông báo có tàu hải quân đến đón. "Bị hải quân không đến đón như đã hẹn, tụi này thổi cơm ăn. Cứ ăn đã. Đàng nào cũng chết, để mai tính," Dũng vui vẻ kể truyện khi về Sài Gòn trong tháng 4, 1975. "Cơm xong, lái xe đi quân lao, cứu được mấy đứa bạn bị giam, đồng thời gặp được mấy đứa khác ở ngoài đường, cả thảy tổng cộng 17 người."

Sáng ra nhóm Lôi Hổ tìm những thùng xăng bằng sắt, ghép lại làm thành bè, định bơi ra biển, nhưng gặp gió thổi ngược, bè không ra xa được. Dũng và bạn liền lên bộ. Dũng nhìn thấy ở bến Tiên Sa người ta vẫn ngồi chen chúc nhau trong những chiếc xà lan đậu ở bến. Không có tàu

nào ở đấy mà họ vẫn ngồi chờ. Chạy quanh bãi biển, nhóm biệt kích không tìm được tàu thuyền nào để di tản. Họ chạy sang bãi biển Mỹ Khê, gặp một thuyền đánh cá nhỏ, dài chừng mười thước. Họ bắn súng, bắt thuyền vào bờ. Trên thuyền có một đại úy. Cả 17 người leo lên, bảo thuyền chạy ra biển Chạy chừng nửa giờ thì gặp một xà lan móc sau một chiếc tàu.

"Khi thuyền cách xà lan chừng 10 thước, ba Thủy Quân Lục Chiến đứng trên xà lan bắn chặn đầu không cho thuyền chạy tới," Dũng kể truyện. "Tụi em lia một loạt. Một tên trúng đạn ngã xuống biển, hai tên kia quẳng súng. Chúng em leo lên xà lan, chia nhau đi áp đảo Thủy Quân Lục Chiến, tước súng chúng, dồn chúng ngồi vào một chỗ. Chúng em nói ai bướng bỉnh, hoặc gây rối loạn, sẽ bị bắn bỏ xuống biển. Chiếc tàu chúng em lên là tàu Long Hồ, lúc ấy đầy nhóc người. Một đại tá xưng danh quân đoàn đòi vào phòng lái, chúng em không cho vào.

"Cảnh tượng trên xà lan thật thê thảm. Toàn người là người, ngồi bó gối sát nhau, không có kẽ hở. Dân chúng trên tàu đói khát. Có người phải mua 10.000 đồng một bi đông nước hay một gói kẹo cho con. Thấy thế, tụi em tức quá, mắng 'lúc này không cưu mang nhau, còn giữ 10.000 đồng làm gì?' Chúng em cho tổ chức đi phát nước, phát gạo. Tụi em sáu đứa chia nhau một khẩu phần cơm sấy. Thấy mấy tên lính đầy nhóc tiền và vàng trong túi áo, chúng em bắt bỏ ra. Ai bị mất thì đến lấy. Dân chúng thích quá, nói 'trông mấy cậu dữ dằn quá, ai ngờ lại tốt thế.'"(12)

Buổi sáng hôm 29/3 tại tòa soạn báo Dân Chủ ở Sài Gòn chúng tôi băn khoăn về việc Trần Quang bị kẹt. Quang lúc ấy quả thật đang bối rối, hốt hoảng tại Đà Nẵng.

Mua được năm vé máy bay của Hàng Không Việt Nam mới ngày hôm trước nhờ sự giúp đỡ của ông đại diện hãng không, Quang dậy sớm, yên trí có phi cơ vào Sài Gòn. Đưa gia đình đến trạm hàng không để đón xe đi phi trường, Quang trố mắt nhìn thấy trạm Hàng Không đã bị đập phá tan hoang. Hỏi dò, Quang và gia đình biết không còn chuyến bay nào khác nữa. Biết không thể kéo nhau cả nhà cùng đi, Quang từ giã gia đình, tìm đường chạy.

Quang vội vã thuê xe ôm lên phi trường xem tình hình. Cảnh tượng ở đây khác hẳn hôm trước. Quần áo lính, quần áo đàn bà và trẻ con nằm ngổn ngang trên đường tráng nhựa. Ở phía xa mấy chiếc khu trục và trực thăng, có lẽ bị hư, nằm trơ giữa phi đạo hoặc nhà chứa máy bay. Một số người vẫn đứng bơ vơ ở phi trường, dù không thấy có dấu hiệu nào có phi cơ cất cánh. Không đi được Sài Gòn, họ vẫn không muốn trở về nhà.

"Bỗng nhiên những ánh mắt vô hồn sáng rực lại," Quang kể truyện. "Từ trên tầng mây cao tít, một chiếc máy bay xuất hiện. Chiếc máy bay giảm dần độ cao như muốn hạ cánh. Một người kêu lớn "Bô inh (Boeing)! Bô inh xuống!" Chiếc máy bay xuống thấp thêm trong nỗi vui mừng của đám người dưới đất. Phi cơ không xà xuống phi đạo mà lượn nửa vòng rồi vọt nhanh mất hút về phía biển. Nét mặt mọi người trở lại ủ ê, thảm thương. Niềm hy vọng của họ tắt ngúm như điếu thuốc rơi xuống ly nước.

"Quang thấy nổi da gà, lành lạnh. Quang rùng mình. Lần đầu tiên trong đời Quang cảm thấy lạc lõng, bàng hoàng."(13)

Trước đó chiếc máy bay của hãng World Airways đáp xuống phi đạo để chở người tỵ nạn đã bị hàng ngàn lính và dân đổ xô đến, chen lấn, bắn nhau để lên. Chiếc phi cơ vội vã cất cánh trong lúc bị bắn đuổi theo, mang được 268 hành khách hầu hết là quân nhân, chỉ có hai đàn bà và một trẻ em. Vì hết chỗ, có người chui vào khu chở hành lý, bị lạnh cóng. Mấy người chui vào hộc bánh xe của phi cơ. Khi máy bay lên trời, cụp bánh xe lại, một người lính bị kẹp chết, súng còn đeo ở vai, chân thò xuống dưới bụng phi cơ. Đi theo và tường thuật chuyến bay này, phóng viên Paul Vogel của hãng thông tấn UPI đã gọi đó là "chuyến bay vào địa ngục." Phóng viên của đài truyền hình CBS cũng đi trên chuyến bay và thu hình. Bài tường thuật của Vogel cùng hình ảnh người lính chết thòng chân ở máy bay đã được đăng trên trang nhất các báo ra ngày chủ nhật Lễ Phục Sinh 30/3. Tổng Thống Ford khi xem thấy cảnh đó đã nói: "Đến lúc rút giây. Việt Nam mất rồi." (14)

Hết hy vọng bay khỏi Đà Nẵng, Quang tìm đường sang Tiên Sa để tìm tàu thuyền, nhưng cũng không được. Trở lại thành phố vào lúc trưa, Quang thấy cờ Việt Cộng đã trương lên trên nhiều đường.

Thất vọng, Quang đến người bạn Nguyễn Trần Anh ở văn phòng Việt Tấn Xã. Văn phòng nằm gần tòa thị chính, không xa bến tàu. Buổi sáng, Trần Anh đã đi tìm tàu chạy khỏi Đà Nẵng. Trần Anh kể lại: "Thấy một chiếc tàu của hãng vận tải Trường Hải bị nhiều người chen lấn nhau xuống, nước mấp mé mạn tàu không tới một gang tay, tôi không dám nhảy lên tàu. Tôi nghĩ đây là loại tàu nhỏ, chạy ven biển, lại quá nhiều người, làm sao đi nổi. Lát sau vì chen lấn nhau quá, tàu bị nghiêng, rồi lật. Có người bị chết đuối."

Trần Anh trở lại văn phòng và chứng kiến chuyến trực thăng chót của Mỹ tới bốc Thủy Quân Lục Chiến Mỹ ở tòa lãnh sự. Chừng 12 giờ rưỡi trưa, Anh thấy xe tăng Việt Cộng tới và cờ Việt Cộng kéo lên ở tòa thị chính. Anh gửi bức điện chót về cho Việt Tấn Xã ở Sài Gòn: "Rất tiếc không gặp lại được các anh. Tòa thị chính đã bị đốt. Ba chiến xa Việt Cộng đang chạy trên đường phố. Phố xá đầy cờ Phật Giáo và cờ cộng sản. Xin chuyển hộ cho cậu mợ tôi 'Con rất tiếc không được gặp cậu mợ nữa. Vĩnh biệt cậu mợ'"(15)

5

Niềm Tin Sắt Đá

Trong gia đình tôi hai người ngán Việt Cộng hơn cả là tôi và ông bố vợ. Quá khứ hoạt động của chúng tôi trong mấy chục năm qua, mối liên hệ với các chính quyền quốc gia và người Mỹ, cùng thái độ bác khước chủ nghĩa cộng sản cho thấy rõ chúng tôi không có chỗ đứng nào khi cộng quân vào Sài Gòn.

Chỉ riêng vụ tôi làm việc tại Phủ Tổng Thống, đảm trách bộ biên tập cho tờ báo của đảng cầm quyền là đủ để tôi bị bắt ngay khi cộng quân vào nắm quyền. Thêm vào đấy, tôi còn là đại úy trong quân đội, từng kiểm duyệt báo chí về tin tức quân sự. Trước đấy tôi là biên tập viên đài phát thanh Sài Gòn, và những năm gần đây còn làm việc cho cả báo chí Mỹ.

Bố vợ tôi đã từng làm việc với Bộ Tổng Tư Lệnh Việt Minh, từng có dịp gặp gỡ Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, cùng quen biết nhiều tay chóp bu cộng sản trước khi đào ngũ "dinh tê" về Hà Nội. Ông về thành được ít lâu, có

người ở chiến khu trốn về báo cho biết ông bị kết án tử hình khiếm diện. Di cư vào nam, ông có gần hai chục năm làm việc cho Phái Bộ Viện Trợ Mỹ (USAID). Quá khứ của ông như vậy hẳn khó được cộng sản để yên.

Viễn ảnh tương lai đen tối của vợ con yếu đuối và thơ dại trong đời sống khổ cực dưới chế độ cộng sản cũng làm chúng tôi âu lo và sợ sệt.

Đầu óc tôi trong những ngày gần đó thường lảng vảng những hình ảnh về việc Việt Cộng sát hại các viên chức trong chính quyền. Nào tin tức những viên chức xã ấp bị ám sát, bắt cóc ở nhiều nơi trong những năm trước. Nào mấy vụ phục kích, bắn chết quận trưởng, tỉnh trưởng. Vụ 3.000 người bị giết hồi Tết Mậu Thân ở Huế là hình ảnh sâu đậm nhất. Thêm vào đó tôi đã từng được nghe nhiều mẩu truyện ghê rợn khác về những vụ cộng sản bắt bớ, tù đầy và thủ tiêu những người cộng tác với các nhà đương cuộc Việt Mỹ. Tôi không muốn chết. Tôi càng không muốn để mình bị Việt Cộng đến bắt trói mang đi trước mặt vợ con kêu la khóc lóc.

Không phải chỉ một mình tôi áy náy, âu lo cho mạng sống mình. Tâm trạng sợ sệt đó rất phổ quát ở Việt Nam hồi đó. Nhiều người Việt khác và một số bạn bè của tôi trong chính quyền, trong quân đội cũng đều chung ý nghĩ như vậy. Ý nghĩ này đã ăn sâu vào tâm trí phần lớn người Việt trong nhiều năm để trở thành niềm tin sắt đá. Họ cho đó là điều tất yếu phải xảy ra, như những tín đồ công giáo tin theo những tín điều trong kinh Tin Kính. Vài ngày sau khi mất Đà Nẵng, một người bạn thân của tôi, giáo sư Trần Văn Ngữ dạy tại trường Petrus Ký, đến hỏi tôi về dự định chạy khỏi Việt Nam, Anh học cùng trường với tôi từ năm

1949 và là người đã có công xe duyên cho tôi với nhà tôi thành vợ chồng. Anh bảo tôi: "Tổng Thư Ký báo Dân Chủ mà không đi, nó vào, nó cứa cổ!"

Tờ Dân Chủ, cơ quan ngôn luận của đảng Dân Chủ cầm quyền, ra đời vào mùa hè năm 1973. Tổng Thống Thiệu là chủ tịch đảng, nhưng linh hồn thực sự của đảng là một người thích làm việc âm thầm trong bóng tối. Người có công lo tổ chức đảng, gây dựng cơ sở đảng ở các cơ quan chính quyền từ trung ương tới tỉnh, quận, xã là Nguyễn Văn Ngân.

Tôi về làm việc cho tờ Dân Chủ ngay từ những ngày đầu khi tờ báo còn trong giai đoạn thai nghén. Tôi bồng bế tờ Dân Chủ vì quen biết với Ngân, lúc đó là phụ tá thân cận của Tổng Thống Thiệu. Ngân và Hoàng Đức Nhã từng được coi là hai cánh tay của Thiệu. Nhã trước làm bí thư của Thiệu, sau làm tổng trưởng Dân Vận.

Ngân và tôi quen biết từ năm 1960 khi thuê phòng cạnh nhau ở dãy nhà phía sau một biệt thự tại số 119 đường Đoàn Thị Điểm, gần trường nữ học Gia Long. Chủ nhân căn nhà là Trương Tấn Ngân, một công chức thuộc Bộ Ngoại Giao. Năm đó cả hai chúng tôi vừa tốt nghiệp trường Luật. Tôi học ở Sài Gòn và đang làm biên tập viên cho đài phát thanh quốc gia. Ngân tốt nghiệp trường Luật ở Huế và vào làm chuyên viên tại quốc hội.

Tôi làm ở đài phát thanh được năm năm thì xảy vụ Đại Tá Nguyễn Chánh Thi đảo chánh hụt Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Đài phát thanh thường là một trong những mục tiêu đầu tiên được quân đảo chánh tiến chiếm để phổ biến tuyên ngôn và khoa trương thanh thế. Khi cuộc đảo chánh thất bại, quân đảo chánh rút đi, quân đội đến tiếp

thu đài. Lính tác chiến, súng cầm tay, bố trí quanh cơ sở đài. Lính gác nhìn trừng trừng những người đi vào đài. Không khí thanh bình, êm ả biến mất, nhường chỗ cho tiếng giày trận cồm cộp, tiếng lách cách của vũ khí, quân dụng, tiếng nói oang oang, mạnh dạn của nhà binh. Không quen lối làm việc theo cung cách quân đội, tôi thấy đã tới lúc tìm việc nơi khác. Đơn xin việc tôi gửi đi có kết quả nhanh chóng bất ngờ. Tôi sang làm phụ tá báo chí và giao tế cho công ty dầu hỏa Standard Vacuum Oil Company, gọi tắt là Stanvac, có nhãn hiệu Con Ngựa Bay. Công ty này đặt trụ sở ở đường Thống Nhất và mấy năm sau sáp nhập vào hãng Esso.

Tới năm 1961 tình hình chiến sự trở nên sôi động do những hoạt động quân sự gia tăng của Việt Cộng. Lệnh tổng động viên được ban hành, trong đó có việc gọi nhập ngũ trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Ngân và tôi phải khoác quân phục năm 1962. Vào quân ngũ, mỗi người một ngả, chúng tôi ít gặp nhau. Mấy cuộc đảo chánh và phản đảo chánh, cùng những cuộc biểu tình, xuống đường trong khoảng thời gian hai năm từ 1963-1965 làm bạn bè nhiều lúc không kịp theo dõi những vụ thay đổi, thuyên chuyển hay lên xuống của nhau.

Đến năm 1965 Trung Tướng Thiệu về nhận chức tổng trưởng quốc phòng. Tôi bất ngờ gặp lại Ngân. Ngân từ quân đoàn 4 theo Thiệu về làm ở Phòng Nghiên Cứu, còn tôi lúc đó đang làm tại Phòng Báo Chí của Bộ. Thiệu chỉ ở Bộ Quốc Phòng bốn tháng, rồi lên đảm nhận chức Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tức nguyên thủ đất nước. Ngân đi theo Thiệu sang dinh Độc Lập.

Năm 1966 cả hai chúng tôi cùng giải ngũ sau khi hội đủ bốn năm quân vụ của một sĩ quan trừ bị. Tôi ra làm cho báo Washington Post và báo Chính Luận. Ngân tiếp tục làm việc cho Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia với tư cách chuyên viên tại Phủ Tổng Thống. Khi quốc hội được bầu, Ngân làm phụ tá cho Nguyễn Cao Thăng.

Từ hồi về làm việc với Thiệu, Ngân đã đôi ba lần rủ tôi về làm chung một chỗ, nhưng tôi vẫn chần chừ và tìm cớ thoái thác. Trước hết, tôi không thích ngồi gần mặt trời, dễ nóng rát. Kinh nghiệm những vụ chính biến xảy ra xoành xoạch trong mấy năm ở Việt Nam làm tôi không hứng thú. Chỉ trong ba năm đầu tôi về Bộ Quốc Phòng, bộ này có tới sáu ông tổng trưởng. Tôi đã chứng kiến những nhân viên vào ra bộ này như những hành khách lên xuống trên chuyến xe buýt. Hai nữa, vì được biệt phái sang làm việc tại Bộ Thông Tin và giờ giấc của tôi không theo giờ công sở, tôi đã làm thêm cho báo Washington Post và báo Chính Luận. Lợi tức của tôi vì vậy vượt trên tiền lương hàng tháng của tổng trưởng hay dân biểu, nghị sĩ (dĩ nhiên không tính tới phụ cấp nhà ở, xe cộ của các vị này, chưa kể những bổng lộc và "phụ cấp nhân dân" theo danh từ trong giới hành chánh.)

Đến năm 1972 viễn ảnh hiệp định Ba Lê đã gần kề. Thiệu và Ngân thấy việc lập đảng để có cơ sở đấu tranh chính trị với Việt Cộng là nhu cầu thúc bách. Có đảng thì cần có báo. Ngân lại rủ tôi về để thành lập và trông coi bộ biên tập cho cơ quan ngôn luận của đảng Dân Chủ sắp ra đời.

"Về đây làm đi, rồi moa sẽ đưa toa ra Thượng Viện kỳ tới." Ngân bảo tôi.

Lúc đó Ngân đã ở tư thế mạnh, với chức phụ tá tổng thống đặc trách liên lạc quốc hội. Bàn tay Ngân còn vươn xa cả trong những cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội. Ngân là người tạo dựng ra một số dân biểu, nghị sĩ. Câu nói trên của Ngân đã làm tan nỗi chần chừ của tôi. Bị tái ngũ sau vụ Tết Mậu Thân, tôi lại vướng chân vào quân đội. Tôi vốn dĩ không thích nghề binh, dù không phải mặc quân phục, nên nghe thấy triển vọng có thể cởi bỏ hẳn sợi dây ràng buộc ở chân mình, tôi nhận lời về làm với Ngân.

Công tác xây đựng cơ sở đảng được tiến hành mạnh mẽ sau khi hiệp định Ba Lê ra đời đầu năm 1973. Các buổi ra mắt những tỉnh bộ của đảng được lần lượt tiến hành, kể cả ở thị trấn xa xôi, heo hút như Châu Đốc, An Lộc. Tỉnh lỵ đất đỏ An Lộc là nơi chỉ mấy tháng trước đó đã xảy ra cuộc giao tranh khốc liệt trong cuộc vây hãm hai tháng rưỡi của cộng quân. Có lần trong một ngày cộng quân pháo hơn 7.000 trái vào thị xã bé nhỏ có khoảng 40.000 dân. Chúng tôi tới đó bằng trực thăng bay tít trên cao để tránh súng phòng không của địch. Đường phố An Lộc hoang vắng và điêu tàn với những xác chiến xa cháy rụi hoặc đứt xích còn nằm rải rác bên đường, hoặc ẩn nấng dưới những lùm cây.

Trước khi về tờ Dân Chủ, tôi làm việc tại Bộ Quốc Phòng. Tôi về Bộ này là hệ quả của hai cuộc đảo chánh xảy ra cách nhau có ba tháng. Vụ đảo chánh trước đẩy tôi khỏi chỗ đang ngồi. Vụ đảo chánh sau tạo cơ hội may mắn cho tôi có chỗ để vào Bộ Quốc Phòng.

Khi tốt nghiệp trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, tôi được biệt phái về Phủ Tổng Thống. Trước khi nhập ngũ, tôi

thấy một số bạn cũ cùng lớp ở trường Luật kéo về làm cho cơ quan Tình Báo Trung Ương vừa mới được thành lập và đặt trực thuộc Phủ Tổng Thống. Biết ở đấy được hoãn dịch, tôi cũng muốn nhào vô. Vì thủ tục tuyển người khó khăn, phức tạp và điều tra kéo dài, tôi không được tuyển kịp trước ngày phải nhập trại. Người bạn thân giới thiệu tôi vào đó rỉ tai cho biết thân nhân ruột thịt của tôi còn ở ngoài bắc là trở ngại, mặc dù tôi có điểm số vào loại cao nhất trong những bài sát hạch khả năng. Những bài sát hạch do Mỹ soạn có một số câu hỏi về thời sự quốc tế mà tôi quen biết nhờ những năm viết tin và dịch tin tại đài phát thanh, cũng như nhờ đọc thêm sách báo ngoại quốc. Tôi chỉ được hứa là sẽ được biệt phái về đó sau khi ra trường. Một người khác, quen biết với vị đứng đầu cơ quan này là Đại Tá Nguyễn Văn Y, đã giới thiệu để tôi về. Khi ra trường, tôi về làm Phòng Báo Chí của Trung Ương Tình Báo, nhiệm vụ chính là đọc và dịch các báo ngoại quốc cho Nha Nghiên Cứu.

Tôi mới làm việc ở đấy được hơn bốn tháng thì xảy ra cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, kéo theo nhiều thay đổi về nhân sự. Tôi bị gửi trả về Bộ Quốc Phòng. Bộ này lúc đó đặt luôn trong bộ Tổng Tham Mưu sau vụ đảo chánh ông Diệm, vì tòa nhà của bộ ở đường Gia Long bị hư hại trong kỳ đảo chánh, và có lẽ vì Trung Tướng Tổng Trưởng Trần Văn Đôn thấy ở Tổng Tham Mưu an toàn và thuận tiện hơn.

Đúng ngày cầm giấy trở lại trình diện bộ Quốc Phòng, tôi ngượng ngịu trong bộ quân phục không phải mặc từ mấy tháng qua. Tới cổng chính Bộ Tổng Tham Mưu, tôi thấy mấy rào cản có giây kẽm gai chặn ngang, bít lối.

Còn ngơ ngác xem có lối nào vào, tôi nghe tiếng nói từ lô cốt vọng xuống: "Đi đi! Không vào được."

Tôi chưa hiểu, ngừng xe vespa, tắt máy, nói lại: "Tôi có sự vụ lệnh đến trình diện."

"Thiếu Uý về đi. Hôm nay lộn xộn lắm, không vào được. Hôm khác tới"

Từ trên lô cốt ở cổng gác, mấy cái đầu lố nhố nhìn xuống, họng súng chĩa ra ngoài. Không một bóng người đi lại quanh cổng, cả phía trong Tổng Tham Mưu. Tôi phân vân, không biết tại sao lại cấm cửa, đành quay xe trở về. Tới nhà, bật máy thu thanh, nghe thấy nhạc quân hành, tôi mới biết lại có chính biến. Hôm đó là ngày 30 tháng 1, 1964. Nhóm tướng lãnh do tướng Dương Văn Minh cầm đầu vừa bị tướng Nguyễn Khánh "chỉnh lý" ban đêm.

Do cuộc chỉnh lý, các chức vụ then chốt trong chính phủ lại thay đổi. Tướng Đôn bị bắt giữ. Tướng Trần Thiện Khiêm lên thay ở chức Tổng Trưởng Quốc Phòng. Phe thân cận tướng Đôn xách gói ra đi. Người của tướng Khiêm vào thay thế. Vài ngày sau cuộc chỉnh lý, tôi ghé lại Phòng Báo Chí Bộ Quốc Phòng để thăm dò. Tôi nghĩ cuộc chỉnh lý có vẻ là dịp tốt để xin việc.

Được anh bạn luật sư Nguyễn Hải Tấn giới thiệu trước, tôi tới gặp Trung Úy Vũ Lữ Bằng. Tấn cùng đi khóa 14 sĩ quan trừ bị với tôi ở Thủ Đức. Trung úy Bằng, lớn tuổi hơn, người gày ốm, dáng điệu xuề xòa, tay cầm điếu thuốc lá, vui vẻ tiếp tôi. Bằng đã ngồi ở Quốc Phòng lâu năm qua nhiều triều đại. Bằng bảo Bộ Quốc Phòng "lúc này còn lung bung quá, xếp mới về, còn chân ướt chân ráo, bận nhiều thứ." Bằng cũng cho biết Bộ Quốc Phòng sắp trở về đường Gia Long vào tuần tới.

Tôi đến đường Gia Long một tuần sau, khi các bàn ghế, đồ đạc còn đang được kê xếp. Trung úy Bằng giới thiệu tôi với Thiếu Tá Ngô Đức Khắc, tân trưởng phòng sau cuộc chỉnh lý.

Thiếu Tá Khắc, người cao lớn, bảnh bao và lịch thiệp. Qua vài phút nói chuyện để biết qua tình trạng của tôi, ông hỏi "Em có nói được tiếng Anh không?"

"Thưa Thiếu Tá, tôi nói cũng tàm tạm," tôi trả lời. "Tôi đã được học bổng để đi Mỹ học. Tôi đã theo học khóa tiếng Anh đặc biệt ở Hội Việt Mỹ để chuẩn bị qua Mỹ, nhưng bị hoãn lại vì luật tổng động viên Trước đó tôi đã làm cho công ty dầu hỏa Stanvac. Khi làm ở đài phát thanh Sài Gòn tôi cũng đã dịch những bản tin của các hãng thông tấn ngoại quốc để làm tin cho đài."

"Thứ hai tới, em lại đây," Khắc bảo tôi. "Tôi có buổi thuyết trình tin tức quân sự, thường có mấy nhà báo ngoại quốc đến dự. Em ngồi cạnh họ, dịch cho họ nghe."

Tôi trở về nhà, hồi hộp mong đợi ngày thứ hai. Thuyết trình cuộc họp báo hôm đó là Đại Tá Nguyễn Đức Thắng thuộc Trung Tâm Hành Quân Bộ Tổng Tham Mưu, và Thiếu Tá Khắc. Thắng to con, nói lớn, trình bày lưu loát và linh động. Ngồi ở hàng ghế dưới có chừng mươi người nghe, trong đó có vài ba người ngoại quốc. Tôi ngồi cạnh mấy người này, dịch cho họ nghe. Lúc này tình hình chiến sự chưa sôi động lắm. Báo chí cũng không ham tới nghe mấy. Chỉ có đại diện Phái Bộ Quân Sự Mỹ tới thường xuyên.

Sau buổi thuyết trình, Thiếu Tá Khắc bảo tôi: "Mai em bắt đầu làm việc với tôi. Cứ đến làm trước, còn giấy tờ thuyên chuyển, tôi sẽ lo." Nghe nói, tôi mừng rỡ cám ơn.

Tôi về Bộ Quốc Phòng vào đúng lúc, gặp đúng người, lại đúng với công việc hợp với mình. Quả là điều may mắn lớn với tôi, một chuẩn úy cấp bậc còn thấp và còn nhiều bỡ ngỡ trong một tổ chức quân đội quá lớn lao và đông đảo.

Phòng Báo Chí Quốc Phòng lúc ấy hãy còn bé nhỏ. Sĩ quan chỉ có Thiếu Tá Khắc và Trung Úy Bằng cùng một sĩ quan ở Tổng Tham Mưu biệt phái tới. Công việc chính của tôi là đọc những bản tin của các hãng thông tấn ngoại quốc AP, UPI, Reuters và những tin điện của các thông tín viên ngoại quốc ở Việt Nam gửi về tòa soạn của họ. Đọc và chọn những tin xét ra quan trọng và liên hệ đến Việt Nam thì tóm dịch, cho đánh máy để trình ông tổng trưởng và viên chức cao cấp trong Bộ.

Phần tin sốt dẻo và hấp dẫn nhất là tập tin điện của các nhà báo ngoại quốc đánh đi từ Sài Gòn. Những tin điện của họ gửi đi đều phải qua bưu điện, hoặc máy viễn ký có đường giây qua bưu điện. Các cơ quan tình báo Việt Nam đã gom những bản tin đó lại, đánh máy, in roneo, rồi đóng dấu "MẬT" đỏ chót, và gửi tới vài viên chức cao cấp nhất trong chính phủ, trong đó có tổng trưởng quốc phòng. Trong khoảng 1964-65 tình hình Việt Nam sôi sục với nhiều cuộc đảo chánh, phản đảo chánh, biểu tình, xuống đường, nên những tin điện trên là một nguồn tin rất quí báu và hiếm có để theo dõi sát tình hình Việt Nam. Mấy tướng lãnh Việt Nam nghe biết có bản tin đó đã tìm cách liên lạc để xin một bản. Một trong những tướng lãnh này là Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ lúc ấy là tư lệnh Không Quân. Người đến lấy bản tin "mật" này là Đại Úy Vũ Đức

Vinh hoặc Trung Úy Bùi Hoàng Khải thuộc Phòng Báo Chí Không Quân.

Với đà gia tăng quân số về sau, Phòng Báo Chí cũng lớn mạnh hơn và do một đại tá chỉ huy. Trong hơn bảy năm tôi ở Bộ Quốc Phòng, qua những cuộc đảo chánh rồi phản đảo chánh và cải tổ nội các, tôi đã ở dưới quyền của tám vị tổng trưởng, trong đó có những vị không hề đặt chân tới bộ vì còn kiêm nhiệm chức vụ khác. Đó là Trung Tướng Trần Thiện Khiêm ngồi ở Bộ Tổng Tham Mưu khi ông kiêm chức Tổng Tham Mưu Trưởng, các Thủ Tướng Trần Văn Hương và Nguyễn Khánh ngồi tại Phủ Thủ Tướng khi hai ông cầm đầu chính phủ.

Các tổng trưởng đến rồi đi. Nhiều vị trưởng Phòng Báo Chí cũng đi luôn. Vào năm 1965, Thiếu Tá Nguyễn Đình Tuyến về làm trưởng phòng, khi Tướng Nguyễn Hữu Có từ quân đoàn 2 về nắm Bộ Quốc Phòng. Lúc này Phòng Báo Chí đã có sáu sĩ quan, sau còn được thêm người nữa. Thiếu Tá Tuyến cũng được thăng cấp đại tá và giữ chức trưởng phòng cho tới khi mất nước. Ông đã theo học một khóa báo chí tại Mỹ, và từng viết sách, viết báo. Ông có nhiều nghệ sĩ tính, dễ hòa hợp với anh em trong ngành báo chí.

Phòng Báo Chí còn có một bộ phận biệt phái qua Bộ Thông Tin để kiểm duyệt báo chí về mặt quân sự. Đối với nhà báo, kiểm duyệt bị coi là kẻ thù đáng ghét. Báo chí thường diễu cợt người kiểm duyệt như một bà già cau có, khó tính, tay lăm lăm chiếc kéo để sẵn sàng cắt xén bài viết. Vì thế có danh từ "bà kiểm duyệt."

Báo chí Việt đều biết những bài báo thân cộng, hoặc đả kích chính phủ thẳng thừng, hay tố cáo trực diện những nhà lãnh đạo, khó qua khỏi lưỡi kéo kiểm duyệt. Nhà báo vì vậy tìm cách luồn lách, lẩn ý, nói xéo, nói bóng gió trong những bài viết mà thoáng qua tưởng như không ăn nhập gì vào chính trị hay quân sự. Đó là những bài phiếm, những mục bông đùa do những cây viết muốn châm trích, chế diễu các nhân vật trong chính quyền, thường là tổng thống, thủ tướng, hay tổng, bộ trưởng. Có những cây viết thích chơi chữ, ưa dùng những từ mập mờ hàm chứa hai ba ý để châm chọc nhà cầm quyền. Nhân viên kiểm duyệt nếu không bén nhạy, tinh mắt, tinh ý, biết tìm những chữ, những giòng mà nhà báo gài vào để nói xéo, nói xiên thì dễ bị nhà báo qua mặt.

Tình trạng càng khó khăn khi những tiêu chuẩn để kiểm duyệt lại quá bao quát, rộng rãi và mơ hồ. Những tiêu chuẩn như vi phạm an ninh quốc gia, làm lợi cho cộng sản, gây hoang mang dư luận, làm suy giảm tinh thần chiến đấu của binh sĩ, quả thật là mung lung, có thể giải thích theo nhiều khía cạnh khác nhau. Các báo có bài bị đục bỏ, bị tịch thu hay bị truy tố ra tòa thường tùy theo quan điểm của nhà cầm quyền, tùy theo tinh thần bảo thủ hay tự do, chặt chẽ hay hạn hẹp. Nhân viên kiểm duyệt quá chặt chẽ, khắt khe, thì bị báo chí bất bình, phản đối, và diễu cợt, mà có khi thượng cấp cũng không hẳn hài lòng, hoặc tán đồng. Nhân viên thiếu thận trọng để lọt bài, hoặc nhẹ tay thì dễ bị "cạo đầu," bị xài xể, khiển trách, bị thuyên chuyển, nhất là khi có bài báo đụng chạm đến các ông to, bà lớn, khiến các vị này phật lòng. Được lòng cả hai bên quả là điều không dễ đối với người kiểm duyệt thường

lâm cảnh trên đe dưới búa. Vì thường bị chê trách hơn là khen thưởng, ít người thích làm công tác kiểm duyệt.

Việc kiểm duyệt, đục bỏ, tịch thu hoặc truy tố báo chí là quyết định của Bộ Thông Tin. Bộ Quốc Phòng có nhân viên đại diện bên Bộ Thông Tin chỉ cho ý kiến về những vấn đề quân sự mà thôi. Ban kiểm duyệt quân sự vào năm 1965 do Đại Uý Bằng (đã thăng cấp) đảm trách.

Bị thuyên chuyển là điều rất đáng ngại đối với một quân nhân ở Sài Gòn. Tai bay vạ gió đã xảy tới trong trường hợp của Đại Uý Bằng. Theo ông nhớ, ông bị trách cứ và bị thuyên chuyển vì để "lọt" tin. Báo Lẽ Sống khi loan tin chiến sự đã dùng tựa đề

Lại một thắng lợi lớn của quân lực Việt Nam
Giao tranh kịch liệt tại Quân Đoàn 2

Giòng trên là tiểu đề, in chữ nhỏ. Giòng dưới được in chữ to và đậm. Thượng cấp cho rằng người đọc có thể hiểu là có giao tranh ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2, một điều tất nhiên là không có.

Nhớ lại truyện này, Bằng cho rằng thượng cấp muốn kiếm cớ để đẩy ông đi. Rời Bộ Quốc Phòng, ông chạy sang Nha Báo Chí Phủ Tổng Thống, rồi sau lên cấp tá.

Bằng ra đi, bỏ lại chỗ trống. Không sĩ quan nào ở Phòng Báo Chí muốn ngồi vào chỗ người trước vừa bị bỏng. Hai sĩ quan cấp bậc cao hơn tôi, hoặc có thâm niên hơn, được đề nghị và đều từ chối. Đến khi được tham khảo, tôi cũng ngần ngừ. Trong ban kiểm duyệt ngồi bên Bộ Thông Tin, có Đặng Đình Kỳ, một nhân viên dân chính kỳ cựu. Tôi hỏi ý kiến Kỳ để tìm hiểu công việc. Kỳ có cảm tình với tôi nên thúc tôi nhận việc mới.

Động lực chính thúc đẩy tôi nhảy sang chỗ nhiều cạm bẫy là lòng ham mê bộ quần áo dân sự. Là quân nhân Bộ Quốc Phòng, khi sang làm việc bên Bộ Thông Tin, tôi không phải mặc quân phục, mà được mặc thường phục kể cả khi có việc trở về Quốc Phòng để nhận chỉ thị. Tôi cũng không bị trực gác, cấm trại hay ứng chiến như đã từng xảy ra gần đây.

Làm trưởng ban kiểm duyệt tin tức quân sự, tôi có bốn người phụ giúp. Trong số này có tân binh quân dịch Nguyễn Tấn Quỳnh, một ký giả thể thao và sau 1975 rất nổi tiếng ở Việt Namvới bút hiệu Tấn Quỳnh. Chúng tôi phải đọc mấy chục tờ báo mỗi ngày trong khoảng thời gian ngắn ngủi và gấp rút. Giờ làm việc của tôi cũng không theo giờ công sở, mà theo giờ giấc nạp bản của báo. Nhật báo hồi đó thường phát hành vào khoảng bốn giờ chiều. Các báo thường đưa nạp bản từ 9 giờ sáng cho tới 1 giờ trưa, trước khi cho máy in chạy. Nhà báo nạp trước những bài đăng ở trang trong, nơi thường đăng tiểu thuyết và những bài "nhẹ" ít liên quan đến chính trị và quân sự. Còn những trang có nhiều tin tức và có những bài bình luận, truyện phiếm như các trang 1, 8, 3, 6 thường được nạp lúc gần trưa. Báo nào muốn lấy tin sốt dẻo vào giờ chót còn nạp bản trễ hơn. Việc kiểm duyệt thường hoàn tất vào lúc 1 giờ để báo kịp lấy bản nạp mang về cho máy chạy. Những bài báo nạp bản thường không dễ đọc, vì ẩm ướt, chữ lòe nhòe. Do kỹ thuật ấn loát ở Việt Nam còn quá chậm tiến, thợ in phải vẩy nước cho giấy ẩm để dễ "vỗ" bản in, giúp cho chữ dễ hiện lên.

Giờ làm việc của tôi thường từ 9:30 sáng tới 4 giờ chiều, bảy ngày trong một tuần. Sau khi kiểm duyệt chúng tôi

còn phải làm bản điểm tin tức đăng trên các báo để trình Tổng Trưởng Quốc Phòng.

Ngoài việc làm với các cơ quan chính quyền, một điều trớ trêu khác thúc đẩy tôi muốn đi khỏi Việt Nam và trốn chạy cộng sản là lòng tự ái, ngại ngùng giáp mặt với những thân nhân ruột thịt của mình.

Niềm tự ái muốn trốn tránh này là một trong những hậu quả của chiến tranh Việt Nam, từng xâu xé biết bao gia đình người Việt trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn, đối nghịch nhau vì ý thức hệ. Trong gần ba chục năm của cuộc chiến, nhiều gia đình Việt đã lâm cảnh éo le. Anh em hoặc cha con đứng hai bên chiến tuyến thù địch, hoặc có lập trường chính trị tương phản nhau. Con tố cha để tỏ ra mình cấp tiến, không thuộc giai cấp cường hào ác bá như trong vụ cải cách ruộng đất ở miền bắc. Anh em ruột thịt không dám nhìn mặt nhau, không dám thăm hỏi nhau vì sợ bị kết tội là liên lạc, thông đồng với kẻ địch như trường hợp dân biểu Trần Ngọc Châu. Châu bị bắt tù ở miền nam vì liên lạc với người anh là Trần Ngọc Hiền của Bắc Việt.

Hoàn cảnh tôi và gia đình cũng không thoát khỏi nghịch cảnh tương tự. Tôi vào miền nam ngay từ những đợt di cư đầu, sau ngày hiệp định Genève ký kết cho người dân hai miền được sang sống ở vùng đất mình lựa chọn. Trong gia đình, chỉ có mình tôi vào nam, đi ngả đường khác với những thân nhân họ hàng. Cô, chú tôi hoạt động chính trị bí mật từ hồi còn thế chiến thứ hai. Các chú bác khác và anh chị em trong họ đều là những người nhiệt tình hoạt động hoặc ủng hộ Việt Minh trong thời kháng chiến chống

Pháp. Mấy người trong họ bị tử trận hoặc bị Pháp bắn chết. Mấy người khác bị bắt bớ. Có người bị mất tích. Có người bị thủ tiêu. Có người bị đày đi Côn Đảo.

Tôi có lẽ cũng đi theo cùng con đường với những người khác trong gia đình. Nhưng cuộc chiến Việt Pháp bùng nổ cuối năm 1946 làm tôi xa cách thân nhân và dẫn tôi vào một khúc ngoặt, ngược chiều hẳn với con đường của các thân nhân.

Đêm chiến tranh xảy ra, tôi đang ở Hà Nội. Chiến cuộc Việt Pháp bùng nổ tháng 12, 1946 đã xua đuổi tôi khỏi thành phố. Lúc đó tôi 11 tuổi, ở với người chú tại Hà Nội để theo học. Chú tôi theo Việt Minh, thoát ly gia đình vào chiến khu chống Pháp kháng Nhật từ thời Việt Minh còn hoạt động trong bóng tối. Khi Việt Minh đoạt chính quyền ở thủ đô, ông được cử làm Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Hành Chính quận Hoàn Long, một quận ngoại ô sát Hà Nội.

Hồi ấy tôi còn nhỏ, không biết gì mấy về những hoạt động của cô và chú tôi. Mãi đến năm 1994 khi có dịp về thăm Việt Nam và ngồi nghe người cô hơn 80 tuổi kể lại quá khứ và những người trong gia đình, tôi mới biết.

Chú tôi tham gia hoạt động chính trị là do cô tôi kết nạp. Cô là người nuôi nấng tôi sau khi bố mẹ tôi mất. Bố tôi qua đời tại Vân Nam bên Trung Quốc trong lúc làm việc cho công ty hỏa xa của người Pháp. Khi đó tôi mới ba tuổi. Mẹ tôi mang hai anh em tôi từ Vân Nam về quê nhà, rồi ba năm sau bà cũng ra đi. Cả hai chết vì lâm bệnh mà không có thuốc men chữa chạy.

Quê tôi ở Dương Quang, gần nhà ga xe lửa Phú Thị, cách Hà Nội 14 cây số về phía đông, trên đường đi Hải Phòng.

Dưới thời Pháp, Dương Quang thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trong thời chiến tranh Việt Pháp, làng này thuộc tỉnh Gia Lâm. Nay làng thuộc thành phố Hà Nội.

Trong thời gian hoạt động kín dưới thời Pháp, cô tôi thường liên lạc với một thanh niên trẻ tên Hà, kém cô ba tuổi. Hà đóng vai người buôn bán đã mấy lần ghé lại nhà. Ngại việc một thanh niên lạ mặt lui tới nhà một cô gái chưa chồng có thể bị xóm làng dị nghị, nghi ngờ, cô liền thu xếp giới thiệu với người em trai họ ở sát cạnh nhà.

Nhận là bạn học cũ của nhau, hai thanh niên có cớ đi lại và liên lạc với nhau thường xuyên hơn. Chú sau này vắng nhà nhiều lần thì được giải thích là vì "công việc làm ăn " với Hà. Một trong những cơ sở làm ăn đó được đặt tại chùa Trầm ở Hà Đông để in truyền đơn và tài liệu. Có lần cơ sở chùa Trầm bị lộ, chú phải lẩn trốn không dám về nhà một thời gian. Đầu năm 1945 khi nạn đói hoành hành tại miền bắc, chú là một trong những người đứng ra diễn thuyết, hô hào dân chúng đi phá kho thóc chùa Dâu ở Bắc Ninh. Sau vụ này, chú bị truy lùng. Chú trốn biệt từ đấy, đi thẳng lên chiến khu Việt Bắc để theo học lớp huấn luyện quân sự. Huấn luyện viên của chú là "đồng chí Văn," sau này được biết dưới tên nổi danh hơn: Võ Nguyên Giáp. Khi Đại Tướng Giáp thôi giữ chức bộ trưởng quốc phòng, người kế vị Giáp chính là Hà, bí danh thời đó của Tướng Văn Tiến Dũng. Năm 1975 Dũng chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh tấn chiếm Sài Gòn.

Hôm chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, chú tôi đang nằm điều trị tại bệnh viện Bạch Mai. Bắp chân chú bị trúng đạn mấy ngày trước vì người bạn bất cẩn khi lau chùi súng. Tôi còn nhớ rõ buổi chiều hôm đó vừa tan học ở trường ra,

tôi được liên lạc viên của chú đến đón, bảo vào ngay bệnh viện Bạch Mai để gặp chú. Thấy tôi vào, chú đang nằm ở giường, ngồi nhỏm dậy, mắt chú sáng lên. Chú nói ngay: "Lát nữa sẽ có người đến đón chú đi. Tao chưa biết họ đưa đi đâu. Mày cứ ở nhà. Sẽ có người đến đón sau. Quần áo, đồ dùng có gì cho sẵn vào túi xách. Khi nghe tiếng súng nổ thì ra hầm trú ẩn nằm. Nhớ cứ ở đó, sẽ có người lại đón. Khi đi dọc đường, nếu nghe có người hô 'Chiến' thì phải đáp lại 'Thắng.' Chiến Thắng là mật khẩu tối nay. Nhớ kỹ đừng có quên."

Nghe xong lời chú dặn, tôi lo lắng, trở về nhà ở Phương Liệt, một làng nhỏ cạnh ngã tư Vọng và sát ngay bệnh viện Bạch Mai.

Khi có tiếng súng nổ, tôi vơ vội túi xách, chạy ra hầm trú ẩn ở ngoài vườn. Tôi nằm ở đó cùng với gia đình ông chủ nhà. Tôi thấp thỏm chờ liên lạc viên của chú phái tới đón. Chờ mãi không thấy, tôi mệt ngủ thiếp đi. Tôi chỉ tỉnh dậy khi có bàn tay lay mạnh vào người và nghe có tiếng nói "Dậy di. Dậy đi. Có người đến đón kìa."

Tôi dụi mắt, chui ra khỏi hầm, mang theo chiếc túi xách. Ông chủ nhà đứng trên cửa hầm bảo tôi: "Bây giờ cháu sang Giáp Tứ gặp chú ở đó."

"Thưa bác, người đón cháu ở ngoài cổng ạ?" tôi hỏi.

"Không, anh ta đi rồi," ông chủ đáp. "Anh ta chỉ lại đây, đưa mảnh giấy này rồi đi ngay. Anh ta bảo đập cổng mãi mà không có ai ra mở. Súng nổ, lại ở dưới hầm, đâu có để ý. Đến khi nghe tiếng đập cửa, tôi chạy ra. Bây giờ là quá nửa đêm rồi."

Tôi chỉ biết lơ mơ Giáp Tứ cách đó vài cây số, chứ không biết rõ đường đi. Nhưng tôi không còn cách nào

khác hơn là phải liều lĩnh lần mò bước đi trong đêm tối giữa những tiếng súng nổ ran ở gần. Trời tối mịt. Không một ánh đèn. Ánh trăng cũng không có. Tôi run rẩy bước đi trên đường vắng, lòng phập phòng, lo sợ. Đường lát gạch gồ ghề, tôi đã vấp ngã đôi ba lần.

Pắp, pắp, pắp!...Pắp, pắp, pắp! Một loạt súng liên thanh nổ ở phía sau lưng làm tôi càng hốt hoảng, bối rối. Tôi bước nhanh hơn. Đôi dép cao su Con Hổ ở chân gần như muốn tụt ra. Vấp phải một viên gạch trồi cao hơn mặt đường, tôi chúi người về phía trước, chiếc túi đeo học trò quàng qua vai chạy lệch sang một bên. Tôi loạng quạng lấy lại dược thăng bằng, rồi tiếp tục bước rụt rè, như con chim non rơi khỏi tổ trong một đêm mưa bão.

"Ai? Đứng lại! Dơ tay lên!"

Tiếng hét vang lên bất ngờ trong đêm tối làm tôi giật thót mình. Chưa kịp đáp, tôi đã nghe tiếng cơ bẩm lách cách cho đạn lên nòng súng. Tôi thất đảm, dơ tay khỏi đầu, miệng lắp bắp "Chiến...Thắng. Chiến Thắng." Sợ bị bắn, tôi như không còn hồn vía, cố thu sức nói to hơn "Chiến Thắng! Chiến Thắng!" Thay vì chờ có người hỏi mật hiệu "Chiến" thì mới đáp "Thắng," tôi nói luôn một hơi "Chiến Thắng! Chiến Thắng!" Tôi nói xong, nước mắt tự động tuôn trào không sao ngăn nổi.

Chiến Thắng là mật hiệu tôi đã nhẩm trong đầu óc từ buổi chiều. Tôi biết hai tiếng đó rất quan trọng trong đêm khi một mình dấn thân trong đêm tối giữa lúc thành phố vang rền tiếng súng.

"Đi đâu?" một giọng cộc cằn, rắn rỏi quát to.

"Đi Giáp Tứ...để gặp chú." tôi nghẹn ngào trả lời.

Một bóng đen từ trong tối bước ra, tiến lại gần tôi như để quan sát, rồi nói "Thì đi đi!"

"Ông làm ơn chỉ hộ đường đi Giáp Tứ," tôi cố trấn an nỗi sợ hãi, đánh bạo nói.

"Giáp Tứ đi đường nào?" bóng đen hỏi vọng về phía trong.

Tôi đứng bơ vơ ở giữa đường, nghe mấy người xì xào nói với nhau về Giáp Tứ, bàn nhau lối đi tới đó. Rồi một người nữa bước ra, đến gần tôi, nói: "Qua ngã tư Vọng, sang bên kia đường, đi xuôi về phía Giáp Bát..." Anh ta vừa nói, vừa chỉ tay về hướng trước mặt tôi. Tôi nghe chỉ đường, nỗi băn khoăn, bối rối không thuyên giảm. Vì tôi không thông thạo khu vực lân cận, lời chỉ dẫn của anh không giúp ích được nhiều cho bộ óc vừa non nớt, vừa sợ sệt của tôi.

Trong cảnh đêm tối, giữa những tiếng súng nổ rền trời, tôi mò mẫm bước đi trên đường làng mà không biết đích xác phương hướng và vị trí chỗ đến. Lòng tôi đầy ắp nỗi âu lo và bực tức. Lo vì không tìm được chú thì bơ vơ, không biết đi đâu, ở đâu. Lo bị bắn lầm như khi nghe tiếng quát hét của Tự Vệ. Lại còn lo sợ cả ma nữa. Còn nhỏ và nhát ma, có lúc đang bước tôi nghĩ tới những con ma xõa tóc, nanh dài lẩn quất trong bóng tối. Tưởng như chúng đuổi bắt, tôi rảo bước chạy một đoạn, rồi mới đi chậm lại. Rồi sợ rắn rết. Sợ chó cắn khi nghe tiếng chó sủa. Xen vào nỗi sợ là niềm tức tối và bực bội. Tức sao chú không cho người đến đón như đã nói buổi chiều. Tức vì cảm thấy cô đơn, lạc lõng như bị bỏ rơi. Nước mắt tôi lại trào ra.

Vượt hết những cam go, vất vả đó, tôi mới tới được chùa Giáp Tứ vào lúc hơn ba giờ sáng để gặp chú. Chú được các đồng chí di tản ra ngoại ô vài giờ trước khi khai hỏa. Vài tuần sau chiến tranh lan ra ngoại ô. Chú, chân chưa lành, đã thu xếp nhờ một người bạn thân đưa tôi di cư khỏi Hà Nội. Chúng tôi lúc đó hy vọng ít tháng sau sẽ liên lạc và gặp lại nhau.

Biến chuyển xẩy ra không đúng như dự tính. Chiến cuộc mỗi ngày một mở rộng. Chú tôi được các đồng chí đưa đi Việt Bắc. Tôi theo gia đình người bạn chú tôi đi xuống phía nam. Từ đó tôi không bao giờ có dịp gặp lại chú nữa. Năm 1954, trong lúc đi công tác, chú bị nước lũ cuốn trôi khi vượt qua con suối ở vùng Yên Bái. Lúc đó chú đang giữ chức Chính Ủy của trung đoàn 159 với cấp bậc trung tá, mang tên Vũ Ngọc Cẩn. Tên thật của chú là Vũ Quang Thấu.

Người bạn chú tôi là một doanh thương giàu có, thuộc gia đình công giáo rất mộ đạo. Tên ông là Phạm Quốc Thành. Học trường Albert Sarraut ở Hà Nội, sau khi đậu bằng tú tài, ông ra mở hãng làm xà phòng. Công việc kinh doanh phát đạt, ông có cơ sở ở Hà Nội, có đồn điền ở Bắc Ninh và Hải Dương, có nhà nghỉ mát ở bãi biển Đồ Sơn. Ông lúc đó đã có năm con, con đầu lòng bằng tuổi tôi. Vợ ông lại đang có thai, bụng to tướng. Cùng ở với ông còn có mẹ già và vợ chồng người em. Ông đưa gia đình đông đảo đó và tôi chạy xa vùng lửa đạn. Sau Thường Tín, rồi Chương Mỹ ở Hà Đông, chúng tôi chạy tuốt vào vùng đồi núi ở phía tây bắc tỉnh Ninh Bình. Phủ lỵ Nho Quan, đổ nát theo chính sách tiêu thổ kháng chiến thời đó, nằm cạnh giòng sông nước trong veo. Xế bên kia bờ sông, ngọn tháp

nhà thờ Vô Hốt nổi bật trên rặng núi xanh lơ ở phía xa. Chúng tôi được cha xứ cho ở tạm một buồng trong dãy trường học nhà xứ.

Chẳng bao lâu Pháp hành quân đến gần Nho Quan. Chúng tôi lại chạy trước tiếng pháo kích của tàu chiến và giang đĩnh Pháp. Chúng tôi đến một căn nhà được gọi là "nhà thợ mộc," vì dành cho thợ thuyền, cách Vô Hốt mấy cây số ở giữa vùng đất sỏi, khô cằn gần dãy núi đá. Giữa những lùm cây dại mọc chen lẫn những cây hoa xim màu tím, có đàn bò gặm cỏ và thấp thoáng có những bóng người mặc áo trắng với vạt đen chạy dài ở trước ngực và sau lưng. Đây là tu viện Châu Sơn, một dòng khổ tu nổi tiếng. Các thày tu ở đây cuốc đất trồng cây, nuôi bò, làm bơ và phó mát để bán. Sản xuất những thức ăn ngon lành đó, các thày không thưởng thức mà còn phải ăn uống rất kham khổ và sống thật giản dị. Thường thường các thày ăn chỉ có cơm, mắm, muối và rau. Mặc chỉ có áo dòng tu, chân đi đất. Ngủ chỉ có tấm ván gỗ thô sơ, với chiếc chiếu đắp khi trời lạnh. Khi chết mỗi thày được mai táng cùng với bộ áo dòng và tấm gỗ đó mà thôi. Người tạo dựng dòng Châu Sơn 11 năm trước đó từ một đồn điền cũ của người Pháp bán lại là cha Lê Hữu Từ. Sinh quán tại Quảng Trị, cha Từ năm 1945 được bổ nhiệm làm Giám Mục địa phận Phát Diệm.

Tại Vô Hốt và Châu Sơn, sống trong một gia đình mộ đạo ở một vùng công giáo phát triển mạnh, lại được theo học trường nhà xứ, tôi đã hòa mình theo nhịp sống như một cậu bé ngoan đạo. Tôi đi nhà thờ sáng chiều hàng ngày, đọc kinh thông suốt và học thêm giáo lý. Ít tháng sau tôi

được rửa tội, rồi được chọn vào ban giúp lễ nhà thờ mỗi ngày.

Trường học nhà xứ chỉ có bậc tiểu học và dưới trình độ lớp tôi đã học. Khi hai cha chánh xứ và phó xứ Vô Hốt ngỏ ý muốn tôi và con trai lớn của ông Thành vào chủng viện học, chúng tôi rất đỗi vui mừng. Cha bảo trợ cho tôi đi chủng viện năm 1948 là linh mục trẻ tuổi Nguyễn Văn Long, lúc đó là phó xứ. Hiện nay cha Long đang hưu trí tại Ba Lê, bên Pháp.

Phát Diệm lúc ấy được coi là "khu an toàn" nhờ uy tín của Đức Cha Lê Hữu Từ. Đầu năm 1946 Hồ Chí Minh đã về tận Phát Diệm mời Đức Cha làm cố vấn. Năm sau Đức Cha lại được quyền tổ chức hành chánh và quân sự ở trong vùng. Do đấy Phát Diệm trở thành "khu an toàn" có lực lượng Tự Vệ Công Giáo võ trang bảo vệ an ninh.

Cả Việt Minh lẫn Pháp đều trọng nể và muốn ve vãn Đức Cha Từ vì lý do chính trị. Phát Diệm trong vài năm đã không phải nghe tiếng súng nổ, không sợ bị phi cơ oanh kích, trong khi ở các nơi khác quanh vùng Bắc Việt khói lửa chiến tranh ngùn ngụt cháy. Một số cán bộ đảng phái quốc gia lúc đó đã nhìn Phát Diệm như sao bắc đẩu trong đêm tối để về tá túc, tránh bị Việt Minh truy nã.

Khi chiếm Phát Diệm năm 1949, Pháp và chính quyền quốc gia mới khai sanh của Bảo Đại liền tôn trọng quyền tự trị của Phát Diệm. Lực lượng Tự Vệ Công Giáo sau đấy lớn mạnh hơn, lên tới cả mười ngàn người.

Tại Phát Diệm tôi cũng đã có dịp nếm mùi chiến tranh thực sự khi Việt Minh mở cuộc tấn công bất ngờ vào thị xã này cuối năm 1952. Trường Thượng Kiệm, nơi tôi đang theo học năm đó, nằm ngay cạnh trục tiến quân của Việt

Minh trên đường tấn kích đồn Pháp đóng ở cầu Trì Chính. Trường chỉ cách đồn chừng một cây số, nên quanh trường là những mục tiêu xạ kích của quân bố phòng và pháo binh yểm trợ. Đạn đại bác rít lên ghê rợn trước khi khi nổ đinh tai, khiếp đảm xuống các mục tiêu kế cận. Lại thêm tiếng đại liên "bập-bập-bập" từng tràng dài làm tôi càng hoảng sợ. Tôi và những bạn cùng trường nằm sát đất ở từng dưới nhà, lòng hồi hộp sợ sệt. Sợ đạn đại bác rớt vào. Niềm sợ hãi lớn lao hơn nữa là Việt Minh xâm nhập trường. Thật may mắn, trận đánh chấm dứt sau một đêm lo sợ. Ngay sáng hôm sau, chúng tôi lấy những bao cát làm hầm trú ẩn. Trong mấy tháng liền chúng tôi phải chui vào ngủ trong căn hầm tối om, chật trội và nóng bức. Tổ chức và điều động cuộc đột kích Phát Diệm là Văn Tiến Dũng, tư lệnh đại doàn 320. Chiến thuật đánh Phát Diệm mà Văn Tiến Dũng gọi là "hoa sen nở," bỏ qua các đồn bót bên ngoài và đánh thẳng vào mục tiêu, đã được Dũng áp dụng lần nữa trong trận đánh Ban Mê Thuột hơn 22 năm sau.

Mùa hè 1953 tôi từ giã Phát Diệm trở lại đời sống bình thường của một học sinh tại Hà Nội. Tôi có dịp ghé lại thăm quê nhà ở Dương Quang. Như nhiều làng khác ở miền bắc hồi đó, làng tôi nằm trong vùng xôi đậu. Trên lý thuyết làng thuộc vùng quốc gia, nhưng thực tế chịu ảnh hưởng sâu rộng của Việt Minh. Cô tôi, lúc đó là cán bộ hoạt động cấp tỉnh và đến năm 1960 là đại biểu quốc hội, đã thu xếp để hẹn về gặp tôi. Cuộc hội ngộ sau bảy năm xa cách đã diễn ra không mấy vui vẻ, khi cô ngỏ ý muốn tôi sang học khu "bên kia." Tôi không nghe lời cô, viện lẽ tôi đã quen với hệ thống giáo dục "bên này." Thấy không khuyên được cháu theo mình, cô ngồi khóc. Sau đó chúng

tôi chia tay. Cuộc chia ly đó kéo dài 41 năm. Mãi đến năm 1994 tôi mới gặp lại cô khi tôi cùng vợ có dịp trở về thăm Việt Nam nhân chuyến đi công tác cho báo Washington Post.

Năm 1954 quân đội Pháp rút khỏi Phát Diệm sau khi Điện Biên Phủ thất thủ. Rồi hiệp định Genève chia đôi đất nước. Phong trào di cư vào nam sôi động mạnh. Tôi và một số bạn học cũ ở Phát Diệm đã ra Hà Nội cùng thời với tôi năm trước liền bàn tính việc di cư. Với nhận thức chính trị lãnh hội từ những ngày ở Phát Diệm, được thêm sự cộng tác và tương trợ của bạn bè cùng chí hướng, chúng tôi mau chóng quyết định dứt khoát đi nam, dù biết tương lai đầy bấp bênh và bất chắc.

Trước khi lên đường, tôi về thăm làng, nửa muốn để báo tin, nửa để từ biệt. Nhưng rồi tôi đổi ý, không muốn thổ lộ ý định đi nam, vì biết thân nhân họ hàng đều nồng nhiệt ủng hộ Việt Minh. Chỉ đến khi rời cổng làng, tôi mới cho Thuật, người em họ lúc đó 12 tuổi và là con chú Thấu, biết tôi sẽ đi Sài Gòn ngay buổi tối. Tôi nhờ Thuật về chuyển lời từ biệt của tôi tới mọi người.

Tôi rảo bước rời làng để kịp đón chuyến xe chót trở lại Hà Nội. Hơn một giờ sau, tôi xách hành lý đến địa điểm hẹn tại tòa thị chính để đáp máy bay đi nam. Tháng 8, 1954 tôi đã có mặt tại Sài Gòn.

Vào Sài Gòn được vài tuần tôi nhận được thư ở Hà Nội cho biết ngay tối hôm tôi ra đi, mấy người họ hàng nhà tôi đã kéo ra Hà Nội định ngăn cản không cho tôi lên đường. Họ tới quá trễ, sau khi tôi đã rời nhà!

Biết tôi đi nam, gia đình tôi rất buồn phiền. "Cô đã khóc mấy ngày liền Một chị bạn phải ở luôn bên cạnh cô để động viên tinh thần cô," cô tôi kể lại truyện này năm 1994 khi nhắc lại vụ tôi đi Sài Gòn

Tôi đi nam gần như kẻ chạy trốn nhà vì khuynh hướng chính trị khác biệt. Tôi vẫn từng hãnh diện về quyết định đi nam để được hít thở không khí nhẹ nhàng, bớt ngột ngạt hơn.

Nghĩ đến việc phải gặp lại thân nhân, họ hàng trong hoàn cảnh mình là kẻ bại trận, thân nhân mình là người chiến thắng, tôi cảm thấy quá tủi hổ. Tôi không muốn lâm vào cảnh bẽ bàng, khó xử của một tội phạm bị trói tay dẫn ra đối diện với người nhà. Gặp lại thân nhân trong hoàn cảnh đó sẽ bị coi như một hình thức nhận mình đã đi lầm đường.

Cũng bị đe dọa tính mạng khi cộng quân vào là bố vợ tôi. Nghe nói bị Việt Minh kết án tử hình khiếm diện vì "dinh tê" về thành, ông nhất định không chịu để Việt Cộng bắt giết. Ông còn làm việc cho phái bộ viện trợ Mỹ (USAID) gần hai chục năm. Ông bảo: "Nếu không đi được ông sẽ tự tử. Mình bị kẹt, cộng sản vào nó không cần giết mình. Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng chỉ đến gặp mình, cười một cái là mình đủ nhục mà chết." Giáp và Dũng đã từng làm việc chung với ông năm năm tại An Toàn Khu ở Việt Bắc . Ông đã nhiều dịp gặp gỡ, bàn luận hoặc chuyện trò với các tay đầu não của cộng sản. Ông cũng có một thời làm bí thư cho cựu hoàng Bảo Đại khi công dân Vĩnh Thụy làm cố vấn tối cao cho Hồ Chí Minh, nên đã có dịp gặp gỡ Hồ. Tên ông là Nguyễn Văn Nghị.

Việc ông ở với Việt Minh tham gia kháng chiến chống Pháp cũng là một trường hợp oái oăm do những biến

chuyển bất ngờ của tình thế. Khi Việt Minh đoạt chính quyền năm 1945, vua Bảo Đại thoái vị, rồi ra Hà Nội làm cố vấn cho Hồ, một tước vị có tiếng mà không có miếng. Công dân Vĩnh Thụy lúc ấy 32 tuổi đã sống những ngày lạc lõng và cô đơn ở Hà thành.

Đi theo bên cạnh Vĩnh Thụy thời đó chỉ có một mình Nguyễn Hữu Tương, một người thuộc hoàng tộc từ Huế ra. Từng là một võ sĩ và là một cầu thủ giỏi bóng đá, Tương vừa đóng vai vệ sĩ, vừa là tùy viên. Một hôm đi coi chiếu phim ra, Tương gặp Nghị, người bạn học cũ cùng trường tư thục Hồng Bàng lúc hai người học thi tú tài trước đó cả chục năm. Gặp lại nhau bất ngờ, Tương cho biết ông trở lại Hà thành cùng với Bảo Đại. Vài tuần sau qua sự giới thiệu của Tương, bố vợ tôi lúc ấy 30 tuổi, được cựu hoàng mời làm bí thư thay chỗ của một bí thư đã được Việt Minh chọn lựa.

Ở địa vị mới này, Nghị thường đi theo Cố Vấn Tối Cao, trong đó có nhiều lần đến Bắc Bộ Phủ để gặp Hồ Chí Minh và được Hồ gọi là "chú Nghị."

Khi Bảo Đại sống năm đầu lưu vong ở Hương Cảng, Nghị đã để vợ và hai con gái nhỏ ở Việt Nam rồi trốn qua theo cựu hoàng. Lúc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ ở Hà Nội, Nghị không được tin tức gì về vợ con, không biết sống chết ra sao. Chiến tranh càng kéo dài, ông càng sốt ruột.

Việt Minh lúc đó còn tiếp tục liên lạc và thỉnh thoảng cung cấp tiền bạc cho Bảo Đại. Người tới gặp Bảo Đại vào mùa hè năm 1947 là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, thứ trưởng ngoại giao trong chính phủ Hồ Chí Minh. Thạch gặp Nghị liền báo tin "chị và hai cháu chay loạn bị thương do

đạn của Pháp bắn. Một cháu bị bắn cụt chân. Một cháu thì ốm nặng. Anh nên tìm cách về để lo cho chị và các cháu," bố vợ tôi thuật lại. "Nghe tin rụng rời đó, bố như lửa đốt trong lòng, không còn thiết gì nữa, chỉ muốn về tìm vợ con thôi."

Nghị sau đó trình bày hoàn cảnh mình với Bảo Đại để xin rời Hương Cảng về nước. Đến biên giới Việt Hoa, Nghị ngỡ ngàng trước cuộc mít tinh do Việt Minh tổ chức, với biểu ngữ "Hoan hô bí thư của cố vấn tối cao hồi hương." Xuân Thủy, chủ nhiệm báo Cứu Quốc, sau này là ngoại trưởng của Hà Nội tại cuộc hòa đàm Ba Lê để chấm dứt chiến tranh Việt Nam, đã tới phỏng vấn và đăng bài về chuyến hồi hương của Nghị. Việt Minh sau đấy đưa Nghị về chiến khu nghỉ ngơi, giúp Nghị đi tìm đón vợ con. Gặp lại vợ con, Nghị mừng rỡ thấy mọi người an lành, không bị trúng đạn như tin bác sĩ Thạch nói. Cho đến nay Nghị vẫn nghĩ có lẽ Phạm Ngọc Thạch cố ý tung tin sai lầm đó để dụ Nghị trở lại Việt Nam.

Nghị được Việt Minh mời cộng tác, tham gia cuộc kháng chiến. Từng quen biết nhau sơ qua hồi dạy học ở trường Thăng Long tại Hà Nội, Nghị được Võ Nguyên Giáp đối xử đặc biệt. Nghị được mang quân hàm trung tá và được cử làm phó Giám Đốc Nha Tiếp Liệu Cục Quân Nhu thuộc Bộ Tổng Tư Lệnh Việt Minh. Cục trưởng lúc đó là Trần Dụ Châu, sau này bị kết tội tham nhũng và bị xử bắn trong vụ án được coi là dê tế thần để xoa dịu quân sĩ. Năm 1949 khi Việt Minh mở chiến dịch chuẩn bị tổng phản công, Nghị được đề cử làm phó chủ tịch ủy ban. Ủy ban này chỉ tồn tại có vài tháng đến khi Việt Minh bãi bỏ kế hoạch tổng phản công. Năm trước, khi bà Nghị sanh

người con gái thứ ba, Võ Nguyên Giáp đã gửi tặng 50.000 đồng nói là "để chị lo các cháu."

Cách xử sự như vậy của Giáp tất nhiên làm một số tướng tá ở gần Giáp xầm xì bàn tán. Trong một kỳ hội nghị, một đại tá lên phát biểu: "Quân đội mình có những ông quan không đánh giặc mà lại ngồi mát ăn bát vàng." Nghị cho câu đó ám chỉ mình. Có lần Giáp bảo họ:"Về vụ anh Nghị, có gì cần giải quyết, cho tôi biết."

"Vị thần thì nể cây đa," bố vợ tôi giải thích. "Bố chẳng tài giỏi gì. Mình đã không gia nhập đảng, lại có đầu óc tiểu tư sản, họ đâu có thích. Nhưng họ đối xử tử tế với mình vì hồi đó họ vẫn muốn liên lạc với ông Bảo Đại và nghĩ có thể một ngày nào đó họ dùng mình vào việc này."

Ở khu Việt Minh thời kháng chiến, mọi người lớn tuổi đều được khuyến khích làm việc, hoặc tham gia công tác phục vụ tiền tuyến, hoặc góp phần tăng gia sản xuất ở hậu phương. Mẹ vợ tôi vì vậy cũng mở một xạp bán hàng ăn ngay tại căn nhà lá ở rừng. Nhờ nấu ăn khéo, xạp đã là nơi lai vãng của nhiều cán bộ Việt Minh, trong đó có nhiều tay cao cấp, mỗi khi rảnh rỗi hoặc từ phương xa về hội họp. Trong số này ngoài các tướng tá như Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng, Hoàng Minh Thảo, Lê Hiến Mai, còn có Lê Đức Thọ, Phạm Hùng thuộc phía chính trị.

Trong thời gian làm việc với Việt Minh, Nghị vẫn để mắt liếc về Hà Nội. Chiến tranh càng kéo dài và lan rộng, người Việt càng chịu thêm những thảm họa của bom đạn và những khổ cực của cuộc sống hàng ngày. Khi chiến tranh bùng nổ, dân Hà Nội lũ lượt kéo nhau đi tản cư về các vùng quê. Ít tháng sau, một số người bắt đầu hồi cư.

Một số hăng hái tham gia kháng chiến lúc đầu rồi cũng dần dần bỏ hàng ngũ Việt Minh, tìm đường "dinh tê."

Nghị cũng đã nhen nhúm, thầm nghĩ con đường trở về Hà Nội. Sống mãi với Việt Minh ở An Toàn Khu thuộc vùng rừng núi hiu quạnh, ngày đêm phập phồng lo sợ máy bay oanh kích của Pháp, vợ chồng Nghị không khỏi hồi tưởng lại những ngày an bình ở thành phố đô hội. Từ khi có thêm mụn con trai, Nghị càng cảm thấy thôi thúc muốn về thành phố hơn. Nghị bảo vợ: "Bà đã cho tôi ba con gái, nay có con trai để lo việc hương khói, mình nên chuồn." Lúc này gia đình Nghị tăng lên thành sáu người, mà người con lớn nhất chưa tới mười tuổi

Tính việc rời An Toàn Khu không phải dễ. Làm sao qua khỏi những trạm gác ở gần và nằm rải rác quanh khu vực? Phải mất hai năm Nghị mới hoàn thành kế hoạch. Trước hết Nghị xin rời nhà đến vùng sát riềm khu vực và ở xa chỗ làm việc. Rồi sau nại cớ đau yếu, Nghị xin nghỉ dưỡng bệnh ít ngày.

Vào một đêm tối trời chỉ có ánh trăng soi đầu năm 1953, vợ chồng Nghị thức dậy lúc ba giờ sáng, mặc áo ấm cho các con, nhét mấy quả chuối vào túi áo, rồi bồng bế con cái ra khỏi nhà. Qua những con đường mòn khúc khuỷu, gồ ghề, gia đình tới một quán nước bên đường vào lúc trời sáng. Nghị giả dạng là người đi buôn trà, rồi thuê được người để phụ bế và cõng con nhỏ. Sợ bị bắt, đoàn người ban ngày ngủ hoặc lẩn trốn trong rừng, tối đến mới lần mò đi. Qua bốn đêm, gia đình tới được Phúc Yên tiếp giáp vùng quốc gia, rồi từ đấy về Hà Nội. Sau này một đại úy đào ngũ tên là Trương Bá Nam về cho Nghị hay tòa án

quân sự Việt Minh đã cho Nghị án tử hình khiếm diện vì tội đào ngũ, cộng thêm tội bán vũ khí, quân trang.

Nghị làm việc cho chính quyền quốc gia tại Hà Nội và Sài Gòn, trước khi vào làm cho Phái Bộ Viện Trợ Mỹ được 18 năm với chức vụ chuyên viên kinh tế.

6

Ánh Hải Đăng

Tôi ở tòa báo trở về nhà vào lúc quá một giờ trưa ngày 31/3. Dưới nắng gắt của Sài Gòn, chỉ đi bộ có hai khúc trên đường Hiền Vương từ Công Lý về mà tôi đổ mồ hôi hột. Hầu hết các tiệm buôn ở khúc đường Hai Bà Trưng gần nhà thờ Tân Định vào giờ này đều đóng cửa để ăn và nghỉ ngơi. Tiệm Phương Mai, một đại lý kem và sữa của hãng Foremost, im lìm đóng kín. Tôi tra chìa khóa, quay một vòng, đẩy cánh cửa sắt nhích sang bên để vừa đủ lách người vào. Nghe tiếng cửa kêu kin kít, Hà Châu, cô em vợ, đoán biết tôi về, vội chạy ra đón.

"Anh có thư của Washington Post đưa tới. Nói có việc cần gấp, anh điện thoại cho họ," Châu vừa nói, vừa lấy chiếc phong bì để sẵn ở mặt quầy hàng đưa cho tôi.

"Ai mang thư lại, Châu?" tôi hỏi, mắt liếc nhìn xuống chiếc bì thư.

"Một cô đi xe gắn máy, mới đưa tới," Châu đáp, rồi rảo bước vào trong.

Tôi mở thư, trong bụng thắc mắc: "Có việc gì gấp, sao không gọi điện thoại?"

Tôi vừa đọc, vừa bước chầm chậm. Đọc xong thư, tôi thấy mình rung động. Rồi mấy hàng chữ nhòa dần. Mắt tôi đột nhiên đẫm lệ. Một tay lau mắt, một tay cầm tờ giấy, tôi cố trấn tĩnh mình, nhưng những giọt nước mắt như từ một giòng suối cứ tuôn rơi, không sao ngăn nổi.

Tôi đi vào bàn giấy làm việc ở trong phòng ngay sau cửa hàng, ngồi xuống ghế. Qua đôi mắt nhòe ướt, tôi đọc đi đọc lại bức thư. Tôi ở trong trạng thái quá xúc động, quá mừng mà cũng quá lo, nên cứ ngồi ở đấy nức nở như một đứa trẻ thơ.

Nỗi âu lo đè nặng lên tâm trí tôi từ mấy ngày qua sau khi có tin Đà Nẵng mất. Từ lúc mất Đà Nẵng, tôi tin chắc Sài Gòn sẽ chung cùng số phận, và Nam Việt Nam rồi sẽ bị cộng quân xâm chiếm, tuy không biết khi nào mà thôi. Cũng như khi nghe tin người bạn mình bị bắn trọng thương, quá thê thảm phải đưa vào nhà thương cấp cứu, thì hẳn đoán biết được số phận của nạn nhân. Bức thư tôi vừa đọc như lời bác sĩ chẩn bệnh thông báo cho gia đình biết nạn nhân không còn mấy hy vọng sống sót.

Kinh nghiệm trong những năm làm báo cho tôi biết báo chí ngoại quốc trong nhiều trường hợp thường có tin tức mau lẹ hơn và am tường tình hình Việt Nam hơn người Việt, hơn cả báo chí Việt. Tình trạng này xảy ra là vì người Việt, cũng như báo chí Việt, thường bị bưng bít tin tức. Giới cầm quyền Việt Nam, cộng sản cũng như quốc gia, vốn quan niệm báo chí là công cụ tuyên truyền và phổ biến thành tích, chính sách của chính phủ, hơn là thông báo cho dân chúng biết những diễn biến của tình hình. Bị kiểm

duyệt, hướng dẫn và chỉ huy, báo chí, các đài phát thanh, truyền hình vì vậy chỉ được loan những tin nào mà chính phủ thấy là có lợi hoặc vô hại cho đường lối của chính phủ. Người làm báo Việt, bị giới hạn trong việc thu lượm tin tức, không thể loan những tin mà chính phủ cho là bất lợi. Phóng viên Việt muốn sục sạo tin tức dính líu tới tình hình quân sự, chính trị như tình trạng sôi sục từ mấy tuần nay, thường đụng phải bức tường câm nín sắt đá của nhà cầm quyền. Các viên chức chính phủ rất ngại ngùng, và thường tránh né khi tiếp xúc với báo chí hoặc bị thăm hỏi tin tức.

Trong khi ấy báo chí Mỹ được làm việc trong hoàn cảnh dễ dàng hơn, thoải mái hơn. Mối liên lạc giữa báo chí và chính quyền Mỹ được đặt trên căn bản bình đẳng hơn, hợp tác hơn và tương trợ hơn. Báo chí Mỹ được coi là định chế thứ tư trong nền dân chủ Mỹ, sau hành pháp, lập pháp và tư pháp. Với quyền tư do báo chí và ý niệm người dân được quyền biết những hoạt động của chính phủ, báo chí Mỹ ở địa vị thuận lợi hơn để thu thập tin tức, và theo dõi những diễn biến xảy ra của tình hình. Các viên chức Mỹ cũng ít dè dặt hơn khi tiếp xúc với nhà báo và ít khi dám cố ý đánh lạc hướng hoặc dối trá trắng trợn. Giới chức Mỹ thường cho biết nhiều tin tức để cung ứng nhu cầu của nhà báo, mà vẫn cố giữ kín những bí mật quốc gia và những gì mà họ thấy cần phải giữ kín. Đường lối này có thể ví như kiểu áo tắm bikini của phụ nữ. Loại áo ba mảnh này chỉ che kín ba điểm quan yếu, còn cho thấy vóc dáng và những phần khác trên thân hình phụ nữ. Ngược lại nhà cầm quyền Việt Nam lại khoác lên người con gái bộ quần áo kiểu nữ tu, che kín từ đầu tới chân, chỉ hở khuôn mặt.

Người ngoài nhìn vào khó biết được người mặc áo đó mập hay ốm, thân hình bình thường hay khuyết tật, có ghẻ lở, mụn nhọt hay không.

Chính nhờ có sự giúp đỡ của những cơ quan và viên chức Mỹ, báo chí ngoại quốc trong nhiều trường hợp biết mau và biết nhiều tin liên hệ đến Việt Nam, kể cả một số tin mà chính phủ Việt Nam không muốn phổ biến.

Ngay khi mới vào làm cho Washington Post ở Việt Nam, tôi đã thấy ngay sự cách biệt giữa việc dễ dàng thu lượm tin tức của báo chí ngoại quốc so với báo chí Việt Nam. Chiều ngày 10 tháng 3, 1966, Ward Just, phóng viên Washington Post, vừa gặp tôi liền hăm hở nói ngay:

"Ti bay rồi."

Cùng với câu nói, anh ngoắc ra phía ngoài ngón tay cái của bàn tay nắm lại.

"Kỳ, Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ?" tôi ngạc nhiên hỏi lại, khi nghe giọng phát âm của anh..

"Tướng Ti, Quân Đoàn I," anh đáp.

"Nguyễn Chánh Thi?" tôi hỏi nữa.

"Đúng! Bay rồi," Just gật đầu.

Tôi cảm thấy thẹn thùng khi nghe anh báo tin. Mình người Việt làm báo mà chưa biết biết tin xảy ra ở nước mình. Còn anh ta người Mỹ ở nước khác đến mà biết tin về Việt Nam trước mình.

Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia do hai tướng Thiệu, Kỳ triệu tập hôm đó từ chín giờ sáng đến ba giờ chiều để quyết định cách chức tướng Thi. Chính phủ Việt Nam, ngay khi biết có đủ số phiếu bầu trong phiên họp để gạt tướng Thi ra, đã thông báo cho tòa đại sứ Mỹ biết. (1) Tòa đại sứ Mỹ biết, thì một giờ sau phiên họp, tức là lúc bốn giờ chiều, báo chí Mỹ đã hay tin.

Vì giá trị của tin tức báo chí ngoại quốc, nhà cầm quyền Việt Nam muốn đọc để theo sát tình hình. Tôi đã một thời làm việc tại Phòng Báo Chí Bộ Quốc Phòng, phải đọc hàng ngày những tin điện của các phóng viên ngoại quốc ở Sài Gòn gửi về tòa báo của họ. Những tin điện này được các cơ quan tình báo Việt Nam cho đánh máy lại, đóng dấu "MẬT" và gửi tới vài viên chức cao cấp trong chính phủ, trong đó có tổng trưởng quốc phòng. Tôi tóm dịch những tin điện này để trình lên tổng trưởng. Một số viên chức khác rất thích đọc bản tóm dịch này.

Mỗi khi tình hình Việt Nam trở nên gay cấn, vì báo chí Việt Nam bị kiểm duyệt và bưng bít, những người Việt muốn theo sát tình hình thường vặn nghe các đài phát thanh ngoại quốc, hoặc tìm đọc báo ngoại ngữ.

Có dịp làm việc với các đồng nghiệp Mỹ trong nhiều năm, tôi biết những phương cách thu lượm và gạn lọc tin tức của họ, nên hiểu được tầm mức giá trị tin của họ. Bức thư trên của những người bạn Mỹ gửi tới vì vậy gây tác dụng mạnh đối với tôi. Đã từ nhiều năm, tôi không hề biết khóc. Với cuộc sống của một thanh niên tự lập, tôi thường coi nước mắt là biểu hiệu của yếu đuối, ủy mị. Lần này tôi cảm thấy mình yếu đuối thật.

"Vào ăn cơm, anh!" vợ tôi từ bàn ăn trong nhà bếp nói vọng ra.

Tôi không trả lời nổi, cổ như bị tắc.

"Anh vào ăn cơm chứ. Làm gì ngoài đó lâu vậy? " vợ tôi gọi nữa.

Tôi nghe tiếng, nhưng nghẹn ngào không nói được. Không thấy tôi vào, mà cũng không nghe tôi trả lời, vài phút sau vợ tôi đi ra.

"Anh làm sao vậy? Sao vậy? Có truyện gì?" Trang vội hỏi, khi thấy tôi thổn thức, mắt đỏ hoe.

Tôi nghe vợ hỏi, nước mắt lại tuôn mạnh. Không nói năng, tôi chìa bức thư đưa cho vợ.

Vợ tôi đọc xong thư, nói: "Thế này tốt quá mà! Sao mà anh phải khóc? Anh làm em hết hồn. Tưởng Việt Cộng sắp vào đến nơi. Anh làm em sợ quá." Lần đầu tiên từ ngày lấy nhau, Trang thấy tôi khóc nên hoảng hốt.

Câu nói của Trang không làm nước mắt tôi vơi đi, trái lại càng kích thích mạnh hơn những xúc cảm của tôi.

"Anh không ngờ... họ tốt...tốt quá.. với mình như vậy...Từ lâu mình ít liên lạc với họ! Thế mà.. không ngờ..." tôi nức nở nói qua đôi mắt ướt đẫm. "Họ đến với mình... đúng lúc mình đang nguy khốn. Mình như người đắm tàu... mà vớ được phao."

Tôi cầm lại lá thư ở tay vợ. Trang đi vào trong nhà, có lẽ muốn tôn trọng những phút xúc cảm riêng tư của tôi.

Mấy hàng chữ trong thư vẫn nhảy múa loạn xạ trước mắt tôi.

Bức thư vỏn vẹn chỉ có vài hàng đánh máy:

"Hoàng thân mến,

Lee Lescaze đánh điện cho tôi biết anh ta, Kaiser và những người khác sẽ giúp anh về tài chánh nếu anh và gia đình muốn rời Việt Nam. Các anh đó khẩn cấp hỏi tin tức về anh và tình trạng an bình của anh. Xin anh liên lạc với tôi. Tất cả chúng tôi đều rất quan tâm về anh và nóng lòng giúp anh. (khó điện thoại cho anh.)

Thành thực,

Phil McCombs"

Phil McCombs là trưởng văn phòng Sài Gòn của báo Washington Post. Tôi đã có dịp gặp anh vài lần trước. Anh tới Việt Nam vào cuối năm 1973. Khi anh tới, tôi đã thôi làm cho văn phòng Washington Post được một tháng. Phủ Tổng Thống không muốn tôi vừa làm cho báo Dân Chủ, lại làm thêm cho Washington Post.

Tôi muốn điện thoại cho McCombs, nhưng chưa dằn được cảm xúc nên thôi. Tôi lấy tờ giấy, viết nháp mấy hàng để gửi cho Lescaze. Lee Lescaze và Robert Kaiser là những phóng viên của Washington Post, từng làm việc với tôi trước đây ở Sài Gòn.

Tôi đang viết, Đức, cháu trai bốn tuổi, ra nói:

"Mẹ bảo bố vào ăn cơm."

"Con cứ ăn đi. Bố ăn sau," tôi trả lời, cố làm ra vẻ tự nhiên.

Sau đến cháu gái Phương, ba tuổi, bẽn lẽn lại gần nhìn tôi. Tôi xiết chặt cháu vào lòng, bụng nghĩ trẻ con chưa hiểu nổi những nỗi lo lắng của mình.

Mối liên lạc của tôi với Washington Post khởi đầu từ năm 1966 khi tôi bắt đầu làm việc cho tờ báo này. Tôi được thu dụng là do một cơ hội tình cờ và may mắn. Hôm đó vào một buổi chiều giữa tháng 1, 1966 tôi ra khu thương xá Eden dạo chơi, như thói quen của một số công tư chức sau giờ làm việc. Vừa đậu xe Vespa ở vỉa hè

đường Nguyễn Huệ, tôi gặp người bạn cùng làm đài phát thanh ngày xưa. Qua vài câu chuyện thăm hỏi, anh bạn Liễu hỏi tôi:

"Toa muốn làm cho báo ngoại quốc không? Washington Post đang kiếm người đấy."

"Ố, Washington Post. Tôi biết anh chàng phóng viên của báo này. Mà sao anh không nhận làm cho họ?" tôi hỏi lại Liễu.

"Moa đang làm cho AP (Associated Press) rồi. Văn phòng ở trên lầu này," anh Liễu đáp, tay chỉ lên tầng trên tòa cao ốc của khu Eden.

Nói thêm dăm ba chuyện khác, rồi chúng tôi chia tay. Tôi cám ơn Liễu và thấy phấn khởi trước tin Liễu cho. Tôi cố nhớ lại khuôn mặt điểm đạm của John Maffre, phóng viên báo Washington Post, mà tôi đã gặp mấy lần trước đây khi anh tới hỏi tin tại Phòng Báo Chí Bộ Quốc Phòng.

Tôi nghĩ đi tìm số điện thoại của Washington Post. Tôi biết JUSPAO, cơ quan liên lạc báo chí của Mỹ, có phổ biến bản danh sách những người làm cho báo chí ngoại quốc. Phòng Báo Chí Bộ Quốc Phòng có bản danh sách này.

Khi quay số điện thoại, tôi cảm thấy có nhiều hy vọng. Tiếng chuông điện thoại reo. Đầu giây bên kia có tiếng nói:

"Los Angles Times, Jack Foisie."

"Xin lỗi," tôi ngỡ ngàng, đáp. "Tôi tưởng đây là văn phòng báo Washington Post. Tôi định gọi ông John Maffre."

"John Maffre trước ở đây. Anh ta mới về Mỹ," Foisie mau mắn nói. "Để tôi cho số của người mới đến thay thế anh ta."

Nghe tin Maffre về Mỹ, tôi thấy hơi cụt hứng. Nhưng rồi tôi vẫn quay số điện thoại vừa ghi. Biết người đối thoại đúng của Washington Post, tôi vào đề ngay: "Tôi nghe nói ông muốn kiếm người."

"Vâng, đúng thế," anh ta trả lời.

Tôi tự giới thiệu vắn tắt về mình. Anh ta xin lỗi lúc này anh không có nhiều thì giờ để tiếp tôi. Anh hỏi có thể gặp nhau khi khác được không.

Hai hôm sau, theo giờ hẹn, tôi tới gặp anh tại khách sạn Caravelle. Chúng tôi nói chuyện với nhau chừng nửa giờ. Tôi cho anh biết sơ qua thân thế và những công việc tôi đang làm, cùng kinh nghiệm của tôi trong ngành báo chí. Tôi cũng báo tin anh biết tôi sẽ giải ngũ trong mấy tháng tới. Anh hỏi tôi sơ qua về thời sự Việt Nam, và những giờ nào thuận tiện để tôi làm việc với anh. Kết thúc buổi nói chuyện, anh cho biết việc tuyển dụng tôi cần phải được tòa báo ở Hoa Thịnh Đốn chấp thuận, và phải một tuần sau anh mới trả lời được.

Người phỏng vấn và tuyển tôi là Ward Just, trưởng phòng tại Sài Gòn. Đeo cặp kính dày cộm, anh có thái độ niềm nở, phong thái trí thức. Năm đó anh 30 tuổi, cùng năm sinh với tôi. Sau này tôi được biết anh tốt nghiệp đại học Trinity College ở Hartford, Connecticut, và là con một chủ báo ở tiểu bang Illinois. Anh vào nghề báo được chín năm trước khi qua Việt Nam, trong đó có bảy năm làm cho tạp chí Newsweek. Hết nhiệm kỳ ở Việt Nam, anh còn làm cho Washington Post thêm mấy năm nữa, rồi quay ra

viết tiểu thuyết. Anh có tới 20 tác phẩm được xuất bản, và ba lần được giải thưởng.

Tôi rất vui mừng kiếm được việc mới, tám tháng trước khi giải ngũ. Hồi đó các sĩ quan trừ bị lần lượt được giải ngũ theo đơn xin, sau hạn kỳ bốn năm động viên. Tôi chỉ nhận làm việc bán thời gian từ năm giờ chiều trở đi, vì trước giờ đó tôi còn phải làm việc cho chính phủ. Thời gian này thật thuận tiện cho tôi, cũng như cho tòa báo. Những diễn biến trong ngày chỉ cần kiểm điểm, đúc kết và viết bài vào buổi tối. Phóng viên thường gửi bài về tòa báo vào giờ buổi tối ở Việt Nam, tức là ban ngày ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Chỉ khi nào có tin quan trọng, quá gấp rút xảy ra trong buổi sáng thì mới đánh tin đi. Chúng tôi cũng đồng ý là tôi chỉ làm việc ở Sài Gòn. Khi phóng viên cần người đi tỉnh, anh sẽ tìm người khác đi thay.

Làm việc cho báo Washington Post, nhiệm vụ chính của tôi là giúp các thông tín viên cập nhật hóa tình hình và phụ giúp họ am hiểu những vấn đề Việt Nam. Để hoàn tất công việc, tôi phải theo dõi sát thời cuộc, thu lượm tin tức, liên lạc và tiếp xúc với các giới chính trị, quân sự, tôn giáo, đảng phái, đoàn thể để cố gắng hiểu biết, giải thích, phân tích và nhận định tình hình cho đúng đắn, chính xác. Ngoài ra tôi còn thu xếp và thông dịch trong các các cuộc phỏng vấn.

Trong thời gian tám năm làm việc cho Washington Post ở Sài Gòn, tôi đã cộng tác và quen biết với khoảng ba chục nhà báo của Washington Post được phái qua Việt Nam. Trong số này có cả chủ bút Ben Bradlee, người được kể là có công đẩy báo Washington Post thành một trong những tờ báo hàng đầu của Mỹ và thế giới. Ông tới

Việt Nam hai lần và tôi đã thu xếp để ông gặp một số chính trị gia Việt Nam, trong đó có Đại Tướng Dương Văn Minh khi tướng Minh đang ở giai đoạn chuẩn bị ráo riết cho cuộc tranh cử tổng thống năm 1971. Vào ngày gần chót nạp đơn, Tướng Minh bất ngờ rút tên khỏi cuộc tranh cử, với ý định để Tướng Thiệu độc diễn trong kỳ bầu cử.

Khi tôi bắt đầu làm việc với Ward Just, tình hình Việt Nam đã trở thành thời sự nóng bỏng đối với Mỹ. Vào cuối năm 1965 đã có 180.000 quân Mỹ ở Việt Nam, cùng với vài chục ngàn quân của các nước bạn đồng minh Đại Hàn, Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân và Thái Lan. Chiến trận trở nên sôi động với nhiều trận đánh lớn.

Về mặt chính trị, năm 1966 cũng là năm có nhiều biến cố quan trọng, vừa xáo trộn, vừa gay cấn, để đi tới những tiêu mốc tạo nền tảng cho nền đệ nhị cộng hòa.

Mở dầu sôi nổi của năm 1966 là vụ án Tạ Vinh, một Hoa thương bị kết tội đầu cơ tích trữ dưới thời chính phủ Nguyễn Cao Kỳ. Hôm xử bắn, tôi và Ward Just đã đến pháp trường cát trước bùng binh Sài Gòn từ năm giờ sáng để tường thuật vụ này. Pháp trường cát được dựng sát tường của trụ sở hỏa xa Việt Nam. Những hàng rào cản, có thêm những vòng giây kẽm gai bọc bên ngoài, được đặt quanh bùng binh. Lính nhảy dù, cảnh sát, quân cảnh đứng gác không cho ai vào. Một dãy xe nhà binh đậu sẵn, đèn bật sáng chưng chiếu ra phía ngoài để làm lóa mắt người muốn nhìn pháp trường cát. Vợ Tạ Vinh, mồ hôi nhễ nhại, đã cùng mấy thân nhân có lúc xông được tới sát hàng rào kẽm gai, rồi bị xua đuổi đi ngay. Lúc súng nổ, chúng tôi từ phía nhà ga xe lửa cũ, cố che tay cho khỏi chói mắt vì

ánh đèn pha, cũng chỉ thấy lờ mờ bóng dáng một người trói bên chiếc cọc.

Liền sau vụ Tạ Vinh là tướng Nguyễn Chánh Thi bị cất chức tư lệnh quân đoàn I, châm ngòi nổ cho những cuộc biểu tình của Phật Giáo và vụ biến động ở miền Trung. Những xáo trộn và bạo động đó đã mở đường cho cuộc bầu cử quốc hội lập hiến và soạn thảo hiến pháp, khai sinh nền đệ nhị cộng hòa. Tôi đã cùng Ward Just có mặt trong những buổi thuyết pháp đông nghẹt Phật tử tại Viện Hóa Đạo, khi khí thế của những cuộc biểu tình lên cao. Tôi đã nhiều lần nếm hơi lựu đạn cay khi theo dõi cảnh sát giải tán những đoàn người xuống đường. Tôi đã cùng anh suốt ngày đi thăm nhiều địa điểm bỏ phiếu tại một số quận ở đô thành và Gia Định trong ngày bầu cử quốc hội lập hiến.

Về mặt quân sự, binh sĩ Mỹ được phái sang Việt Nam ngày thêm đông, lên tới 280.000 người vào cuối năm 1966. Để độc giả Mỹ biết những hoạt động cùng đời sống của người chiến binh Mỹ, Ward Just đã theo binh sĩ Mỹ ra chiến trường mấy lần. Anh bị thương khi đi theo cuộc hành quân Hawthorn cùng với một đơn vị thuộc lữ đoàn dù 101 ở Kontum gần biên giới Hạ Lào. Lưng và chân anh trúng nhiều miếng lựu đạn của cộng quân. Anh được tản thương về Pleiku, rồi giải phẫu ở quân y viện Mỹ tại Nha Trang trước khi về bệnh viện Grall tại Sài Gòn. Anh phải nằm nhà thương mất hơn hai tuần. Lúc đó anh mới sang Việt Nam được sáu tháng.

Người đến thay thế Ward Just vào mùa xuân năm 1967 là Lee Lescaze. Anh là người hiền lành, trầm tĩnh, bặt thiệp, và dễ mến. Tốt nghiệp đại học Harvard, anh chuyên về Á châu sự vụ.

Trong thời gian 18 tháng anh ở Việt Nam, anh và tôi đã chứng kiến bao ngày sôi động của chính trường và chiến trường Việt Nam. Về chính trường có màn hai tướng Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu kèn cựa nhau trong quân đội để ra tranh chức tổng thống, những đòn phép để gạt tướng Dương Văn Minh ra ngoài vòng tranh cử, vụ bắt giữ Trương Đình Dzu, ứng cử viên tổng thống về nhì trong kỳ bầu năm 1967, và sau nữa là vụ bắt dân biểu Trần Ngọc Châu ngay trong tòa nhà Hạ Viện. Về mặt quân sự, hiển nhiên là cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân. Chúng tôi, cùng một phóng viên khác của Washington Post là Peter Braestrup, đã có mặt tại khuôn viên tòa đại sứ Mỹ khi chiến trận tại đây mới chấm dứt, khi những xác đặc công Việt Cộng còn nằm trên vũng máu, rải rác ở sân cỏ hoặc bên cạnh những chậu kiểng.

Trong thời gian làm việc với Lescaze, vụ làm tôi nhớ mãi là trường hợp hai tướng Thiệu, Kỳ tranh dành nhau để ra ứng cử tổng thống năm 1967. Ngày 30 tháng 6, Hội Đồng Quân Lực trong ba ngày họp kín với nhiều màn gay go đã ép hai tướng Thiệu, Kỳ đứng chung liên danh ứng cử tổng thống và phó tổng thống. Để gây áp lực, Tướng Hoàng Xuân Lãm đã giật lon ở cổ áo ra, và trong lúc giật vội bị sước tay chảy máu. Tôi và Lescaze đang bận tíu tít về tin này, lo điện thoại nói chuyện với các nguồn tin để biết thêm chi tiết và phản ứng cùng nhận định về việc bất ngờ này. Richard Harwood là phó tổng biên tập báo Washington Post đang viếng thăm Việt Nam liền chạy đến bắt tay tôi rồi nói: "Mừng anh! Anh nói đúng quá!"

"Đúng gì?," tôi ngơ ngác hỏi anh.

"Anh bảo ông Thiệu sẽ thắng ông Kỳ. Anh nhớ không? Anh nói ở Washington cách đây hơn hai tháng,"

Harwood nhắc lại tôi mới nhớ hôm đến thăm tòa báo Washington Post. Tháng 4, 1967 tôi được chính phủ Mỹ mời thăm viếng nước bạn đồng minh hùng mạnh nhất thế giới với tư cách là đại diện của nhật báo Chính Luận.. Tôi cộng tác thêm với báo Chính Luận, làm trưởng ban biên tập tin tức quốc ngoại, từ tháng 9, 1996 khi tôi được giải ngũ sau bốn năm động viên vào Thủ Đức. Khi đến thăm tòa báo Washington Post, trong bữa ăn trưa được các chủ biên khoản đãi, tôi phải trả lời liên tiếp nhiều câu hỏi về tình hình Việt Nam, trong đó có câu ai sẽ là ứng cử viên tổng thống, tướng Kỳ hay tướngThiệu?

Lúc đó tướng Kỳ giữ chức thủ tướng và đang ráo riết chuẩn bị để tranh cử. Guồng máy tranh cử của Tướng Kỳ đã bắt đầu chạy. Những khẩu hiệu "Chính Phủ Nguyễn Cao Kỳ là chính phủ của dân nghèo" được trương lên ở nhiều nơi. Tướng Kỳ đang rõ rệt lấn át tướng Thiệu và đặt được nhiều người thân tín vào những địa vị then chốt. Tướng Thiệu là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tức quốc trưởng, nhưng thực tế lúc đó lại lép vế trước Tướng Kỳ trên sân khấu chính trường cũng như trong việc chuẩn bị vận động tranh cử.

Nghe câu hỏi trên, tôi cảm thấy hơi lúng túng. Rồi tôi chậm rãi trả lời: "Tướng Kỳ đang ở thế thượng phong. Ông đang chuẩn bị mạnh để ra tranh cử và đang lấn lướt Tướng Thiệu. Ông mạnh hơn, nhưng ông có khó khăn. Ông là người bắc, ông bị nhiều người nam chống đối, và trong quân đội ông không quen nhiều tướng lãnh bằng

Tướng Thiệu. Tướng Thiệu âm thầm và mưu kế, có thể xoay ngược tình thế."

Cũng như những câu trả lời khác, tôi nói rồi sau đấy cũng không để ý nhiều đến buổi gặp gỡ hôm đó. Nhận định của tôi may thay trùng hợp với kết quả, nhưng không hẳn đúng. Còn có những yếu tố khác ảnh hưởng nhiều hơn đến việc Thiệu, Kỳ đứng chung nhau.

Giới thân cận Thiệu sau này nói rằng tính "lì" của Thiệu và sự ủng hộ của Mỹ đã giúp Thiệu lướt thắng. Thiệu đã từng tuyên bố nhất định sẽ ra tranh cử dù chỉ được có phiếu của mình và của vợ. Thiệu biết nếu không tranh cử được, cuộc đời chính trị của Thiệu sẽ chấm dứt. Người Mỹ nghiêng về Thiệu hơn về Kỳ vì thấy ở Thiệu có triển vọng ổn định chính trị hơn tại Việt Nam. "Mỹ ủng hộ Thiệu thì Mỹ vận động ngầm trong hàng tướng lãnh," một phụ tá của Thiệu nói. Ông cho hay trong hai ngày họp đầu của Hội Đồng Quân Lực "mấy đàn em của ông Kỳ đã chỉ trích ông Thiệu nát nước đến nỗi một đại tá đi theo ông Thiệu về kể lại không dám nhìn thẳng ông Thiệu lúc đó vì sợ ông Thiệu mắc cỡ. Thế mà đến lúc bỏ phiếu, khi có đề nghị hai ông đứng chung với nhau, tình thế thay đổi hẳn. Mấy người ủng hộ ông Kỳ cũng tán đồng việc đứng chung nhau."

Chính phủ Mỹ năm 1967 đã quyết định hỗ trợ Thiệu, theo Frank Snepp trong cuốn *Decent Interval*, để ngăn chặn những xáo trộn như đã từng xảy ra sau vụ đảo chánh Tổng Thống Diệm, và đại sứ Ellsworth Bunker đã không hứng thú với Kỳ và giới thân cận của Kỳ. (2)

Trong số những nhà báo của Washington Post sang Việt Nam, người có cảm tình với tôi nhất là Lee Lescaze. Khi

đã về Mỹ và nghe tin tôi lấy vợ, anh đánh điện sang thăm hỏi, chúc mừng và gửi tặng vợ chồng tôi một khung ảnh bằng da, mặc dù tôi không thông báo anh biết truyện thành hôn của chúng tôi. Lúc đổi sang làm trưởng phòng ở Hương Cảng để chú trọng theo dõi tình hình Trung Hoa, anh và vợ mỗi khi có dịp ghé Sài Gòn đều hẹn gặp vợ chồng chúng tôi.

Tình hình chính trị và quân sự Việt Nam làm cuộc sống của tôi quá bận rộn, nên hầu như tôi không liên lạc với anh, nhất là sau khi tôi thôi cộng tác với Washington Post vào cuối năm 1973.

Khi chiến cuộc Việt Nam trở nên trầm trọng, thấy Việt Nam sẽ xụp đổ trước cuộc tấn công của cộng quân, anh là người đã nghĩ đến tôi và có ý định trợ giúp tôi và gia đình. Anh vận động thêm một số bạn cũ đã từng sang Việt Nam. Lúc ấy anh đang giữ chức chủ biên quốc ngoại của báo Washington Post.

Anh là người bảo trợ cho gia đình tôi vào Mỹ. Sang Mỹ tôi mới biết anh là một trong những nhà báo khá giả của Washington Post. Bố anh, người Thụy Sĩ gốc Do Thái, là một kiến trúc sư nổi tiếng. Ông di cư sang Mỹ từ đầu thập niên 1930 và là người đã vẽ ra kiểu nhà phố (townhouse) ăn khách ở Nữu Ước. Căn nhà khang trang của anh ở khu sang trọng trong thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã một dạo được báo chỉ nhắc nhở tới. Căn nhà này được một sở địa ốc cho mướn, khi anh lên làm trưởng phòng ở Nữu Ước. Cơ Quan Điều Tra Liên Bang (FBI) đã mướn ngôi nhà, rồi cho thiết trí máy thu hình, máy ghi âm, và dùng làm bình phong chiêu đãi để gài bẫy mấy dân biểu Mỹ mánh mung với

những tay Ả Rập muốn vận động quốc hội Mỹ trong những vụ làm ăn tư túi với nhau.

Tôi đến gặp Phil McCombs vào buổi chiều ở nhà anh tại đường Nguyễn Huệ. Căn nhà nằm ngay trên lầu cạnh cửa vào của hãng xe Charner. Chỗ này từng là nơi trú ngụ của phóng viên báo Washington Post từ sáu năm qua. Tôi đã lui tới chỗ này nhiều lần nên khá quen thuộc phòng ốc và đồ đạc ở đấy. Từ khi McCombs sang Việt Nam, tôi chỉ lại đây vài lần. Anh ở đây với vợ và hai con gái còn nhỏ.

McCombs và tôi bước lại bộ ghế ngồi ở phòng khách. Từ lúc bước vào, tôi không khỏi ngạc nhiên thấy căn phòng bề bộn khác thường, đồ đạc trưng bày trống trải hơn. Mấy thứ còn lại không được xếp đặt gọn ghẽ, ngăn nắp lắm. Tôi đảo mắt một vòng quanh phòng khách và thấy vài thùng đóng sẵn nằm ngổn ngang. Ánh nắng chiều nhợt nhạt xuyên qua cửa kính càng làm cho căn phòng đượm vẻ hoang tàn, thiếu sinh khí. Nhà lại im lặng, không thấy tiếng động hoặc tiếng đùa rỡn của trẻ con.

"Vợ con anh khỏe không? Đi chơi ngoài hả?" tôi hỏi thăm.

"Nhà tôi và các cháu khỏe. Cám ơn anh. Tất cả đã rời Việt Nam," McCombs đáp.

"Đi hồi nào?" tôi giật mình hỏi tiếp.

"Mới đi hôm qua," McCombs trả lời.

Câu nói của McCombs như một gáo nước lạnh dội vào người tôi giữa lúc trời giá buốt. Cảm giác buốt lạnh đó chạy nhanh khắp người tôi. Tôi lại thấy mình run rẩy, xúc động. Việc vợ con McCombs vội vã rời Việt Nam như xác quyết thêm lần nữa niềm tin trong lòng tôi là tình hình

quả thật nguy kịch, và Sài Gòn sẽ mất trong nay mai. Từ ba ngày nay, tinh thần tôi căng thẳng. Buổi trưa khi đọc thư của McCombs, tôi bị xúc động mạnh. Nỗi xúc động đó như vết thương chưa lành nay lại bị khơi đụng làm đau nhói. Tôi biểu lộ với McCombs ý nghĩ Sài Gòn sắp mất qua đôi mắt đầy lệ, giọng nghẹn ngào: "Cộng quân sẽ chiếm Nam Việt Nam và tiến quân vào Sài Gòn. Với những thất bại mới đây ở cao nguyên và vùng I, tôi không thấy quân lực Việt Nam có cách nào ngăn chặn họ được. Với nhịp độ mỗi ngày mất một tỉnh như mấy tuần qua, việc cộng quân cắm cờ ở Sài Gòn chỉ còn là vấn đề thời gian."

Nỗi xúc động của tôi pha lẫn với lo sợ và tức giận. Lo sợ không chạy kịp trước khi cộng quân tới. Hình ảnh chết chóc, tù đày, khổ cực của mình, của gia đình lại ào ào hiện ra trước mắt tôi. Tức giận vì thấy mình bất lực trước tình thế hiểm nguy, muốn chạy mà không tìm được lối. Tức giận vì thấy những việc mình làm, những công lao của mình trong bao nhiêu năm để tạo dựng một gia đình nhỏ bé, yên ấm nay tan thành mây khói. Bao người khác đã từng xả thân, hy sinh chiến đấu để không phải sống dưới chế độ cộng sản nay trở thành công cốc và rồi Nam Việt Nam vẫn lọt vào tay cộng sản. Thật quả là bẽ bàng, tủi hổ. Niềm tức giận đến đây được đổ lên đầu những nhà lãnh đạo. Tôi tự nghĩ Việt Nam phải chịu những bất hạnh đau đớn đó vì không có những nhà lãnh đạo có khả năng.

Tôi vừa nức nở, vừa than trách cho số phận của Việt Nam. McCombs cũng rươm rướm nước mắt, nắm tay tôi, an ủi: "Các bạn anh và tôi sẽ lo giúp anh và gia đình anh."

"Cám ơn lòng tốt của quý anh," tôi nói. "Tôi thật không ngờ các anh lại đến với tôi vào đúng lúc nguy cấp nhất. Nhưng điều tiên quyết là làm sao chúng tôi rời nước được."

"Anh có cách nào rời nước được không?" McCombs hỏi tiếp.

"Trong hoàn cảnh hiện nay, tôi không thấy có đường nào cả," tôi buồn rầu trả lời. "Mọi việc xuất ngoại bị cấm chỉ. Chúng tôi không thể mua vé máy bay ra khỏi nước theo lối chính thức. Đàn bà, trẻ con cũng không thể xin được giấy thông hành. Đi bằng đường khác, đường bộ hay đường thủy, vừa nguy hiểm, vừa bất hợp pháp, vừa có thể bị bắt. Nếu bị bắt, ngồi tù thì khi Sài Gòn mất chúng tôi lại vào tay Việt Cộng. Anh có biết cách nào khác? Người Mỹ có kế hoạch di tản không?"

"Hiện tôi cũng không biết cách nào khác. Chúng tôi sẵn sàng giúp anh và gia đình một khi các anh ra khỏi nước, nếu nhà cầm quyền Việt Nam để cho đi," McCombs trầm ngâm nói.

"Tôi và gia đình cùng một số thân nhân đang tính kiếm thuyền để sẵn sàng chạy Việt Cộng trước khi họ vào Sài Gòn. Chắc anh biết, việc đó cũng đầy hiểm nguy, như kinh nghiệm Đà Nẵng cho thấy. Anh nghĩ sao?" tôi hỏi ý kiến McCombs.

"Anh cứ nên xúc tiến để dự phòng," McCombs tỏ vẻ đồng ý và khuyến khích tôi.

Việc khuyến khích của anh có làm tôi hơi nhụt chí. Buổi trưa sau khi đọc thư của anh, tôi nuôi nhiều hy vọng. Hy vọng đó như ánh hải đăng lóe sáng đối với con thuyền lạc hướng đang vật lộn với phong ba bão táp trên biển cả

trong đêm tối. Nay gặp anh, tôi được biết những người bạn giúp mình cũng còn lúng túng. Họ là Mỹ, có thể rời Việt Nam dễ dàng theo đường lối của Mỹ. Còn mình là Việt Nam bị lâm vào thế kẹt. Trước mặt mình là cộng quân đang xăm xăm tiến tới. Sau lưng mình là những hàng rào cản kiên cố, có những lớp giây kẽm gai chằng chịt, do chính phủ dựng lên. Các bạn Mỹ sẵn sàng giúp một khi mình thoát đi được.

Việc đi thoát khỏi Việt Nam vẫn là mấu chốt của bài toán hóc búa mà lúc này tôi chưa tìm thấy một giải đáp nào.

7

Bập Bềnh

Ở nhà Phil McCombs ra, tôi băn khoăn nghĩ tới cuộc phiêu lưu mà nhiều gian lao, nguy hiểm và bất chắc đang hiện rõ sờ sờ trong óc. Tôi chợt nghĩ tới cuốn *Lổ Bình Sơn Phiêu Lưu Ký* mà tôi đã đọc khoảng năm 1944-45, mang máng nhớ lại anh chàng thủy thủ đắm tàu trôi dạt vào sống trên một hoang đảo. Tôi thắc mắc liệu mình và gia đình có sống sót được như Lỗ Bình Sơn, hay sẽ chìm sâu dưới biển cả.

Cuộc nói chuyện với McCombs làm tôi thấy điều cần thiết lúc này là tìm kiếm thuyền để ra khỏi nước. Tuy chưa có đường đi chắc chắn, tôi cũng thấy mình nhẹ nhõm hơn khi biết Lescaze và các bạn Mỹ sẵn sàng giúp mình, một khi mình thoát đi được. Biết Mỹ là nước mình nhắm đi tới, và ở đó có người trợ giúp, là đã giải quyết được một điều quan trọng.

Ý nghĩ tìm thuyền đã lởn vởn trong đầu óc tôi từ hai ngày qua, ngay sau khi biết tin Đà Nẵng mất.

Một ngày sau khi cộng quân vào Đà Nẵng, Luật sư Đàm Quang Lâm, một bạn học cùng lớp trước kia ở trường Luật, đã tới ngỏ ý rủ tôi tìm thuyền để đi.

"Đi ở đâu?" tôi hỏi.

"Ra Vũng Tàu, có thuyền ngoài đó," Lâm đáp.

Tôi đồng ý với Lâm về việc cần chuẩn bị trước tình hình nguy ngập, dù chưa biết làm sao đi thoát, thoát rồi đi đâu và sau đó làm gì sinh sống.

Sáng sau chúng tôi liên lạc lại với nhau. Lâm cho biết sẽ thăm hỏi thêm về thuyền bè, giá cả và những điều kiện đòi hỏi khác. Nói chuyện điện thoại với Lâm buổi sáng, tôi về nhà buổi trưa và được thư của McCombs.

Tìm thuyền để chuẩn bị lén lút đi trước khi Sài Gòn thất thủ quả là một cuộc phiêu lưu, nhiều khó khăn, hiểm nghèo, chẳng khác gì như mua bán đồ quốc cấm hoặc bí mật hoạt động chống đối chính quyền. Buôn lậu chỉ nguy hiểm cho cá nhân người đi buôn. Nếu bị vỡ lở, người buôn lậu bị bắt, bị phạt và hàng bị tịch thu. Còn lẻn trốn ra nước ngoài, nếu bị bắt, không những mình vào tù, mà cả người nhà đi theo cũng bị liên lụy. Người đi trốn còn bị coi là "hèn nhát," trong lúc chính phủ cấm xuất ngoại và lớn tiếng hô hào mọi người phải chiến đấu tới cùng. Đàn ông chúng tôi đều là công chức, quân nhân, nếu bị bắt, có thể bị ghép tội đào nhiệm, đào ngũ. Tôi làm ở Phủ Tổng Thống, đảm trách bộ biên tập cho cơ quan ngôn luận của đảng cầm quyền, nếu bị bắt lại càng ê mặt.

Bí mật đi thoát ra khỏi nước là điều không phải dễ. Một mình tôi hoặc gia đình tôi không làm nổi. Gia đình tôi và nhà vợ tôi tới gần hai chục người, phần lớn là đàn bà, trẻ con. Chúng tôi lại không biết tí gì cũng như không có kinh

nghiệm nào về hàng hải. Biển đông bao la, với những đợt sóng cao cuồn cuộn lúc giông bão vẫn là một bí hiểm, sợ sệt mà rất nhiều người Việt như chúng tôi chưa hề mạo hiểm. Việt Nam ít có tàu vượt đại dương, mà chỉ có một số tàu cận duyên men theo bờ biển Việt Nam hoặc chạy qua Kampuchia, Thái Lan, Ma Cao, Hương Cảng. Còn thuyền đánh cá cũng chỉ loanh quanh vùng duyên hải mà thôi. Nhưng biển đông năm đó lại được một số người Việt sẵn sàng chấp nhận phiêu lưu và đặt chút hy vọng mong manh trên đường trốn chạy cộng sản.

Kiếm tàu thuyền ra nước ngoài cần người có khả năng đi biển. Kết nạp những người tin cẩn cùng đi với mình là yếu tố quan trọng hàng đầu. Phải là người tin cẩn, không sợ bị phản bội, tráo trở. Giải quyết vấn đề này trước, các khó khăn khác sẽ được giải quyết tuần tự.

Ngành hải quân đươc nghĩ đến trước tiên vì ngành này là nguồn nhân lực phong phú được phát triển mạnh trong thời chiến tranh. Hải quân lại không bị sứt mẻ gì từ khi cộng quân mở cuộc tấn công, mà còn có công giúp một số đơn vị bạn di tản khỏi Đà Nẵng. Tôi có quen biết một số bạn hữu trong hải quân, nhưng chưa nghĩ ra người nào thích hợp để tiếp xúc, thăm dò và bàn bạc việc đi. Vào cuối tháng 3 đầu tháng 4, nhiều sĩ quan Việt Nam chưa nghĩ nước sẽ mất sớm. Họ còn tin tưởng hay ít ra hy vọng có thể cầm cự được với Việt Cộng một thời gian.

Ông bố vợ tôi tính mau hơn. Ông đã nghĩ ngay đầu mối ở gần kề. Buổi chiều ở nhà McCombs về, tôi kể lại vụ gặp gỡ cho vợ và bố vợ biết, rồi nói:

"Chắc mình phải tìm kiếm thuyền để đi, bố ạ. Đi thuyền có nhiều khó khăn, phiền phức quá, nhưng không còn cách nào khác."

"Bố cũng đã nghĩ đến vụ này," bố vợ tôi trả lời. "Cái này phải nhờ đến anh Yến, anh của Học. Nãy bố đã bảo Học điện thoại mời anh Yến ghé lại nhà tối nay để bàn việc đó. Để anh Yến tới, mình bàn xem sao."

"Ý kiến mời anh Yến hay quá. Mình nên tính gấp," tôi mừng rỡ.

"Mình nên kết hợp hai đại gia đình thông gia với nhau," bố vợ tôi tiếp lời. "Bố thấy gia đình mình quyết không sống với cộng sản. Gia đình ông thông gia với mình cũng không thể ở với Việt Cộng vì cũng có người làm trong chính phủ, trong quân đội. Cả hai đại gia đình hợp lại cũng mấy chục người. Anh Yến ở hải quân, thông thạo đường sông đường biển. Nhờ anh ấy lo việc kiếm thuyền là tốt nhất."

Chu Bá Yến là trung tá hải quân, anh của Chu Bá Học, bác sĩ. Học với tôi cùng là con rể ông Nghị. Học mới cưới vợ được hơn hai năm. Vợ của Học là dược sĩ và là em nhà tôi. Do mối liên lạc hôn nhân này, tôi đã có dịp gặp họ hàng nhà Học mấy lần.

Khi Yến tới, chúng tôi trao đổi tin tức, nhận định tình hình. Yến đồng ý ngay là phải kiếm đường đi trước khi cộng quân tới. Yến cho biết thân phụ anh, cụ Chu Bá Loan, một đông y sĩ, từng bị Việt Minh liệt vào hàng "cường hào phú hộ." Cụ là anh của Chu Bá Phượng, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, từng tham gia chính phủ liên hiệp với Việt Minh năm 1946 với chức vụ thứ trưởng kinh tế. Sau Phượng mất tích và gia đình tin là bị Việt Minh thủ tiêu. Yến còn anh là Chu Bá Tước, một giáo sư, nguyên chánh văn phòng của Tổng Trưởng Dân Vận Hoàng Đức Nhã. Gia đình họ Chu có nhân số trên hai chục người. Tổng cộng cả hai đại gia đình có khoảng năm chục người.

Chúng tôi cùng đồng ý là tình thế quả nghiêm trọng, và việc chuẩn bị để ứng phó là cần thiết. Yến cũng cho thuyền là phương cách hay nhất trong hoàn cảnh hiện tại để đi khỏi Việt Nam, trong lúc đường bộ qua Kampuchia vừa không quen lối, vừa nguy hiểm, còn đường hàng không thì phải có thông hành và tiền bạc.

Yến nhận đứng ra lo việc kiếm thuyền và thu xếp chuyến đi, tuy Yến còn dè dặt không dám chắc là lo liệu được. Yến hẹn trong vài ngày sẽ trả lời có tìm được thuyền hay không.

Có thuyền rồi, sẽ đi đâu?

Chúng tôi bàn đến việc chọn quốc gia để đi tới. Chúng tôi chỉ nghĩ đến vài nước lân cận trong vùng Đông Nam Á. Hương Cảng bị gạt ra vì đường xa, đất hẹp, lại ở sát nách Trung Cộng. Yến bảo "Hương Cảng không có đất sống. Ở đấy muốn rửa cái mặt phải lấy bát mà múc nước." Phi Luật Tân có đại dương mông mênh ngăn cách, thuyền đi qua biển đó nguy hiểm. Tân Gia Ba và Mã Lai cũng tương tự, tuy có gần hơn. Chỉ còn Thái Lan là thuận tiện nhất. Theo Yến, vùng biển Thái Lan ít bão tố. Thuyền có thể men theo bờ biển mà đi. Nếu gặp sóng to, gió lớn, thuyền dễ táp vào bờ, tìm chỗ nương náu tạm. Yến quen biết vùng biển này hơn, đã từng qua lại vùng này nhiều lần, trong đó có lần sang Nam Vang khi quân lực Việt Nam đánh sang Kampuchia năm 1970. Yến cho biết có quen và

còn giữ địa chỉ của một tướng và năm đại tá trong ngành tình báo Thái nên hy vọng có thể được giúp đỡ.

Đường đi sang Thái còn một lợi điểm khác là có thể tạm dừng chân ở Phú Quốc hay một hòn đảo khác ở trong vùng như Thổ Châu. Yến có quen một số anh em hải quân đóng tại những căn cứ ở đấy.

Việc kiếm thuyền được chúng tôi đồng ý mau lẹ. Bàn sâu thêm vào chi tiết, chúng tôi mới thấy nhiều rắc rối, trắc trở. Điều khó khăn nhất là làm sao biết được lúc nào kéo nhau đi, làm sao liên lạc được với nhau, tập trung lại một chỗ hẹn để đi cho an toàn, không bị uy hiếp, chặn cướp. Những truyện nghe phong thanh về Đà Nẵng cho thấy khi tình hình trở nên hỗn loạn, đường xá kẹt nghẽn, mọi dự trù đều có thể gãy đổ, tan vỡ. Rút kinh nghiệm Đà Nẵng, trong đó có thuyền bị chiếm đoạt lúc chạy, chúng tôi đồng ý phải có những tay súng võ trang hùng hậu, và phải có đủ lương thực, nhiên liệu trong nhiều ngày.

"Cái khó là tôi không thể bỏ sở đi sớm được," Yến bảo. "Anh chắc cũng thế. Đi sớm là lộ ngay, và bị coi là đào ngũ, rất nguy hiểm. Bị bắt thì hỏng hết việc. Mà đi trễ thì Việt Cộng nó chớp"

Với nhân số hai đại gia đình lên tới năm chục người, sợ khó quy tụ lại khi hữu sự, Yến cho hay nếu cần thì mua hai ghe. Một ghe để đàn bà và trẻ con có thể đi trước, ra trú tạm ở vùng Phú Quốc. Còn ghe kia để ở Sài Gòn cho đàn ông dùng khi đến lúc phải đi.

Bàn sơ qua những điểm chính yếu đó, Yến ra về trước giờ giới nghiêm. Gia đình tôi tiếp tục ngồi bàn tính thêm.

Lúc bàn với Yến, chỉ có tôi và bố vợ tham dự. Bây giờ Yến ra về, Trang và các cô em vợ xúm lại hỏi. Tôi thông

báo việc Yến sẽ lo kiếm thuyền để dự tính đi Thái Lan, có thể đàn bà và trẻ con đi trước ra trú tạm ở vùng Phú Quốc, còn đàn ông vì không bỏ sở đi được sẽ ra sau.

Gia đình tôi bắt đầu xôn xao, nôn nóng mạnh từ buổi trưa, sau lá thư của bạn bè ở Washington Post gửi tới. Nay lại thêm nhiều bồn chồn, âu lo vì vụ đi thuyền, vì biết mình sắp dấn thân vào một cuộc phiêu lưu mịt mùng, mà tương lai không biết ra sao.

Nghe nói đến đi thuyền, đàn bà nghĩ ngay đến say sóng.

"Eo ơi! Say sóng chết! Đàn bà, trẻ con chịu sao nổi!" vợ tôi bảo.

"Tụi em nhiều đứa bị sóng đánh, mặt mày xanh lè, nằm vật ra," Kim Khuê liền kể truyện vụ trường Trưng Vương được đi chơi trên tàu hải quân. "Tàu lớn mà còn thế, đi thuyền nhỏ nó lắc cho thì phải biết."

Hà Châu thì nói: "Em ngồi xe nhiều lúc còn chóng mặt. Đi thuyền chắc chết!"

Vợ tôi nhắc lại truyện bố đã từng kể hồi đi qua Hương Cảng bằng thuyền để sang với ông Bảo Đại rồi bị sóng nhồi phải nằm bẹp luôn mấy ngày.

Nói chuyện đi biển, tôi nhớ lại lần tản cư bằng thuyền năm 1947 khi theo gia đình ông Phạm Quốc Thành đi từ Kẻ Chuôn thuộc Chương Mỹ, Hà Đông vào Phủ Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Chuyến đi mất ba bốn ngày. Chúng tôi đi bằng thuyền đinh, loại thuyền lớn ở miền bắc hồi đó. Thuyền được thuê để chở đại gia đình gồm 17 người, cùng với cả trăm thùng xà phòng bánh, sản phẩm của hãng xà phòng Khánh Ký ở Hà Nội mà ông Thành làm chủ. Lần đầu tiên được đi trên chiếc thuyền lớn trong chuyến đi xa, tôi thấy được những vất vả của ngành vận tải bằng

thuyền ở Việt Nam. Thuyền không có động cơ. Thuyền chạy được là nhờ sức người. Lúc dùng chèo để vượt nước. Lúc dùng sào để đẩy. Ở khúc sông lạch hẹp, có lúc phu làm thuyền lên bờ, quàng giây vào vai, kéo cho thuyền chạy. Hai người kéo thuyền lúc mưa phùn chẳng khác gì trâu kéo cày.

Cũng lần đầu chưa biết sông có những chỗ uốn khúc quanh co, tôi ngỡ ngàng thấy một ngôi tháp nhà thờ có lúc ở bên trái, lát sau đã thấy ở bên phải, rồi lúc sau nữa ngọn tháp lại xuất hiện ở bên trái.

Thuyền có khoang rộng, đủ chỗ để chen chúc nhau ngủ ban đêm, nhưng không có chỗ để làm công việc bài tiết. Tôi nhớ mãi có lần vì cố nhịn tiểu tiện quá lâu đến lúc phải đi thì gặp nhiều khó khăn.

Thuyền ở miền nam năm 1975 khá hơn nhiều. Thuyền lớn đều chạy bằng động cơ, không còn dùng sức người nữa.

Nghĩ đến di tản bằng thuyền, tôi không khỏi liên tưởng đến những chiếc thuyền mà nhiều lần tôi nhìn thấy trên những con lạch ở Sài Gòn. Cả nhà sống trên thuyền, ngủ trong khoang nhỏ chỉ bằng tấm phản. Trẻ nhỏ chập chững bước trên mạn thuyền chòng chành theo sóng nước. Mọi người phải chui núp dưới mái thuyền bằng liếp trong lúc mưa rơi, gió tạt. Bếp đun nấu được đặt ngay trên mũi thuyền.

Tôi cũng nhớ đến những gia đình mà tôi nhìn thấy dưới gầm cầu, chỉ có mấy tấm liếp che mưa nắng, và quần áo được treo trên sợi giây chăng qua vài chiếc cọc cắm xuống đất.

Tôi phân vân không biết mình có phải sống như vậy khi ra nước ngoài.

Tôi cũng tự hỏi liệu mình làm gì để sống ở nước lạ? Con cái sẽ học hành ra sao?

Tôi đã được nghe kể nhiều lần có những sinh viên Việt Nam đi du học ở Pháp phải làm bồi bàn, làm thợ khuân vác, để kiếm sống. Hồi đi Mỹ năm 1967 tôi nghe nói hầu bàn ở Mỹ có thể kiếm dược vài ba đồng một giờ. Năm 1975 tôi không biết mấy về xã hội và nếp sống ở Mỹ, nên chỉ biết những hình ảnh vẽ ra trong đầu dựa theo những câu truyện mà bạn hữu kể lại trước đây. Có lúc tôi vẩn vơ mong ước kiếm được một miếng đất ở vùng quê để trồng trọt và nuôi sống được cho cả gia đình.

Ý nghĩ đưa đàn bà, trẻ con đi trước ra vùng Phú Quốc cũng không dễ như dự tưởng. Thoạt đầu chúng tôi tưởng có thể cho đàn bà, con nít đến ở tạm tại một khu lựa chọn do Yến thu xếp.

Chúng tôi còn bàn đến việc hòa mình với người địa phương, bàn đến việc may áo bà ba, cắt móng tay ngắn, chải tóc dài để bớt bị nhận biết là dân thành thị đến.

Nhưng sau vụ đi Phú Quốc không được tán thành. Tìm chỗ ăn, chỗ ở cho cả vài chục người ở một vùng xa lạ là cả một vấn đề. Rồi còn trường hợp đau ốm, thuốc thang, nhất là cho trẻ con.

Mối âu lo đáng quan ngại nhất là vấn đề an toàn của phụ nữ. Mẹ vợ tôi bảo: "Nhà toàn con gái, dù mặc áo bà ba đi nữa, người ta nhìn da cũng biết là dân ở Sài Gòn ra. Ở đấy không có đàn ông, rồi đêm khuya lính tráng nó đến thì sao. Thôi không được."

Buổi bàn tán cứ thế kéo dài mãi đến hai giờ khuya. Lên giường, tôi cố ru mình vào giấc ngủ mà không nổi. Tôi vẫn trằn trọc, suy nghĩ lan man. Trang cũng không ngủ, thỉnh thoảng cựa mình, thắc mắc.

"Em sợ quá, anh à," vợ tôi nói nhỏ.

"Sợ gì?" tôi thầm thì hỏi.

"Nhỡ mình không đi được, nó vào thì chết hết. Cả nhà em sợ Việt Cộng lắm," vợ tôi đáp.

"Đi mà, em. Mình phải tìm mọi cách đi chứ," tôi cố trấn an vợ.

"Đi cũng còn nhiều cái phải lo. Nhiều thứ nguy hiểm. Rồi ở đâu? Con cái đau ốm thì sao?"

Tôi cố giải thích để vợ yên lòng, Tới bốn giờ sáng chúng tôi vẫn chưa ngủ được. Trong thâm tâm, tôi thực tình cũng có nhiều áy náy, lo lắng. Toan tính và bàn bạc tìm đường đi thì có, nhưng thực tế chưa có gì chắc chắn và bảo đảm.

Như con thuyền bập bềnh trên sóng, việc tìm thuyền cũng bập bềnh với nhiều thay đổi, lên xuống.

Hai ngày sau lần bàn thảo buổi tối, Yến điện thoại cho biết có 80% hy vọng tìm được ghe.

Tôi phấn khởi thấy Yến có tin mau lẹ trong việc kiếm thuyền. Tôi đã gặp Yến mấy lần trước và chỉ biết loáng thoáng Yến ở trong ngành an ninh của hải quân. Đối với bạn bè quen biết trong ngành an ninh tình báo, tôi thường tránh hỏi về công việc và sở làm của họ. Sau này qua Mỹ, Yến mới cho biết lúc đó Yến là chỉ huy đơn vị tình báo 701 đặt trực thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Đơn vị này có màng lưới hoạt động bao trùm khắp lãnh thổ miền Nam Việt Nam, nhưng trọng tâm nhắm vào các vùng duyên hải và sông lạch. Đơn vị có một số ghe thuyền hoạt động như những thuyền đánh cá thường của ngư phủ, hoặc những thuyền chuyên chở trên sông rạch.

"Mình có sẵn anh em trong tổ chức hoạt động tình báo, nên nhờ họ mua và giữ cho mình một chiếc. Chiếc ghe được mua theo đúng kiểu ghe thường có ở trong vùng để tránh bị lộ tông tích. Hồi đó mình định đi Thái Lan, nên anh em ở Kiên Giang mua hộ chiếc ghe thuộc loại thông dụng trong vịnh Thái."

Hôm sau nữa Yến hẹn gặp tôi ở trước trụ sở Kỹ Thương Ngân Hàng tại đường Nguyễn Huệ. Yến cho biết anh em đang tiếp tục tìm hộ và phải hai tuần sau mới có ghe. Chiếc ghe được mua là loại ghe Thái Lan, với giá ba triệu đồng. Theo giá này, mỗi người đi phải đóng 50.000 đồng Việt Nam.

Nghe Yến cho biết có thuyền và giá cả, tôi rất mừng rỡ. Nhưng chỉ hai ngày sau, số tiền đóng đã đổi khác. Vào lúc đó đã có nhiều người lo kiếm thuyền để chạy, nên giá thuyền tăng vọt bất ngờ. Số tiền mỗi đầu người hai ngày sau được định lại là 300.000 đồng để vừa trang trải tiền mua ghe, tiền mua nhiên liệu, thực phẩm và các dụng cụ khác trang bị cho chuyến đi. Ghe được võ trang với súng M-16, phóng lựu M-79, hỏa châu, hải bàn và phao.

Với mỗi đầu người đóng 300.000 đồng, gia đình tôi gồm hai vợ chồng và ba cháu nhỏ đóng một triệu rưỡi. Đại gia đình nhà vợ tôi cứ tính theo đầu người lần lượt đóng tiền đầy đủ vào ngày 6/4.

Giá ghe thay đổi không làm tôi ngạc nhiên lắm. Hôm 31/3 luật sư Lâm cho tôi biết giá một chiếc thuyền ở Vũng Tàu là 24.000 đô la và thuyền có thể chở được khoảng

năm chục người. Ngay hôm sau Lâm trở lại báo tin giá thuyền đã tăng lên 40.000 đô la. Hai ngày sau nữa, mùng 3 tháng tư, Lâm cho hay lối đi ở Gò Công "tốt hơn, chiếc tàu giá khoảng 100 triệu đồng, chở được cả trăm người. Có tàu lớn hơn nữa chở được tới 500 người, nhưng giá tàu tới 500 triệu."

Giá thuyền không những thay đổi như chong chóng, lên nhanh như hỏa tiễn, mà còn nhiều bất chắc. Việc tìm thuyền thường qua trung gian, hoặc có bạn bè rủ nhau. Ít người nói chuyện trực tiếp với chủ thuyền. Dự tính đi, cũng như những chi tiết về ngày giờ khởi hành, địa điểm tập trung, số người đi...cũng còn nhiều mập mờ, mơ hồ và tùy thuộc vào tình hình biến chuyển.

Vụ Lâm đi tìm tàu thuyền, tôi thấy có phần nào phiền toái vì phải đi xa, ra Vũng Tàu hoặc đi Gò Công. Tôi cũng không thấy Lâm thúc dục đóng tiền hay cho thêm chi tiết về việc xúc tiến chuyến đi, nên tôi cũng chỉ tiếp tục liên lạc với Lâm để bàn bạc về tình hình.

Đến ngày 15/4 Yến cho biết chiếc ghe đã được đưa về Sài Gòn. Tôi nóng lòng muốn đi xem chiếc ghe, địa điểm ghe đậu và những cách xắp đặt ở ghe, để quen biết lối đi và để sẵn sàng một khi tình hình cần đến. Ngày 16/4 tôi chở Yến vào phía Chợ Lớn. Theo Yến chỉ lối, tôi lái xe đi qua mấy con đường nhỏ bé, gồ ghề ở khu cầu Xóm Củi gần kinh Bến Nghé.

Chúng tôi đậu xe ở xa, rồi đi bộ xuống. Giữa trời nắng thiêu đốt, tôi đi vào một khu gồm những căn nhà gạch thấp, trông như những kho chứa hàng. Khu này vào buổi trưa thưa thớt người, thỉnh thoảng mới thấy một vài á sẩm đi lại. Nhiều thuyền đậu theo con lạch. Yến chỉ cho tôi

một chiếc thuyền đậu sát bờ, cạnh một dãy nhà người Hoa. Yến cho biết không thể xuống xem ghe được vì sợ bị dòm ngó.

Tôi muốn xuống hẳn thuyền để xem hơn là chỉ đi nhìn chiếc thuyền ở phía xa. Nhưng Yến nói vậy, tôi không biết làm cách nào khác. Chiếc thuyền lại đậu phía sau một căn nhà nằm quay lưng vào con kinh. Muốn đến sát thuyền cũng không được, trừ phi đi vào phía trước nhà.

Ngay hồi đầu khi bàn việc mua thuyền với Yến, tôi ngỏ ý muốn thêm vài người bạn và gia đình đi cùng, trong đó có Lâm và vài người khác đã cũng bàn việc tìm kiếm thuyền với tôi. Yến ngần ngừ, rồi không đồng ý. "Mình chỉ muốn giới hạn trong hai gia đình thôi, sợ thêm người ngoài, bại lộ thì nguy, " Yến giải thích.

Đến ngày 14/4 Lâm đến nhà tôi chơi, rồi nói: "Kiếm thuyền đi khó quá! Chắc phải chuẩn bị ở lại."

"Anh ở lại thì ở. Em nhất định đi," vợ Lâm nói liền.

Nghe Lâm nói, tôi sau đó thăm dò Yến về việc cho gia đình Lâm đi cùng. Yến vẫn có vẻ không nồng nhiệt về việc nhận thêm người.

Tôi còn một người bạn khác cũng có ý rủ tôi kiếm tàu để chuẩn bị chạy khỏi Việt Nam. Anh bạn Nguyễn Văn Liêm, học cùng lớp với tôi cả 25 năm trước ở trung học. Anh đến chơi nhà tôi vào ngày 6/4, rủ tôi đến thăm người bạn cùng học chung lớp với tôi và Liêm ngày xa xưa.

"Khánh ở hải quân. Nó có tàu. Chúng mình có thể nhờ nó cho mình đi. Mình phải bám lấy nó, không thì nguy," Liêm bảo tôi.

"Nó ở đâu bây giờ?" tôi hỏi Liêm.

"Nó làm chỉ huy căn cứ ở Nhà Bè. Có gì mình chạy sang đấy. Nó có tàu chạy ra biển là được rồi.

Hôm sau Liêm và tôi đến nhà Nguyễn Kim Khánh ở đường Trương Minh Giảng. Khánh là Thiếu Tá Hải Quân, hiện làm chỉ huy trưởng Liên Giang Đoàn ở vùng III duyên hải.

Khánh tính tình vui vẻ và niềm nở. Gặp nhau, Khánh kể trường hợp thật may mắn thoát chết cách đấy vài ngày. Khánh vừa xuống chiếc giang đĩnh thì hỏa tiễn của Việt Cộng pháo kích vào Nhà Bè nổ cách Khánh có sáu thước, đúng ngay cầu tàu chỗ anh mới đứng trước đấy chừng một phút mà thôi.

Lúc bàn luận tình hình, Liêm và tôi đều nói là tình hình trầm trọng, cần phải chuẩn bị sẵn để cùng nhau đi. Khánh lạc quan tin rằng Việt Nam có thể cầm cự thêm vài tháng nữa. Dù vậy Khánh vẫn tán thành cho hai gia đình chúng tôi xuống tàu của anh khi tình hình nguy kịch.

Có Khánh, tôi có thêm một chỗ để trông cậy. Tôi cảm thấy vững bụng thêm. Trước khi Liêm rủ tôi đến Khánh, tôi không để ý đến tàu hải quân, vì nghĩ lúc lâm nguy những binh sĩ hải quân cũng có gia đình đi theo. Nhiều người cùng muốn đi, việc lên được tàu có thể khó khăn, chật vật. Gia đình tôi và cả nhà vợ lại đông người, không biết có chen nổi đủ chỗ để đi không. Nhà vợ tôi vẫn đặt nhiều hy vọng ở thuyền của Yến vì hai gia đình quen biết nhau, và vì tin rằng thuyền đậu ở một địa điểm chỉ hai đại gia đình biết, thì dễ tránh bị chen lấn và cướp đoạt.

Sau khi vào Chợ Lớn xem thuyền với Yến tôi cảm thấy không an tâm lắm. Yến có lẽ vì quen hoạt động trong ngành tình báo, sợ bị theo dõi, sợ lộ bí mật, nên không để

tôi được xuống thuyền xem xét. Vì không được xuống thuyền, mà chỉ nhìn chiếc thuyền Yến chỉ, tôi không vững bụng lắm. Ngay tối hôm đó tôi ghé nhà Khánh và hẹn xuống thăm Khánh ở Nhà Bè để biết chỗ và để xem tàu của anh.

Ngày 18/4 làm việc xong ở tòa báo, tôi phóng xe đi Nhà Bè. Đã lâu tôi không sang khu bên kia cầu Khánh Hội, nên cảm thấy thấy phập phồng khi xe leo lên cầu Trình Minh Thế. Nhớ đến vị tướng này bị bắn chết khi xe ông qua cầu năm 1955 trong vụ đi đánh nhau với Bình Xuyên, tôi mới thấy chiếc cầu cao quả là chênh vênh. Xe chạy trên đó dễ làm đích cho đối phương nhắm bắn.

Khu Nhà Bè với những bồn xăng to tướng được bố trí và canh phòng nghiêm mật. Ngoài những trạm gác, còn những hàng rào kẽm gai nhiều lớp. Cạnh lối đi giữa những lớp kẽm gai còn có chó canh gác. Sau hàng kẽm gai là những lớp tường đất để che chở những bồn xăng khỏi bị đạn bắn thẳng theo chiều ngang. Khánh cho biết bồn xăng làm bằng những lớp thép dày, đạn M.16 bắn vào bị trượt đi. Bên ngoài bồn xăng có thêm lớp kẽm gai được đan nhiều mắt nhỏ để đón đỡ đạn B-40, không cho qua được.

Khánh gặp tôi cho biết vừa mới đi bắt một đoàn ghe định trốn khỏi Việt Nam. Đoàn ghe có mấy chiếc chở gần 200 người, trong đó có một số có máu mặt như dược sĩ La Thành Nghệ, cựu nghị sĩ. Tương tự trước đó còn vụ tàu Trường Vinh bị bắt. Trước đó bốn ngày Yến cũng cho tôi hay có ba thuyền chở người đi đã bị chặn bắt.

"Làm sao biết họ đi trốn mà bắt?" tôi hỏi Khánh.

"Dễ quá mà. Tụi này có radar kiểm soát sông biển. Họ theo dõi những thuyền khả nghi. Khi thấy thuyền rời hải phận của mình ra hải phận quốc tế, họ thông báo cho mình. Mình cho tàu ở gần ra chặn bắt," Khánh nói.

"Nếu cứ chạy trong hải phận của mình thì không bị bắt?" tôi thắc mắc.

"Không bắt được, nếu họ không ra hải phận quốc tế," Khánh trả lời.

Những vụ bị bắt nhắc nhở tôi đường đi bằng thuyền quả là nguy hiểm và bấp bênh. Biết vậy mà chúng tôi, cũng như nhiều người Việt vào tháng 4,1975, vẫn phải coi đường biển là lối thoát có triển vọng nhất để ra khỏi nước.

8

"Người Nguy Hiểm Số 1"

Những tin đồn đảo chánh lan tràn mạnh ở Sài Gòn từ cuối tháng 3, 1975 khi tình hình chiến sự mỗi ngày một suy đồi ở Nam Việt Nam. Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ được coi là nhân vật nổi bật nhất có thể làm đảo chánh. Khi ông đứng ra thành lập Ủy Ban Cứu Quốc vào ngày 27/3 nhiều người đã hướng về ông.

Bị áp lực nặng nề về quân sự do cuộc tấn công dữ dội của cộng quân, Tổng Thống Thiệu về mặt chính trị còn bị công kích tơi bời từ nhiều phía. Vụ mất Ban Mê Thuột, cuộc rút quân ở Quân Khu 2 và việc bỏ Quân Khu 1 làm nhiều binh sĩ và dân thường bất bình. Khẩu hiệu "Bốn Không" mà Thiệu thường đề cập tới đã mất hiệu lực khi một nửa phần đất đai lọt vào tay cộng quân. Có tin các tướng Ngô Quang Trưởng, Phạm Văn Phú bất đồng ý kiến với Thiệu về việc quyết định và điều quân trong vụ rút khỏi Pleiku, Huế, Đà Nẵng. Phong Trào Chống Tham Nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh tiếp tục đòi Thiệu từ

chức. Thượng Tọa Trí Quang của khối Phật Giáo Ấn Quang đã đòi Thiệu ra đi. Đức Tổng Giám Mục Công Giáo Nguyễn Văn Bình của địa phận Saigon cũng nói "cần thay đổi giới lãnh đạo trong cấp bách và trong trật tự để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân." Tại quốc hội, một số đại biểu dân cử lớn tiếng chỉ trích chính phủ. Thượng Viện vào ngày 3/4 đã chấp thuận một quyết nghị bày tỏ bất tín nhiệm Thiệu và đòi có lãnh đạo mới.

Ngày 4/4 chính phủ loan báo phá vỡ một âm mưu đảo chánh và bắt giữ một nhóm người. Người bị bắt không phải tướng Kỳ, mà là một người khác được coi là "nguy hiểm số 1 hơn cả Nguyễn Cao Kỳ."

Người đó, ít ai ngờ, lại chính là người đã từng được kể là một trong hai cánh tay phụ giúp Thiệu đắc lực trong việc điều hành quốc sự và đã góp công nhiều trong việc củng cố địa vị vững mạnh của Thiệu. Thiệu có lúc đã giới thiệu người đó với các tỉnh trưởng là "tiếng nói của tôi, là ý kiến của tôi."

Người đó là một người nhiều mưu lược, ưa hoạt động âm thầm trong hậu trường, đã kín đáo đặt kế hoạch để Thiệu nắm chắc phần thắng trong kỳ bầu cử Tổng Thống nhiệm kỳ 2 năm 1971. Như một màn ảo thuật, Phó Tổng Thống Kỳ bị gạt ra khỏi cuộc tranh cử vì bị coi không đủ chữ ký của đại biểu dân cử. Nhưng chỉ hai tuần sau Kỳ lại được nói có đủ chữ ký để ra tranh cử, khi Đại Tướng Dương Văn Minh rút tên tranh cử vào phút chót.

Người nguy hiểm số 1 đã dùng mưu mẹo khác lạ để xoay sở quốc hội ủy quyền đặc biệt cho Thiệu hầu đối phó với tình trạng khẩn cấp.

Người đó đã nắn tạo ra một số dân biểu và nghị sĩ để chiếm đa số tại quốc hội và biến cơ quan lập pháp như một bộ phận phụ thuộc của hành pháp. Một số dân biểu, nghị sĩ, trong đó nhiều lần có Chủ Tịch Hạ Viện Nguyễn Bá Cẩn và thỉnh thoảng cả Chủ Tịch Thượng Viện Trần Văn Lắm, đã tới ngồi chờ ở văn phòng buổi sáng trước khi người đó đến sở.

Người đó nắm được đa số ở quốc hội đã tiến hành việc sửa đổi hiến pháp để Thiệu được quyền tái ứng cử nhiệm kỳ 3 được dự trù vào năm 1975.

Người đó là cha đẻ ra đảng cầm quyền với hệ thống xuống cả tỉnh, quận, xã và len cả vào quân đội.

Với quyền thế rộng lớn như vậy, người nguy hiểm số 1 chỉ đóng vai người hùng trong bóng tối, ít được người ngoài biết đến trừ một số nhỏ trong giới chính trị tại Sài Gòn.

Với ảnh hưởng mạnh mẽ tại quốc hội, trong guồng máy hành chánh của chính phủ và cả ở quân đội, người nguy hiểm số 1 được coi như một thủ tướng thứ hai, làm gai mắt Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và một số tướng lãnh khác. Cộng thêm vào đó, người nguy hiểm số 1 đã quá bạo dạn thúc đẩy Thiệu xúc tiến việc thanh trừng tham nhũng, và liều lĩnh đụng tới cả cơ sở kinh tài của Thiệu.

Tới đây, người nguy hiểm số 1 bị vấp ngã và năm sau bị bắt.

Người bị bắt trong vụ loan báo có âm mưu đảo chánh là Nguyễn Văn Ngân, cựu phụ tá chính trị của Tổng Thống Thiệu. Khi tin Ngân bị bắt được loan ra, ít người biết Ngân là ai, kể cả một số người trong ngành báo chí.

Mắt sắc, cằm rộng, khổ người tầm thước, nói giọng miền Trung, Nguyễn Văn Ngân là người kín đáo, cần cù, nhiều mưu trí, táo bạo và thích tranh đấu. Từng gia nhập bộ đội Việt Minh lúc còn là thiếu niên, rồi bị Việt Minh bắt giam vì nghi là gián điệp, Ngân đã mang áp dụng vài phương thức hoạt động như kiểu cộng sản. Ngân không ngần ngại dẹp bỏ chướng ngại vật trên đường đi, giống như Phác Chính Hy của Đại Hàn. Lúc bàn chuyện chính trị, Ngân từng nói với bạn bè: "Quyền hành không đến tay do ban phát, mà phải dành dật lấy."

Sinh năm 1935 tại Huế, Ngân gia nhập thiếu sinh quân lúc 14 tuổi ở Quân Khu 4 dưới quyền chỉ huy của tướng Nguyễn Sơn, một danh tướng của Việt Minh hồi đó. Sau Ngân chuyển sang theo học trường sĩ quan quân chính. Trong lần đưa thân nhân gia đình vào khu vực do Pháp kiểm soát, Ngân có tiếp xúc với người Pháp và một số nhân vật người Việt trong vùng quốc gia, nên Ngân bị Việt Minh nghi làm gián điệp và bị bắt giam hai năm từ 1952-54. Ngân chỉ được thả sau hiệp định Genève, và đã vào nam năm 1955. Theo học tại Huế, Ngân đã đậu thủ khoa khóa đầu tiên của trường Luật, đại học Huế năm 1960. Ngân vào Sài Gòn làm chuyên viên tại quốc hội cho tới năm 1962 thì bị động viên vào khóa 13 trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Tại trường võ bị, Ngân đã mạnh dạn đứng lên tố cáo giữa phiên họp của toàn khóa sinh những lề lối hống hách, khắc nghiệt của sĩ quan cán bộ trong trường, cũng như thức ăn, thức uống tồi tệ, thiếu phẩm chất ở nhà ăn của khóa sinh.

Là sĩ quan quân cảnh, Ngân làm việc tại Cần Thơ . Khi Tướng Thiệu giữ chức tư lệnh Quân Khu 4, Ngân vào làm

việc ở ban Nghiên Cứu. Lúc Thiệu được cử làm Tổng Trưởng Quốc Phòng năm 1965, Ngân theo bộ tham mưu của Thiệu về Sài Gòn. Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ra đời, Ngân theo Thiệu về dinh Độc Lập. Giải ngũ năm 1966, Ngân ở lại làm việc với tư cách chuyên viên Phủ Tổng Thống.

Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1967, Ngân là người đại diện của Thiệu trong liên danh Thiệu, Kỳ. Tuy đứng phó cho Thiệu, nhưng Kỳ lúc đó còn ở thế mạnh vì có sẵn bộ máy tranh cử, nên đại diện chính thức cho liên danh Thiệu-Kỳ là luật sư Nguyễn Văn Lộc. Lộc là người của Kỳ và sau làm thủ tướng khi liên danh Thiệu-Kỳ đã đắc cử. Ở giai đoạn đầu của nhiệm kỳ này, Ngân không được cử vào chức vụ nào quan trọng. Từng làm chuyên viên quốc hội trước kia, Ngân sang làm tại văn phòng của Nguyễn Cao Thăng, phụ tá đặc trách quốc hội do Thiệu bổ nhiệm.

Thăng là dược sĩ, chủ nhân viện bào chế và nhập cảng dược phẩm OPV, và là một trong những người giàu có nhất ở Việt Nam. Hãng OPV được độc quyền nhập cảng một số sản phẩm y dược, trong đó nổi tiếng nhất là sữa bột Guigoz cho trẻ em. Phó Tổng Thống Kỳ có lần đã nói xéo "có ông dược sĩ ngày kiếm lời hàng triệu bạc và đi sắm đồ ở ngoại quốc trong lúc quân nhân, công chức sống trong khổ cực." (1) Các giới chính trị gọi Thăng là "túi bạc" của Thiệu.

Thăng được biết là người có tài ngoại giao, giỏi nói chuyện và khéo thuyết phục, lại rất hào phóng về tiền bạc. Thăng đã chi tiền rộng rãi từ người lái phi cơ cho

tổng thống đến viên chức cao cấp trong chính quyền ở một số cơ quan.

Khi phụ tá chính trị của Thiệu là Nguyễn Văn Hướng mất chức vì vụ gián điệp Huỳnh Văn Trọng- Vũ Ngọc Nhạ bị phát giác tháng 7 năm 1969, Thăng được cử kiêm nhiệm luôn phần vụ chính trị.

Thăng bị ung thư ở cổ và qua đời tháng 12 năm 1970 trên chuyến máy bay từ Mỹ về Sài Gòn. Ngân ở cương vị phụ tá của Thăng được bổ nhiệm tiếp tục công việc của người đi trước. Từ đấy Ngân có dịp thi thố tài năng với nhiều đòn phép và mánh lới ở hậu trường để củng cố hơn địa vị chính trị của vị nguyên thủ nền đệ nhị cộng hòa.

Bản tính kín đáo, Ngân làm việc trong âm thầm và không thích xuất hiện công khai. Ngân, cùng với Hoàng Đức Nhã, được kể là hai cánh tay trợ giúp đắc lực cho Thiệu. Nhã, trước làm bí thư cho Thiệu, sau làm tổng trưởng Dân Vận, được nhiều người biết đến. Còn Ngân chỉ được một số nhỏ trong giới chính trị Sài Gòn biết tên mà thôi. Nhã đi ra ngoài có xe hộ tống, còi hụ. Ngân đi làm chỉ có tài xế và hộ vệ mặc thường phục.

Kỳ bầu cử tổng thống năm 1971 là dịp Ngân trổ tài mưu lược, trong đó có màn ảo thuật thu góp và thay đổi chữ ký. Năm đó cả Dương Văn Minh và Nguyễn Cao Kỳ đều muốn tranh chức với Thiệu. Bốn năm trước, Minh đã bị loại không được ghi danh tranh cử vì người đứng cùng liên danh với Minh là luật sư Trần Ngọc Liễng hồi trước có quốc tịch Pháp. Còn Thiệu, Kỳ đã miễn cưỡng đứng chung với nhau trong cuộc đối đầu với 11 liên danh khác và đã đắc cử với 35% tổng số phiếu bầu. Cuộc hôn nhân

gượng ép của Thiệu, Kỳ năm 1967 hiển nhiên không êm thắm, nên hai người đã tính đường ai nấy đi khi nhiệm kỳ 1 kết thúc.

Bộ tham mưu của Thiệu nhận thấy cuộc tranh cử tay ba giữa Minh, Thiệu và Kỳ sẽ là một cuộc đầu phiếu giữa hai khuynh hướng. Một bên là khuynh hướng có thể thỏa hiệp với cộng sản mà Minh là đại diện. Bên kia là khuynh hướng chống cộng tích cực mà Thiệu và Kỳ đều là tiêu biểu. Một cuộc đầu phiếu trong hoàn cảnh như vậy sẽ dọn đường cho Minh vào ghế tổng thống, vì Thiệu Kỳ sẽ chia nhau số phiếu của những người chống cộng. Thấy rõ nguy cơ đó, phe Thiệu tìm cách chặn Kỳ ra tranh cử.

Đảm trách công tác này, Ngân cho khối thân chính ở quốc hội soạn thảo luật bầu cử quy định ứng viên muốn ra tranh cử tổng thống phải có chữ ký ủng hộ của ít là 40 dân biểu hay nghị sĩ, hoặc 100 nghị viên hội đồng tỉnh hay thị xã. Chữ ký của dân biểu, nghị sĩ phải được quốc hội chứng thực. Còn chữ ký của nghị viên phải được nhà cầm quyền tỉnh, thị xác nhận.

Trước khi luật bầu cử được thông qua và ban hành, Ngân đã cho đi thu chữ ký của các đại biểu dân cử. Ngân đã tính toán, phân chia và nắm vững được số chữ ký để Minh có đủ số chữ ký, Thiệu có thừa, còn Kỳ không đủ. Cuộc tranh cử được dự trù chỉ có Thiệu và Minh ra tranh, còn Kỳ bị loại.

Gần đến ngày hết hạn nộp đơn tranh cử, Kỳ vất vả chạy đi các nơi mới thu được 101 chữ ký của các nghị viên. Khi Tối Cao Pháp Viện họp này 6/8 để xét đơn của các ứng cử viên, đơn của Kỳ bị bác vì không hội đủ số chữ ký như luật định. Trong số 101 nghị viên ký ủng hộ Kỳ, có 39

người đã ký ủng hộ Thiệu nay lại ký ủng hộ Kỳ. Bỏ ra ngoài số chữ ký bị dị nghị, Kỳ không đủ số chữ ký cần thiết. Lần niêm yết thứ nhất danh sách ứng cử viên chỉ có Thiệu và Minh.

Phe thân Kỳ tố cáo rằng một số nghị viên đã bị tỉnh, thị trưởng dụ hay ép phải ký vào tờ bạch khế từ trước khi có luật bầu cử, mà không biết là giấy đó để ủng hộ Thiệu. Dựa vào tờ bạch khế, tỉnh thị trưởng áp lực họ không được ký ủng hộ Kỳ. Những người này nay muốn đổi ý để ủng hộ Kỳ.

Tối Cao Pháp Viện xét đơn ứng cử của Kỳ không chấp nhận luận cứ trên. Kỳ liền khiếu nại. Đơn khiếu nại của Kỳ cũng bị Tối Cao Pháp Viện bác sau đó.

Đến ngày 20/8 Minh đột nhiên rút đơn tranh cử, lấy lý do Thiệu đã sắp đặt sẵn guồng máy để gian lận kết quả cuộc bỏ phiếu. Minh xuất trình một tài liệu của Phủ Tổng Thống chỉ thị cho các tỉnh trưởng làm những cách để bảo đảm Thiệu thắng cử. Một tỉnh trưởng đã đưa cho Mỹ bản tài liệu này và Minh cũng có bản đó. Minh gặp đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker. Được Bunker xác nhận tài liệu đó là đúng, Minh liền rút khỏi cuộc tranh cử.(2) Tài liệu này, cũng đã được phát cho các tỉnh trưởng về họp 10 người mỗi lần.

Minh rút đơn làm phe Thiệu bối rối. Nếu chỉ mình Thiệu là ứng cử viên, cuộc bầu cử tổng thống không còn sắc thái dân chủ nữa. Ngân liền tìm cách đẩy Kỳ trở lại cuộc tranh cử bằng cách cho lệnh "thả" một số chữ ký để Kỳ có đủ số chữ ký theo luật định. Một số chữ ký của nghị viên; trước kia bị dị nghị là ký cho cả Thiệu lẫn Kỳ,

nay được rút khỏi danh sách ủng hộ Thiệu để đứng sang danh sách ủng hộ Kỳ.

Trước dư luận xôn xao về cuộc độc cử của Thiệu, Tối Cao Pháp Viện ngày 21/8 cho niêm yết danh sách ứng cử viên "lần thứ hai và là lần chót."(3) trong đó có tên Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ.

Kỳ sau đó hội kiến với Dương Văn Minh và đại sứ Bunker. Ngày 23 Kỳ tuyên bố không ra tranh cử nữa và đề nghị cả Thiệu lẫn Kỳ đều từ chức, để Chủ Tịch Thượng Viện Nguyễn Văn Huyền xử lý chính phủ và tổ chức cuộc bầu cử khác trong vòng ba tháng. Kỳ chính thức yêu cầu Tối Cao Pháp Viện rút tên khỏi cuộc tranh cử. Ngày 1/9 Tối Cao Pháp Viện để Kỳ được toại nguyện rút tên ra.

Việc Tối Cao Pháp Viện có bốn phán quyết trái ngược nhau trong vòng không đầy một tháng về vụ ứng cử của Kỳ làm nhiều người thắc mắc. Cơ quan tư pháp tối cao này đã hành động độc lập, hay bị chính trị chi phối? Ngân được biết đã sắp xếp sẵn với Tối Cao Pháp Viện. Hoàng Đức Nhã cho hay cuộc vận động Tối Cao Pháp Viện được tiến hành qua hai phụ tá của tổng thống là Vũ Ngọc Trản và Dương Đức Thụy, hai vị thẩm phán lão thành.(4)

Đại sứ Bunker khi gặp Minh đã đề nghị "hối lộ" Minh ba triệu mỹ kim để dùng vào cuộc vận động tranh cử.(5) Minh biết, dù có tiền của Mỹ, Minh cũng không thể thắng được Thiệu vì hệ thống sắp sẵn của Thiệu để gian lận bầu cử.

Khi Minh rút rồi, Bunker tới gặp Kỳ và cũng đề nghị tài trợ cuộc tranh cử của Kỳ. Cả CIA cũng thúc đẩy Kỳ ra tranh cử để tránh cuộc độc cử của Thiệu. Nhưng Kỳ cũng không chịu. (6)

Thiệu tất nhiên đắc cử vào ngày 3/10/1971 vì không có đối thủ.

Đến năm 1972 cộng quân mở cuộc tấn công ác liệt ở ba vùng Quảng Trị, Kontum và An Lộc. Trận chiến kéo dài từ mùa xuân qua mùa hè. Quảng Trị bị chiếm. Kontum bị đánh dữ dội. An Lộc bị bao vây ngặt nghèo. Nhân cơ hội này Thiệu muốn có thêm quyền hạn đặc biệt để dễ ứng phó với tình hình. Dự luật ủy quyền cho Thiệu được gần như toàn quyền trong thời hạn sáu tháng để áp dụng những biện pháp cần thiết trong lãnh vực quốc phòng, an ninh, kinh tế và tài chánh.

Vụ ủy quyền được Hạ Viện thông qua dễ dàng vì khối thân chính chiếm đa số, nhưng tại Thượng Viện vấn đề gay go hơn vì phe thân chính hơi yếu thế. Thượng Viện lúc đó có 57 người, trong đó dự trù có ba phiếu trắng, phe thân chính chỉ có 26. Việc tranh thủ thêm phiếu có vẻ khó khăn, nên cần làm giảm phiếu của phía chống đối thì dự luật mới có hy vọng qua được.

Ngân và bộ tham mưu tính kế làm tê liệt phiếu của mấy nhân vật chống đối. Nghiên cứu và theo dõi tình hình, Ngân cho áp dụng những mưu kế khác nhau, kể cả đòn mạnh tay, tùy theo trường hợp.

Võ Văn Truyện, một nghị sĩ 77 tuổi và là phó chủ tịch Thượng Viện, được hai nghị sĩ Nguyễn Văn Ngãi và Trần Thế Minh, biệt danh Trâu Trắng, mời đi ăn sáng trước khi đến dự phiên họp vào ngày 27/6. Đến giờ hẹn, Ngãi và Minh không tới, mà có một đại úy và một tài xế đến đón, nói là đưa Truyện đến hai bạn đồng viện để đi ăn sáng. Thay vì đưa đến gặp Ngãi và Minh, tài xế đưa Truyện đi

tuốt lên vùng Tây Ninh chơi suốt cả ngày, trong lúc Thượng Viện nhóm họp. Truyện đòi về mà không được.

Nghị sĩ Trần Duy Đôn cũng được một đại tá nói là do Ngãi và Minh phái đến đón, rồi đưa đến nhà dân biểu và là cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn. Xe và người được cử đi đón là Đại Tá Khấn, tùy viên của tướng Đôn. Nghị sĩ Đôn bị giữ ở chơi nhà Trần Văn Đôn mấy tiếng đồng hồ và được tướng Đôn đưa cho 200.000$ để nhờ đi đến trại tỵ nạn phát tiền cho dân. Nghị sĩ Đôn không chịu đi.

Nghị sĩ Trần Quang Thuận thuộc khối Phật Giáo Ấn Quang không đến họp được vì kẹt ở miền Trung, không có máy bay về Saigon. Biết Thuận từ Nha Trang về Sài Gòn trước ngày Thượng Viện họp, Ngân cho cộng sự viên Phạm Hữu Giáo can thiệp với Hàng Không Việt Nam hủy bỏ những chuyến bay đi Nha Trang liền mấy ngày, lấy lý do trục trặc máy móc, cho đến khi Thượng Viện họp xong.

Nghị sĩ Nguyễn Văn Chức, một nghị sĩ công giáo đối lập, ở ngay Sài Gòn mà cũng không tới họp được. Thường mạnh tiếng chỉ trích Thiệu, Chức là em rể của Đinh Xuân Minh. Minh lại là phó chủ tịch Hạ Viện và là một trong nhóm tham mưu cốt cán của Ngân. Minh chỉ thị cho em gái, tức vợ của Chức, tìm cách giữ Chức ở nhà, không đi họp. Kế này đã thành công. Tin hành lang quốc hội sau đó nói Chức không đi được vì vợ dấu quần áo. Tin khác nói Chức bị nhốt ở nhà, bị khóa trái cửa, không thể ra khỏi phòng.

Bên phía thân chính, nghị sĩ Đỗ Quang Giai đang ốm nặng, cũng được đưa tới Thượng Viện để có phiếu biểu quyết.

Thượng Viện được triệu tập với 52 người có mặt. Cuộc thảo luận theo dự trù kéo dài một ngày. Chủ Tịch Nguyễn Văn Huyền không tin là các nghị sĩ tự ý vắng mặt, nên không chịu cho biểu quyết. Ông có ý định chờ tới khi hai nghị sĩ Truyện và Chức đến mới cho bỏ phiếu. Phe thân chính không đồng ý và muốn biểu quyết trong thời hạn một ngày như đã định. Hai bên tranh luận ồn ào. Gần đến giờ giới nghiêm bên đối lập bỏ ra về để tỏ ý phản đối. Đối lập về rồi, cảnh sát được lệnh kéo giây kẽm gai quanh Thượng Viện, không cho ai ra vào. Phe thân chính 26 người còn lại quyết định họp tiếp dưới quyền chủ tọa của Phó Chủ Tịch Phạm Như Phiên sau giờ giới nghiêm. Phiên họp thông qua luật ủy quyền trong 15 phút. Văn phòng Thượng Viện được yêu cầu gửi ngay dự luật sang Phủ Tổng Thống để Thiệu ban hành. Nhân viên văn phòng còn chần chờ, muốn để Chủ Tịch Nguyễn Văn Huyền ký rồi mới chuyển đi. Phe thân chính không chịu. Nghị sĩ Ngãi rút súng, buộc nhân viên văn phòng mở ngăn kéo, lấy triện đóng bên cạnh chữ ký của Phó Chủ Tịch Phạm Như Phiên rồi gửi đi.

Hôm sau Chủ Tịch Huyền thông báo cho Tổng Thống Thiệu biết dự luật ủy quyền gửi qua là bất hợp hiến, bất hợp pháp vì bị tiếm quyền. Phủ Tổng Thống trả lời việc tiếm quyền là vấn đề nội bộ thuộc nội quy của quốc hội, còn bản văn gửi qua có chữ ký của Phó Chủ Tịch Thượng Viện, nếu Thượng Viện không đồng ý có thể đưa khiếu nại sang Tối Cao Pháp Viện.

Trong việc nắm vững quốc hội để hỗ trợ Thiệu, Ngân đã mạnh tay đánh xập "Thần Tài" Nguyễn Tấn Đời, một dân

biểu và là một trong những doanh gia giàu có nhất Việt Nam, được mệnh danh là "Vua Ngân Hàng," "Vua Building," "Vua Chuyển Ngân," "Vua Gạch Bông." (7)

Đời là chủ nhân khách sạn Presidential 1200 phòng ở đường Trần Hưng Đạo, cùng một số cao ốc khác ở Sài Gòn. Với tổng cộng số phòng là 1655, Đời "có tiền vô như nước"(8) nhờ trúng mối cao ốc khi quân đội Mỹ ào ạt kéo sang Việt Nam từ năm 1965. Đời cho rằng có nhà cửa hồi đó cho Mỹ mướn là có vàng. Đời tự nhận "đứng ở chỗ cao nhất của núi vàng."(9)

Đời cũng viết đã được Thiệu mời năm 1973 làm phụ tá chính trị, nhưng Đời từ chối. (10)

Theo *Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời*, Tín Nghĩa Ngân Hàng là ngân hàng tư lớn nhất Việt Nam, có tới 32 chi nhánh ở Sài Gòn và nhiều tỉnh vào năm 1973. Năm trước đó, Tín Nghĩa Ngân Hàng có số ký thác lên tới 30 tỷ đồng, trong khi tất cả các ngân hàng tư khác chỉ có số ký thác 18 tỷ. (11) Được thành lập năm 1965, Tín Nghĩa Ngân Hàng gần như phá sản vào năm 1967, nhưng đã phục hồi và phát triển mạnh từ khi Đời được cử làm chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc trong năm đó. Tín Nghĩa Ngân Hàng vượt lên hàng đầu vì biết khai thác thị trường không theo những thông lệ truyền thống. Tín Nghĩa Ngân Hàng thu hút được nhiều khách hàng nhờ quảng cáo rầm rộ, tặng quà cho người mở trương mục, tổ chức xổ số với những phần thưởng như vô tuyến truyền hình, xe gắn máy. Tín Nghĩa Ngân Hàng trả tiền lời cao nhất và tiền lời được tính theo hàng ngày thay vì hàng tháng. Thân chủ còn được rút tiền ra ở bất cứ chi nhánh nào của ngân hàng Tín Nghĩa.

Đời đắc cử ở Kiên Giang năm 1971. Dưới mắt Ngân, Đời đã tìm cách gây ảnh hưởng tại quốc hội khi vào tòa nhà lập pháp. Đời muốn giữ chức chủ tịch Ủy Ban Ngân Sách Hạ Viện, Ngân không chịu. Chức vụ này ảnh hưởng tới việc điều hành quốc sự. Hoạt động các bộ, các cơ quan đều tùy thuộc vào ngân sách, nên không thể để vào tay người không phải của Ngân.

Đời còn tìm cách mua chuộc các dân biểu bằng cách cho vay tiền không lấy lời. Dùng lối này, Đời lũng đoạn hàng ngũ thân chính. Nhiều dân biểu thấy được vay tiền thì thích quá. Đời đã dùng 30 triệu vào việc cho vay này. Lúc đó tại Hạ Viện phe thân chính chỉ có một đa số mong manh: 69 người trên 135 ghế. Đời còn mua chuộc một số tướng lãnh và viên chức trong chính quyền. Đời đã bị Ngân cảnh cáo là những thủ đoạn thao túng quốc hội sẽ không được chấp nhận.

Ngân đã nhờ Tổng Trưởng Kinh Tế Phạm Kim Ngọc tìm hộ một ngân hàng cho dân biểu vay tiền không lấy lời, còn tiền lời có người khác trả hộ Ngân. Ngọc mấy ngày sau cho Ngân biết đã tìm được chỗ cho vay tiền. Ngân đã bảo Lê Quang Uyển, thống đốc Ngân Hàng Quốc Gia, cơ quan có quyền giám sát các hoạt động của ngân hàng tư, xem Tín Nghĩa Ngân Hàng có những vi phạm nào trong lãnh vực ngân hàng không.

Ngày 14/4/1973 Thiệu trở về nước sau chuyến công du 15 ngày ở ngoại quốc, trong đó nổi bật nhất là cuộc viếng thăm Hoa Kỳ để hội kiến với Tổng Thống Nixon ở San Clemente. Tại đây Nixon đã hứa sẽ can thiệp mạnh mẽ và mau lẹ nếu cộng sản vi phạm hiệp định Ba Lê mới được ký kết trước đấy chưa đầy ba tháng. Hôm ra đón

Thiệu từ Đài Loan về, Uyển gặp Ngân ở phi trường, nói nhỏ cho Ngân biết các thanh tra thấy Tín Nghĩa Ngân Hàng có nhiều vi phạm về luật lệ ngân hàng. Ngân cho biết sẽ gặp Uyển.

Ngân không muốn Uyển vào dinh Độc Lập, sợ có người nhòm ngó. Ngân thu xếp sang Ngân Hàng Quốc Gia một cách kín đáo. Các thanh tra chỉ được biết sẽ thuyết trình cho nhân viên cao cấp của chính phủ, nhưng không biết tên người nghe thuyết trình. Ngân được các thuyết trình viên cho hay Tín Nghĩa Ngân Hàng lấy tiền của khách hàng để hoạt động cho cá nhân. Số thất thoát lên tới hai tỷ. Ngân và Uyển bàn định và quyết định đóng cửa Tín Nghĩa Ngân Hàng. Để tránh trường hợp dân chúng hoang mang, rút tiền ồ ạt ra khỏi các ngân hàng khác, Ngân Hàng Quốc Gia đứng ra bảo lãnh tiền ký thác của người gửi.

Ngân trình sự việc lên Thiệu, Thiệu bảo tùy ý quyết định.

Nội vụ được đưa ra bàn thảo trong một phiên họp có sáu người là Thiệu, Ngân, Khiêm, Uyển, Tổng Trưởng Tài Chánh Hà Xuân Trừng và Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, tổng giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia. Phiên họp quyết định đóng cửa Tín Nghĩa Ngân Hàng và giao cho Ngân đảm trách công tác.

Các cơ sở Tín Nghĩa Ngân Hàng bị khám xét và niêm phong ngày 21/3/73 trong lúc Đời vắng mặt tại Sài Gòn. Đời đang cùng một phái đoàn đi Quảng Trị để úy lạo binh sĩ. Đời sau đấy bị bắt và bị kết án tù.

Đời viết trong cuốn hồi ký rằng khi ở tù Đời phải ký 10 tờ bạch khế giao cho Nguyễn Đậu, đại diện của Ngân. để

giao lại cho Thiệu làm quỹ đen hoạt động, và số tiền 897 triệu của Đời để ở ngân hàng sau đấy đã bị rút ra.(12)

Đời bị giam cho tới ngày 29/4/75 và hai tuần sau vượt biển đi Thái Lan, rồi tới lập nghiệp lại ở Gia Nã Đại.

Ngoài việc nắm vững quốc hội, Ngân còn là khai sinh ra đảng Dân Chủ, đảng cầm quyền mà Tổng Thống Thiệu là chủ tịch.

Ý kiến lập đảng đã được Ngân đề nghị ngay sau kỳ bầu cử tổng thống năm 1967. Thiệu lúc đó chưa nghĩ đến việc lập đảng, khi địa vị chính trị của Thiệu chưa được vững chắc. Tới năm 1972 với viễn ảnh hòa bình gần kề hơn do những tiến triển của cuộc hòa đàm Ba Lê, và Việt Nam có những cuộc bầu cử vào năm tới, Ngân thấy nhu cầu lập đảng để tranh cử và để đấu tranh chính trị với cộng sản trở nên thúc bách. Ngân nhắc lại việc lập đảng và được Thiệu đồng ý. Đảng Dân Chủ được ra đời.

Thiệu là chủ tịch của đảng Dân Chủ, nhưng mọi công việc tổ chức và điều hành đảng đều do Ngân phụ trách. Từng tham gia bộ đội Việt Minh, Ngân tổ chức đảng có nhiều nét giống như đảng cộng sản Việt Nam. Các tỉnh, quận đều có đảng bộ. Tỉnh trưởng, quận trưởng coi luôn công việc đảng với tư cách là bí thư của tỉnh bộ, chi bộ. Đảng cũng thành lập những quân ủy trong quân đội.

Các tỉnh bộ của đảng được chính thức ra mắt từ cuối năm 1972. Vì đảng cầm quyền, đảng bành trướng mau lẹ trong các cơ quan nhà nước. Các viên chức trong guồng máy công quyền cũng sốt sắng gia nhập đảng để mong củng cố địa vị và quyền lợi, hoặc nuôi hy vọng thăng tiến hơn.

Đảng có cơ quan ngôn luận chính thức là nhật báo Dân Chủ.

Trụ sở của đảng và tòa báo đặt tại 144 đường Hiền Vương, Sài Gòn. Chủ nhân ngôi biệt thự khang trang này đả hốt hoảng khi thấy cờ và bảng hiệu được trương lên tại đấy. Chủ nhà khi cho mướn vẫn đinh ninh người mướn dùng ngôi nhà làm văn phòng thương mại. Người đứng ra điều đình việc thuê mướn là bà Nguyễn Cao Thăng.

Bà Thăng giữ một vai trò quan trọng trong việc tài trợ các hoạt động của đảng. Thăng và Ngân đã có ý kiến lấy 10.000 thước gỗ trên rừng để có tiền hoạt động, không cần dùng tới quỹ đen của Thiệu. Thăng nhờ Nguyễn Hoàng Cương, thứ trưởng Bộ Kinh Tế, xin Tổng Trưởng Canh Nông Cao Văn Thân cấp giấy phép khai thác số lượng gỗ trên.

Trước kia Nguyễn Bá Cẩn, chủ tịch Hạ Viện và là cộng sự viên thân cận của Trần Quốc Bửu, chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam, đã nhờ Ngân xin hộ số lượng gỗ tương tự cho Bửu. Ngân trình việc này với Thiệu, Thiệu bảo chỗ này có cả trăm triệu đấy. Thiệu đồng ý và chỉ thị cho Thân cấp giấy phép cho Bửu.

Ngân tưởng Thân sẽ mau mắn cấp giấy phép cho đảng, như đã cấp cho Bửu, nhưng lần này Thân lại chần chừ. Nguyễn Hoàng Cường dục mấy lần mà vẫn không thấy có giấy phép. Ngân phải trình việc này với Thiệu, và Thiệu chỉ thị Thân mới làm. Sau đó Thăng đưa tới Ngân 110 tấm công khố phiếu, mỗi tấm một triệu đồng. Nhờ số tiền này Ngân có phương tiện tổ chức các buổi ra mắt đảng ở tỉnh. Riêng buổi ra mắt đảng cấp trung ương ở sân vận động Cộng Hòa tốn hết 30 triệu.

Ra đời rồi, đảng Dân Chủ tham gia ngay các cuộc bầu cử xã ấp trong tháng 5, 1973 và thắng gần hết trong các cuộc bầu cử. Đến kỳ bầu cử bán phần Thượng Viện năm đó, Ngân chưa quên vụ gay go tại Thượng Viện để ủy quyền cho Thiệu năm 1972, nên quyết định dùng kỳ bầu cử này để chiếm đa số tại Thượng Viện, nắm quyền kiểm soát luôn tại cơ quan lập pháp này. Đảng chính thức đưa ra liên danh Dân Chủ để ứng cử. Ngân còn tiếp tay thành lập và tích cực ủng hộ liên danh Bạch Tượng mà thụ ủy liên danh là nguyên Tổng Trưởng Ngoại Giao Trần Văn Lắm.

Tôi có tên trong liên danh Bạch Tượng. Việc tôi đứng vào liên danh Bạch Tượng hé lộ một khía cạnh phức tạp với nhiều thế lực chi phối khác nhau của sân khấu chính trị Việt Nam. Khi rủ tôi về Phủ Tổng Thống để giúp tổ chức tờ báo Dân Chủ, Ngân thấy tôi chần chừ như mấy lần trước, liền bảo tôi: "Về đây làm đi, rồi moa sẽ đưa toa ra Thượng Viện kỳ tới." Thấy Ngân đã từng đưa một số người mà tôi quen biết ra quốc hội, lại thấy có cơ hội được giải ngũ hẳn, tôi vui thích nhận lời Ngân.

Trong việc tổ chức tờ báo, Ngân bảo tôi phụ trách bộ biên tập, phần tiền bạc có người khác lo. Người khác là bác sĩ Đinh Xuân Minh, phó chủ tịch Hạ Viện. Minh, người tươi cười, niềm nở, thích hoạt động chính trị hơn hành nghề y khoa. Đảm trách phần tiền bạc, Minh chọn danh hiệu "Quản Nhiệm" dưới tên Đinh Xuân Lý. Minh không muốn đứng tên chủ nhiệm hay chủ bút trên mặt báo, nhưng Minh lại muốn nắm thực quyền của cả chủ nhiệm lẫn chủ bút. Muốn vậy, Minh cần người có tên ở hai chức vụ này mà không bao giờ tới tòa báo và không quan tâm đến công việc của tòa báo. Minh và Ngân đồng ý mời cựu dân biểu Nguyễn Văn Ân, người hiền lành và trầm lặng, đứng làm chủ nhiệm dưới tên Nguyễn Hải Dương. Luật sư Khuất Duy Trác, chuyên viên Phủ Tổng Thống, người có giọng ca từng được giới sinh viên ái mộ và là bạn học cùng lớp với tôi ở trường Luật, được mời làm chủ bút dưới tên Khuất Duy. Cả Ân và Trác đều từng làm việc với Ngân tại Phủ Tổng Thống.

Tại Việt Nam các báo đều có tên chủ nhiệm, chủ bút, nhưng đại đa số những vị này không đảm trách gì về biên tập, mà giao công việc cho tổng thư ký tòa báo. Tôi đảm trách bộ biên tập, nhưng không để tên trên mặt báo vì còn dính dáng với quân đội.

Mối liên lạc giữa Minh và tôi trong hoàn cảnh trên quả là tế nhị, nhất là khi công việc hàng ngày thường không tránh khỏi một vài khác biệt ý kiến. Minh biết tình trạng sẽ khó thêm nếu tôi có tư thế của một nghị sĩ. Minh thường gặp gỡ Ngân hàng ngày, hẳn đã ảnh hưởng đến việc Ngân để tôi đứng trong liên danh Bạch Tượng, nhưng ở chỗ dự khuyết. Năm đó Thượng Viện bầu 31 người. Mỗi liên danh 10 người đều có thêm một người dự khuyết. Liên danh nào đắc cử với số phiếu cao nhất sẽ được cả 11 người. Khi được thông báo đứng dự khuyết trong liên danh Bạch Tượng, tôi hiểu ngay mình không có chút mảy may nào vào Thượng Viện. Với kết quả bầu cử mà tôi biết đã được định sẵn, liên danh Dân Chủ quả nhiên đã về đầu.

Ngân, dù có cảm tình với tôi chăng nữa, đã không muốn làm phật lòng Minh. Giữa Ngân và Minh còn có mối liên hệ nữa: OPV, nguồn tài trợ để Ngân hoạt động. Minh là

một trong những nhân vật cốt cán của viện bào chế OPV mà chủ nhân là Nguyễn Cao Thăng.

Vào cuối năm 1973 khi đã nắm vững được đa số ở cả hai viện quốc hội, Ngân xúc tiến việc tu chính hiến pháp để Thiệu có thể ra tái cử tổng thống nhiệm kỳ 3. Việc tu chính diễn ra dễ dàng vì khối thân chính chiếm tới 2/3 quốc hội.

Hiến pháp tu chính xong, có lẽ vì hăng say với những thành tích thắng lợi, Ngân mạnh bạo muốn đẩy Thiệu tiến mạnh hơn và xa hơn trong việc điều hành quốc sự. Trong buổi gặp gỡ giữa Thiệu với phân bộ lập pháp của đảng Dân Chủ, Ngân đã làm Thiệu sững người khi để đại diện dân cử "vô tư trình bày vấn đề...trình bày sự thật, không bưng bít che đậy."

Nghị sĩ Trần Trung Dung được chọn để trình bày vấn đề, theo đó quan niệm hợp tác và tương quan giữa hành pháp và lập pháp được đặt trên "căn bản mới là nhất trí và trách nhiệm chung" và phân bộ khối dân cử sẵn sàng đóng góp vào việc "hoạch định chính sách trong phạm vi hợp lý và thích nghi được Tổng Thống chấp thuận."

Phân bộ lập pháp cũng cho rằng cải tổ hành chánh và công vụ là nhu cầu "khẩn thiết" trong đó có nhu cầu cải tổ nhân sự chỉ huy ở các cấp từ trung ương xuống tỉnh, quận. Phân bộ cũng đặt vấn đề ngăn chặn và diệt trừ tham nhũng, việc mua quan bán tước trong việc bổ nhiệm và thuyên chuyển tỉnh trưởng, quận trưởng, trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng.

Bản trình bày cho rằng tình trạng trầm trọng trên nếu kéo dài thì rồi đất nước sẽ rơi vào tay cộng sản như Trung Hoa Quốc Gia trước kia.(13)

Thiệu đã tỏ vẻ bồn chồn khi nghe đọc bản trình bày và thỉnh thoảng liếc nhìn Ngân. Thiệu sau đó nói đồng ý cần phải có những sửa đổi toàn diện về căn bản, chứ trước đây chỉ có những sửa đổi vá víu mà thôi. Sau đó Thiệu bắt tay đi ra, nhưng rồi quay trở lại dặn "những điều vừa nói đừng tiết lộ ra ngoài."

Buổi chiều Thiệu có cuộc tiếp tân dành cho phân bộ lập pháp. Thiệu muốn Ngân trình trước bài diễn văn mà Chủ Tịch Thượng Viện Trần Văn Lắm sẽ đọc, trong đó xác định rằng việc tu chính hiến pháp để Thiệu ra tranh cử nhiệm kỳ 3 là để tạo một chính quyền hữu hiệu hầu đối phó với tình hình nghiệm trọng. Nếu không đạt được mục tiêu trên thì không có gì biện minh cho việc tu chính hiến pháp.

Buổi tối hôm đó Thiệu đã đổi ý. Thiệu nói "Nếu không có sự hòa hợp giữa hành pháp và lập pháp thì quân đội sẽ can thiệp." theo lời thuật của một người có mặt.

Buổi gặp gỡ giữa khối thân chính ở quốc hội với Thiệu đã làm mối quan hệ giữa Thiệu và Ngân trở nên lạnh nhạt. Thiệu và Ngân từ đấy ít gặp nhau hơn. Công việc thường được giải quyết qua phiếu trình.

Theo một nhân viên Phủ Tổng Thống, những phiếu trình của Ngân về sau gửi lên bị Thiệu "phê quẹt đỏ tùm lum" và chậm gửi trả lại, trái với trước kia phiếu trình thường được chấp thuận và gửi về mau lẹ.

Thiệu chưa hết bực mình về vụ phân bộ lập pháp của đảng đặt vấn đề cải tổ và tham nhũng, thì lại nảy thêm vụ

công ty phân bón Hải Long. Công ty này nhập cảng và bán phân bón cho nông dân.

Việt Nam là nước nặng về nông nghiệp, và phân bón là nhu cầu cần thiết cho nhà nông. Vì phân bón khan hiếm, nông dân phải mua giá chợ đen. Giá phân bón đã tăng gần bốn lần từ 1972-1974. (14) Phong Trào Chống Tham Nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh đã nêu lên vụ phân bón. Giám Sát Viện đã cho mở cuộc điều tra. Thượng Viện cũng lập ủy ban điều tra. Vấn đề có cơ nổ lớn. Nhưng sau đấy cả Giám Sát Viện lẫn Thượng Viện yêu cầu mà không thấy các tỉnh gửi hồ sơ lên nữa.

Ngân vào gặp Thiệu để trình Thiệu vụ phân bón, thì Thiệu bảo vụ này có gì đâu.

Ngân mang hồ sơ do đàn em ở hai cơ quan Thượng Viện và Giám Sát Viện trình ra, Thiệu cau mày nói: "Tôi làm chính trị mà bị bó chân bó tay, không có tiền thì làm sao được," theo lời một cộng sự viên của Ngân.

Ngân không ngờ công ty đó là kinh tài của Thiệu. Nếu biết, Ngân đâu có vì ném chuột mà làm bể lọ cổ. Ngân chỉ biết chủ công ty là Nguyễn Xuân Nguyên, anh em đồng hao với Thiệu.

Dù không biết đó là cơ sở kinh tài của Thiệu, Ngân đã liều lĩnh đụng vào những người thân cận trong gia đình Thiệu. Một nghị sĩ thân chính đàn em của Ngân trước đấy vài tuần đã "đụng" với Ngô Khắc Tỉnh, một cựu tổng trưởng và là người trong gia đình Thiệu.

Vụ công ty phân bón Hải Long làm vết rạn nứt toác to thêm trong mối liên lạc giữa Thiệu với Ngân. Đó là lần chót Ngân gặp Thiệu tại dinh Độc Lập.

Nỗi bất bình của Thiệu với Ngân lại được hợp lực thêm với lòng kình ghét của Thủ Tướng Khiêm và Trung Tướng Quang. Có lần Thiệu cho Ngân biết Khiêm nói rằng Ngân định thay thế Khiêm, thì Ngân đã trả lời Ngân là trung úy mà nắm chính phủ thì được mấy ngày.

"Ngân không biết là người của Mỹ hay cộng sản mà phá tùm lum cả," Khiêm được thuật lại lời nói trong một phiên họp gồm có bốn người là Thiệu, Khiêm, Quang và Bình. Quang là cố vấn an ninh của Thiệu. Bình chi huy ngành cảnh sát công an. Bình đã kể lại vụ họp này cho Ngân nghe ở Oregon, khi hai người gặp lại nhau bên Mỹ. Khiêm nói trong phiên họp "nếu không giải quyết vụ Ngân, quân đội sẽ giải quyết." Phiên họp cũng nhận định Ngân là "người nguy hiểm số 1 hơn cả Nguyễn Cao Kỳ." Bình được giao công tác làm phúc trình về Ngân. Trong vài phiên họp khác trước đó, Thiệu đã không bênh mà cũng không chống Ngân.

Đang lúc Bình chưa làm phúc trình, Thiệu cho mời nghị sĩ Trần Trung Dung vào dinh Độc Lập để nói chuyện vụ phân bón. Dung thấy tình trạng không êm thắm giữa Thiệu và Ngân, đã bảo Ngân "tình trạng giữa ông Thiệu với anh như De Gaulle với Pompidou của Pháp."

Thấy tình trạng căng thẳng, Ngân có ý định xin từ chức. Ngân muốn tập trung một số hồ sơ mật mà Thiệu trước kia bảo tiêu hủy đi. Ngân bảo trung tá chánh văn phòng thu góp hồ sơ lại. Thấy hồ sơ, trung tá chánh văn phòng của Ngân thông báo cho đại tá chánh văn phòng của Thiệu. Thiệu đang ở Đà Lạt được báo tin, liền bay về Sài Gòn ký giấy giải nhiệm Ngân. Thiệu cũng cho lệnh Bình khám xét văn phòng và nhà Ngân. Bình muốn xin thêm người

của Quang để cùng tham gia việc khám xét, nhưng Thiệu bảo không cần vì Thiệu biết Quang thù Ngân.

Ngân bị cách chức ngày 25/5/1974. Phát ngôn viên chính phủ loan báo tin này nói Ngân bị giải nhiệm vì lý do ngân sách.

Theo Hoàng Đức Nhã, người thân cận của Thiệu, Ngân là "người làm được việc và chịu khó làm việc, nhưng không ở trong nhóm nội bộ thu hẹp để quyết định về chính sách." Nhã cho hay nhóm nội bộ thu hẹp gồm có Thiệu, Khiêm, Nhã và Bình.

Nhã cho Ngân là "người có nhiều tham vọng, nắm được quốc hội tưởng muốn làm mưa làm gió thì làm. Ngân muốn dùng quốc hội để làm áp lực ông Thiệu, để ông Thiệu lệ thuộc vào mình. Ngân đưa đề nghị cải tổ hành chánh và thanh trừng tham nhũng là cốt đưa người của phe mình vào các chức vụ trong nội các và guồng máy chính quyền. Phe của Ngân cũng thiếu gì người tham nhũng. Ngân không muốn làm thủ tướng vì biết không thể làm được. Ngân cũng không muốn vô nội các, mà chỉ muốn ở phía sau giật giây thôi." (15)

Cách chức Ngân rồi, Thiệu bảo Ngân đi du học ở ngoại quốc. Ngân cứ thoái thác, kiếm cớ con nhỏ đau nặng và đang nằm nhà thương để điều trị. Mãi đến tháng 9, 1974 Ngân mới đi Vancouver, Gia Nã Đại, nơi Ngân có gia đình người chị cư ngụ.

Ở Vancouver được bốn tháng, Ngân như cọp nhớ rừng, muốn về lại Việt Nam. Nhờ có thân hữu vận động hộ, Ngân trở về Sài Gòn vào dịp Tết năm 1975. Một tháng sau tình hình chiến sự bột phát với cuộc tấn công của cộng quân. Trước những thất bại lớn lao về quân sự, Thiệu bị

các giới công kích. Từng say sưa trong những cuộc biến động chính trị hồi trước, Ngân không ngồi yên trong lúc tình hình sôi sục tại Việt Nam. Ngân tiếp xúc với những nghị sĩ, dân biểu thân tín tại quốc hội và gặp một số tướng tá trước ở trong quân ủy của đảng Dân Chủ.

Thượng Viện ngày 3/4 đã ra một tuyên cáo đòi thay đổi lãnh đạo. Ngân là người vận động để bản tuyên cáo được cả hai phía đối lập và thân chính đồng ý. Theo Ngân, mục đích của việc đòi thay đổi lãnh đạo là nhắm vào Khiêm, chứ không nhắm Thiệu. Nhưng đến khi ra thảo luận và biểu quyết, tình hình biến chuyển nhanh quá, gần như mỗi ngày mất một hoặc hai tỉnh, nhiều nghị sĩ thất vọng và bất bình đòi thay luôn cả Thiệu. Vài nghị sĩ đàn em của Ngân tưởng tới lúc không cần dấu diếm vai trò của Ngân đã tiết lộ cho người ngoài biết Ngân là chủ chốt đứng sau bản tuyên cáo. Ngay đêm đó Ngân bị cảnh sát đến nhà vây bắt. Một vài nghị sĩ thân cận với Ngân trong vụ này sợ bị bắt đã lẩn trốn. Hôm sau chính phủ loan báo phá vỡ một âm mưu đảo chánh, và báo chí biết người bị bắt là một cựu phụ tá thân tín của Thiệu.

Ngân bị bắt cùng ngày với việc Thiệu loan báo cử Nguyễn Bá Cẩn, chủ tịch Hạ Viện, đứng ra lập nội các "đoàn kết, chiến đấu" thay thế Thủ Tướng Khiêm.

9

Nóng Lạnh

Sài Gòn từ đầu tháng tư như người lên cơn sốt nặng. Đầu nóng ran, mà người lạnh run cầm cặp. Nóng vì lửa hừng hực do cuộc tấn công bão táp của Việt Cộng. Lạnh run vì rùng mình hoảng sợ khi nghĩ lúc cộng quân vào tới Sài Gòn.

Muốn biết độ sốt cao thấp của Sài Gòn, chỉ việc lấy hàn thử biểu đô la ra đo.

"Hôm nay tiền xanh bao nhiêu ạ, thưa ông?" tôi điện thoại nói chuyện với tiệm vàng Mỹ Thịnh ở đường Hai Bà Trưng, quá chợ Tân Định, hôm 2/4.

"Ngàn chín," tôi được trả lời.

"Ấy chết! Sao lên dữ vậy?" tôi sửng sốt hỏi.

"Giá hiện giờ đấy nhé. Chiều hay tối có thể giá khác. Không bảo đảm. Mấy ngày nay giá lên lắm, mà không có để mua," ông chủ tiệm bảo tôi.

"Thế hôm qua bao nhiêu ạ?" tôi hỏi thêm.

"Hôm qua ngàn ba," ông nói.

"Trời ơi! Từ hôm qua đến nay, có một ngày mà lên gần 50 phần trăm! Thế còn vàng sao ạ?" tôi muốn biết loại quý kim này.

"Vàng hôm nay 250.000$, hôm qua 190.000," ông nói.

"Lát nữa cháu xuống liền," tôi đáp.

"Này, không lấy giấy 500 đấy nhé," ông chủ tiệm dặn với theo.

"Thế ạ! Vâng, vâng," tôi nói, rồi nghĩ trong bụng: "Chà! Còn bắt mang giấy 1.000$ mới chịu!"

Tôi nói chuyện dễ dàng với ông chủ tiệm qua điện thoại vì quen biết nhau từ lâu. Người trắng trẻo, cao lớn như tây lai, ông Mỹ Thịnh nói chuyện cởi mở và vui vẻ. Chúng tôi đã gặp nhau nhiều lần trong những bữa ăn hoặc trong những buổi chơi xì phé ở nhà thân sinh anh bạn Trần Kim Cường.

Trước khi xảy ra trận đánh ở Ban Mê Thuột, giá đô la trên thị trường tự do là 725$ và giá thị trường chợ đen cũng không cách biệt mấy. Giá đô la có nhích lên sau khi rút quân ở miền Trung. Nhưng từ khi có tin Đà Nẵng mất, cơn sốt nguy kịch của Sài Gòn được thể hiện bằng giá tăng vọt của đồng đô la, của vàng, và của nhu yếu phẩm, cũng như dân chúng rút tiền ồ ạt khỏi các trương mục ký thác tại ngân hàng. Đến giữa tháng 4 giá vàng tăng nữa, lên nửa triệu đồng. Đô la lên 5.000 đồng.

Trước việc giá Mỹ kim tăng vọt quá lẹ, Ngân Hàng Quốc Gia ngày 5/4 phải ra thông cáo khuyên dân chúng không nên đổi ngoại tệ, vì có thể mất tiền vô ích khi gặp ngoại tệ giả hoặc bị lường gạt. Ngân Hàng còn nhắc nhở và cảnh cáo rằng giữ ngoại tệ là bất hợp pháp, có thể bị bắt giữ và bị truy tố ra tòa.

Thấy vàng và đô la tăng vọt, một số người hoảng hốt, vội rút tiền để ở ngân hàng. Cửa ngân hàng nhộn nhịp vì đông đảo người đến xếp hàng. Ngày 3/4 ngân hàng Đại Nam và Việt Nam Thương Tín ở đường Hàm Nghi bị tràn ngập. Những người đến rút tiền xếp hàng dài ra cả ngoài đường. Có người tránh chỗ đứng chật chội, leo lên cả cột đèn. Để trấn an dân chúng, Ngân Hàng Quốc Gia ra thông cáo quả quyết là tiền gửi ở các ngân hàng được bảo đảm 100 phần trăm, muốn rút lúc nào cũng có.

Vàng và đô la tăng vọt, vật giá cũng tăng theo, như vẫn thường xảy ra mỗi khi có xáo trộn, bất ổn hay chính biến. Ngay sau khi có tin mất Ban Mê Thuột, giá một số nhu yếu phẩm đã tăng lên. Đường cát từ 1.000 đồng một ký trước Tết nhảy lên 1.600 đồng. Rau, trái cây cũng lên giá sau khi cộng quân chặn đường ở Định Quán đi Đà Lạt. Khi Đà Lạt mất, giá cả tăng lên nữa. Lúa gạo cũng đắt hơn khi cộng quân quấy rối quốc lộ 4 giữa Long An và Mỹ Tho.

Vật giá gia tăng thường đi liền với đầu cơ, tích trữ. Nhu yếu phẩm trở nên khan hiếm. Ai cũng muốn mua những vật dụng cần thiết và thực phẩm để phòng ngừa. Với đại gia đình tới 18 người, mẹ vợ tôi lo mua sẵn gạo, nước mắm và thực phẩm khô.

Thành phố Sài Gòn lúc ấy mang nhiều bộ mặt và sắc thái khác nhau. Bề ngoài phố xá nhộn nhịp, đông đảo, ra vẻ thanh bình. Bên trong thành phố giao động, nhốn nháo và âu lo. Nhiều người dân để lộ nét mặt lo lắng và sợ sệt, trong lúc các nhà lãnh đạo đưa ra những lời tuyên bố hùng

mạnh, những câu cổ võ hăng hái, những biện pháp bố phòng chặt chẽ.

Trong những căn phòng của nhiều gia đình, bạn bè tụ họp dăm bảy người bàn chuyện thời sự, trao đổi tin tức, hoặc nghe ngóng tin đồn. Từng sống trong chế độ mà những lời nói ngụ ý bi quan về tình hình có thể bị gán ghép là chủ bại, là thân Cộng, ít người công khai bày tỏ nỗi thất vọng, âu lo của mình. Những cảm nghĩ bi quan trên chỉ được thổ lộ với những người thân trong nhà, với những bạn bè thân tín. Có người thì thầm, to nhỏ với nhau. Câu chuyện thường xoay quanh những đột biến quá mau lẹ của chiến trận ở miền Nam Việt Nam.

Trước viễn ảnh thắng thế của cộng quân ngày một gần, từ bỡ ngỡ , thất vọng đến lo sợ, hoảng hốt không bao xa. Qua mấy chục năm người dân Việt đã nghe nói nhiều đến những hành động bạo tàn của Việt Cộng trong những vụ giết chóc, tù đầy, tra tấn, cũng như những biện pháp khắc khổ, kỷ luật khắt khe trong đời sống hàng ngày. Những từ ngữ "đấu tố," "tắm máu," "nợ máu," "tòa án nhân dân," đã gợi lại những hình ảnh ghê rợn, làm nhiều người bồn chồn cố tìm đường ra khỏi nước. Đứng hàng đầu trong số những người bị coi là mục tiêu thanh toán của cộng quân là những quân nhân, công chức từng tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu trong những năm qua, những chính trị gia chống Cộng, những nhân viên làm cho các cơ quan Mỹ. Ngay cả một số cô gái bán "ba" cũng sợ bị Việt Cộng thanh toán.

Ấn tượng này lan rộng và ăn sâu trong tâm não nhiều người vì bộ máy thông tin, tuyên truyền của chính phủ trong quá khứ đã quảng bá những hành vi tàn bạo của

cộng sản ở Việt Nam cũng như ở Trung quốc và những nước cộng sản khác. Thêm vào đấy lại có những tin đồn từ những vùng Việt Cộng mới chiếm. Người nói Việt Cộng cho xử bắn mấy quân nhân, công chức bị bắt. Người khác bảo tài sản của các viên chức chính quyền bị tịch thu, và Việt Cộng bắt dân trở về nguyên quán. Thanh niên, thiếu nữ xôn xao về tin Việt Cộng bắt đi diễu ở đường phố những chàng trai ăn mặc cao bồi, những cô gái váy ngắn. Các bà, các cô còn hoảng sợ hơn khi nghe tin đồn đại phụ nữ để móng tay đỏ bị rút.

Nhiều loại tin đồn khác đã lan ra trong các giới ở Sài Gòn. Tình hình càng giao động, tin đồn càng mọc ra nhiều, như nấm trong đống rơm ẩm ướt. Tin đồn đảo chánh, tin Thiệu từ chức vì áp lực của tướng lãnh để nhường quyền lại cho một ủy ban, tin Mỹ sửa soạn di tản, tin có thỏa hiệp mật giữa Nam Việt Nam với cộng sản, tin Việt Cộng sát hại ở vùng mới chiếm, tin máy bay B-52 của Mỹ sẽ trở lại dội bom cộng quân... Người đồn đại Thiệu đã bỏ đi tối hôm trước. Người nói Thiệu bị bắn khi lên phi trường.

Trước những loại tin đồn như vậy, cùng với tin đồn chia cắt đất cho cộng sản và liên hiệp với cộng sản, tòa Tổng Trấn Sài Gòn hôm 4/4 đã ra thông cáo kêu gọi dân chúng không loan tin đồn thất thiệt, không bàn những tin tức do cộng sản loan, không di tản khỏi Sài Gòn. Tòa Tổng Trấn nói thêm "vi phạm sẽ bị nghiêm trị, còn có thể bị chỉ định cư trú."

Những tin đồn đó, đúng hay sai, đều có hiệu lực tăng thêm ấn tượng in sâu trong đầu, làm nhiều người hoảng sợ, muốn tìm đường trốn chạy Việt Cộng.

Lo sợ Việt Cộng, một số người đã quyết không chịu để sa vào tay địch. Người nghĩ cách tự tử bằng độc dược, người khác bằng súng. Người quyết định lẩn trốn khi Việt Cộng vào Sài Gòn.

Trung Tá Hải Quân Chu Bá Yến đã dặn vợ: "Nếu mình không kịp đi khỏi nước mà Việt Cộng vào, em chỉ việc đặt ảnh anh lên bàn thờ, cắm cho mấy cây hương. Ai hỏi thì nói nhà tôi đi công tác ở miền Trung và chết ngoài đó. Cứ coi như anh không còn nữa."

Một thiếu tá nói: "Không có vợ con thì dễ. Mình chỉ một phát Colt là xong."

Bố vợ tôi đã bảo Học, bác sĩ, tìm sẵn cho mấy viên độc dược cyanure. Ông nói: "Việt Cộng tới, bố chỉ cho vào miệng nhai một cái là xong."

Dân biểu Nguyễn Văn Kim cũng có ý nghĩ tương tự. Sau này khi Việt Cộng vào Sài Gòn ngày 30/4, Kim đã chạy đến bạn đồng viện vừa là dược sĩ. Kim rút súng chĩa vào ngực bạn, bảo: "Anh cho tôi một liều thuốc độc. Đưa thứ thiệt, chứ đưa thuốc bổ, tôi sẽ bắn anh." Người bạn còn sững sờ, ấp úng, Kim nói ngay: "Anh cứ việc làm theo lời tôi. Dưới áp lực của mũi súng, đưa thuốc độc cho tôi, anh không có lỗi gì cả. Tôi là người công giáo, tôi không có ý định tự tử. Tôi chỉ tự tử khi nào cộng sản làm nhục tôi, làm nhân phẩm tôi không còn. Trong trường hợp đó tôi không có tội với Chúa."

Có bạn bảo tôi: "Cùng lắm làm mấy gói thuốc chuột là xong."

Tôi cũng nghĩ mình không muốn rơi vào tay Việt Cộng, nhưng không nghĩ được cách nào khả thi nhất. Tôi có khẩu súng nhỏ, nòng ngắn, ổ đạn vòng tròn, lắp được năm viên.

Nguyễn Văn Ngân cho tôi khẩu súng này cách đó hơn hai năm. Tôi cất nó từ lâu trong ngăn kéo tủ có khóa, ít khi sờ tới. Lúc này tôi cũng lôi ra xem lại. Tôi không có ý tự tử, nhưng nghĩ có thể phải dùng trong trường hợp phòng vệ khi cần.

Trước những biến chuyển dồn dập của tình hình, các nhà lãnh đạo đã xuất hiện nhiều hơn trên các đài truyền hình và truyền thanh để giải thích, trấn an và cổ võ quân dân. Tổng Thống Thiệu ngày 4/4 còn đoan quyết với dân chúng quyết tâm giữ vững phần đất còn lại, không chia cắt đất đai cho cộng sản, không liên hiệp với cộng sản. Trong khoảng hai tuần lễ từ 20/3 Thiệu lên đài truyền hình bốn lượt.

Ngày 2/4, Thủ Tướng Khiêm cũng nói chính phủ quyết tâm "giữ vững phần đất còn lại của quốc gia để rồi khôi phục lại toàn bộ lãnh thổ." Khiêm cũng hô hào chiến sĩ và cán bộ "ở nguyên vị trí để chiến đấu...Mọi từ nhiệm, đào nhiệm sẽ bị nghiêm trị."

Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội, tiếp lời Khiêm đã kêu gọi quân đội: "Bằng mọi giá các chiến sĩ phải cố thủ chiến tuyến, ngăn chặn địch, tiêu diệt địch tối đa và phản công địch quyết liệt."

Những lời khẳng định trấn an và cổ võ hùng biện trên ít có hiệu lực nâng cao tinh thần quân dân khi họ thấy những thất bại liên tiếp trên chiến trường. Trái lại, những lời đó còn bị một số người nhắc đến để hài hước, mỉa mai, chế nhạo.

Tổng Thống Thiệu, trước những thất bại liên tiếp về quân sự, đã trở thành tấm bia cho mọi phía nhắm bắn. Ngoài những phe phái đối lập, một số người từng ủng hộ

Thiệu cũng lên tiếng chỉ trích Thiệu, Dân chúng thì bất bình và chán ghét. Những lời chê trách Thiệu được phát biểu không dè dặt trong những nhóm bạn bè. Những lời bình phẩm chế diễu được bộc lộ những khi nghe Thiệu nói trên đài phát thanh và truyền hình. Những đoan xác của Thiệu không nhượng đất cho cộng sản, không liên hiệp với cộng sản được người nghe cười ồ, hoặc lắc đầu bất mãn. Danh từ "tái phối trí" của Thiệu để chỉ những cuộc rút quân được nhắc đến với ý diễu cợt. Nhiều người bất bình thấy Thiệu đổ lỗi cho các tướng tá cầm quân đã rút bỏ khi không có lệnh.

Cao điểm của nỗi bất bình với Thiệu thể hiện bằng cuộc oanh tạc vào dinh Độc Lập khoảng 8 giờ rưỡi sáng ngày 8/4. Tôi cũng như nhiều người dân Sài Gòn hôm đó tưởng có đảo chánh khi thấy chiếc máy bay A-37 bay lượn ba vòng, oanh kích bằng hỏa tiễn và liên thanh, trong lúc súng phòng không bắn theo phi cơ. Lệnh giới nghiêm 24/24 giờ được ban hành ngay sau đấy. Đến 11 giờ Thiệu lên tiếng trên đài phát thanh, nói đây không phải là cuộc đảo chánh của một phần hay toàn thể quân đội, mà là hành động của một phe nhóm nhằm thay đổi chế độ hợp hiến, hợp pháp. Thiệu xác định "cương quyết tiếp tục lãnh đạo đất nước."

"Oanh tạc như vậy không ăn giải gì. Xáo trộn thì nguy. Phải làm áp lực để hắn (Thiệu) đi," một người bạn nói khi bàn vụ phi công oanh kích.

"Cứ ngồi lì đó thì đi sao được!" một người khác phát biểu ý kiến.

Sau có tin phi công oanh kích là Trung Úy Nguyễn Thành Trung, và Trung đã đào ngũ theo Việt Cộng.

Lệnh giới nghiêm vì vụ oanh kích được giải tỏa vào lúc 3 giờ chiều. Dân buôn bán sợ xáo trộn, hối hả dọn hàng về nhà. Người có xe kéo nhau đi đổ xăng, nối đuôi nhau đứng chờ ở trạm xăng.

Sài Gòn mang thêm bộ mặt khẩn trương vì những biện pháp an ninh phòng ngừa.

Trước tiên là tăng giờ giới nghiêm. Giờ giới nghiêm hồi trước bắt đầu từ 12 giờ đêm, sau nới rộng từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng. Sau khi Đà Nẵng mất, giờ giới nghiêm bắt đầu từ 9 giờ tối. Tòa Tổng Trấn Sài Gòn còn tuyên bố những phần tử bất tuân lệnh giới nghiêm sẽ bị bắn bỏ.

Binh sĩ canh gác được tăng cường ở vùng thủ đô. Các trạm kiểm soát và công sự chiến đấu, trong đó có cả ụ chống chiến xa, được lập thêm ở những cửa ngõ đi vào thành phố. Ở ngã tư góc đường Hiền Vương và Hai Bà Trưng, ban đêm có thêm Nhân Dân Tự Vệ đứng canh gác. Tiếng nói chuyện của thanh niên và tiếng lách cách của vũ khí va chạm nhau trong đêm khuya đôi lúc vọng lên phòng ngủ của tôi.

Tòa Tổng Trấn Sài Gòn cũng ra lệnh chặn người di cư ở ngoài, không cho vào thành phố. Mấy chục Thủy Quân Lục Chiến từ Vũng Tàu về Sài Gòn cũng bị chặn lại ở Thủ Đức. Họ mới từ Đà Nẵng rút về. Nhà cầm quyền vừa sợ tái diễn cảnh hỗn loạn ở Đà Nẵng, vừa muốn ngăn ngừa đặc công Việt Cộng trà trộn vào thành phố.

Các tiệm khiêu vũ được lệnh đóng cửa. Trường đua ngựa bị cấm. Mọi việc xuất ngoại của thường dân bị đình chỉ.

Lệnh gọi nhập ngũ được thi hành cấp tốc để tăng cường quân số. Từ sau vụ Ban Mê Thuột, thanh niên và đàn ông

từ 17 tới 43 tuổi đều bị kêu nhập ngũ. Số quân nhân được động viên tại chỗ bị giảm bớt 25%. Lệnh nhập ngũ làm trường học náo động, học sinh nhốn nháo. Một số tu sĩ Phật tử và học sinh đã biểu tình phản đối.

Vì tình hình sôi động, trường học được lệnh đóng cửa sớm hơn thường lệ. Thay vì nghỉ hè bắt đầu từ tháng sáu, các trường tiểu học đóng cửa từ ngày 6/4. Trung học đóng cửa một tuần sau đó. Tại vài lớp học chuyên môn, có học viên bỏ ngang lớp. Một bà theo học lớp Pháp văn đã bật khóc hu hu khi từ giã những bạn cùng lớp.

Trên đại học, sinh viên bị tin tức thời sự lôi cuốn đã sao lãng việc học. Tại trường Quốc Gia Hành Chánh, nơi đào tạo các công chức cốt cán của quốc gia, sinh viên không dồn hết tâm trí chú trọng vào việc học tập. Tại ban Cao Học Ngoại Giao, những bài thuyết trình được chỉ định trước đã không hoàn tất theo hạn kỳ. Bị giáo sư trách cứ, sinh viên cho biết không còn đầu óc sưu tầm tài liệu và ngồi viết bài thuyết trình. Tôi có lúc ngồi trong lớp mà mắt chăm chú nhìn vào bản đồ Việt Nam, cố tìm tên những hòn đảo ở quanh Phú Quốc vì đầu óc cứ vẩn vơ với dự tính làm sao rời nước được bằng đường biển.

Có những buổi học trở thành cuộc bàn luận thời sự. Người tin rằng Nam Việt Nam sẽ mất, người khác cho rằng vẫn còn hy vọng xoay ngược lại tình thế. Lớp Cao Học Ngoại Giao hôm 7/4 có 11 người thì tám người dơ tay tỏ ý bi quan về tình hình của miền Nam Việt Nam. Ba người khác cho rằng còn hy vọng.

Nguyễn Văn Nghĩa, người cao và gầy, nét mặt ưu tư, nói giọng miền Trung: "Tình thế hết rồi, không còn cách gì

cứu vãn được. Mình phải nghĩ cách làm sao. Mình ở lại, Việt Cộng vào nó giết hết."

Hà Văn Trung, người trắng trẻo, nụ cười dễ dãi, giọng miền Nam, cho rằng "tình hình bi quan thật, nhưng vẫn có hy vọng vào lúc chót. Mình phải cùng nhau sát cánh chiến đấu, rồi tình hình sẽ sáng sủa lại. Mỹ muốn rút như vậy để rồi đánh một cú mạnh, khiến tụi kia phải điều đình."

Hăng hái hơn cả là Vũ Tiến Đạt, cựu sĩ quan Biệt Động Quân, di cư từ bắc vào nam. Tóc húi ngắn, người nhỏ nhắn, mảnh khảnh, nhưng giọng nói rắn rỏi, hùng hổ, Đạt bảo: "Chúng ta phải hành động, đừng hèn nhát, đừng chờ đợi gì nữa. Một người đứng lên, tất cả đứng lên. Ai cũng chờ, chờ (ông Thiệu) từ chức thì chậm quá!"

Người dân Sài Gòn càng thêm hoang mang, giao động, khi thấy những chuyến ra đi của ngoại kiều, nhân viên sứ quán và vợ con người ngoại quốc. Người Việt đã nhìn những chuyến rời Việt Nam của người nước ngoài như dấu hiệu nguy kịch thêm của tình hình. Ngày 3/4 tòa đại sứ Tây Đức cho biết nhân viên sứ quán và kiều dân Đức được lệnh di tản, và phi cơ tới đón họ vào ngày hôm sau. Phía Mỹ cũng có tin một số nhân viên không cần thiết được cho về nước. Vé phi cơ rời Việt Nam được bán hết sạch trước cả 10 ngày.(1) phần lớn là cho người ngoại quốc.

"Chưa bao giờ có tình trạng ngoại kiều về nước đông như vậy." một viên chức cao cấp tại Sở Ngoại Kiều, giảng sư Hảo, nói với sinh viên Cao Học Ngoại Giao trường Quốc Gia Hành Chánh hôm 7/4. "Mỗi ngày tôi phải ký khoảng 300 giấy chiếu khán ra khỏi nước cho những người ngoại quốc làm việc với chính phủ Việt Nam dưới hình thức khế ước, hoặc những người có thông hành ngoại giao.

"Một số người Việt quen biết, thấy người ngoại quốc ra đi, đã nhờ tôi can thiệp hộ với các tòa đại sứ để xin chiếu khán xuất ngoại. Làm vậy đâu có được. Tôi không thể làm được, mà họ không biết, cứ năn nỉ. Nể quá, tôi phải cho tên người lãnh sự tại tòa đại sứ mà họ muốn. Có tên, họ bằng lòng, dù làm vậy chẳng giúp ích gì cho họ cả"

Trong khi đó những người Việt thân nhân của Mỹ, hoặc có thân nhân ở Mỹ, lục đục đến sứ quán Mỹ làm giấy xin đi Mỹ. Vào đầu tháng tư mỗi ngày tòa lãnh sự Mỹ nhận được 500 đơn xin chiếu khán đi Mỹ(2) của những người Việt là vợ con của người Mỹ, hoặc làm hôn thú với Mỹ, hoặc xin làm con nuôi của Mỹ. Người ta kéo tới xếp hàng dài trước sứ quán, lan ra cả ngoài đường. Có những bạn gái quen biết Mỹ không còn e thẹn xin Mỹ làm hôn thú để nộp đơn xin rời Việt Nam.

Báo Saigon Post ngày 18/4 có đăng một quảng cáo như sau: "Gái khá đẹp, 18 tuổi, thuộc gia đình khá giả, muốn được làm con nuôi hoặc kết hôn với ngoại kiều Mỹ, Pháp, Anh, Đức hay quốc tịch khác để đưa cô đi ngoại quốc hợp pháp hầu tiếp tục học vấn tại nước ngoài, chi phí cô chịu. Xin điện thoại 45470." Thông tín viên George Esper của hãng thông tấn AP đã điện thoại nói chuyện với cô và được biết cô có bố mẹ, hai em trai. Cô muốn cả gia đình đi cùng cô ra ngoại quốc. Đã có năm sáu người điện thoại cho cô. Họ không phải là Mỹ, mà là Tàu, Ấn Độ, Đại Hàn, Đức. Cô không chịu những người này vì họ không tìm được cách mang cả gia đình cô đi.(3)

Thấy có người Việt vợ con của Mỹ đi, nhiều người Việt khác cũng mò mẫm đường lối đi theo Mỹ, dù lúc bấy giờ Mỹ chưa xúc tiến việc di tản. Có trường hợp người Mỹ đã cho người Việt đi lậu từ cuối tháng 3 bằng cách chở họ trong xe bít bùng chở thư, rồi chạy thẳng ra chỗ máy bay để đi.(4)

Thấy có chương trình cho cô nhi đi Mỹ, một số người đã bằng lòng cho con đi làm con nuôi để ra khỏi nước. Một số khác xoay sở gửi con vào đám cô nhi để đưa sang cho thân nhân ở nước ngoài.

Phần chúng tôi đã quyết định tìm thuyền để đi, nên cũng lo chuẩn bị những điều cần thiết.

Trước hết Trang tính mang cho trẻ con mỗi đứa vài bộ quần áo cần thiết, một tí thức ăn giản dị cho vài bữa. Bé Mai có hộp sữa bột SMA.

Về đồ đựng, chúng tôi gạt bỏ ngay việc dùng va-li vì cồng kềnh và lộ liễu. Lúc đầu tôi nghĩ đến loại túi xách hình ống tròn và dài như của lính. Loại túi này dễ nhét quần áo và vật dụng. Vợ chồng chúng tôi ra khu chợ trời Kim Chung ở đường Nguyễn Thái Học, không xa chợ cầu ông Lãnh. Mua túi lính về, tôi lại phải bỏ đi. Túi hãy còn lớn và khó mang đối với tôi. Nghĩ lúc phải lo bồng bế hoặc dắt ba cháu bé, tôi làm sao xách được túi lớn. Chúng tôi vào Chợ Lớn tìm mua loại "địu" mà người Hoa hay dùng đeo con ở lưng. Đeo thử vào, bé Mai sợ hãi khóc thét lên, trong lúc Đức và Phương thích thú cười.

Sợ giày đế da khó đi và dễ trượt té khi chạy, chúng tôi ra mua giày vải ở hãng Bata. "Giày này dễ đi, dễ chạy, vừa nhẹ nhàng," Trang nói khi đi thử.

Sợ bị thất lạc trong lúc lộn xộn, các cháu Đức, Phương được dạy học thuộc lòng địa chỉ, số nhà, đường phố, khu Tân Định. Chúng tôi đi đặt khắc tên và địa chỉ vào miếng

nhôm để đeo vào tay cho các cháu. Tôi phải trả 700$ cho ba tấm lúc đặt làm vào ngày 4/4, trong khi mấy hôm trước giá mỗi chiếc là 100$. Ba ngày sau tôi tới lấy, giá đã tăng lên mỗi tấm 400$.

"Sao giá tăng lên nhanh quá vậy?,"tôi hỏi bà chủ tiệm.

"Trước khác, nay khác." bà ta trả lời gọn lỏn.

Văn phòng thông dịch viên tuyên thệ ở tòa án đường Công Lý cũng đông đảo người đến xin dịch khai sinh và văn bằng. Tôi tới nơi đinh ninh thừa tiền trả cho 20 bản dịch của năm người trong gia đình. Khi bảo đóng tiền, tôi ngẩn người thấy mình bị hụt. Giá mỗi bản dịch trước kia chỉ có 50$, đã tăng gấp tám lần, lên tới 400$ vào ngày 9/4.

"Trời! Sao đắt thế? Tưởng có năm chục mỗi bản," tôi nói với người thu ngân.

"Trước đây hai tuần thì giá đó. Nay nhiều người mang giấy tờ tới dịch, làm không xuể. Ai cũng muốn làm gấp rút nên giá khác," người thu ngân trả lời.

Đếm trong ví chỉ có 5.600$, tôi bỏ hết ra trả mà chỉ được có 14 bản.

Sau khai sinh và văn bằng, ảnh gia đình được mang ra chọn lựa một số để mang đi. Trang và mấy chị em gái rở những tập ảnh ra, bóc vội những tấm ảnh nào đẹp, rõ, cần giữ làm kỷ niệm như ảnh cưới, ảnh sinh nhật, hoặc những tấm ảnh đắc ý. Tất cả được dồn vào phong bì cho gọn.

"Mấy ảnh này quý lắm đấy, nếu mất đi dù có tiền cũng không mua lại được. Các cô cất kỹ hộ," Trang bảo các em.

Có công chuẩn bị như vậy, tôi cũng sót mất một tấm ảnh. Bức ảnh này lớn hơn khổ thường, được phóng to bằng khổ giấy đánh máy và để ở phòng làm việc của tôi. Vì đầu óc rối bời, vì lo nghĩ nhiều truyện, tôi không để ý bức ảnh biến mất hồi nào mà không hay. Tôi đinh ninh ảnh được vợ lấy để cất mang đi.

"Tấm ảnh to để ở bàn em cất chỗ nào, cất khéo cho khỏi bị gãy nát," tôi hỏi Trang.

"Ảnh nào?" Trang hỏi lại.

"Tấm ảnh vẫn để đây này, em," tôi chỉ tay.

"À, ảnh anh với..." Trang nói.

"Đúng rồi, em để vào chỗ nào?" tôi ngắt lời.

"Bà ngoại đốt mất rồi," vợ tôi nhẹ nhàng đáp.

"Ấy! Sao lại đốt?" tôi hỏi, bụng bỡ ngỡ.

"Bà sợ nhỡ Việt Cộng vào, mình chạy không kịp, nó bắt cả nhà," vợ tôi nói.

"Ồồồ!" tôi khẽ kêu, chỉ lắc đầu mà không dám phàn nàn.

Tấm ảnh đó chụp Tổng Thống Thiệu đang bắt tay tôi tại văn phòng trong dinh Độc Lập hôm bốn người trong ban biên tập báo Dân Chủ được Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Văn Ngân đưa vào trình diện tổng thống, trước ngày báo phát hành số ra mắt năm 1973.

Khi tính đi khỏi Việt Nam, gia đình nhà vợ tôi đều nghĩ đi hết cả nhà, và đi cùng một lúc với nhau. Đại gia đình đông người, sợ khó quy tụ một khi tình hình nguy ngập, nên đã đồng ý về ở chung một nhà. Mấy gia đình đều ở Sài Gòn, việc tụ lại không có gì khó khăn. Chỉ có mình cậu út Nguyễn Trọng Hiền làm gia đình quan tâm nhất. Cậu ở đơn vị tác chiến, còn trẻ tuổi, nói năng bộp chộp, bất cẩn, và đã có lần bị tướng tư lệnh sư đoàn dọa "đá" khỏi trực thăng.

Hiền, 20 tuổi,bị gọi nhập ngũ khi còn đang học tại trường trung học Petrus Ký. Học xong quân sự căn bản ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Hiền được gửi đi học khóa truyền tin tại Vũng Tàu, rồi sau đó được cử về sư đoàn 18. Là trung sĩ làm việc ở phòng truyền tin của sư đoàn, Hiền có nhiều dịp được nghe nhiều cuộc điện đàm qua những sóng truyền tin của bạn cũng như của địch. Do đó Hiền biết phần nào diễn tiến những cuộc hành quân gay go, sôi nổi giữa các tướng tá của sư đoàn, cũng như mấy cuộc liên lạc, đối thoại của Việt Cộng. Đôi khi Hiền xen vào cuộc đối thoại của địch để chọc ghẹo, đùa nghịch. Cộng quân cũng tìm cách bắt làn sóng của quân cộng hòa để theo dõi, quấy phá hay dụ dỗ. Nhiều lần Hiền cùng bạn hữu đấu khẩu với binh sĩ truyền tin của Việt Cộng. Có lần một cộng quân hỏi Hiền nói giọng bắc mà sao lại đi lính cho "Ngụy ở miền nam." Hai bên đấu khẩu và Việt Cộng dọa nếu bắt được Hiền "sẽ cắt lưỡi."

Một lần khác Hiền theo dõi một trận đánh gay go qua máy truyền tin, trong đó một toán quân bạn bị địch tiêu diệt. Một toán khác được lệnh tiến vào và cũng gặp sức chống cự mãnh liệt của địch, nên kêu cứu ầm ĩ.

"Chúng em nghe vậy, mấy đứa đều bất bình về vụ thí quân. Em bảo 'Mấy tướng tá cứ ngồi nhà, đẩy con người ta vào chỗ chết!'" Hiền kể.

Hiền và đồng đội vừa nói vừa bông đùa, diễu cợt. Tiếng nói của Hiền và các bạn hòa lẫn với tiếng phát âm ọ ẹ từ máy truyền tin, trong đó có tiếng của tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18. Còn đang cười đùa, Hiền nghe có tiếng ở phía sau:

"Ê, anh này xách máy đi theo tôi."

Hiền giật mình quay lại, thấy vị tướng một sao quyền uy của mình đứng ngay sau lưng. "Cha ấy vào lúc nào em đâu có hay. Em sợ quá, lập cập đứng dậy, đeo máy theo cha đó lên trực thăng đi thị sát mặt trận. Lên trực thăng rồi, cha ấy bảo 'mày nói tầm bậy nữa, tao đá mày xuống đất nghe.' Em sợ hết hồn, ngồi im đâu dám hó hé gì nữa." Hiền kể lại câu truyện đời lính.

Khi gia đình lo chuẩn bị rời Việt Nam, Hiền đang đóng tại ven biên tỉnh lỵ Long Khánh. Để Hiền có cớ xin về, nhà gửi đi bức điện "Bố đã qua đời. Cậu về ngay. Nghĩa ở Đức đã lên đường về." Bức điện gửi ngày 1/4. Mấy ngày qua đi, nhà vẫn không thấy tin gì của Hiền. Mẹ vợ tôi sốt ruột, trông ngóng.

"Chắc cậu ấy chưa xin được phép," tôi bảo.

Thật vậy, với tình hình chiến sự sôi động, đơn vị của Hiền cũng như các nơi khác đều được lệnh ứng chiến. Lệnh cấm trại được ban hành. Các giấy nghỉ phép bị hủy bỏ.

"Em mang bức điện tín nói bố chết lên trình ông trung úy 'xếp.' Ông nghiêm nghị bảo 'không ai được đi phép lúc này hết. Em đành chịu.'" Hiền giải thích khi về đến nhà ngày 7 /4.

"Điện tín cũng tới trễ. Mãi ngày 5/4 em mới nhận được. Trên ông trung úy, còn ông đại úy là thày cũ dạy em ở Petrus Ký. Ông biết em khi em về sư đoàn. Em đem điện tín lên, năn nỉ ông đại úy. Ông bảo 'tao làm ngơ cho mày đi bốn ngày, nhưng đừng cho ai biết. Hễ mày bị bắt thì ráng chịu.'

"Chỉ vài đứa bạn thân biết em đi. Chúng nó còn cho vay tiền mua vé xe đò về. Sáng sau, em mặc quần áo lính như

thường lệ, đi ra cổng gác. Lính chặn lại, không cho ra. Em bảo người gác 'cho anh em ra ngoài uống cà phê một chút, rồi vào ngay.' Không quen biết, nhưng thấy mặt em quen quen, lính gác vẫy tay cho đi.

"Ra ngoài rồi, em đến chỗ vắng cởi bỏ quân phục. Bên trong em mặc sẵn bộ quần áo dân sự. Rồi em đi bộ ra bến xe đò Long Khánh, lấy vé về Sài Gòn. Ở bến xe có quân cảnh lảng vảng. Nếu em bị túm là đi tù.

"Về gần Sài Gòn, tới cầu xa lộ Biên Hòa, xe đò phải ngừng lại để khám xét. Mọi người phải xuống xe. Quân cảnh hỏi giấy những đàn ông, thanh niên bị nghi là quân nhân. Em nghĩ bụng chắc mình không thoát.

"Chẳng biết làm gì hơn, em đành đi xuống như mọi người. Quân cảnh nhìn em đi qua, không hỏi han gì, có lẽ vì thấy em mặt mũi non choẹt, lại để tóc dài, tưởng em là học sinh dưới 17 tuổi."

Hiền về nhà được hai ngày thì cộng quân bắt đầu tấn công Long Khánh, mở đầu bằng cuộc pháo kích 1.000 trái hôm 9/4. Hiền về nhà mới biết ở nhà dự tính đi. Chờ mấy ngày vẫn chưa thấy gì, Hiền sốt ruột khi thấy hạn đi phép đã hết. Lúc này trận đánh Long Khánh đã được báo chí nhắc nhở nhiều. Biết về nhà là bất hợp lệ, Hiền không dám đi ra ngoài.

Một hôm, Hiền đứng ở phía trong cửa, nghe có người gọi tên. Hiền quay lại thấy một bạn mặc thường phục ghé xe gắn máy sát vỉa hè, hỏi "Ê! Ở đây hả? Sao lại dù về được mấy hôm này?"

Câu hỏi trên là bình thường giữa bạn bè quen biết, nhưng lúc này làm Hiền chột dạ. Vụ đi phép bất hợp pháp làm Hiền nơm nớp. Hiền sợ bị quân cảnh bắt. Thanh niên

nói chuyện với Hiền cũng là quân nhân thuộc sư đoàn 18. Anh ta vừa ghé uống cà phê ở quán Thu Hương ngay bên cạnh nhà. Anh ta cho Hiền hay trong số những bạn quen biết có một chết và vài đứa bị thương. Sau vụ gặp gỡ này, Hiền ngại ló đầu ra ngoài.

"Nó cũng là lính mà ở Sài Gòn, sao cậu lại sợ nó?" tôi hỏi.

"Nó khác, mình khác, anh ơi," Hiền trả lời. "Nó không sợ bị bắt vì là bà con với tướng tư lệnh sư đoàn."

Trước Hiền, hai gia đình Tạ Mạnh Chuyền và Chu Bá Học đã tập trung về nhà chúng tôi. Là giáo sư trung học trước khi bị động viên, Chuyền là đại úy của Phòng Tổng Quản Trị thuộc Bộ Tổng Tham Mưu. Chuyền có nhiệm vụ quản trị quân số thương bệnh binh ở bệnh viện dã chiến 4 tại Bình Dương, cách Sài Gòn chừng 30 cây số. Trừ những ngày trực hoặc cấm trại, Chuyền vẫn hàng ngày về nhà buổi tối. Xuân Dung, vợ của Chuyền, là chị lớn nhất trong số bảy anh chị em trong nhà.

Anh chị Chuyền có ba con trai Tuấn, Việt, Cường, từ 5 tới 9 tuổi. Gia đình Học mới có Minh, con trai 9 tháng.

Tổng cộng ở nhà có 7 trẻ con. Vừa dịp các trường học đóng cửa, trẻ con vui sướng ra mặt vì được ở gần nhau. Không phải học bài, không biết tình hình nguy khốn, chúng hồn nhiên vui đùa, nghịch ngợm, chạy đuổi nhau, la hét um sùm.

"Trẻ con có nhau chúng càng thích. Mình thì hàng triệu vấn đề phải lo lắng. Lo đến nỗi ăn ngủ không được. Mỗi bữa chỉ có một chén cơm." Chuyền nói khi thấy chúng làm ồn ào quá.

Thành phố Saigon ban đêm vắng vẻ sau giờ giới nghiêm. Chỉ có tiếng đại bác hoặc hỏa tiễn nổ ì ầm ở xa xa. Có khi tiếng nổ gần hơn ở những vùng lân cận ven thủ đô. Những cuộc pháo kích, phản kích hoặc phi cơ oanh tạc ban đêm cho thấy gọng kìm của cộng quân dần dần xiết chặt quanh Sài Gòn. Thành phố này trong quá khứ đã bị cộng quân pháo kích lẻ tẻ nhiều lần. Loại hỏa tiễn 122 ly của cộng quân dễ di chuyển và cất dấu vẫn là mối đe dọa hãi hùng cho người dân thủ đô. Nỗi sợ sệt tăng thêm nhiều vào tháng 4.

"Dậy, dậy, anh! Pháo kích ở đâu nghe gần lắm, rung chuyển cả nhà," Trang đánh thức tôi, giọng nói đầy lo lắng.

"Ở xa mà..." tôi ngái ngủ nói, mắt còn lim dim.

"Xa mà sao rung cả nhà?" vợ tôi hoài nghi.

Quả thật, nhà có rung nhẹ theo những tiếng nổ lớn liên tiếp.

"Thôi, mình mang con xuống nhà đi. Ở trên này sợ lắm. Nó pháo kích chạy không kịp," Trang nói.

"Từ từ đã, em" tôi ngần ngừ.

"Em bế con Mai xuống đây. Anh lo hai đứa kia," Trang nhỏm dậy, sang phòng bên cạnh.

Thấy vợ đi, tôi dậy, bế con theo, xuống tầng dưới. Chúng tôi trải khăn ra sàn phòng khách. Trẻ con bế xuống, vẫn ngủ khò.

"Ở dưới này đỡ sợ hơn," Trang bảo.

"Thôi, cứ ngủ đi, đừng có lo," tôi trấn an vợ.

Nói vậy, nhưng tôi nghĩ bụng nó mà pháo kích trúng nhà thì ở tầng thứ nhì này cũng chưa chắc thoát. Hỏa tiễn hay đại bác có thể xuyên qua lớp bê tông nóc sân thượng xuống đến tầng thứ ba. Có pháo kích thật phải xuống hẳn tầng dưới cùng ở gần khu cầu thang, may ra mới đỡ nguy hiểm.

Tiếng nổ vẫn ầm ì ở đằng xa. Tiếng nổ lớn khác thường làm nhà cửa Sài Gòn rung chuyển vì kho bom Biên Hòa bị nổ đêm đó 14/4.

Vài ngày sau, 18/4, đài radar ở Phú Lâm bị tấn công. Máy bay lên oanh kích yểm trợ. Tiếng súng sát Sài Gòn nghe rõ trong đêm khuya về gần sáng.

Vừa sợ cộng quân pháo kích và đột kích, vừa lo không đi được, vừa tính đường đi, vừa sửa soạn các thứ để chạy, vợ chồng chúng tôi nhiều lúc mệt mỏi, tâm thần rã rời. Tôi nhiều ngày không kịp ăn sáng, đôi khi bỏ cả bữa trưa. Có ngày từ sáng đến ba giờ chiều mới kịp ăn. Tôi vẫn tiếp tục công việc ở sở, lại phải theo dõi sát tình hình, đi gặp bạn bè thường xuyên để trao đổi tin tức và bàn bạc, nhiều hôm chỉ về đến nhà vào giờ giới nghiêm.

Thiếu ăn, thiếu ngủ, vợ chồng chúng tôi phờ phạc. Trang, quá lo lắng, ít ăn, sụt bốn kí trong tuần lễ đầu của tháng tư. Tôi chỉ mất hai kí, nhưng đầu óc rối bời và nặng chĩu.

10

"Nghĩa Vụ...Sâu Đậm"

Tìm lối chạy thoát khỏi Việt Nam qua cửa ngõ cũa Mỹ vào tháng 4, 1975 giống như đuổi bắt đom đóm trong đêm tối. Thấy quanh mình nhiều đom đóm lập lòe, tưởng như dễ bắt được chúng. Thực tế không dễ như vậy. Trời tối mịt, đom đóm mới lóe sáng, vừa dơ tay vồ thì đốm sáng đã tắt và biến mất trong đêm tối. Tay chụp hụt vào quãng không là truyện thường.

Được các bạn Mỹ hứa hẹn và tận tình giúp đỡ, tôi vẫn phân vân, áy náy khi biết không có gì bảo đảm là mình sẽ đi thoát trước khi cộng quân tới Sài Gòn. Phil McCombs, trưởng văn phòng tại Sài Gòn của báo Washington Post, trong buổi gặp tôi hôm 31/3 để thảo luận lần đầu tiên về việc giúp tôi rời Việt Nam đã không biết giúp tôi rời nước bằng cách nào. Lúc ấy Mỹ chưa có chính sách nào về việc di tản người Việt, ngoại trừ vợ con của người Mỹ. Chủ bút báo Washington Post là Benjamin Bradlee ở Hoa Thịnh Đốn, nóng lòng muốn giúp nhân viên người Việt thoát

khỏi Việt Nam, đã gửi 25.000 Mỹ kim cho McCombs để tìm mọi phương tiện đưa nhân viên ra khỏi Việt Nam, kể cả việc kiếm thuyền, thuê máy bay riêng, hoặc hối lộ.(1)

Vì không biết chắc có đường đi, McCombs bảo tôi cứ lo phương tiện riêng để dự phòng. Tôi càng thêm bối rối khi chưa tìm được cách ra khỏi nước, không biết khi nào nên đi và cả nhà có cùng đi hay không. Với quyết tâm đi bằng mọi giá, tôi và gia đình đã dự trù hai mặt. Một mặt trông vào sự giúp đỡ của bạn bè Mỹ. Mặt khác tự túc kiếm thuyền để chuẩn bị đi.

Nhiều người Việt khi tìm đường chạy qua phía Mỹ cũng hoang mang như thế. Tình trạng này xảy ra, vì kế hoạch và những chuyến bay di tản của Mỹ được tiến hành bí mật. Ít ra là ba tuần lễ đầu của tháng 4. Chỉ vào tuần lễ chót, việc di tản người Việt mới được tiến hành kiểu kín kín hở hở. Tuy dễ dàng hơn, nhưng ít ai trước khi lên phi cơ dám tin chắc chuyến đi của mình sẽ an toàn, xuông xẻ. Mỹ không muốn tin tức di tản lọt ra ngoài ngay cả đối với những người mà Mỹ có ý giúp cho đi. Những người này thường chỉ được thông báo một vài giờ trước khi lên đường.

Phạm Trần, một trong những phóng viên thông thạo tin tức nhất của làng báo Việt Nam, chỉ được biết giờ lên đường lúc trở về sau khi đi uống bia với các đồng nghiệp ở Ngã Sáu Sài Gòn. Làm cho đài phát thanh Tiếng Nói Hoa Kỳ, và viết bài cho một số tờ báo Việt ngữ ở Sài Gòn trong đó có Dân Chủ, Phạm Trần chiều 27/4 mới được bảo lên Tân Sơn Nhứt để di tản.

Mỹ giữ bí mật những tin tức về đi tản vì sợ hỗn loạn, như đã từng xảy ra tại Đà Nẵng.

Bắt đom đóm khó là vì trời tối. Người Việt bị màn bí mật che kín, chỉ nhìn thấy đường đi của Mỹ như những đốm sáng lập lòe rồi tắt ngúm, mất hút trong bóng tối. Họ không biết chạy đường nào, xin ở đâu, giấy tờ nào phải làm.

Mỹ giữ bí mật việc di tản vì nhiều lý do.

Trước hết chính phủ Việt Nam vẫn cấm xuất ngoại và không ngần ngại chặn bắt những người nào trốn ra nước ngoài mà không có giấy phép. Đã có những chuyến tàu, thuyền bị chặn bắt trong lúc toan tính trốn đi. Đã có chuyến phi cơ quân sự chở mấy chục người bay qua Tân Gia Ba bị gửi trả về nước. Công chức, quân nhân bị bắt có thể buộc tội đào nhiệm hoặc đào ngũ. Thủ Tướng Khiêm đã nói đào nhiệm sẽ bị nghiêm trị.

Thêm vào đó luật lệ di dân vào Mỹ rất khắt khe. Thủ tục giấy tờ xin nhập nội Mỹ vẫn còn khó khăn và rườm rà. Người Mỹ về nước không có gì khó khăn, và nhà cầm quyền Việt Nam không gây trở ngại. Nhưng đối với người Việt, việc rời nước là cả một vấn đề rắc rối về thủ tục, cũng như giấy tờ hợp lệ cho cả hai phía Việt, Mỹ. Ngay cả người Việt là vợ con của Mỹ cũng không được vào Mỹ dễ dàng vì không có quốc tịch Mỹ, hoặc không làm hôn thú. Trong những trường hợp đó muốn vào Mỹ, họ phải theo thủ tục di dân là xin được tạm dung, như vậy đòi hỏi nhiều thì giờ. Những người chồng Mỹ thấy vợ con Việt không được đi thì cũng nấn ná, chần chờ ở lại Việt Nam. Việc di tản người Mỹ cũng vì thế bị chậm trễ.

Trong việc di tản người Việt, giới chức thẩm quyền Mỹ còn bất đồng ý kiến. Có người không nồng nhiệt, không vội vã xúc tiến việc di tản. Người khác lại muốn đẩy

mạnh ngay việc di tản dù có phải vượt qua luật lệ của Việt Nam, Mỹ và cả nước khác để đưa người Việt ra khỏi nước. Ngay cả khi đã có quyết định cho người Việt di tản, viên chức Mỹ còn không đồng ý về thời điểm di tản, về việc sắp hạng ưu tiên cho những người được di tản. Người không muốn quân nhân, công chức đi sớm. Người khác thấy tình thế đã cấp bách, cho đi cả những người mà tính mạng không bị cộng sản đe dọa.

Đứng đầu những người không muốn xúc tiến sớm cuộc di tản là Đại sứ Graham Martin, Ông nhiệt tâm ủng hộ người Việt và hỗ trợ cuộc chiến đấu chống cộng, nhưng không muốn tiến hành sớm cuộc di tản cả người Mỹ lẫn người Việt. Ông chần chừ cho về nước cả những người Mỹ xét ra không cần thiết ở Việt Nam dù tình hình quân sự đã suy xụp mau lẹ. Ông cho rằng người Mỹ di tản khỏi Việt Nam sẽ làm người Việt nao núng tinh thần và đẩy mạnh Việt Nam mau xụp đổ hơn. Mặt khác ông tin rằng, nhờ cuộc thương lượng Mỹ và Liên Xô, Hà Nội sẽ bằng lòng cho cuộc di tản được tiến hành êm đẹp.

Khác với Đại sứ Martin, Thiếu Tướng Homer Smith, tùy viên quân sự Mỹ tại Việt Nam lại muốn tiến hành mau lẹ cuộc di tản. Văn Phòng Tùy Viên Quân Sự của ông (Defense Attache's Office, viết tắt là DAO) đặt tại Tân Sơn Nhứt ở chỗ trước kia là Bộ Tư Lệnh Viện Trợ Mỹ tại Sài Gòn.

Cuộc di tản khỏi Việt Nam khởi đầu bằng quyết định của Mỹ muốn giảm bớt số nhân viên người Mỹ tại Việt Nam khi tình tình trở nên đen tối. Sau khi Đà Nẵng mất, một số viên chức Mỹ cho rằng cần giảm những nhân viên

Mỹ không cần thiết và dự trù ngay kế hoạch di tản để ứng phó với tình thế.

Thấy việc di tản người Mỹ được tiến hành, một số viên chức Mỹ quen biết người Việt, hoặc có cảm tình với người Việt, thấy những người Việt này liên hệ với Mỹ có thể bị Việt Cộng trả thù vì đã cộng tác với Mỹ nên muốn giúp những người Việt này rời nước. Dưới quyền tướng Smith có Đại Tá William LeGro, trưởng phòng quân báo . LeGro thấy tại miền Trung một số sĩ quan Việt vì bận bịu lo lắng cho gia đình đã không chú tâm hẳn vào việc chiến trận, nên đề nghị với Đại sứ Martin cho vợ con các tướng tá Việt Nam được đi Phi Luật Tân ngay sau vụ mất Đà Nẵng. Đề nghị của ông không được Đại sứ Martin tán thành, vì sợ quan sĩ Việt Nam sẽ mất tinh thần thêm sau những vụ thất trận mới đây.(2)

Thấy việc di tản cả người Mỹ và người Việt đều tiến diễn chậm chạp, một nhóm người Mỹ tại Hoa Thịnh Đốn, có thiện cảm với Việt Nam và đang làm việc tại Bộ Ngoại Giao hoặc tại tòa Bạch Ốc, đã tìm cách vận động và thúc đẩy các giới chức cao cấp Mỹ ở Việt Nam cũng như ở thủ đô Mỹ cho di tản cả những người Việt từng làm việc với Mỹ ở Việt Nam. Đứng đầu nhóm này là Lionel Rosenblatt, phụ tá của Thứ Trưởng Ngoại Giao Mỹ Robert Ingersoll. Có người trong nhóm này có vợ Việt Nam nên cũng muốn giúp thân nhân người Việt được di tản. Ken Quinn là một trường hợp. Quinn làm tại Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ đã sắp xếp và đệ trình bản tin hàng ngày để Tổng Thống Ford đọc thấy ngay những tin tức nguy kịch về Việt Nam. Nhóm này đã liên lạc với mấy

người bạn ở tòa đại sứ tại Sài Gòn và được hai người cộng tác mật thiết là Lacy Wright và Shep Lowman.(3)

Một số người Mỹ đã vượt qua cả luật lệ để giúp đỡ người Việt ra đi. Nhờ vậy việc di tản người Việt đã được diễn tiến nhỏ giọt, từ từ tăng lên để rồi ồ ạt vào hạ tuần tháng 4.

Hồi đó những máy bay quân sự Mỹ đang ào ạt chở chiến cụ từ căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân sang cho Việt Nam. Nhân dịp những chuyến bay này khi về đều trống chỗ, Tướng Smith muốn cho những người Mỹ không cần thiết được về Mỹ, trước tiên là những người sắp tới hạn hồi hương. Ông đề nghị kế hoạch di tản đó lên Đô Đốc Noel Gayler, tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương. Được Đô Đốc Gayler tán đồng, tướng Smith cho thiết lập trung tâm di tản ngay tại khu DAO ở Tân Sơn Nhứt. Lúc đó lại đúng dịp có chương trình "Baby-lift" cho cô nhi Việt Nam đi Mỹ, ông liền cho hồi hương một số nhân viên người Mỹ làm việc tại văn phòng với danh nghĩa là đi theo săn sóc cho các em cô nhi. Chuyến bay đầu tiên chở cô nhi là loại phi cơ khổng lồ C-5A của Không Quân chở 226 em bé, cùng với 70 người Mỹ. Không may phi cơ bị rớt ít phút sau khi cất cánh khỏi Tân Sơn Nhứt, làm thiệt mạng 128 cô nhi, 39 nhân viên Mỹ cùng 11 nhân viên phi hành.(4)

Tai nạn xảy ra vào ngày 5 tháng 4. Cùng ngày đó ở Hoa Thịnh Đốn Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ nhóm họp bàn về tình hình Việt Nam. Hội Đồng đã chỉ thị cho Đại sứ Martin cùng Đô Đốc Gayler đến ngày 19/4 phải hoàn tất kế hoạch di tản và giảm bớt số nhân viên Mỹ ở Việt Nam xuống còn 1.100 người.

Tướng Smith sau đấy được cử diều hành kế hoạch di tản. Theo kế hoạch dự trù, có bốn cách di tản: máy bay dân sự, máy bay quân sự, tàu thủy và trực thăng. Tại Sài Gòn 28 tòa nhà thuộc tòa đại sứ Mỹ được chọn làm địa điểm di tản để xe buýt đến bốc đi. Trong số này 13 nhà có thể được trực thăng đáp xuống. Những nhà này được thay cửa và khóa đặc biệt để đám đông nếu tràn vào cũng không lên lầu trên được. Xe buýt được lót thép ở trong và được xe giả cảnh sát đi dẫn đường cùng hộ tống.(5)

Thấy chờ đợi giấy tờ hợp lệ mất nhiều ngày giờ, trong lúc tình hình đòi hỏi việc di tản được xúc tiến nhanh, tướng Richard Baughn, phó tùy viên quân sự Mỹ, đã vượt qua luật lệ cả Việt Nam lẫn Mỹ và Phi Luật Tân. Ông cho chở những người Việt vợ con của Mỹ bằng máy bay quân sự qua Phi Luật Tân mà không có giấy tờ nào hợp lệ. Chuyến bay đầu tiên loại này rời Tân Sơn Nhứt ngày 7/4. Mấy ngày sau Phi Luật Tân biết và phản đối vụ này với Mỹ. Khi hay tin, đại sứ Martin yêu cầu Ngũ Giác Đài cách chức tướng Baughn.(6)

Vào lúc Mỹ chưa có quyết định nào về việc di tản người Việt, một số người, trong đó có tôi, vẫn ngướng mắt về phía người Mỹ, coi đó là con đường thoát cho mình, song song với việc tiếp tục đi tìm thuyền. Họ sục sạo đường đi của Mỹ vì thấy có người sửa soạn đi Mỹ, vì nghe những tin đồn đại và vì đặt nhiều cao vọng vào phía Mỹ.

Tin đồn đại về vụ Mỹ cho đi tỵ nạn được loan truyền rộng rãi ở Sài Gòn.

"Cứ kiếm thuyền ra biển là tàu Mỹ sẽ vớt," tôi đã nghe nhiều bạn bè nói thế. Tin này dựa theo việc Mỹ có một số

tàu đang ở ngoài khơi Việt Nam. Đã có mấy tàu Mỹ chở nhiều người chạy thoát khỏi Đà Nẵng. Trước khi Đà Nẵng mất, Tổng Thống Ford đã ra lệnh phái thêm một đoàn tàu quân vận tới chở những người tỵ nạn ra khỏi thành phố đang lâm nguy. Nhưng tàu chưa kịp tới hải phận Việt Nam thì Đà Nẵng đã vào tay Việt Cộng. Những tàu này sau đó đã cùng một số tàu có sẵn ở Đà Nẵng cứu giúp một số người tỵ nạn ở miền Trung.

Đến khi Mỹ đưa tới vùng biển Việt Nam bốn hàng không mẫu hạm cùng đoàn tàu hộ tống, tin đồn càng tăng mạnh. Vụ điều động lực lượng hùng hậu này làm nhiều người Việt lên tinh thần. Một số người tin Mỹ có thể can thiệp trở lại Việt Nam để chặn đứng cuộc tấn công của cộng quân. Một số khác hy vọng tàu Mỹ sẽ giúp người Việt khi phải chạy ra biển. Tôi và bạn bè khi bàn truyện kiếm thuyền để chuẩn bị ra khỏi nước cũng nghĩ đến việc nhắm vào tàu Mỹ ở ngoài khơi.

Có tin đồn còn đi xa hơn nữa. Người bảo Mỹ sẽ đưa người Việt qua Phi Luật Tân hoặc mấy hòn đảo ở vùng Thái Bình Dương. Có người nói sang tận Honolulu của Hạ Uy Di. Tin đồn này lan tràn vì nhiều người Việt nhớ đến cuộc di cư năm 1954, trong đó một số đã từng đi từ bắc vào nam trên những chiếc tàu đổ bộ "há mồm" của Mỹ.

Cùng với tin đồn , còn có thêm vài tin tức hé lộ về việc di tản. Tôi rất vui mừng vào ngày 4 tháng 4 khi đọc thấy tin điện của hãng thông tấn UPI loan báo Bộ Ngoại Giao Mỹ đang cứu xét để cho khoảng một triệu người Việt được nhập nội mà không phải qua những thủ tục di dân thông thường. Theo tin này, người Việt có thể được cho vào Mỹ như trường hợp những người tỵ nạn Cuba, Hung Gia Lợi và

Tiệp Khắc trước kia. Tôi hy vọng tin này đúng việc đi Mỹ sẽ dễ dàng hơn.

Trong khi đó một số người Việt lại quýnh quít sửa soạn rời nước đi Mỹ. Họ là thân nhân của Mỹ, là vợ con của Mỹ, hoặc có liên hệ về hôn nhân. Thấy người nhà đi được, họ hàng, bạn hữu thêm nôn nóng, muốn chạy đến người Mỹ.

Như một đám đông ứ đọng vì nghẽn lối, thấy có người chui lọt qua kẽ hở, nhiều người khác cũng cố tìm kẽ hở ùa chui theo. Kẽ hở đã ít, có người chui qua dễ, có người lách không nổi. Có người được Mỹ giúp đi lọt. Người khác đi không thoát.

Từ tuần lễ thứ hai của tháng 4 trở đi, một vài bạn bè của tôi đã rủ nhau tới người Mỹ hoặc người ngoại quốc để thăm dò đường đi. Lê Đình Cự, bạn cùng lớp với tôi ở Cao Học Ngoại Giao, cùng chung ý định như tôi. Cự, người lanh lợi, giỏi giao thiệp, thông thạo ngoại ngữ, trong một buổi học, bảo tôi:

"Chúng mình thử gặp Lacy Wright xem anh ta có giúp mình được gì không."

Người gày ốm, gương mặt hiền lãnh, cử chỉ điềm đạm, Wright giảng dạy về môn ngoại giao hôm đó cho ban cao học. Chúng tôi chỉ biết sơ sơ Wright thuộc Phòng Chính Trị của tòa đại sứ Mỹ. Điều đó đủ làm chúng tôi nghĩ Wright có thể giúp chúng tôi tìm một lối thoát.

Cự và tôi sau giờ học lân la đến chuyện trò với Wright, đề cập tới tình hình thời sự, rồi ngỏ ý xin số điện thoại của Wright để khi cần có thể liên lạc. Wright vui vẻ cho danh thiếp, còn đặn thêm lúc nào ghé qua tòa đại sứ. Chúng tôi không bỏ lỡ cơ hội, xin hẹn ngày gặp.

Hôm Cự và tôi tới tòa đại sứ gặp Wright ngày 11/4, đúng sau lúc Tổng Thống Gerald Ford vừa đọc xong bài diễn văn trước lưỡng viện quốc hội Mỹ. Trước giờ gặp Wright, tôi đọc lướt mau bài diễn văn của Ford đọc trước lưỡng viện quốc hội Mỹ. Sáng hôm đó tại tòa báo tôi trông ngóng tin tức về vụ này. Khoảng 9 giờ sáng, Bùi Ngọc Dung, một nhân viên trong ban biên tập quốc ngoại của báo Dân Chủ, bước vào tòa soạn.

"Có bài diễn văn của ông Ford sắp đọc đây rồi," Dung hí hửng nói.

"Lấy đâu ra hay vậy?" tôi mừng rỡ hỏi Dung.

"Thế mới hay chứ!" Dung hãnh diện trả lời. "Hãng thông tấn đánh đi trước, dặn giữ lại chờ lúc ông Ford đọc mới được loan tin." Dung vừa làm việc cho Việt Tấn Xã, vừa làm cho báo Dân Chủ, nên Dung đã nhanh nhảu mang bản tin viễn ấn tới tòa báo.

Tôi chồm xin bản tin ở tay Dung, đọc lướt mau trước khi đưa ban biên tập quốc ngoại khai thác.

Trọng tâm của bài diễn văn là yêu cầu Bắc Việt đình chỉ các hoạt động quân sự tại miền Nam Việt Nam, thúc dục quốc hội khẩn cấp chấp thuận ngân khoản 722 triệu Mỹ kim về quân sự mà ông đã xin từ vài tháng qua. Ông nêu lên vài điểm mới quan trọng . Ông xin 250 triệu viện trợ kinh tế và nhân đạo cho Nam Việt Nam. Ông còn yêu cầu quốc hội minh định ngay những hạn chế về việc sử dụng quân lực ở Đông Nam Á vào mục đích giới hạn là bảo vệ sinh mạng của Mỹ bằng cuộc di tản nếu cần thiết. Ông cũng xin duyệt xét ngay luật lệ để bao gồm những người

Việt "mà chúng ta có nghĩa vụ đặc biệt, mà tính mạng của họ bị lâm nguy nếu trường hợp tệ hại nhất xảy ra." Ông nói rõ: "Tôi phải xét tới tình trạng an toàn của 6.000 người Mỹ tại Việt Nam và hàng chục ngàn người Việt Nam từng làm việc nhiều năm cho chính phủ Mỹ, cho các cơ quan báo chí, các nhà thầu và xí nghiệp, Sinh mạng của những người này và thân nhân họ đang lâm nguy. Hàng chục ngàn người Việt Nam khác là những nhà trí thức, giáo sư, nhà báo đã từng ủng hộ chính nghĩa Nam Việt Nam và là đồng minh với Hoa Kỳ. Đối với những người này chúng ta có nghĩa vụ tinh thần sâu đậm."

Ông đã yêu cầu quốc hội chấp thuận những điều trên đừng trễ quá ngày 19/4.

Đề tài bài diễn văn của Ford đã được bàn tới lúc tôi và Cự gặp Lacy Wright. Lúc đó chúng tôi không biết Wright chính là một trong mấy người quan trọng ở tòa đại sứ đảm trách phần vụ giúp những người Việt di tản. Wright cũng không cho chúng tôi biết. Wright sang Việt Nam từ năm 1969 và đã làm phó tổng lãnh sự tại Cần Thơ trước khi đổi về Sài Gòn. Wright bấy giờ là phó trưởng phòng quốc nội của phân bộ chính trị tại tòa đại sứ.

Trước ngày gặp Wright, Cự còn rủ tôi đến tòa đại sứ Úc. Từng du học ở Úc bốn năm trong kế hoạch Colombo, Cự có quen biết thêm vài nhân viên ở sứ quán Úc và coi đó như một ngả đường nữa để có thể đi.

Nguyễn Liên Lực, một bạn học cùng lớp Cao Học Ngoại Giao, cũng tìm lối đi qua người Mỹ. Từng là thiếu úy Lực Lượng Đặc Biệt, Lực cho biết có quen một nhân viên trong tòa đại sứ.

"Nghe mình điện thoại vào, mới cầm máy lên, anh ta hỏi ngay 'muốn xin giấy đi hả?'" Lực mỉm cười kể lại. Lực còn thạo tin hơn, báo cho chúng tôi biết có vụ Mỹ làm danh sách những người đi. và bảo tôi nên tiếp xúc với Wright.

Tôi mang vụ làm danh sách hỏi McCombs. McCombs bảo: "Có vụ làm danh sách, nhưng đừng nói với ai. Tôi đã đưa tên anh rồi. Mình có ưu tiên, nhưng không có gì chắc chắn. Anh vẫn cứ xúc tiến chương trình tìm thuyền đi." McCombs còn hỏi nhà tôi có bao nhiêu người. Tôi nhẩm tính rồi trả lời: 18 người. McCombs có vẻ ngài ngại, nhưng không nói gì.

Bố vợ tôi cũng nghe phong phanh ở sở về tin Mỹ làm danh sách di tản, và mỗi người chỉ được mang theo ba kí hành lý.

Vài ngày sau vợ tôi báo tin: "Huyền, con chị Loan, đã đi rồi, anh ạ. Mang cả con cái đi theo," Huyền là cô cháu họ mà tôi đã gặp vài lần. Trẻ, đẹp, Huyền lấy người chồng Mỹ dân sự.

"Còn con Bê nữa, anh nhớ không? Con bé xinh đẹp, kháu khỉnh, cháu bà Nhung cũng đi Phi rồi," vợ tôi cho thêm tin.

"Sao nó đi được?" tôi hỏi. Tôi nhớ con bé năm sáu tuổi, mặt mũi xinh xắn thường quấn quít bên bà nó. Bà của Bê là bạn với mẹ vợ tôi.

"Mẹ nó sau lấy một người Phi Luật Tân nên mang nó đi theo luôn," vợ tôi đáp.

Tuần sau vào ngày 17/4 tôi và Cự lại tới gặp Lacy Wright. Lần này Wright cho biết có khoảng 150.000 người

Việt được dự trù cho di tản. Nhưng Wright cũng nói không có gì bảo đảm là cuộc di tản được tiến hành xuông xẻ.

Tin đồn đại tràn lan, mà cuộc di tản cả Mỹ lẫn Việt lại diễn ra chậm chạp vì nhiều khó khăn và trở ngại kể trên. Cho tới giữa tháng 4 chỉ mới có 1.500 người Mỹ đi Clark Field ở Phi Luật Tân. Số người Việt còn ít hơn nữa vì không có giấy tờ.

Từ giữa tháng 4 trở đi, công cuộc di tản mới tiến hành dễ dàng đôi chút, nhờ luật lệ Mỹ được nới lỏng hơn.

Trước người Việt muốn theo thân nhân vào Mỹ phải xin tạm dung. Nay không cần tạm dung, chỉ cần có hôn thú hoặc giấy khai sinh có tên người Mỹ là đủ để xin vào Mỹ. Do việc nới lỏng này, một số người Việt đã xin người Mỹ làm giấy hôn thú giả, hay hôn thú hờ, để ra khỏi nước.

Sau Bộ Tư Pháp Mỹ, theo chỉ thị của Tổng Thống Ford, còn nới rộng hơn nữa, cho người Việt không có thân nhân Mỹ cũng được vào Mỹ bằng cách xin nhập nội nếu có người bảo trợ. Với quyết định này, có người Mỹ ký giấy bảo trợ là người Việt có thể xin đi Mỹ.

Tiếp theo, Mỹ nới lỏng thêm nữa là chỉ cần giấy nhận trợ giúp là đủ. Với loại giấy trợ giúp này, người Mỹ nào cũng có thể ký được. Vì vậy DAO đã cho in sẵn những mẫu trợ giúp để ký cho những người Việt khi vụ di tản được xúc tiến mạnh. Có người Mỹ ký tới 80 tờ trợ giúp như vậy. Cũng do việc nới lỏng giấy tờ, một số người Việt quen biết người Mỹ đã "làm ăn" kiếm tiền bằng cách lập đường giây đưa người đi.(5)

Về phía Việt Nam, các giới chức Mỹ cũng vận động để nhà cầm quyền Việt Nam dễ dàng hơn trong việc cho người Việt rời nước. Trước hết, Bộ Nội Vụ đồng ý cấp giấy thông quá cho những người Việt có thân nhân Mỹ được rời nước, thay vì cấp giấy xuất ngoại. Bốn viên chức Bộ Nội Vụ được mời tới lập văn phòng ở DAO. Vì rất nhiều người Việt không đủ điều kiện để được Bộ Nội Vụ cho đi, người Mỹ, qua những hình thức mua chuộc và hối lộ, đã thu xếp để những chuyến di tản được tiến hành dễ dãi. Một trong những hình thức mua chuộc là hứa cho các gia đình những viên chức đó đi Mỹ. (6)

Phương thức mua chuộc và hối lộ cũng được mang áp dụng đối với quân cảnh, công an, cảnh sát và an ninh phi trường, để họ làm ngơ không gây khó khăn, ngăn chận những chuyến xe chở người ra phi cơ, trên đó có cả quân nhân đàn ông và thanh niên. Nhà cầm quyền Việt Nam vẫn không muốn để công chức, quân nhân đi. Ngay cả Đại Sứ Martin cũng vậy. Nếu những người này không được đi, nhiều gia đình Việt Nam chưa muốn đi. Mỹ đã trả 50.000 đô la cho an ninh phi trường để họ dễ dãi cho những người di tản. (7)

Nhờ luật lệ nới rộng của Mỹ, nhờ thu xếp với các giới chức Việt Nam, cuộc đi tản khởi đi mạnh từ hạ tuần tháng 4. Ngày 20/4 có khoảng 500 người được di tản. Sang ngày 21 có 1.500 người Việt ra đi. Hôm sau con số tăng lên 3.000 người.

Những người Việt là vợ con của Mỹ hoặc ngoại quốc mà không ở tuổi quân dịch, có thể được Mỹ giúp cho đi dễ hơn. Nhưng có gia đình lâm cảnh nan giải, khi con cái được đi mà cha mẹ không được đi. Người Việt vừa nặng tình cảm gia đình, vừa không muốn sống xa cách nhau, vừa sợ bị xé lẻ, sợ người đi được, người bị kẹt..

Nha sĩ Đặng Hiếu Điển đã qua nhiều ngày bối rối, khó xử lúc tìm đường đi vì đụng phải thủ tục giấy tờ và luật lệ chặt chẽ của Mỹ. Có hai con sinh đẻ tại Mỹ, Điển nuôi nhiều hy vọng cả gia đình có thể xin được đi Mỹ.

Điển đã từng du học tu nghiệp tại Mỹ trong hai năm từ 1967-69. Sang học được mấy tháng ở Lexington, nơi có những đồng cỏ nổi tiếng xanh mướt của tiểu bang Kentucky, Điển thấy mình lạnh lẽo, cô đơn, nên rủ vợ sang Mỹ. Vợ Điển ở Việt Nam lúc đó đã có bầu được sáu tháng. Phải mấy tháng mới xin được giấy tờ, vợ Điển đến Mỹ được hơn một tuần thì sinh hạ một bé gái vào năm 1968. Năm sau bà sinh thêm một bé trai.

Khi thấy tình hình Việt Nam lâm nguy, vợ chồng Điển tính ngay đến việc đi Mỹ sau vụ mất Ban Mê Thuột và Pleiku. "Chúng tôi đã từng có kinh nghiệm quá nhiều với Việt Cộng. Trong đại gia đình, có người bị Việt Cộng bắt, có người bị chôn sống. Chính anh Điển cũng bị kẹt ở vùng Việt Cộng chín năm tới năm 1954. Chúng tôi vì vậy thấy không thể ở với Việt Cộng được," bà Điển nói.

Có giấy khai sinh ở Mỹ của hai cháu nhỏ, vợ chồng Điển nộp đơn tại tòa lãnh sự Mỹ để xin chiếu khán cho cả nhà. Gia đình lúc này đã tăng thành sáu người. Để hỗ trợ thêm đơn xin vào Mỹ, gia đình Điển nhờ người anh rể là bác sĩ Trần Đình Đệ, cư ngụ tại Virginia, làm giấy bảo lãnh gửi về cho Điển.

"Tôi tới tòa đại sứ Mỹ ở đường Thống Nhất để xin chiếu khán. Lúc đó người đến nộp đơn, xếp hàng dài nối đuôi ra cả ngoài đường. Tôi chờ mãi mới vào được. Họ xét đơn, đồng ý cho hai đứa nhỏ đi vì chúng có quốc tịch Mỹ. Còn

mình họ không cho đi. Tôi bảo tôi có người anh báo tin đã gửi giấy bảo lãnh từ Mỹ về rồi. Họ lục tìm hồ sơ. Lục một hồi rồi bảo không thấy giấy tờ nào gửi về bảo lãnh. Mình cố trình bày trường hợp của mình, thì những người đứng sau cứ đẩy mình tới, thúc vào hông mình. Mình đâu có đứng lâu nói chuyện được, đành ra về."

Điển có phòng mạch chữa răng ở đường Công Lý, gần góc đường Hiền Vương. "Đa số khách của anh Điển là người Mỹ, nhờ tòa đại sứ Mỹ giới thiệu. Chỉ có một số ít là khách người Việt. Vào cuối tháng 3, tình hình đã xôn xao nhiều. Một ông Mỹ điện thoại đến xin hẹn chữa răng. Lúc ấy chúng tôi lo tìm đường đi, nên cũng không mấy hăm hở nhận bệnh nhân," bà Điển kể lại. "Thấy ông này mới tới khám thường niên mấy tháng trước đây, nên chúng tôi có ý thoái thác. Nhưng ông ta cứ năn nỉ, nói răng ông bị đau cần chữa gấp."

Lúc thân chủ tới, nha sĩ Điển vừa chữa răng, vừa kể truyện vụ xin đi Mỹ của gia đình. Khách Mỹ là nhân viên làm việc ở DAO, liền ngỏ ý sẵn sàng giúp gia đình Điển đi Mỹ. Vợ chồng Điển vui mừng, đón nhận hảo ý của người khách.

Người khách hỏi gia đình có mấy người. Đại gia đình vợ chồng Điển, gồm cả các anh chị em mấy chục người, ai cũng muốn đi hết. Bà Điển kể: "Mình không nỡ đi một mình, bỏ cha mẹ, anh chị em ở lại. Mình xin cho cả nhà đi theo. Người bạn Mỹ cho biết chỉ có thể giúp gia đình nhà mình mà thôi."

Vợ chồng Điển dùng dằng, bàn tính, rồi quyết định nhờ người Mỹ gửi hộ hai con nhỏ có khai sinh Mỹ đi trước, sang ở với bác sĩ Đệ. Vợ chồng Điển ở lại, tìm cách đi

cùng với thân nhân sau. Người bạn Mỹ cho biết không thể đưa hai cháu nhỏ đi được, nhưng sẽ giới thiệu cho một người Mỹ khác có thể làm được việc này. Lúc ấy Mỹ vừa có chương trình "baby-lift" chở những cô nhi Việt Nam qua Mỹ. Người bạn Mỹ muốn chứng tỏ thành tâm đưa hai cháu bé đi đến nơi đến chốn được an toàn, đã cho tên và cả số thẻ làm việc của người lo việc đưa hai cháu nhỏ đi.

Qua sự giới thiệu và thu xếp đó, bà Điển mang hai con nhỏ lên Tân Sơn Nhứt theo ngày giờ và địa điểm đã hẹn. "Tôi được dặn lên chờ ở một cổng nhỏ ở gần sân golf lối vào phi đạo. Đứng đợi mãi mà không thấy ông Mỹ tới. Đến khi nhìn thấy máy bay cất cánh, biết là lỡ chuyến đi, tôi liền ra về," bà Điển nhớ lại. "Ai dè, về tới nhà hôm đó thì nghe tin chuyến máy bay chở các em bé đi bị rớt. Trời ơi! Lúc ấy tôi rụng rời! Không biết nói sao! Nếu mình đưa con đi hôm đó thì..." Chuyến phi cơ chở các em cô nhi rớt ngày 5/4.

Ngày 15/4 một khách Mỹ khác cũng làm việc ở DAO đến chữa răng. Ông ta hỏi gia đình Điển có muốn rời Việt Nam thì sắp xếp hành lý sẵn, ông ta sẽ giúp đưa đi. Điển cũng xin cho đại gia đình đi theo, ông ta bảo không được, chỉ có vợ chồng và bốn con thôi. "Chúng tôi năn nỉ quá, ông ta cho thêm mẹ tôi và mẹ anh Điển," bà Điển nói tiếp. "Chúng tôi cũng cám ơn ông ta và không chịu đi khi thấy còn nhiều người khác trong nhà phải ở lại. Ông ta trợn tròn mắt nhìn chúng tôi, nói bao nhiêu người khác xin ông ta cho đi mà không được, còn chúng tôi thì từ chối."

Nhờ quen biết một số người Mỹ ở DAO, Điển vào đó tìm đường đi. Mấy ngày sau tình hình đã đổi khác. Vào đầu hạ tuần tháng 4, việc di tản được nới rộng và dễ dàng hơn. Điển xin những mẫu điền tên để về nhà làm sẵn. Điển cùng đại gia đình hơn 40 người vào được DAO. Vì đi quá đông trong một gia đình sợ không lọt, vợ chồng Điển chia làm hai, mỗi người đứng tên trong một danh sách. Đứng đầu mỗi danh sách là tên một em bé có khai sinh tại Mỹ. "Lúc ấy vợ chồng không dám đứng gần nhau, làm như không quen nhau. Chỉ sợ họ biết mình đi đông quá, không cho đi hết cả thì lôi thôi," bà Điển kể tiếp. Mọi truyện lần này êm thấm. Vợ chồng Điển và thân nhân rời Sài Gòn ngày 22/4.

11

Ngày Dài Thăm Thẳm

Anh em tòa soạn báo Dân Chủ quyết định nghỉ xả hơi ngày chủ nhật 20 tháng tư, sau sáu tuần lễ làm việc liên tục, tinh thần căng thẳng và mệt mỏi. Từ khi tình hình quân sự trở nên khẩn trương, báo Dân Chủ và nhiều báo khác không nghỉ ngày chủ nhật, mà tiếp tục ra hàng ngày.

Ngày nghỉ xả hơi bất ngờ trở thành ngày dài đằng đặc đối với tôi.

Biết tôi được nghỉ, vợ tôi nhanh nhảu bảo trẻ con:

"Hôm nay bố không đi làm. Bố sẽ đưa các con đi chơi."

Trẻ con hớn hở reo mừng. Tôi còn phân vân chưa biết cho chúng đi đâu, vợ tôi quay sang bảo:

"Tội nghiệp! Chúng nó bị giam hãm mấy tuần nay rồi. Anh cho chúng đi một tý rồi về."

Cũng bị ảnh hưởng của chiến sự sôi động, các cháu nhỏ không được đi chơi ngoài, mà chỉ luẩn quẩn trong nhà. Tôi đầu óc còn rối bù, lo theo dõi tình hình và bàn bạc với bạn bè để kiếm đường chạy, đâu có thì giờ đưa chúng đi. Đức

nghỉ học lớp mẫu giáo đã hai tuần. Trời nóng bức, chúng nhớ hồ tắm ở Câu Lạc Bộ Thể Thao. Phần muốn đền bù những ngày bỏ bê con cái, phần thấy chính mình cũng cần cho đầu óc thư dãn sau nhiều ngày lo nghĩ, tôi bảo các cháu:

"Rồi! Sáng nay bố cho đi Sở Thú. Chiều mẹ cho đi Cercle."

"Ừ, cho đi xem khỉ, xem voi, chúng thích đấy," vợ tôi tán đồng. Trẻ con mừng tíu tít.

"A ha, khỉ đánh đu," Đức, bốn tuổi háo hức ra mặt. Phương, con gái ba tuổi, dịu dàng hơn.

"Nửa giờ nữa. Bố đi công việc một chút. Bố về thì đi," tôi bảo các cháu.

Quay sang vợ, tôi nói: "Anh phải chạy qua báo Chính Luận, bảo họ đăng báo bán nhà thêm mấy ngày nữa. Hạn đăng báo sắp hết mà chưa thấy ai trả giá gì cả."

Chúng tôi đã cho đăng báo bán nhà ở mục Rao Vặt từ một tuần nay. Có cả chục người lại coi nhà, hỏi thăm giá cả, nhưng chưa có ai tỏ ra tha thiết lắm đến việc mua nhà. Mục Rao Vặt của báo Chính Luận từ mấy tuần nay có thêm nhiều khách. Chỗ đăng bán nhà, bán đồ đạc dài gấp đôi trước. Giá bán cũng hạ xuống. Nhiều nhà đề hẳn "Đại Hạ Giá." Có nhà đăng giá 100 triệu, nay hạ giá còn 35 triệu. Khi cho đăng báo bán nhà, vợ chồng tôi nghĩ nhà nằm ở mặt đường thuộc khu buôn bán tấp nập, lại có sẵn cửa hàng, có hy vọng bán được.

Tòa báo Chính Luận nằm trên đường Hai Bà Trưng, cách nhà tôi có ba khúc. Báo Chính Luận đã từ đường Võ Tánh rời về đây được vài năm. Mấy anh em Chính Luận thấy tôi đến liền bắt chuyện.

"Tình hình này Dân Chủ có định làm gì không?" anh Thái Lân, tổng thư ký, hỏi tôi.

"Chỉ chờ chết thôi, chứ biết làm gì bây giờ," tôi trả lời đùa dỡn.

"Dân Chủ nói thế thì hỏng rồi," Thái Lân đáp lại.

Tôi vừa cười xòa, vừa rút lui, khi nghĩ đến trẻ con đợi chờ ở nhà.

Thấy tôi về, trẻ con nhảy ra bám chặt lấy, đòi đi Sở Thú ngay.

Sở Thú buổi sáng chủ nhật hôm đó vẫn là thế giới vui thích và hấp dẫn của trẻ con. Các em tung tăng chạy nhảy trong nắng sáng, bên cạnh người lớn bước đi đủng đỉnh. Hai ba toán Hướng Đạo, đồng phục chỉnh tề, ngồi xếp vòng tròn trên nền cỏ, miệng ca hát vui tươi, tay vỗ nhịp nhàng. Khu chuồng khỉ vẫn có mãnh lực thu hút trẻ em, nên đông đảo người vây quanh, quần áo đủ màu sặc sỡ. Tôi dẫn hai cháu đi lại phía đó. Những con khỉ đu thoăn thoắt từ cành cây này qua cành khác, đuổi bắt nhau, đùa nghịch, vật lộn nhau, hoặc ôm ấp nhau làm nhiều trò vui nhộn.

Theo hai cháu đi quanh chuồng khỉ, tôi bất chợt gặp một khuôn mặt quen thuộc. Trái với những bộ mặt vui vẻ, tươi cười nhìn khỉ làm trò, khuôn mặt quen thuộc này lại nặng nét u sầu, tư lự trên tấm thân gày gò, khẳng khiu.

"Ồ, anh Thành! Anh xuống đây hồi nào?" tôi chào hỏi.

"Mình ở Đà Lạt chạy xuống hai tuần lễ rồi. Vợ chồng, con cái bỏ cả nhà cửa mà chạy. May còn chạy kịp trước khi nó tới," Thành trả lời.

Khổng Vĩnh Thành là nghị viên thị xã Đà Lạt, đã từng là Chủ Tịch Hội Đồng Thị Xã. Thành kể cho nghe vụ anh

chạy khỏi thành phố, đi theo binh sĩ và khóa sinh trường Võ Bị Liên Quân.

"Mình đâu có ngờ mất nhanh thế!" Thành than thở.

Tôi bùi ngùi, thông cảm tâm trạng của Thành. Anh vào Sở Thú không phải để tìm vui thích mà để khuây khỏa, quên đi phần nào nỗi bơ vơ, lạc lõng của người phải bỏ nhà, bỏ cửa mà chạy.

Tôi kéo hai cháu qua những chuồng gấu, cọp và voi. Tới mỗi nơi, chúng đều muốn la cà lâu hơn. Tôi phải dục dã, lôi chúng đi. Vừa ra khỏi khu súc vật, chúng vuột khỏi tay tôi, chạy thẳng đến chỗ có chơi máy bay nhỏ. Tôi lững thững bước, định chạy theo chúng thì vợ tôi xuất hiện ngay trước mặt, giọng hớt hải:

"Anh đi đâu tìm mãi không thấy? Chạy tìm anh mệt đứt hơi!' vợ tôi trách cứ.

"Ủa! Em biết anh ở trong này với trẻ con mà!" tôi trả lời.

"Anh về ngay," vợ tôi hổn hển nói tiếp. "McCombs điện thoại bảo đi tìm anh ngay, cần gặp anh liền ở văn phòng, Anh lấy xe đi trước đi. Em ở lại đây với các con. Chờ cậu Hiền đến thì lấy taxi về. Cậu Hiền cũng chạy đi tìm anh ở trong này." Tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Lúc đó là 11 giờ 10.

"Rồi. Anh đi ngay bây giờ. Em lấy taxi về nhé," tôi nhắc lại lời vợ.

Nói xong, tôi rảo bước chạy ra chỗ gửi xe. Chạy một đoạn ngắn, tôi đã thấy mệt. Phần vì không chạy quen. Phần vì phập phồng, thắc mắc. Chắc McCombs có tin gì gấp lắm? Tình hình khẩn trương chăng? Những câu hỏi này cứ lởn vởn trong đầu khi tôi lái xe trên đường Thống

Nhất ra đường Tự Do. Tìm được chỗ đậu xe sát Pagode, tôi nhảy bổ vào căn nhà 203 đường Tự Do, leo thang, vào phòng 16, nơi đặt văn phòng báo Washington Post. McCombs đang nói chuyện điện thoại, dơ tay ra bắt tay tôi.

"Xin anh đánh tên những người trong gia đình anh," McCombs bảo tôi ngay sau khi dứt điện thoại. "Và chuẩn bị để sẵn sàng đi vào lúc 12 giờ rưỡi."

Tôi liếc vội đồng hồ. Chỉ còn chừng một giờ nữa thôi. Tôi luýnh quýnh. Tim đập thùm thụp trong lồng ngực.

"Gia đình tôi có 18 người, tôi đã đưa danh sách cho anh từ trước," tôi bảo McCombs.

"Xin anh chỉ cho tên vợ con anh thôi," McCombs điềm đạm nói, không lộ vẽ ngạc nhiên.

Nghe McCombs nói, tôi nôn nao, nghĩ bụng: Chỉ có vợ con mình được đi! Mình ăn nói làm sao khi về nhà? Chắc chắn có rắc rối, khi chỉ có năm người đi. Đối với Mỹ, gia đình chỉ gồm những người liên hệ trực tiếp là vợ chồng và con cái. Đối với Việt Nam, gia đình là cả họ hàng, thân thích, từ ông bà cho tới chú bác, anh chị em, bên nội lẫn bên ngoại.

Tôi biết lúc này không phải là lúc tranh luận, hay xin xỏ, nên lấy giấy cho vào trục máy chữ ở bàn bên cạnh. Vừa băn khoăn về gia đình vợ, vừa bị thúc đẩy về thời giờ hạn hẹp, tôi lại ngó đồng hồ, rồi nói:

"Chỉ còn không đầy một giờ nữa?" tôi nói với McCombs.

"Xin lỗi. Tôi cũng không biết sớm hơn để thông báo cho anh," McCombs trả lời tôi.

Tôi gõ vào máy tên mình và tên vợ con mà lòng ngổn ngang, xao xuyến về vụ sắp lên đường.

Tôi đưa danh sách năm người cho McCombs. Cầm tờ giấy, McCombs dặn:

"Anh về sửa soạn ngay hành lý. Cứ ở nhà chờ tôi điện thoại. Nhớ chỉ mang những vật dụng cần thiết, mỗi người vài ba kí hành lý. Túi xách tốt hơn là va-li. Và đừng nói cho ai biết anh đi. Nhớ giữ bí mật. Nếu lộ, cả anh và tôi đều có thể bị liên lụy."

"Đồng ý. Tôi sẽ giữ kín," tôi đoan xác, rồi thắc mắc. "Chúng tôi đi đâu, anh biết không?"

"Tôi đang chờ tin tức," McCombs trả lời.

"Cám ơn anh lắm lắm. Tôi đi ngay đây," tôi vội vàng đáp, lật đật rời văn phòng.

Xuống đến đường, tôi mới biết mình để quên kính cận, nên quay trở lại. Tôi có thói quen bỏ kính ra khi đọc hoặc viết. Hơn bốn năm trước hôm đưa vợ vào nhà thương đẻ Đức, con đầu lòng, tôi cũng lập cập rời nhà. Đi được nửa đường mới biết không mang kính.

Tôi bước vào nhà, thấy mấy bạn bè khách khứa đang tụ họp chuyện trò ở ngay tầng dưới.

"Có tin tức gì không?" Lê Quang Tình vui vẻ hỏi khi thấy tôi.

Tôi vừa cười, vừa bắt tay chào mọi người, mà không trả lời thẳng câu hỏi. Tôi cười ngoài miệng, nhưng trong lòng đang xốn xang.

Cùng lúc đó Nguyễn Liên Lực, cùng lớp Cao Học Ngoại Giao, xuất hiện ở cửa. Tôi ra đón Lực và đứng nói chuyện ngay phía ngoài. Lực muốn trao đổi và biết thêm tin tức về việc tìm đường đi qua ngả người Mỹ.

"Bạn nhớ bám sát người Mỹ quen biết ở tòa đại sứ. Anh ta có thể giúp bạn được lắm," tôi nhắc Lực.

Tôi muốn bảo Lực tôi đã được Mỹ giúp và sắp đi bây giờ, nhưng tôi phải dằn miệng, không được nói vì McCombs đã dặn.

"Mình cũng cố. Nhưng điện thoại cho anh ta, ít khi gặp được," Lực trả lời.

"Muốn nói chuyện với bạn nhiều, nhưng xin bạn thứ lỗi, mình còn vài việc cần làm gấp. Lại có mấy bạn đang ở bên trong," tôi cáo lỗi với Lực.

Lực vừa đi, luật sư Đàm Quang Lâm kéo tôi ra một góc phòng, hỏi nhỏ:

"Anh em rủ nhau đi Vũng Tàu hôm nay hoặc ngày mai vì tình hình nguy lắm rồi. Bạn có đi với tụi tôi không?"

"Đi hôm nay hoặc ngày mai? Chắc chắn tôi không đi được. Đồng ý tình hình nguy kịch lắm rồi. Bạn nên đi đi," tôi đáp.

Lâm có vẻ muốn tôi đi cùng, nên thúc tôi trả lời. Tôi cũng muốn hé cho Lâm biết tôi đã có lối đi khác, nhưng nghĩ Lâm có biết cũng chẳng giúp ích gì cho anh. Lời McCombs dặn còn văng vẳng bên tai. Tôi chỉ nhắc Lâm là cứ xúc tiến việc đi càng sớm càng tốt. Rồi tôi cũng nại cớ vợ chồng tôi có việc phải đi gấp, xin hẹn Lâm khi khác.

Tôi nghĩ thầm cả Lâm và Lực, sau này biết tôi đi, sẽ giận lắm. Hai người có thể nghĩ "thằng cha đó trước lúc lên đường còn gặp mình mà không hề nói cho mình biết một tiếng. Tệ quá!" Tôi bảo bụng "bạn giận, mình đành chịu. Biết sao bây giờ!"

Khách vừa ra về, vợ tôi hỏi có tin tức gì của McCombs không. Tôi kéo vợ lên phòng trên lầu, báo tin:

"McCombs bảo mình phải sẵn sàng để đi lúc 12 giờ rưỡi. Em sửa soạn cho các con mặc quần áo đi. Để anh nói ông ngoại biết."

"Đi ngay hôm nay hả?" vợ tôi sửng sốt hỏi.

"Ừ, lát nữa đi, khoảng 12 rưỡi. Chỉ còn hơn nửa giờ nữa thôi. Em lo cho các con đi," tôi bảo vợ.

"Mình đi cả nhà chứ?" vợ tôi hỏi.

"Không. Chỉ có anh, em và các con mà thôi," tôi ngập ngừng nói.

"Ối! Đâu được! Em không đi..." vợ tôi òa khóc, vừa nghẹn ngào, vừa nói. "Bố mẹ không đi, cả nhà không đi. Em không đi đâu."

Tôi ôm lấy vợ, vỗ về, dìu ngồi xuống ghế, lúng túng trả lời:

"Anh đã xin cho cả nhà mà không được... Em thấy anh đánh danh sách hết mọi người trong nhà, đưa từ hai tuần trước mà... Nhưng họ chỉ cho vợ con đi. Mình đâu có làm gì được."

"Em không đi... Không đi đâu."" vợ tôi vẫn nức nở.

Nghe tiếng kêu khóc, mấy chị em vợ chạy tới, rồi mẹ vợ tôi. Biết truyện, ai nấy ngơ ngác, sợ sệt, không biết nói gì. Mọi người xúm lại quanh Trang. Mắt bắt đầu đỏ. Rồi tiếng xì xào hỏi nhau, bàn tán.

Quýnh quá, tôi cầu cứu nhà vợ.

"Hiền, gọi bố hộ anh một chút, mau lên," tôi nghĩ ông bố vợ có thể giúp giải quyết dễ hơn.

Bố vợ tôi vào phòng. Nghe biết vắn tắt sự việc, ông không nói gì.

Tôi lúng túng, không biết làm cách nào hơn để dỗ vợ, không biết giải thích thế nào để nhà vợ biết mình cũng muốn cả nhà đi cùng.

"Con đã xin cho cả nhà cùng đi, mà họ không cho. Họ chỉ cho vợ chồng con cái chúng con thôi... Mỹ coi gia đình là chỉ có vợ con... Con chẳng biết làm sao... Còn chừng nửa giờ nữa là phải đi. Trang không chịu đi một mình...muốn cả nhà đi cùng" tôi phân trần, lòng phiền muộn.

Bố vợ đăm chiêu, suy nghĩ, trong lúc người nhà ủ dột. Chỉ có tiếng Trang khóc lóc và tiếng mấy chị em xụt xịt. Không khí trong phòng nặng nề, sầu thảm. Trẻ con ngơ ngác nhìn người lớn.

Tôi luýnh quýnh không biết xử sự ra sao, không biết đi hay ở. Tôi nhìn sang bố vợ, biết ông đang cố đè nén nỗi âu lo trong lòng để cố tỏ ra bình tĩnh, khí phách. Vài phút sau, ông nhìn Trang rồi lên tiếng:

"Các con cứ đi trước đi. Trang cứ yên tâm đi. Bố và gia đình sẽ đi sau. Đã có thuyền của anh Yến."

"Không, không, con không đi," Trang rên rỉ.

"Gia đình cũng sẽ đi mà, em," tôi nói với vợ, phụ họa theo lời ông bố.

"Ai đi trước được thì đi. Đi được người nào hay người đó," bố vợ tôi nói thêm. "Cứ bịn rịn nhau quá, có khi kẹt cả nhà. Các con đi trước còn có thể cho tin tức, giúp người ở lại."

"Mình đã có sẵn thuyền của anh Yến. Bố còn có thể có đường đi ở sở nữa," tôi tiếp lời. "Nhưng rồi, để anh cố xin với McCombs lần nữa xem sao." Tôi nói để nhà vợ thấy rõ tôi cố làm hết sức.

Trang vẫn vùng vằng, khóc. Mặt mọi người đều thiểu não. Mặt vợ tôi trở nên nhợt nhạt, người mềm xèo, gần như lả đi. Mấy chị em vẫn ở bên Trang. Tôi đỡ vợ , đặt nằm xuống ghế dài.

"Hoc, Học, con xem hộ, chị có làm sao không?" mẹ vợ tôi hốt hoảng, bảo Học:

"Vâng, để con xem. Chắc chị xúc động, chứ không sao đâu," Học đáp.

"Có cần cho thuốc men gì không?" mẹ vợ tôi hỏi tiếp.

Học cầm tay vợ tôi bắt mạch. Mọi người chăm chú theo dõi, nét mặt lo lắng. Lo cho Trang, mà cũng hoang mang, bối rối cho cả gia đình.

"Để con chích cho chị một mũi thuốc, chị sẽ khỏe lại," Học nói sau khi chẩn mạch.

"Ừ, con lo cho chị," mẹ vợ tôi bảo Học.

Quang cảnh trong phòng càng xôn xao hơn, sợ sệt hơn.

Học đi lấy thuốc rồi trở lại chích cho Trang. Cả nhà yên lặng nhìn. Trang vẫn nằm rũ rượi.

Tiếng chuông điện thoại reo. McCombs dặn chuẩn bị đi phi trường Tân Sơn Nhứt. Khi tới nơi, hành lý cứ để trong thùng xe. Nếu gặp trở ngại, không vào được phi trường, thì đến bệnh viện Cơ Đốc của các giáo sĩ Tin Lành Mỹ ở Phú Nhuận. McCombs cho biết sẽ gọi lại để biết giờ có mặt ở phi trường.

Nhân dịp nói với McCombs, tôi xin cho cả đại gia đình đi cùng. Lúc tôi nói, mọi người lắng tai nghe. McCombs lịch sự bảo anh cũng rất muốn giúp, nhưng không thể làm gì hơn được.

Trở lại chỗ vợ nằm, tôi thông báo những điều McCombs vừa dặn. Trang còn nằm, vẻ mặt mệt nhọc, tóc lòa xòa. Mẹ và chị em vẫn xúm quanh, vỗ về, an ủi.

Tôi nhờ các cô em vợ thay quần áo cho ba cháu và chuẩn bị hành lý. Một chiếc va-li nhỏ được mang ra, cùng với hai túi xách. Tôi nhìn chỗ hành lý, thấy chiếc va-li, dù nhỏ, vẫn là to và dễ lộ liễu trong chuyến đi đặc biệt này, nên nhờ bỏ va-li đi và thay thế bằng túi nhỏ khác. Quần áo và vật dụng đựng trong ba túi: một túi tôi vẫn dùng khi đi chơi quần vợt, một túi xách tay của Hàng Không Việt Nam, và một túi vải nhỏ như túi xách tay học trò mà Khánh đã may sẵn cho mỗi nhà một cái.

Lát sau chuông điện thoại lại reo. Tôi hồi hộp cầm máy. McCombs nhắc lại về việc mang ít hành lý, và bảo chúng tôi có mặt ở Tân Sơn Nhứt lúc hai giờ. Lúc ấy đã gần một giờ trưa.

Tôi thông báo cho cả nhà biết giờ phải lên đường. Mọi người xốn xao. Mấy chị em đỡ Trang ngồi dậy, kéo áo, vuốt tóc hộ. Trang uể oải ngồi lên.

Đến lúc chia ly cảnh tượng thật não lòng. Nước mắt lại vòng quanh bên tiếng xụt xịt. Chia ly lúc thường đã buồn phiền. Chia ly trong hoàn cảnh rối ren, đầy bất trắc, càng gây thêm sầu muộn, lo lắng và sợ sệt. Cả người đi và người ở không biết có gặp lại nhau. Người đi chưa biết đi đâu. Người ở lại không chắc có đi thoát.

Không muốn kéo dài cảnh tượng mủi lòng lâu nữa, tôi dắt vợ đến trước mặt bố mẹ, nói vắn tắt:

"Đến giờ chúng con phải lên đường. Chúng con đi trước. Chúng con chắc chắn sẽ gặp lại bố mẹ, tất cả anh chị em và các cháu trong nhà sau..."

Nói đến đây, tôi cũng không cầm nổi xúc động, nghẹn lời trong nước mắt. Mọi người lớn trong nhà đều nhòe lệ. Tối cố trấn tĩnh, nói thêm: "Đi đến đâu, chúng con sẽ tin về để cả nhà biết."

Tôi bắt tay, ôm bố vợ, rồi lần lượt từ giã mọi người. Vợ tôi bịn rịn hơn nữa, vừa nức nở thêm, vừa nói với mẹ: "Con không muốn đi... Muốn đi với cả nhà..."

Trong lúc vợ tôi còn dùng dằng, như cố vớt vát những giây phút quyến luyến với người thân, tôi xách ba chiếc túi nằm sẵn ở sàn nhà, đi xuống cầu thang. Đến cửa, tôi để hai túi lại, xách một túi ra chiếc xe đậu sát vỉa hè trước nhà. Tôi mở thùng cho túi vào, cố làm bộ thản nhiên như không có truyện gì đặc biệt. Xe cộ vẫn qua lại tấp nập trên đường phố. Hai ba phút sau tôi lại xách túi ra. Tôi không muốn xách một lúc ba túi ra xe, sợ hàng xóm nghi ngờ.

Tôi trở lên nhắc vợ đã tới giờ phải đi.

"Con lấy kính dâm đeo vào, để người ta không thấy mắt mình khóc," mẹ vợ tôi bảo Trang, đôi mắt còn đỏ.

"Sao hôm nay cả nhà đều khóc?" Đức, bốn tuổi, hỏi. Câu hỏi hồn nhiên của Đức không được ai trả lời. Đức nhắc lại: "Sao cả nhà khóc?"

"Cả nhà khóc vì bị ông mắng," bố vợ tôi nói với cháu. Đức mặt vẫn ngơ ngác.

"Bây giờ, bố cho các con đi xem máy bay," tôi bảo Đức và Phương. Tay tôi kéo luôn hai cháu xuống cầu thang. Trước đây tôi đã có dịp đưa hai cháu lên phi trường một vài lần xem máy bay, và chúng rất ưa thích. Vợ tôi bế theo Mai, mới được chín tháng.

Bối rối, xúc động và vội vã, chúng tôi không có thì giờ ăn trưa. Tôi mở tủ lấy hai hộp sữa Foremost, loại một lít, mang đi.

"Đi ra xe, em cố bình tĩnh, đi như thường, kẻo hàng xóm biết," tôi nhắc vợ.

Chiếc xe của chúng tôi rời nhà giữa lúc trời nóng bỏng. Học ngồi lái chiếc Wolkswagen chạy theo sau. Cùng đi với Học còn có Tạ Mạnh Chuyền, người anh đồng hao. Hai người đồng ý đi theo để biết chúng tôi đi đâu. Nếu mọi việc trôi chảy, khi chúng tôi đi rồi, Chuyền sẽ lái chiếc xe của tôi về.

Lên xe, Trang ngồi im lặng, thỉnh thoảng thở dài, mắt chưa khô.

Tôi lái xe đi, mà lòng hồi hộp, bâng khuâng, có pha lẫn phần nào mặc cảm là mình như người ăn mảnh, ra đi không mang hết cả nhà đi được.

Xe chạy tới trạm kiểm soát ở lối vào phi trường, tôi dơ thẻ làm việc tại Phủ Tổng Thống, và nói có xe sau đi cùng. Cả hai xe được vào dễ dàng. Xe chạy vào khu phi trường dân sự. Tôi cho xe đậu sát phía tường bên tay mặt. Xuống xe tôi mới để ý thấy Đức, Phương mặc thêm áo ấm. Tôi bảo hai cháu cởi áo bỏ lại trong xe. Trời nắng chang chang, các cháu mặc áo ấm, sao tránh khỏi những thắc mắc của những cặp mắt tò mò, sắc sảo.

Khát và đói, tôi mở hộp sữa tu một hơi. Biết Đức và Phương cũng chưa ăn uống, vợ tôi bảo hai cháu uống sữa. Vì không có ly uống, hai cháu không chịu cầm hộp tu như tôi.

Đúng lúc đó, một chiếc xe xịch đến, đậu gần xe tôi. Từ trên xe, một người cao lớn bước xuống. Tôi thấy lòng

mình nhẹ nhõm khi nhận ra Tiến, một nhân viên văn phòng của báo Washington Post. Tiến đã làm việc với Washington Post từ mấy năm trước. Tôi không gặp anh từ một năm rưỡi nay, khi tôi thôi làm việc với Washington Post. Vợ con anh cũng xuống xe, xách theo những bị hành lý.

"Anh trông hộ gia đình tôi. Tôi còn phải về đón thêm người nữa," Tiến bảo tôi. giọng Nghệ An còn đặc sệt.

"Yên chí! Anh cứ đi đi," tôi trả lời.

Tôi quay sang bảo cả gia đình tôi và gia đình Tiến:

"Mình phải tản ra. Đừng đi cả nhóm với nhau. Ở đây công an và an ninh nhiều lắm. Họ sẽ dòm ngó."

Tôi nói với chị Tiến: " Chúng tôi vào trước. Chị và các cháu vào sau nhé"

Vào bên trong tòa nhà phi trường, tôi dặn vợ dẫn các cháu đi quanh quẩn gần đấy, xem những chỗ có trưng bày hình mẫu máy bay, hoặc la cà gần chỗ ăn uống. Tôi tách ra, đi tìm xem có người quen nào trong giới an ninh, quan thuế làm ở phi trường để hỏi chuyện. Mỗi lần lên đây tôi thường gặp một vài người.

Nhìn quanh không thấy ai quen, tôi đi loanh quanh ở khu phi cảng một hồi. Để lấp thời giờ trống rỗng, tôi thỉnh thoảng đứng lại đọc những tờ dán trên tấm bảng ở tường.

"Đi đón ai đây?" anh bạn làm ở quan thuế hỏi thăm, khi gặp tôi.

"A bạn, lên đón người nhà ở Rạch Giá về. Bạn có gì lạ?" tôi lại nói dối.

"Cũng vầy vậy. Tình hình sao?" người bạn hỏi tiếp.

"Các tỉnh thì bết lắm. Sài Gòn tới giờ chưa đến nỗi nào. Công việc của anh lúc này sao? Nhẹ nhàng chứ?" tôi hỏi lại.

"Đâu có nhẹ," anh đáp.

"Tôi tưởng lúc này ít người ra vào," tôi tiếp lời.

"Cũng phải kiểm soát và phải bắt chứ. Mới hôm qua khám một bà thấy 10 lượng vàng. Xoa sơ sơ cũng thấy mùi đô la rồi," anh nói rất thản nhiên. Tôi cười theo lời anh kể.

Trong lúc trò chuyện, tôi thấy Tiến ở phía xa. Cùng đi với Tiến có Bùi Thị Vui, nhân viên làm việc tại văn phòng Washington Post, và Huỳnh Thị Tâm, quản gia của McCombs. Ba người nữa, tôi không biết mặt, sau mới biết là chồng, con và em của Vui.

Tôi sốt ruột, trông ngóng bóng dáng của McCombs. Giờ hẹn đã qua lâu, McCombs vẫn chưa xuất hiện. Tôi thấp thỏm, bồn chồn, mắt thỉnh thoảng liếc những cửa ra vào. Tôi mong chờ McCombs như người đang đói nghiến ngấu, chỉ mong thức ăn mang tới.

Khoảng ba giờ McCombs mới đến. Tôi giữ ý, không dám nhảy xổ ra hỏi anh. Tôi tiếp tục nốt câu chuyện đang nói giữa chừng với người bạn trước khi rút đi để tìm McCombs. Tôi rảo quanh ở khu hành khách mà không thấy McCombs đâu. Gặp Tiến, tôi hỏi:

"Vừa thấy McCombs vào. Anh ta chạy đâu rồi?:"

"Anh ta vào phía trong, bảo lên tiệm ăn trên lầu," Tiến đáp.

Tôi bước lên tầng trên, đảo mắt nhìn một vòng khách ngồi trong tiệm. Thấy McCombs ở một chiếc bàn, tôi bước lại.

"Bao giờ chúng tôi đi?" tôi hỏi khẽ.

"Chưa có tin gì. Vẫn chờ. Cứ quanh quẩn ở đây!" McCombs trả lời, mặt không vui.

Tôi trở xuống tầng dưới. Trẻ con vẫn quấn quít gần mẹ. Trang vẫn ôm bé Mai.

"Đi máy bay. Con muốn đi máy bay," Đức nói với tôi.

"Đâu có đi máy bay. Mình đi đón cậu Nghĩa mà," tôi chột dạ, vội bảo con. Tôi nói như để cải chính nếu có người nào đứng gần đấy nghe thấy tưởng chúng tôi sắp đi đâu.

Nhớ cả nhà không ăn trưa, tôi bảo vợ: "Để anh lên mua cái gì cho em và các con. Trên lầu có thức ăn."

Tôi mang mấy chiếc pâté chaud xuống. Đức, Phương cầm ăn ngon lành. Trang cắn một miếng, vẻ uể oải, rồi đưa miếng bánh cho tôi.

"Em ăn đi," tôi dỗ dành. Mắt Trang lại hơi rươm rướm.

"Em làm vậy, người ta nhìn thấy, người ta nghi. Ở đây nhiều an ninh lắm đấy," tôi bảo vợ.

Gần ba rưỡi, tôi thấy David Greenway lững thững bước vào phi trường. Greenway, da dạm nắng, bước đi khoan thai. Anh là phóng viên của Washington Post đang đi nghỉ ở Thụy Sĩ thì được lệnh cấp tốc qua Việt Nam vào giữa tháng 3 để tăng cường cho McCombs khi chiến trận đột nhiên sôi động. Tôi tiến lại phía anh. Gặp tôi, anh nói ngay;

"Chuyến đi bị hoãn. Không có máy bay hôm nay."

"Bao giờ lại đi," tôi thắc mắc.

"Chúng tôi chưa biết,' anh lắc đầu, trả lời nhẹ nhàng.

Tôi dẫn Greenway lên chỗ McCombs. Tiến đã có mặt, ngồi cạnh McCombs. Chúng tôi hội ý với nhau. McCombs

bảo chúng tôi đi về. Có tin tức gì, anh sẽ thông báo cho biết. Anh cũng dặn gia đình tôi rời đây trước, chừng 10 phút sau là gia đình Tiến, sau cùng là gia đình Vui và Tâm.

Được báo tin trở về, vợ tôi bất ngờ tươi tỉnh hẳn lại.

Tôi đến bảo Học và Chuyền là không có chuyến đi hôm nay. Từ lúc ra phi trường, hai người đứng xa chúng tôi, làm như không quen biết nhau.

Trên đường về nhà, vợ tôi nói:

"Về rồi, em không đi nữa đâu."

"Thôi, em! Đừng có vớ vẩn! Bố mẹ, anh chị em sẽ đi sau. Mọi người rồi sẽ đi hết," tôi đáp.

"Anh cứ đi với ba con. Em ở lại. Mình đi một mình, cả nhà ở lại, em có cảm tưởng như mình là kẻ phản bội," vợ tôi nói, giọng có vẻ cương quyết hơn.

12

Chui Lủi

Chuyến đi hụt kéo dài thêm nỗi phập phồng, thấp thỏm trong lòng tôi, tăng cao cường độ nôn nóng, sốt ruột, và giam hãm gia đình tôi trong cảnh đợi chờ dài dằng dặc.

Từ lúc ở Tân Sơn Nhứt về, tôi cứ phân vân đoán mò. Mình sẽ được đi Phú Quốc? Thái Lan? Phi Luật Tân? Hay một hòn đảo nào ở vùng Thái Bình Dương? Tôi đã thắc mắc hỏi McCombs từ hôm qua. Anh trả lời không biết địa điểm tới, chỉ biết có máy bay đưa đi mà thôi.

Điều tôi yên tâm là được đi máy bay, một phương tiện rời nước an toàn nhất mà tôi hằng mong ước.

Vụ đi hụt, ngược lại, làm Trang vui mừng. Trang thấy thoải mái hơn, nét mặt nhẹ nhõm hơn, mắt khô hơn. Những cảm xúc u sầu, bột phát khi chia tay gia đình mà không chắc có gặp lại nhau, đã tạm thời dịu bớt khi Trang hay tin trở về nhà. Những ngày trước, Trang ước mong mau ra khỏi nước. Bây giờ đi hụt, Trang lại mừng rỡ!

Gia đình nhà vợ cũng ngạc nhiên khi thấy chúng tôi kéo về. Chuyện trò lại tíu tít, thăm hỏi. Chúng tôi kể lại truyện ở Tân Sơn Nhứt.

Có thì giờ, chúng tôi còn bàn bạc thêm. Chỗ này hai ba người ngồi thảo luận. Chỗ kia mấy chị em xúm lại thầm thì với nhau.

Nỗi nôn nao, bồn chồn, cùng với lo âu, sợ sệt vẫn âm thầm len lén trong lòng mỗi người. Gia đình nhà vợ tôi bề ngoài cố làm ra vẻ bình tĩnh, bên trong thực ra rất giao động và lo sợ khi thấy chúng tôi ra đi. Từ đầu tháng chúng tôi vẫn dự trù kế hoạch cả đại gia đình cùng đi với nhau khi di tản, dù bằng phương tiện nào. Nay thấy chỉ vợ chồng, con cái chúng tôi đi trước, nhà vợ tôi không khỏi bàng hoàng và cố đè nén nỗi âu lo đó.

Trước hoàn cảnh mới, chúng tôi duyệt xét lại kế hoạch tìm đường đi. Từ trước hai đường đi được tiến hành song song. Một đường bằng ghe thuyền, trông cậy vào việc kiếm thuyền và chuẩn bị của Trung Tá Hải Quân Chu Bá Yến. Một đường tìm kiếm lối đi qua phía của Mỹ. Trước đây vì mịt mù ít biết tin tức về phía Mỹ, chúng tôi nghiêng nhiều hơn đến giải pháp đi bằng thuyền dù đường này phiêu lưu và nguy hiểm. Nay thấy gia đình tôi được đi bằng đường của Mỹ, chúng tôi thấy phải đẩy mạnh việc tìm kiếm đường này cho đại gia đình. Bố vợ tôi bây giờ phải tích cực hơn trong việc tìm kiếm này. Từng làm việc cho Cơ Quan Viện Trợ Mỹ 18 năm, ông ở cương vị thuận lợi nhất trong gia đình để thăm dò và tìm đường đi.

Vụ muốn cả nhà đi cùng lại được nhắc nhở tới. Trang thỉnh thoảng vẫn bị dằn vặt về vụ bố mẹ, anh chị em còn ở lại. Mẹ vợ tôi phải nói: "Con đừng có vớ vẩn. Phải đi theo chồng con, chứ mình bố nó làm sao trông được ba đứa. Mẹ cấm con nói đến truyện đó nữa."

Gia đình xầm xì bàn tán. Người than Mỹ khó khăn, không cho đi hết cả nhà, mà lại cho đi có mấy người. Người khác bàn không xin được hết cả thì xin cho một hai người đi cùng. Người bảo cứ xin thử. Người nói ít hy vọng. Hai người được nhắc đến để xin đi thêm là Khánh và Khuê.

"Khánh đang có bầu năm tháng, xin cho em nó đi, chứ nếu phải đi thuyền nguy hiểm cho nó," bố vợ tôi đề nghị trước.

"Khánh đi phải có Học đi cùng, có gì Học còn săn sóc cho vợ con," Trang bảo.

"Thôi, xin cho con Khuê đi. Nó mong được đi nhất," Châu nói.

"Ừ, anh cố xin thử. Không được cả nhà, thì xin cho cô Khuê. Tội nghiệp, nó cần đi hơn," Trang nói.

Khuê là em út trong gia đình. Khuê có anh chàng đang học năm chót ngành kỹ sư ở Berkeley, California. Đầu tháng chàng viết thư về thăm, bảo Khuê chàng sẽ về dù nước có mất. Khuê vội biên thư trả lời "Anh đừng có về. Cứ đợi ở bên đó. Cả nhà sẽ tìm cách đi." Khuê sang thăm bố mẹ chàng thì được cho coi thư chàng viết về dặn bố mẹ nếu đi được thì mang Khuê đi theo vì "Khuê là đời con."

Câu chuyện bàn thảo cứ thế lang bang kéo dài cho mãi đến một giờ khuya.

Vừa hồi hộp, vừa bận tâm suy nghĩ nhiều thứ, tôi qua một đêm ngủ chập chờn không ngon giấc. Tôi thức dậy sớm như thường lệ để kịp bắt nghe buổi phát thanh của các đài BBC và VOA. Tình hình chiến sự tiếp tục đen tối. Trận

đánh dằng dai từ hơn 10 ngày qua ở Xuân Lộc, nơi được coi là điểm sáng chói nhất của quân đội Cộng Hòa trong việc chống trả lại cuộc tổng công kích kỳ này của cộng quân, vừa kết thúc bằng cuộc rút quân khỏi thành phố. Đài radar Phú Lâm ngay cửa ngõ vào Sài Gòn lại bị Việt Cộng tấn công. Áp lực của cộng quân vào vùng Sài Gòn ngày một gia tăng.

Tôi điện thoại ra tòa báo Dân Chủ vào lúc tám giờ sáng. Gặp Trần Trọng Thức, tôi nói "không được khỏe" nên nghỉ ở nhà hôm nay. Tôi nhờ Thức và Phan Thanh Tâm trông coi bài vở cẩn thận hộ, có gì cần thì điện thoại cho biết. Tôi thấy ngượng ngùng trong lòng khi phải nói dối, nhưng rồi tự an ủi "không còn cách nào khác."

Lát sau bạn học Nguyễn Liên Lực điện thoại rủ tôi đi ra ngoài. Tôi lại phải nói dối "bận việc lắm, không thể đi được." Đặt máy xuống, tôi nghĩ bụng bạn bè sẽ giận lắm khi biết mình rời Việt Nam mà không nói cho họ hay. Họ có thể bảo mình là xấu, là đểu. Làm sao được! Mình được dặn không cho người ngoài biết mà.

Ở nhà, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để lên đường, một khi được thông báo. Tôi trông ngóng điện thoại của McCombs. Để đường giây không bị bận khi McCombs gọi tới, tôi dặn cả nhà không dùng điện thoại khi không cần thiết. Cần gọi cho ai thì hết sức vắn tắt. Khi người ngoài gọi đến, tôi cố kết thúc câu chuyện mau lẹ, hoặc tìm cách thoái thác, kiếu từ. Trẻ con không được nhấc máy, khi có chuông reo.

Chờ gần hết buổi sáng vẫn không thấy McCombs gọi, tôi sốt ruột muốn quay số văn phòng báo Washington Post.

Biết tôi gọi McCombs, vợ tôi nhắc: "Nhớ xin thêm người nữa."

"Chuyện đó, em nói đi," tôi bảo Trang.

Thấy tôi gọi, McCombs bảo:

"Anh và gia đình cứ an tâm chờ và nghỉ ngơi. Tôi đang chờ tin, và khi có tin sẽ thông báo anh biết."

" Vợ tôi xin được nói với anh một chút được không?" tôi xin với McCombs.

Tôi đưa máy cho vợ. Trang nói chuyện, xin cho một em được đi theo.

Câu chuyện ngắn ngủi. Trang gác máy, thất vọng, nói với các em: "Không được."

Vụ xin đi thêm bằng máy bay thế là chấm dứt.

Tôi sốt ruột ngồi chờ, rồi nghĩ đến vụ đi thuyền. Tôi bàn với Trang và bố vợ.

"Vợ chồng Lâm đã nhiều lần bàn chuyện với mình về việc kiếm thuyền," tôi nói. "Dường như anh ta còn lúng túng, chưa tìm được thuyền. Mới mấy hôm trước anh ta than kiếm thuyền khó quá, chắc phải ở lại. Con nghĩ nếu gia đình đi thuyền, để anh ta thế chỗ của chúng con, anh ta cũng mừng và bằng lòng đóng tiền. Con cũng cảm thấy an lòng, giúp được bạn. Chúng con đã đóng tiền rồi, không đi, đâu có sao. Bố thử hỏi anh Yến xem. Con đề nghị vậy, chứ truyện để Lâm vào tùy ở nhà và anh Yến."

"Ừ, Lâm ngoan và tử tế, để bố nói với anh Yến," bố vợ tôi chậm rải trả lời.

Mỗi lần chuông điện thoại reo, lòng tôi lại hồi hộp. Đến trưa tôi buồn ngủ, mắt nhíp lại, mà cũng không dám chợp mắt.

Vào ngày tôi nôn nóng chờ đợi, lại có khách đến xem nhà. Bà mẹ vợ tôi tiếp khách hộ và đưa họ đi coi nhà. Đăng báo bán từ hơn tuần nay, nhà có khách lại coi, nhưng chưa ai trả giá. Hôm nay có bà trả giá 14 triệu. Lát sau một bà khác trả giá 16 triệu. Nhà được ước giá từ 20 tới 22 triệu trước khi có cuộc tấn công của cộng quân. Thấy có người mua vào lúc tình thế nghiêng ngả này, chúng tôi lại sắp lên đường, vợ chồng tôi nghĩ cứ bán quách đi, vớt vát được chút nào hay chút đó, tuy giá bị hạ. Trang có phần nào nuối tiếc căn nhà dọn về ở mới được trên một năm. Trang đã bỏ nhiều công sức để tân trang, lát gỗ quanh tường ở phòng khách, phòng ăn, sửa lại phòng ngủ và làm thêm phòng tắm ở trên.

Bà trả giá 16 triệu là người nhà của một đại tá làm việc tại Phủ Thủ Tướng. Ông vừa thôi việc tại đó sau khi Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm từ chức. Bà nói muốn kiếm một căn nhà để có thể mở cửa hàng buôn bán. Nhà ở số 277 Hai Bà Trưng, gần sát góc đường Hiền Vương, thuộc khu thị tứ. Nhà ba tầng, lầu đúc , dài 25 thước, ngang ba thước rưỡi, rất thuận tiện để ở và làm thương mại. Tầng dưới có cửa hàng, một phòng để làm việc hoặc tiếp khách, sân và bếp. Hai tầng trên có phòng khách, phòng ăn, bốn phòng ngủ và phòng tắm.

Bà mua nhà trở lại để đặt tiền vào buổi chiều. Tôi đang làm giấy biên nhận cho bà, McCombs gọi cho biết giờ lên đường. Tôi vội vàng thông báo cho vợ biết giờ đi. Tôi đã làm sẵn giấy ủy quyền để bố vợ tôi tiếp tục xúc tiến việc bán nhà. Lúc ký giấy, tôi áy náy nghĩ bụng mình bán nhà để lo bỏ chạy, trong lúc người khác cũng ở tình trạng cần chạy như mình lại nhào vô. (Sau này tôi mới thấy mình

cũng chẳng hơn gì. Điều tôi nghĩ vớt vát được thêm chút ít đã không được như dự tưởng. Phải mấy ngày sau bố vợ tôi mới làm xong thủ tục giấy tờ, và khi nhận tiền thì tình hình đã suy xụp mau lẹ. Giá đô la đã tăng vọt lên gần 10.000 đồng, và rất khó kiếm được chỗ để mua. Bố vợ tôi chỉ đổi được một số ít. Tiền Việt Nam còn lại một phần cho họ hàng ở lại, một phần đưa người nhà tiêu xài.)

McCombs gọi tôi vào lúc 4giờ chiều. Anh bảo tôi phải có mặt tại nhà thờ Đức Bà, đợi Tiến của báo Washington Post ở phía bưu điện vào 4giờ 45, để biết thêm chi tiết. Tôi được bảo cho đàn bà, trẻ con vào nhà thờ như giáo hữu đi đọc kinh cầu nguyện.

Trẻ con được mặc vội thêm quần áo. Mấy túi xách được soát lại. Gia đình tôi lại chia tay. Lần chia tay vẫn phảng phất ưu sầu, nhưng trầm lặng hơn. Xúc động lắng dịu hơn hôm trước, phần vì đã chuẩn bị tinh thần sau 24 giờ qua, phần khác không muốn khách mua nhà biết mình bán nhà để trốn chạy. Mẹ vợ tôi đang nói chuyện với bà khách, chỉ bước ra gần, hỏi thầm "Lại đi hả?" Vợ tôi gật đầu, ôm mẹ.

"Mai kia mình sẽ gặp nhau mà mẹ," tôi nói nhỏ, rồi kéo tay vợ. Tôi không muốn cảnh chia ly não lòng hôm qua tái diễn. Chúng tôi xuống cầu thang, những người khác trong gia đình đi theo. Chúng tôi từ giã nhau ở tầng dưới.

Xe tôi đến nhà thờ Đức Bà vào lúc 4giờ 48 phút. Nhìn một vòng không thấy Tiến, tôi đậu xe bên phía bưu điện. Vợ con vẫn ngồi trong xe, tôi xuống mua tờ báo, đứng giả bộ đọc trong lúc mắt thỉnh thoảng đảo quanh khu nhà thờ. Vài phút sau tôi thấy Tiến và David Greenway, phóng viên của Washington Post, đứng ở sân cỏ công trường

Kennedy trước cửa nhà thờ. Tôi từ từ đi lại. Hai người thấy tôi, nhưng không niềm nở chào đón, mà làm bộ như không quen biết. Tôi hiểu ý, vẫn bước lại gần. Tiến bảo nhỏ: "Cho vợ con vào trong nhà thờ như đi đọc kinh cầu nguyện, còn hành lý cứ để trong xe. Sẽ có xe đến đón. Khi đi, ai hỏi cũng không nói gì. Cùng lắm thì bảo đi Phú Quốc."

Tôi trở lại xe, đưa vợ con vào nhà thờ. Mấy gia đình của Tiến, Vui và Thúy là những nhân viên người Việt làm cho văn phòng Washington Post đã ở trong. Lác đác trong nhà thờ chỉ có mấy bà già khác có vẻ quỳ cầu nguyện thực sự. Tôi dặn vợ con cứ ở yên trong đó.

Tôi ra ngoài, đi một vòng quanh nhà thờ, có ý tìm xe đến đón. Chẳng thấy xe nào có vẻ chờ đợi, chỉ thấy chiếc xe quen thuộc của Washington Post đậu chỗ công trường Kennedy. McCombs mới tới, ngồi cạnh Greenway, cả hai như phơi nắng ở công trường.

Một người da trắng, mặc áo bốn túi, tay cầm tập bìa, xăm xăm bước từ phía đường Hàn Thuyên qua nhà thờ. Anh đi lại phía McCombs và Greenway, nét mặt hớn hở. Tôi nghĩ bụng "chắc nhân viên tòa đại sứ Mỹ." Ba người nói chuyện với nhau vài phút. Người mặc áo bốn túi tách rời, đi vòng trở lại phía nhà thờ. Greenway cũng bước sang nhà thờ, nhưng không đi theo người có áo bốn túi.

Vài phút sau bốn chiếc xe Hoa Kỳ lớn, mang bảng số ngoại giao, nối đuôi nhau từ đường Thống Nhất chạy tới, từ từ đậu lại bên hông nhà thờ. Greenway có Tiến đi theo vào nhà thờ. Tiến làm hiệu cho mấy gia đình đi ra.

Thấy người mặc áo bốn túi bước lại, tôi hỏi mau:

"Có xe lại đón chúng tôi?"

"Đúng," anh ta trả lời,

"Hành lý chúng tôi để trên xe," tôi tiếp lời.

"Cho lên, khi xe tới," anh đáp.

"Tôi lái xe lại đây, được không?" tôi hỏi.

"Được," anh nói.

Tôi chạy đi lấy xe, lái lại hông nhà thờ phía đường Hàn Thuyên.

Mấy gia đình kia đã lên những chiếc xe đầu. Gia đình tôi lên chiếc xe cuối. Vợ con lên xong, tôi lấy vội mấy túi xách ở sau xe mang sang chiếc xe Hoa Kỳ. Người tài xế mở thùng xe, phụ giúp tôi bỏ hành lý vào cho mau lẹ. Mấy người khách đi ở đường chắc lấy làm lạ khi thấy một đoàn xe Mỹ đậu cạnh nhà thờ, một số người Việt dắt díu nhau lên, trong lúc vài người khác lếch thếch bỏ hành lý vào xe. Có người đứng dương mắt nhìn. Người khác chạy xe gắn máy qua còn ngoái cổ lại.

Bốn chiếc xe Hoa Kỳ bám sát nhau, chạy ra đường Thống Nhất, rồi rẽ qua đường Pasteur. Một toán quay phim người Mỹ đứng ở góc đường chĩa máy quay khi đoàn xe chúng tôi đi qua. Sau tôi nghe nói đài truyền hình CBS có một khúc phim ngắn chiếu đoàn xe, kèm theo lời dẫn giải là xe chở gia đình báo chí di tản. Người mặc áo bốn túi chính là Brian Ellis, thông tín viên của CBS và cũng là người phụ trách chương trình di tản cho báo chí.

Đức có vẻ háo hức, tưởng được đi chơi, nhưng không thích xe lạ. Đức lải nhải nói:

"Con muốn đi xe bố. Đi xe bố."

"Xe này to hơn, đẹp hơn chứ. Ngoan, lát nữa bố cho đi máy bay," tôi bảo con.

Nghe nói được đi máy bay, Đức thích thú hỏi huyên thuyên. Vợ tôi, nét mặt u sầu, ngồi im lặng, lườm tôi. Tôi hiểu ý, sửa lại câu nói với Đức: "Mình lên phi trường đón cậu Nghĩa, lại được xem máy bay." Cũng như hôm trước, tôi lấy cớ đi đón Nghĩa, cậu em vợ đang học ở Đức, để giải thích cho con khi lên phi trường.

Chúng tôi tới khu Văn Phòng Tùy Viên Quân Sự của Mỹ, gọi tắt là DAO, ở Tân Sơn Nhứt mười phút trước sáu giờ chiều. Khu này gồm nhiều ngôi nhà tiền chế khang trang, làm bằng tôn, nằm trên những nền cỏ được cắt xén bằng phẳng, đều đặn, và được giữ gìn sạch sẽ. Một tấm bảng "Dodge City" cắm ở gần lề đường. Tấm biển làm tôi nhớ đến thành phố cao bồi nổi tiếng của Mỹ ở Kansas mà tôi đã có dịp đến thăm cùng phái đoàn báo chí quốc tế năm 1967. Đoàn xe đậu lại ở lề đường gần một căn nhà rộng lớn. Chúng tôi được bảo cứ ở xe chờ đợi.

Trời đã nhạt nắng. Gió nhè nhẹ mát. Ngồi mấy phút thấy buồn chán, tôi mở cửa xe khi thấy Tiến đã xuống xe đứng ở vệ đường. Chúng tôi thắc mắc hỏi nhau, rồi hỏi người tài xế, xem chờ bao lâu, và mình sẽ làm gì. Không tìm được trả lời thỏa đáng, chúng tôi chỉ được biết đại khái phải chờ đợi để làm giấy tờ.

Trẻ con ngồi xe sốt ruột cũng đòi xuống đường. Một số người xuống theo. Phong, con cô Vui, mới sáu tuổi mà lanh lợi, đã tò mò chạy lại bám cửa sổ nhìn vào bên trong căn nhà tôn to rộng. Bị mẹ gọi lại, Phong cho hay trong nhà có nhiều người. Chúng tôi từ từ đi sang để thăm dò, nhìn qua kẽ cửa hở của căn nhà, thấy có người lố nhố ngồi bên trong.

"Trời! Người ở trỏng đông như cá hộp!" Vui nói. "Tưởng mình được đi sớm, ai dè cũng có nhiều người đi."

Trong lúc chờ đợi ở gần căn nhà tôn, tôi đến chuyện trò với người tài xế. Khi được báo sửa soạn đi, tôi viết vội mảnh giấy nhỏ để nhờ anh mang về cho gia đình biết trường hợp chúng tôi lên đường. Lục soát trong túi áo còn 18.500$, tôi đưa tặng anh.

Chờ đợi tới gần tiếng đồng hồ, chúng tôi mới thấy có người Mỹ tới. Các chủ gia đình được dẫn vào căn nhà tôn. Bước vào, tôi ngạc nhiên thấy người ngồi đông chật trong lòng mông mênh của chiếc nhà tôn, mà phần đông là đàn bà và trẻ em. Tôi hiểu họ cũng đang chờ làm thủ tục để được di tản.

Đám người đi đông dộ lên hẳn từ hôm 20/4 khi Ngũ Giác Đài gửi thêm máy bay qua Việt Nam để di tản. Ngoài người Mỹ, số người Việt được đi lậu bắt đầu tăng mạnh. Sang ngày 21/4 các chuyến bay này được tiến hành liên tục 24 giờ. Hôm 21 có 1.500 người Việt rời Tân Sơn Nhứt, gấp ba lần ngày hôm trước. (1) Hôm sau số đó tăng lên 3.000. (2)

Cũng trong ngày 21 một số nhà báo làm cho các đài phát thanh do CIA bảo trợ như Tiếng Nói Nam Bộ, Gươm Thiêng Cứu Quốc, Mẹ Việt Nam bắt đầu được di tản ra Phú Quốc. Khoảng 1.000 người Việt đi ra Phú Quốc trong bốn ngày. (3)

Vào trong nhà tôn, chúng tôi được đưa tới bàn giấy có mấy người Mỹ ngồi làm việc, và được bảo điền tên, ngày sinh cùng liên hệ của những người trong gia đình vào mẫu giấy đã in sẵn. Tôi được đưa ký mấy tờ giấy, mà không

còn nhớ là loại giấy gì. Được bảo ký để đi là tôi ký, không cần đọc kỹ.

Khoảng 7 giờ 15 chúng tôi được bảo lên xe đi. Trời đã chập choạng tối. Tiếng máy liên lạc trên xe thông báo cho tài xế biết lệnh giới nghiêm đêm nay được áp dụng từ 8 giờ tối.

Xe chạy một đoạn ngắn rồi ngừng lại, cạnh hai chiếc xe buýt đã đậu sẵn. Chúng tôi chuyển sang xe buýt, mang theo hết hành lý.

Hai người Mỹ hướng dẫn lên xe. Trên xe đã có sẵn một số người. Chỉ người già, đàn bà và trẻ em được ngồi trên ghế. Đàn ông, thanh niên phải ngồi xệp xuống lối đi ở giữa, dồn lại phía sau xe. Một người Mỹ to lớn, cao tới thành trên cửa xe, đứng choán ngay lối lên xuống. Anh căn dặn hành khách không được nói gì hay làm gì khi có người hỏi. Anh sẽ lo trả lời mọi câu hỏi và đảm trách mọi việc. Có máy điện thoại cầm tay, anh thỉnh thoảng lại nói chuyện với chỗ khác. Tiếng anh xen lẫn tiếng nhiễu âm rè rè của máy.

Anh loan báo xe buýt chạy vào phi trường. Mới đi một đoạn, xe bị chặn lại.

"Giới nghiêm rồi. Không được đi đâu cả," tiếng nói lớn từ dưới đường vọng lên. Rồi ánh đèn pin loang loang chiếu ở dưới, quét qua cả lớp cửa kính xe..

Người Mỹ vẫn đứng ở cửa xe, nói với người ở dưới dất. Hai bên nói qua nói lại. Một đằng không cho đi. Một đằng cố giải thích. Người Mỹ dùng điện thoại nói chuyện với chỗ khác, trong lúc nhóm người dưới đất nói năng ồn ào với nhau..

Khách trên xe bắt đầu lao xao. Có tiếng xì xầm:

"Lính gác không cho đi."

"Có quân cảnh ở dưới."

Cùng lúc trên xe có tiếng bảo nhau: "Thanh niên, đàn ông cúi thấp xuống."

Đám đàn ông ngồi gần tôi cựa quậy. Người ngồi gục đầu, đặt hai tay trên đầu gối để che mặt. Có người được vợ đưa khăn cho, quấn lên đầu như kiểu của phụ nữ, chỉ để hở mũi, mắt. Có người lấy túi hành lý che lên trên. Nhiều bà làm theo, lấy những túi xách nhẹ che cho đám đàn ông.

Tôi ngồi phệt xuống sàn xe trước ghế ngồi của vợ con ngay từ lúc lên, khi thấy khoảng cách giữa hai hàng ghế đủ rộng và trẻ con thì nhỏ, chân chúng ngắn. Nghe nói cúi xuống, tôi nghiêng mình nép xuống thấp. Lòng tôi hồi hộp, nghĩ bụng nếu quân cảnh lên khám xe, lôi xuống, mọi việc hỏng hết. Nghĩ lúc bị bắt, chuyến đi thất bại, tôi thấy tim đập mạnh. Tôi cầu mong chiếc xe mau lăn bánh. Nhưng chiếc xe vẫn nằm ì đó. Mỹ Việt vẫn còn dằng co nhau, có lẽ chờ lệnh ở trên.

"Sao bố lại cúi xuống, hả bố, bố?" tiếng Đức lanh lảnh vượt trên tiếng thì thầm của những khuôn mặt bồn chồn, áy náy.

Vợ tôi làm hiệu cho con không được nói. Đã không im, Đức còn hỏi to hơn. Vợ tôi phải bịt miệng Đức, rồi bảo nhỏ: "Im! Không được nói gì hết."

Hai người Mỹ lúc nói chuyện với nhóm binh sĩ Việt Nam, lúc liên lạc điện thoại. Một người quay lại trấn an chúng tôi: "Đừng lo. Chúng tôi đang thu xếp với họ. Cứ yên tâm."

Cuộc điều đình kéo dài cả năm bảy phút, rồi xe lùi lại.

Có những tiếng xì xào:

"Nó không cho đi."

"Chết cha! Phải trở về."

"Giờ giới nghiêm, về biết đi đâu?"

Xe chạy một khúc, tôi nghe có người nói "Xe sang khu dân sự, tìm đường khác." Phần vì trời tối, phần vì ngồi thấp dưới lòng xe, tôi không biết xe chạy qua khu nào. Chỉ biết xe cứ chạy một tí, lại ngừng, hoặc để tìm lối hoặc qua trạm kiểm soát. Mỗi lần xe ngừng, tôi cũng như nhiều người khác lại thấp thỏm.

Chúng tôi chỉ thở phào, thấy lòng thật nhẹ nhõm khi nghe người Mỹ loan báo "Bây giờ êm rồi" sau khi xe rời trạm kiểm soát chót.

Tôi ngồi nhỏm hẳn lên. Nhìn trong đêm tối thấy bóng dáng mờ mờ của vài chiếc phi cơ ở xa, tôi sung sướng biết mình đã vào phía trong sân bay, tới khu gần phi đạo. Chiếc xe buýt ngừng hẳn, cách phi cơ đang đậu chừng mấy chục thước. Tôi ngồi thẳng người hơn, lòng nhẹ nhõm.

Hành khách ở xe buýt chạy trước lần lượt đi xuống và được chỉ lối lên máy bay. Xe tôi vẫn còn chờ. Bỗng có tiếng nói: "Quân cảnh. Đàn ông thấp xuống."

Tôi lại phập phồng.

"Nó đứng ngay cầu thang. Một người." tôi nghe tiếp.

"Làm sao đi được?" người khác hỏi.

"Không, quân cảnh Mỹ đấy mà!" người nữa đáp.

Tôi thấy lòng an tâm trở lại.

Vụ đưa những người di tản không có giấy tờ từ khu DAO ra tới cửa máy bay quả thật đã được Mỹ thu xếp trước với lực lượng an ninh, cảnh sát và quân cảnh Việt Nam ở phi trường. Mỹ hứa di tản cả gia đình họ và còn hối lộ thêm 50.000 mỹ kim để những người di tản được đi dễ dàng. Dù vậy vẫn có vài chuyến đi bị làm khó dễ. Đêm 20/4 Tướng Phan Phụng Tiên cùng một toán binh sĩ, cảnh sát và quân cảnh đã kéo tới bao vây chuyến máy bay có người di tản ở trên, và đòi bắt những người trong tuổi quân dịch. Hai bên đã hầm hè nhau. Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến Mỹ R.J. Delligati cho hay an ninh Mỹ ở trên phi cơ sẽ nổ súng nếu lính Việt Nam xông lên. Ông ta đồng thời báo cáo nội vụ cho Tướng Homer Smith, tùy viên quân sự Mỹ. Tướng Smith lát sau gọi lại bảo Delligati thông báo cho Tướng Tiên hay Tướng Nguyễn Khắc Bình đã cho phép phi cơ được cất cánh. Tiên hậm hực vẫy tay cho lính về. (4)

Vụ này xảy ra không đầy 24 giờ trước chuyến bay của chúng tôi.

Gia đình tôi sửa soạn rời xe buýt. Tay bế Mai, bé gái út 10 tháng, vợ tôi bảo: "Anh lo hai đứa kia. Chúng không biết lên máy bay. Có gì thì bỏ hành lý lại."

Tôi khoác hai túi nhỏ vào vai, choàng giây qua đầu. Một tay bế Phương, ba tuổi. Một tay vừa xách chiếc máy chữ, vừa dắt Đức. Chúng tôi lật đật leo những bậc thang để lên phi cơ.

Phi cơ đã nổ máy sẵn. Tiếng động cơ ào ào, lấn át cả tiếng nói.

Chiếc phi cơ chở chúng tôi hôm đó là loại vận tải quân sự, kiểu Lockheed C-141. Một số ghế đã được gỡ đi. Trên phi cơ có khoảng gần 100 người, trong đó có tới mấy chục người mặc quần áo màu sắc miền Thượng.

Lòng phi cơ rộng rãi và để trống. Một số người ngồi trên sàn phi cơ, cạnh những túi hành lý ngổn ngang. Mấy

hàng ghế vẫn để trống. Tôi bảo vợ con ngồi vào, gần với mấy gia đình nhân viên Washington Post.

Trong lúc đang loay hoay thu xếp chỗ, tôi quay lại gặp ngay khuôn mặt quen thuộc.

"Anh Hoàng! Mình đi cùng với nhau!" Đinh Hùng Cường vui vẻ gọi tôi.

"Bạn ở đâu, bây giờ mới thấy?" tôi hỏi Cường.

"Cường ngồi cùng xe buýt với anh mà, ngay sau anh," Cường trả lời.

Nói với nhau vài câu, chúng tôi ai nấy đi lo cho gia đình. Sau này định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn, gặp lại nhau, Cường mới cho tôi biết Cường nhìn thấy tôi ngay từ lúc tôi ở xe bước xuống gần căn nhà tôn để chờ làm giấy tờ.

"Thấy anh, Cường đâu dám ló mặt ra, mà ở trốn luôn trong nhà đó. Biết anh làm bên Phủ Tổng Thống, đi ra, nhỡ anh tóm cổ thì sao," Cường cười hề hề kể lại. "Đến lúc thấy anh lên xe buýt, mới biết anh cũng đi trốn như mình. Lên xe buýt, Cường ngồi ngay phía sau ghế của anh, thấy anh cũng cúi xụp dưới đất, thế là mình yên trí. Cường cũng dấu mặt, anh không để ý nên không thấy."

Cường là thiếu tá quận trưởng Thủ Thừa thuộc tỉnh Long An. Bị thương trong trận đánh nhau với Việt Cộng, Cường về nằm điều trị tại quân y viện Cộng Hòa. Cường có người Mỹ anh rể làm cho DAO. Thấy có những chuyến di tản, anh rể đặn Cường điện thoại mỗi buổi sáng để biết tình hình. Lúc vợ đi đẻ, Cường bận rộn lo cho vợ con nên quên lời dặn của anh rể. Khi gọi vào thì được bảo anh rể đã rời Việt Nam và sẽ trở lại trong mấy ngày nữa. Đến ngày hẹn 18/4 Cường gọi vào vẫn không thấy anh rể. Cường liền kể lể tình trạng của mình. Người Mỹ ở đầu

giây bấy giờ cho biết anh rể không trở lại Việt Nam nữa. Vì quen biết với anh rể của Cường, người Mỹ đồng ý giúp Cường. Ngày 21 Cường được gọi vào DAO và dặn mang theo ít đồ sơ sài. Cường hiểu ý, đưa luôn cả gia đình theo. Vợ Cường đẻ được 10 ngày, phải bồng con đi.

"Bước vào phòng người Mỹ, Cường toát mồ hôi lạnh. Đồ đạc, giấy tờ vứt bừa bãi. Bản đồ xé tan hoang. Mình thấy ngay là Mỹ bỏ đi...Người bạn Mỹ đưa gia đình Cường qua nhà bên cạnh làm giấy tờ. Thế là đi," Cường mau mắn kể truyện.

"Lúc rời xe buýt lên máy bay, Cường chỉ sợ bị bắt. Nhóm cảnh sát, quân cảnh ở phi trường đều quen mặt mình. Cường đã nhiều lần đưa vợ lên phi trường đi làm. Bà ấy làm tiếp viên hàng không cho Air Việt Nam mà."

Phi cơ bắt đầu lăn bánh lúc 8giờ 50. Trang ngồi ôm con, mặt ủ dột, mắt dươm dướm. Tôi ngồi bên cạnh, im lặng. Trẻ con mệt mỏi, đã ngoẹo đầu ngủ. Tôi nắm tay vợ, vỗ về. Trang rung người, khóc nức nở. Như cùng chung một giòng, nước mắt tôi cũng rỏ theo.

Tiếng động cơ rồ mạnh, phi cơ rung chuyển hơn, rồi cất cánh. Thân người chúng tôi cũng rung động mạnh hơn, nước mắt chảy mau hơn. Thế là hết thật! Rời xa đất nước thật! Tôi thấy mình như vừa đánh mất một cái gì quý giá lớn lao. Tôi đang rời bỏ quê hương và phần đất đã từng sinh sống 40 năm qua, và nghĩ bụng chắc sẽ không bao giờ được dịp trở lại. Hai mươi mốt năm trước, tôi cũng giã từ Hà Nội trong một chuyến bay tương tự để đi nam, và từ đấy cũng chưa được trở lại.

Tôi nghe nhiều tiếng xụt xịt khác. Liếc nhìn quanh, tôi thấy nhiều người cũng thút thít, hoặc lấy khăn chùi mắt.

Những cảm xúc giao động rộn rã trong lòng. Mấy tiếng đồng hồ trước, tôi náo nức khi được tin đi. Nay đi rồi, mình lại xao xuyến, thương nhớ.

Tôi nhìn qua cửa kính phi cơ, chỉ thấy một màu đen dày đặc. Chiếc phi cơ vẫn vù vù bay. Tôi không biết mình đi đâu, chỉ biết ra khỏi nước.

13

Dồn Dập

Bước vào hạ tuần tháng 4, Nam Việt Nam có những biến chuyển dồn dập về cả chính trị, quân sự cũng như di tản.

Về chính trị, Nam Việt Nam thay đổi ba người lãnh đạo trong vòng một tuần lễ. Về quân sự cộng quân xúc tiến mạnh việc điều quân để chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh đánh thẳng vào Sài Gòn. Thấy đại bác tầm xa của cộng quân được chuyển đến gần Sài Gòn, Mỹ sợ phi trường Tân Sơn Nhứt bị uy hiếp nên đẩy mạnh công cuộc di tản liên tục người Việt bằng những chuyến phi cơ chở người ra khỏi nước.

Ngày 21 Tổng Thống Thiệu tuyên bố từ chức. Thiệu từ chức vì áp lực của Mỹ muốn có một giải pháp thương thuyết để kết thúc chiến cuộc Việt Nam và để Mỹ có thể tiến hành cuộc di tản trong trật tự. Cộng sản từng tỏ ý không chịu thương thuyết khi nào Thiệu còn tại chức. Pháp cũng vận động để Đại Tướng Dương Văn Minh đóng giữ vai trò thương thuyết với Việt Cộng.

Thiệu chịu từ chức nhưng không muốn giao quyền cho Dương Văn Minh, với luận cứ làm như vậy là đi ngược lại hiến pháp. Thiệu liền triệu tập chính phủ và quốc hội vào dinh Độc Lập để loan báo quyết định từ chức, giao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương.

Trong bài diễn văn được trực tiếp truyền thanh và truyền hình, Thiệu nói ông từ chức để Mỹ viện trợ cho Việt Nam và mở đường cho cuộc thương thuyết. Thiệu đã kịch liệt chỉ trích Mỹ ép Nam Việt Nam phải ký hiệp định Ba Lê, và Mỹ đã bội hứa không can thiệp trực tiếp và mạnh mẽ trước cuộc tấn công của Bắc Việt. Thiệu nói Mỹ đã không giữ lời hứa, thật là bất công, vô nhân đạo, không đáng tín nhiệm. Nếu Mỹ viện trợ như đã hứa, Nam Việt Nam không sợ cộng sản.(1)

Thiệu cũng nói chính phủ Hương lên sẽ thúc đẩy Việt Cộng ngưng các hoạt động quân sự và tham gia hòa đàm.

Lên nhận chức, Hương kêu gọi ngưng bắn và thành lập Hội Đồng Hòa Hợp và Hòa Giải Dân Tộc gồm ba phe, nhưng lời kêu gọi của Hương bị Việt Cộng bác bỏ.

Hương, 71 tuổi, đã từng giữ chức thủ tướng, không được coi là lá bài để thương lượng với cộng sản, nhất là trong lúc cộng quân đang ở thế mạnh về quân sự với những chiến thắng trên các mặt trận. Hương chỉ là lá bài chuyển tiếp để chuẩn bị cho Đại Tướng Dương Văn Minh lên sau.

Cùng vào ngày Thiệu từ chức, Mỹ xúc tiến mạnh cuộc di tản người Việt khỏi Việt Nam. Hôm đó có 1.500 người Việt rời nước bằng máy bay, đông gấp ba lần số người đi hôm trước. Đinh Hùng Cường đi cùng chuyến máy bay với tôi hôm 21 còn nhớ anh tới phi trường Clark ở Phi Luật

Tân là một trong 3.100 người Việt đầu tiên tới căn cứ Mỹ. Hôm sau 22/4 số người đi tăng lên 3.000 người.(2)

Cũng trong ngày 22/4 Bộ Tư Pháp Mỹ loan báo miễn các hạn chế di dân vào Mỹ cho 130.000 người Việt. Trong số này có 50.000 người được vào Mỹ với tư cách là bị "nhiều nguy hiểm," nghĩa là được tới Mỹ với tư cách tỵ nạn chính trị mà không cần có giấy của người bảo trợ.

Với luật mới này, đại sứ Mỹ Martin cho lệnh di tản những thân nhân của các viên chức Việt Nam. Nhờ vậy người Việt xin đi theo đường của Mỹ được dễ dàng hơn.

Trung Tá Hoàng Song Liêm, trưởng phòng Tâm Lý Chiến sư đoàn 5 Không Quân, nghe phong thanh ở DAO có những chuyến bay chở người ra khỏi nước. Liêm đến DAO để thăm dò tình hình và tìm chỗ đi.

"Khu Tân Sơn Nhứt lúc này đã mọc thêm nhiều trạm gác hơn trước. Cơ quan nào cũng kiếm cớ Tân Sơn Nhứt thuộc diện địa của mình để đòi lập trạm kiểm soát, hoặc cho người đứng cạnh ở trạm kiểm soát. Cảnh sát cũng có người. Không Quân cũng có người. Tổng Tham Mưu cũng muốn đặt người," Liêm kể.

Đến DAO nói chuyện, Liêm được một trung tá Mỹ cho biết đang làm danh sách di tản cho Không Quân. Thoáng nhìn vào danh sách, Liêm thấy có tên một số phi công, bên cạnh có thêm ký hiệu máy bay như F-5, A-37, C-130. Chen giữa những tên phi công có tên những tướng lãnh của Không Quân. Trung tá Mỹ vui vẻ cho biết sẽ để tên Liêm vào.

Liêm đang nói chuyện với người Mỹ, một sĩ quan Không Quân Việt Nam bước vào. Ông này thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân sang làm danh sách di tản. Trung tá Mỹ hỏi

viên chức mới tới: "Cũng bạn anh hả?" Người kia lắc đầu. Thế là Liêm bị lọt khỏi danh sách.

Hụt đường này, Liêm tìm đường khác. Liêm có quen một cựu phi công Mỹ, từng là cố vấn cho Không Quân Việt Nam. Anh này đã giải ngũ, trở về Mỹ làm mục sư Tin Lành, rồi lại qua Việt Nam để truyền đạo. Có vài lần anh cần máy bay đi tỉnh, Liêm đã giúp anh.

Liêm tìm đến người bạn để thăm hỏi tình hình và xin giúp đỡ gia đình di tản bằng đường bay của Mỹ. Người bạn tỏ ý sẵn sàng giúp, nhưng nói: "Tôi chỉ được dành cho 20 chỗ, mà tôi còn bạn bè khác. Nhà anh có tám người, đông quá. Tôi sẽ dành cho anh ba chỗ. Tùy ý anh chọn ai trong nhà đi thì cho đi trước. Những người khác còn lại trong gia đình sẽ tìm cách xoay sở sau. Tôi nghĩ anh cũng có nhiều hy vọng."

Thấy gia đình chỉ được đi có ba người, Liêm phân vân không biết tính sao. Liêm xin bạn cứ viết giấy giới thiệu với DAO.

Liêm mặc quân phục chỉnh tề, lấy xe jeep có lính hộ tống đi theo, sang DAO vào trưa ngày 26/4, mang theo giấy giới thiệu của mục sư Mỹ. Liêm tìm đường đến chỗ cho di tản, đưa giấy giới thiệu để xin đi. Một đại uý Mỹ ân cần tiếp Liêm, rồi nói: "Xin lỗi Trung Tá, tôi rất muốn giúp Trung Tá, nhưng tiếc rằng tôi không còn quyền hạn nữa. Trong mấy ngày qua, tôi phụ trách việc này. Nhưng từ hôm nay có người khác thay tôi. Ông ta hiện không có mặt ở đây bây giờ. Trung Tá có thể trở lại lúc khác được không?"

Liêm buồn rầu ra về. Xe jeep mới lăn bánh, viên đại úy chạy vội ra, vẫy tay kêu :"Sir, Sir." Anh ta bước tới cho

biết người mới phụ trách vừa trở lại và ông ta bảo có thể giúp Liêm được.

Liêm trở vào văn phòng, gặp viên thiếu tá Mỹ. Người Mỹ bằng lòng giúp gia đình Liêm. Được biết gia đình Liêm có tám người và nhà ở ngay trong khu Tân Sơn Nhứt, thiếu tá Mỹ muốn đến xem cho biết chỗ. Liêm dẫn người Mỹ về nhà.

Được giới thiệu với gia đình Liêm, thiếu tá Mỹ bảo người nhà sắp xếp hành lý mỗi người một túi nhỏ. Trong lúc nói chuyện, người Mỹ ngắm nghía mấy món đồ trưng bày của Việt Nam ở phòng khách nhà Liêm. Thấy ông ta cầm con trâu bằng đồng đen lên ngắm nghía, Liêm vui vẻ đề nghị:

"Chúng tôi rất hân hạnh được tặng ông, nếu ông thích thứ gì, xin cứ lấy để làm kỷ niệm."

"Nếu tôi thích, tôi sẽ tìm mua," người Mỹ cám ơn, và lịch thiệp từ chối.

Thiếu Tá Mỹ sau đấy bất ngờ bảo Liêm:"Ông vào từ giã vợ con đi. Vợ con ông có thể lên đường ngay bây giờ."

Vợ và sáu con của Liêm, tuổi từ 7 tới 19, được đi vào DAO để lên máy bay rời Việt Nam ngay hôm 26. Liêm, sợ bị coi là đào ngũ, không muốn đi cùng gia đình.

Sang hạ tuần tháng 4, Lê Đình Cự nóng lòng rời Việt Nam và muốn liên lạc với Lacy Wright. Wright lúc đó cũng muốn được Cự giúp đỡ trong công tác di tản người Việt.

Sáng sớm ngày 23/4 Cự ngạc nhiên thấy một người Mỹ đến gõ cửa nhà Cự ở đường Nguyễn Du. Người Mỹ cho biết đến đón Cự đi gặp Wright. Cự theo người Mỹ lên xe.

Xe chạy đến đậu ở gần Bưu Điện cạnh một chiếc xe Ford màu đen. Người Mỹ chỉ cho Cự thấy Wright ngồi trong xe. Cự vào xe, Wright bảo Cự: "Tôi nhờ anh một công việc vì biết anh là người tin cậy được. Đây là danh sách có tên và địa chỉ một số người mà tôi nhờ anh tìm kiếm. Một người Mỹ đi cùng anh, nhưng anh ta chỉ ngồi ở xe. Anh vào tìm họ, báo cho biết họ được đi Mỹ. Xe sẽ chở họ tới địa điểm mà người Mỹ đi cùng anh biết. Anh dặn họ khi đi xe nếu có ai chặn lại hỏi thì không nói gì cả, để người Mỹ trả lời và lo liệu mọi việc."

Cự cảm thấy hồi hộp và thích thú với công việc. Theo danh sách đó, Cự đi tìm người, đưa họ ra xe. Xe chạy đến địa điểm tập trung ở đường Ngô Thời Nhiệm. Khi đủ số người dự trù, họ được xe buýt đến chở lên phi trường Tân Sơn Nhứt.

Trong mấy ngày liền, Cự hài lòng với công tác này vì có dịp giúp được nhiều người đi khỏi nước. Cự kể: "Có lần mình đến tìm địa chỉ ở đường Hồng Thập Tự, vào một đường hẻm ở quá phía dưới Bộ Y Tế. Mình gõ cửa hỏi người có tên trong danh sách. Ông ta ra mở cửa. Mình cho ông ta biết có giấy đi Mỹ, và mời ông sửa soạn mang hành lý đi. Ông ta ngạc nhiên hỏi mình là ai. Mình đưa điện tín có tên ông. Ông xin cho vợ và bốn con cùng đi. Mình bảo trong này chỉ có tên mình ông mà thôi. Nghe vậy, ông ngần ngừ không chịu đi. Vợ ông nghe nói, khóc òa lên, xin cho cả vợ con được đi theo. Mình thấy vậy động lòng quá, đồng ý để cả nhà họ đi. Ra xe, mình bảo họ chịu khó ngồi chật một chút vì không đủ chỗ. Đến địa điểm tập trung, họ vào chờ ở đấy, rồi xe buýt đến đón.

Có ai kiểm soát đâu. Sau này sang trại Chaffee, gặp lại mình, ông ta mừng rỡ cám ơn mãi."

Cũng nhờ sự giúp đỡ của Wright, Cự đưa được 27 người trong gia đình, họ hàng đi Mỹ qua những chuyến bay quân sự ở DAO.

Đến ngày 26/4 Wright cho biết công việc nhờ Cự làm đã hoàn tất, và đến lượt Cự lên đường. Cự được đưa lên Tân Sơn Nhứt, và đêm đó đáp máy bay qua Guam.

Lúc bước lên phi cơ ở Sài Gòn , tôi không biết mình đi đâu. Khi phi cơ đáp xuống phi trường, tôi hỏi mới biết mình tới Phi Luật Tân.

Ra khỏi nước rồi, tôi mới thấy cuộc di tản được Mỹ tổ chức quy mô. Lúc ở Tân Sơn Nhứt tôi đã ngạc nhiên thấy mấy trăm người đợi trong căn nhà tôn rộng lớn. Sáng sau tôi thấy mấy ngàn người đi lại đông đảo trong khu lều trại ở Clark bên Phi Luật Tân. Tôi thấy rõ ngay đường di tản của người Mỹ vừa an toàn, vừa được giúp đỡ có chỗ ăn, chỗ ở, không bị bơ vơ, lạc lõng. Buổi chiều đó, Don Oberdorfer, một phóng viên của báo Washington Post vừa từ Việt Nam bay qua, tới gặp tôi. Oberdorfer là phóng viên về ngoại giao ở Hoa Thịnh Đốn và được phái trở lại Việt Nam từ giữa tháng 3 vì tình hình biến động. Nhân dịp, tôi nhờ anh gửi hộ một điện tín báo tin cho gia đình biết chúng tôi ở Phi Luật Tân, và dặn bố vợ tôi "bám chặt lấy đường đi của Mỹ."

Bố vợ tôi, cũng như nhiều nhân viên Việt Nam khác ở sở, vào đầu hạ tuần tháng 4, chỉ biết phong phanh có danh sách để di tản, nhưng không được cho biết chắc mình và gia đình được đi, cũng như không biết khi nào đi. Cho tới

ngày 26 khi bạn tôi Lê Đình Cự đến báo tin lên đường đi Mỹ, gia đình tôi còn luýnh quýnh định nhờ Cự đưa Khánh đi hộ để sang gặp chúng tôi. Sau này gặp lại Cự ở trại Pendleton bên California, Cự làm chúng tôi phì cười khi nói: "Nhà đưa ra một bà bầu. Cự muốn giúp, nhưng đâu dám nhận." Nhà sợ nếu đi thuyền, Khánh không chịu nổi vì có bầu được năm sáu tháng.

Hôm đó cộng quân đã pháo kích lẻ tẻ vào Sài Gòn, cùng mở những trận đánh thăm dò ở những vùng ngoại ô thủ đô.

Ngày 27/4 bố vợ tôi được thông báo đưa gia đình đến sở để đi. Gia đình được bảo vào cổng sau của USAID. Tại cổng, nhân viên an ninh USAID xét giấy tờ từng người đi theo của mỗi gia đình. Gia đình nhà vợ tôi lúc ấy có 13 người, trong đó có hai người tại ngũ. Sợ người được đi, người bị chặn phải ở lại, có thể gây xúc động bất thường làm hỏng chuyến đi, bố vợ tôi bảo cả nhà điền tên vào giấy xong cứ ngồi trong xe chờ. Chờ thấy người soát giấy tờ là Mỹ quen biết, ông mới đưa cả nhà vào.

"Sao ông có hai người con sinh cùng một năm?" người Mỹ đọc trong tờ khai những người đi thấy tên Học và Chuyền cùng năm sinh liền hỏi.

"Hai đứa sinh cùng năm, vì tôi có hai bà," bố vợ tôi tủm tỉm trả lời.

"À, tôi hiểu," người Mỹ gật đầu, rồi cho qua.

Buổi trưa có năm chiếc xe buýt đến chở nhân viên USAID lên phi trường. Khi vào khu phi cảng, xe cũng bị quân cảnh và cảnh sát chặn lại hỏi, nhưng rồi cũng được đi. Chỉ những quân nhân và người trong hạn tuổi nhập ngũ là phập phồng, lo sợ. Một trung tá, chồng của nhân viên

USAID, vào lúc chót sợ bị bắt không lên xe đi, làm bà vợ khóc lóc, lo lắng mấy tuần lễ.

Qua một đêm chờ đợi ở phi trường, hôm sau gia đình được lên phi cơ. Chiều hôm đó Tân Sơn Nhứt bị máy bay Việt Cộng tới oanh tạc và bị pháo kích thêm sáng sớm hôm sau.

Với những chuyến đi bằng phi cơ, vụ đi bằng thuyền mà chúng tôi dự tính đã không thực hiện. Ba ngày sau ở Clark Field, tôi đã gặp Chu Bá Cáp, em của Chu Bá Yến. Cáp cho biết hai cụ, vợ con Yến, cùng hai cô em đã đi được qua Phi Luật Tân. Sau này Yến cho biết trong số những người chung tiền mua thuyền, mọi người đều đi được, hầu hết bằng máy bay Mỹ, trừ một người. Người bị kẹt là Đại Tá Trần Hữu Độ, cục phó Cục An Ninh Quân Đội. Yến nói: "Mình cố liên lạc với ông Độ vào ngày chót để bảo ông ấy vào Tân Sơn Nhứt, hoặc bảo ông ra chỗ thuyền đậu, nhưng không sao liên lạc được. Thuyền bỏ lại cho tụi đàn em, không biết họ làm gì."

Luật sư Lâm, sau khi tôi đi, đã đóng tiền để đi thuyền chung với gia đình nhà vợ tôi và gia đình Yến. Bố vợ tôi được USAID gọi đi gấp, đã không kịp thông báo cho Lâm. Cũng như những người khác ở trong nhóm, Lâm đóng tiền mà không được đi thuyền. Ngày 30/4 Lâm may mắn gặp được thuyền khác, đi ra xà lan, rồi hôm sau được tàu Mỹ cứu.

Khi việc di tản được nới rộng, thủ tục giấy tờ được giản dị, những người nào dễ ra vào Tân Sơn Nhứt có thể đưa người di tản không mấy khó khăn.

"Bấy giờ Mỹ cho đi dễ quá mà. Chỉ việc chở người đến DAO bỏ xuống. Họ vào trong làm giấy tờ là đi," một

thiếu tá tại Tổng Tham Mưu kể lại truyện ông đã chở mấy cô gái thuê nhà ở khu Lăng Cha Cả vào DAO để đi. "Thấy vậy, mình nghĩ đi lúc nào chả được. Cần gì vội. Đến ngày 28/4 phi trường bị pháo kích. Máy bay không xuống nữa. Rồi giới nghiêm. Chỉ còn trực thăng xuống. Vào không kịp." Ông bị kẹt lại với vợ và ba con. Ông phải đi học tập mấy năm rồi mới vượt biển qua Mỹ.

Một số người khác cũng có cơ hội đi, nhưng không muốn. Người không muốn bỏ cha mẹ lại Việt Nam. Người ngại ngùng trước tương lai bấp bênh ở xứ lạ, không biết ở đâu, làm gì để sống.

Một bà làm cho tòa đại sứ Mỹ, khi được yêu cầu ghi tên vào danh sách di tản, đã để tên vào danh sách đi sau cùng, trong lúc nhiều người khác muốn tên trong danh sách đi trước. Gần cuối tháng 4, bà cũng chần chừ, không xác nhận địa chỉ hoặc ghi địa chỉ của người nhà ở mặt lộ để Mỹ tiện cho xe đến đón đi. Người chồng giải thích: "Hồi đó vợ tui mới sanh được con trai đầu lòng, sanh sau vụ mất Ban Mê Thuột. Nghe nói có vụ Mỹ cho đi, ông nội thằng nhỏ bảo vợ chồng tui 'Tụi bay sang bên đó đẻ đứa khác. Để thằng cháu nội này ở nhà tao nuôi cho. Nó mới được một tháng, tụi mày chạy giặc đưa nó đi, nó sẽ chết. Hai đứa mày đi một mình thì có hy vọng sống.' Thấy ông già nói vậy, tụi tôi đâu còn muốn đi nữa. Hôm 29, thằng em tui là đại úy hải quân lấy xe jeep về đón cả nhà đi. Cũng không ai chịu lên xe đi. Thấy không ai đi, nó cũng ở lại theo. Ở lại Sài Gòn mất bảy năm, thấy khổ quá, chúng tôi mới rủ nhau kiếm thuyền vượt biển."

14

Tuyết Trắng

Sài Gòn rùng mình, rung động mạnh trong cơn hấp hối. Nét mặt hoảng hốt, sợ sệt hiện rõ trong lúc nguy kịch.

Hàng ngàn người chen lấn, xô đẩy nhau, cố tìm cách leo tường, đẩy cổng để vào tòa đại sứ Mỹ. Hàng trăm người chạy vội đến Tân Sơn Nhứt để tìm kiếm máy bay. Nhiều toán người khác hối hả tìm đường vào khu hải quân để mong xuống tàu chạy đi. Hàng trăm người nữa túa sang kho thương cảng bên Khánh Hội để kiếm tàu, thuyền ra khơi.

Bất chấp lệnh giới nghiêm suốt ngày đêm 24 giờ, người người đi lại đông đảo trên đường phố, hớt hải lo tìm đường chạy. Xe cộ bí lối vì những rào cản dựng lên ở nhiều đường.

Trong cảnh sợ hãi, hớt hải, "mạnh ai nấy chạy" như lời vài người nói, nhiều gia đình đã bị thất tán, mỗi người một ngả.

Có người chồng vội vã ra đi không kịp thông báo cho vợ con. Có người không kịp về nhà để mang gia đình, bố mẹ đi theo. Ngược lại, có người ở đơn vị tác chiến, khi nghe tin buông súng, đã lo tìm đường về Sài Gòn để đưa vợ con đi. Về nhà mới biết vợ con đã thoát khỏi Việt Nam, còn mình bị Việt Cộng bắt giữ và đi tù trong trại học tập cải tạo.

Một số người khác thoát đi được khi thấy nguy cấp, nhưng sau lại muốn quay về. Có người có sẵn tàu thuyền trong tay, yên trí có phương tiện ra đi, nhưng khi ra tới bến mới biết tàu đã khởi hành. Thuyền trưởng tàu Việt Nam Thương Tín cùng gia đình tới nơi thì tàu đã tách bến. Hạm trưởng chiếc soái hạm HQ 01 của Hải Quân không kịp đến khi tàu khởi hành.

Ngay trong Hải Quân, nơi nhiều người trông cậy để ra đi, vào lúc chót đã có phe tới chiếm Bộ Tư Lệnh và bảo các tàu quay trở lại.

Cuộc di tản bằng máy bay của Mỹ được bao người trông mong cũng có khó khăn và trục trặc. Người người chen lấn, chờ đợi mà không vào được tòa đại sứ Mỹ. Nhiều người khác tới điểm hẹn mà không có trực thăng hoặc xe buýt bốc đi.

Cảnh hoảng hốt, hỗn loạn khởi đầu mạnh từ sáng ngày 29/4 sau cuộc pháo kích nặng nề của cộng quân vào phi trường Tân Sơn Nhứt lúc sáng sớm. Hơn 300 trái đại bác và hỏa tiễn rơi xuống phi trường. Tiếng súng giao tranh nổ lẻ tẻ ở phía cầu xa lộ và vài vùng ngoại ô.

Tổng Thống Dương Văn Minh mới tuyên thệ nhậm chức chiều ngày 28 để thay thế Trần Văn Hương, tổng thống được bảy ngày. Minh mới giới thiệu tân chính phủ được

10 phút (1) thì phi trường Tân Sơn Nhứt bị năm máy bay A-37 đến ném bom. Hướng dẫn đoàn máy bay oanh tạc là trung úy phi công Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Thành Trung, người mới ba tuần trước đã oanh kích dinh Độc Lập của Tổng Thống Thiệu và sau đó đào ngũ theo Việt Cộng.

Minh lên nhận chức đã kêu gọi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ngưng bắn và thương thuyết để thành lập chính phủ hòa hợp hòa giải ba phe, nhưng lời kêu gọi không được đáp ứng. Cộng quân vẫn tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh đánh chiếm Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ hôm 27 với lực lượng lên tới 20 sư đoàn, chia làm năm quân đoàn, được hỗ trợ thêm bằng những trung đoàn pháo binh, thiết giáp, phòng không, đặc công.(2) Năm quân đoàn tiến theo năm trục lộ giao thông chính chạy về thủ đô miền Nam Việt Nam, nhắm đánh chiếm năm mục tiêu là sân bay Tân Sơn Nhứt, Bộ Tổng Tham Mưu, dinh Độc Lập, Biệt Khu Thủ Đô và Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia.(3)

Chống đỡ lại lực lượng trên, quân cộng hòa chỉ còn năm sư đoàn phòng thủ bên ngoài chu vi thành phố, cùng với những đơn vị cơ hữu trong Sài Gòn. Nhưng trên thực tế, lực lượng phòng thủ Sài Gòn đã tan rã. Các tướng lãnh tại Bộ Tổng Tham Mưu, đầu não của quân đội, đã bỏ đi gần hết từ hôm 29. Binh sĩ các nơi khác ở trong tình trạng hoang mang, thiếu tin tưởng, không biết làm sao trước tình thế nguy cấp.

Cuộc oanh tạc và pháo kích làm hư hại phi đạo, khiến cuộc di tản bằng máy bay có cánh trở nên nguy hiểm. Đại sứ Mỹ Martin cùng tướng Homer Smith đích thân ra xem xét tình trạng phi trường Tân Sơn Nhứt, rồi báo cáo và hội

ý với giới hữu trách dân sự và quân sự Mỹ ở Hoa Thịnh Đốn và Honolulu. Vào lúc 10 giờ 51, giờ Sài Gòn, ngày 29 Tổng Thống Ford quyết định và cho lệnh tiến hành cuộc di tản bằng trực thăng.(4)

Vào khoảng quá 11 giờ rưỡi ở Sài Gòn, Chuck Neil đang ngồi làm việc tại đài phát thanh quân đội Mỹ ở đường Hồng Thập Tự thì được một đại tá ở DAO điện thoại báo cho biết đi ngay tới tòa đại sứ Mỹ để được di tản. Neil liền thông báo cho các bạn Mỹ và một số nhân viên người Việt để chuẩn bị đi. Đây là đài phát thanh duy nhất của Mỹ ở Việt Nam nên được người Mỹ theo dõi. Một số người Việt ưa thích nhạc Mỹ cũng nghe đài này. Từ mấy tuần trước, Neil đã được bảo chọn sẵn một tín hiệu để thông báo cho người Mỹ biết khi có lệnh di tản. Có ý tìm bài hát nào thật phổ thông để người Mỹ nghe tới là nhận biết ngay được, Neil đã chọn bài *Tôi Mơ Tới Giáng Sinh Tuyết Trắng*, và liền sau bài hát là câu nói *Nhiệt độ ở Sài Gòn là 105 và đang tăng lên* để làm tín hiệu di tản. Neil đã cho thâu băng sẵn bài hát và câu nói trên.

Trước khi Neil và các bạn rời sở, Neil bỏ cuộn băng vào máy và làm sẵn chương trình để máy tự động cho chạy tín hiệu đó nhiều lần. Nghe bản hát này, người Mỹ ở Việt Nam và một số người Việt biết Sài Gòn lâm cơn hấp hối sắp trút hơi thở cuối cùng, và cuộc di tản đã bắt dầu.(5)

Cũng vào khoảng trưa đài phát thanh Sài Gòn loan báo chính phủ Vũ Văn Mẫu yêu cầu Mỹ rút hết nhân viên thuộc phái bộ quân sự Mỹ ra khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ.

Tân Sơn Nhứt: "Tướng Tá...ùa ra"

Trung Tá Không Quân Hoàng Song Liêm bị chặn lại khi đến cổng vào Bộ Tư Lệnh Không Quân sáng ngày 29/4.

"Trung Tá vào hay về tùy ý. Nhưng vào rồi, thì không được ra. Mà ra thì không được vào nữa. Hiện đã có lệnh cấm trại," người lính gác đứng bên rào cản, bảo Liêm.

Suy nghĩ một chút, Liêm tụt khỏi ghế sau chiếc Lambretta của người em chở tới, bước vào trại Phi Long. Căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhứt mới bị pháo kích nặng nề lúc sáng sớm. Chiều hôm trước căn cứ bị bốn máy bay địch thả bom. Nhà Liêm ở trong khu căn cứ, nhưng đêm vừa rồi, Liêm ngủ ở nhà bà mẹ bên ngoài. Vợ con Liêm đã được di tản khỏi Việt Nam ba ngày trước.

Vào gần đến Bộ Tư Lệnh Không Quân, Liêm ngạc nhiên thấy quanh đấy xe cộ đậu san sát, trong đó có tới chục chiếc xe có gắn sao ở bảng. "Một sao, hai sao, ba sao, đủ cả. Của Không Quân đã đành, mà còn cả của Bộ Binh nữa. Tưởng như các ông họp để đảo chánh. Chiếc trực thăng của ông Kỳ đậu một mình ở bãi đáp," Liêm kể truyện. "Khoảng 10 giờ ông Kỳ lững thững đi ra, đủng đỉnh bước lên trực thăng. Vài phút sau tướng tá ở trong ùa ra, kéo nhau lên xe đi."

Liêm và bạn, Trung Tá Bùi Hoàng Khải, vội nhảy lên xe jeep đi theo, tưởng các ông ấy có phi cơ để đi. Thấy đoàn xe chạy qua khu DAO của Mỹ, hai người quyết định quay xe lại tìm kiếm máy bay.

Hai sĩ quan thấy một chiếc phi cơ Dakota có phi công ở trên. Ghé lại, Liêm thấy phi công đang loay hoay thử máy mà không nổ. Sáng đó một số phi cơ khác ở phi trường cũng trong tình trạng tương tự, không sử dụng được, vì máy

hư hỏng, hoặc bị hư hại vì pháo kích. Có một vài chiếc mới cất cánh. Thấy có chiếc trực thăng Chinook bay xà xà qua, Liêm và Khải dơ tay vẫy.

"Người đứng cửa trực thăng xua tay theo hình chữ X, tỏ ý không còn chỗ để lên. Nhưng rồi trực thăng cũng xà xuống, cách đấy không xa. Một số người ào lên," Liêm nói. "Mình chạy tới, thảy chiếc túi xách và chiếc cặp Samsonite lên trước, rồi bám vào thành cửa trực thăng để leo lên. Chiếc trực thăng không chịu đáp hẳn xuống, mà là là gần mặt đất, chập chờn như chuồn chuồn, lúc nhích lên lúc xuống thấp. Có người tiếp tay kéo lên. mình cố gắng mà không leo nổi. Sợ trực thăng lên cao rồi mình đuối sức không bám nổi sẽ rớt, mình đành buông tay ngã bịch xuống đất. Nhìn ra đã thấy Khải nằm ở dưới đất rồi. Hai thằng lồm cồm bò dậy chạy vội đi kiếm phi cơ khác.

"Chạy một đoạn, thấy chiếc máy bay loại Rồng Thần Phun Lửa, có gắn liên thanh bắn tới 6.000 đạn một phút để yểm trợ quân dưới đất. Hai thằng chạy tới, thấy hai anh trung úy đang tháo gỡ súng gắn trên máy bay. Họ có vẻ niềm nở, như sẵn sàng cho mình đi.

"Mình nhảy lên phi cơ, mệt quá, nằm vật xuống, rồi không biết gì nữa. Không rõ mình bất tỉnh bao lâu. Chỉ biết tỉnh dậy khi nghe có tiếng ồn ào và nghe có người nói 'tội nghiệp ông trung tá.' Mình cũng thấy có bàn tay xoa vào đầu, vào mũi, vào cổ, vào ngực. Rồi ngửi thấy mùi dầu nóng. Lúc ấy mới thấy ê ẩm ở vai, ở người. Thì ra mình bị kiệt sức vì chạy và bị té. Lúc ở trực thăng rớt xuống, còn hăng máu không thấy đau. Bây giờ mới thấy thấm. Tuy đau, nhưng rồi cũng cố ngồi dậy."

Liêm thấy trên phi cơ có khoảng ba bốn chục người, phần lớn là quân nhân. Cấp bậc trung tá của Liêm là cao nhất.

Lúc phi cơ cất cánh rời phi trường, Liêm nhìn thấy một máy bay ở xa bị bốc cháy trên trời, có lẽ vì trúng hỏa tiễn tầm nhiệt của địch.

Máy bay lên cao. Liêm bước vào phòng hoa tiêu để chuyện trò.

"Giờ mình đi đâu đây, trung úy?" Liêm hỏi.

"Trung Tá muốn đi đâu?" viên trung úy hỏi lại.

Liêm nhủ thầm mình chỉ muốn hỏi cho biết, anh ta lại hỏi mình. Liêm đáp:

"Thôi mình đi Thái Lan đi."

Lúc đó Liêm nghĩ đi Thái an toàn hơn.

Phi công đồng ý đi Thái. Một lát sau anh ta tỏ vẻ ngần ngừ, cho biết không quen thuộc phi trường và địa thế ở Thái, rồi đề nghị đi Phú Quốc.

"Đi Phú Quốc cũng được," Liêm tán thành.

Liêm ra phía ngoài, ngồi nghỉ ngơi, rồi chợp mắt. Tỉnh dậy, Liêm nhìn đồng hồ. Bay đã hơn một tiếng mà chưa thấy Phú Quốc. Liêm sốt ruột trở lại phòng lái và được biết máy bay đã đổi hướng đi Côn Sơn. Liêm hài lòng vì biết Côn Sơn là nơi một số phi công di tản gia đình ra đó từ hôm trước.

Ngày 28 một số phi công đã lái máy bay rời Tân Sơn Nhứt đi Cần Thơ, Côn Sơn và qua cả Thái Lan nữa. Trước ngày đó ít phi công nào dám đi vì sợ bị coi là đào ngũ. Đến hôm 28, Khải bảo Liêm: "Từ nay kiếm được đường nào đi thì đi, không còn bị coi là đào ngũ nữa."

Máy bay đến Côn Sơn vào khoảng giữa buổi chiều, đáp xuống, bị quịu ngay ở cuối phi đạo. Bánh xe xuống không đều hai bên, phi cơ bị nghiêng lệch, chòng chành. Hành khách bị xô ngã sang bên, đè cả lên người ngồi phía bên kia. Chỉ có vài người bị thương nhẹ.

Phi trường Côn Sơn nhỏ, nhưng đã ngổn ngang nhiều máy bay khác nhau, đậu không theo hàng lối, trật tự. Trực thăng đông nhất, tới cả chục chiếc. Có cả Chinook và một vận tải cơ C-130. Phi công và vợ con tụ tập từng nhóm. Nhiều người có vẻ nhốn nháo, lo lắng không biết đi đâu. "Nhìn đám đông thấy ngay số người đông hơn sức chuyên chở của số máy bay hiện có," Liêm ước tính.

Người đông mà nhiều người không có đồ ăn thức uống. Mấy người dân sự Mỹ trong một cơ sở nhỏ ở phi trường biết người Việt có vẻ đói khát liền mang nước cô- ca và mấy thứ thực phẩm nhẹ ra mời. Nhìn mấy quân nhân dành dật, tranh nhau thức ăn, Liêm bảo họ đừng có hành động thô lỗ. Vài người không bằng lòng Liêm. Một trung úy phi công sừng sộ lại: "Giờ ai cũng như ai. Không ai có quyền nạt người khác. Muốn ăn thua đủ thì sẵn sàng. Nhất chín nhì bù, không sợ." Lúc hung hăng nói, anh ta để tay vào báng súng lục đeo ngang hông. Mấy người khác thấy không khí căng thẳng, liền can ngăn, kéo anh ta di chỗ khác. Lúc đi, anh còn hậm hực quay lại nói: "Tối nay sẽ xin cái cẳng."

Liêm và nhóm phi công cố tìm cách liên lạc với tàu Mỹ ở ngoài khơi mà không bắt được trúng tần số. Họ nhờ người Mỹ dùng máy trong sở để liên lạc với tàu Mỹ mà cũng không kết quả. Người Mỹ còn bảo người Việt dùng máy của họ để gọi mà cũng không được. Một người Mỹ

gợi ý phi công bay lên, rồi dùng tần số ở máy bay để bắt liên lạc. Làm theo đề nghị này, phi công được thông báo cứ bay ra phía đông biển vài chục cây số thì thấy tàu Mỹ.

Người đông, máy bay ít. Ai đi trước, ai đi sau? Đó là cả một vấn đề. Làm sao thu xếp ổn thỏa trong lúc nhiều tay có súng.

Một phi công lanh lợi, Trung Tá Tô Tiến Phát, tập hợp đám đông lại, dõng dạc đề nghị hạ sĩ quan và thân nhân gia đình được đi trước, sĩ quan cấp úy đi sau, rồi cấp tá đi sau hết. Phi cơ đưa người trước ra tàu, sẽ trở lại bốc người đi sau. Đề nghị này được vỗ tay tán thưởng.

Chiếc trực thăng đầu sửa soạn lên dường.

Vì Liêm chỉ đi có một mình, nên phi công dễ dàng mềm dẻo trong việc sắp xếp người lên máy bay cho đủ số. Số người lên máy bay thường quá số đã được quy định. Liêm muốn tìm Khải đi cùng, vì hai người khi ở Tân Sơn Nhứt đã đồng ý đi đâu cũng có nhau. Không tìm thấy Khải, Liêm nấn ná chờ chuyến khác. Chuyến sau đến, Khải vẫn mất hút. Chuyến thứ ba là chiếc Chinook. Chạy kiếm Khải nữa mà không thấy, Liêm đành lên máy bay, tự an ủi "quá tam ba bận, tìm không được, đành phải đi."

Ra biển, gặp một tàu Mỹ, chiếc Chinook xin đáp. Tàu Mỹ cho biết bãi đáp trên tàu quá nhỏ, chỉ đủ chổ cho trực thăng thường, Chinook lớn hơn không thể xuống được.

Trên trời lúc đó có nhiều trực thăng bay qua. Cuộc di tản bằng trực thăng Mỹ đang tiến hành. Thấy có chiếc Chinook khác bay qua, chiếc Chinook của Việt Nam liền bay theo. Nhìn chiếc Chinook của Mỹ đáp xuống tàu, Chinook của Việt Nam cũng xin xuống.

Bước khỏi Chinook xuống boong tàu, binh sĩ Việt Nam được yêu cầu giao nạp súng đạn và cho khám xét vũ khí trong mình. Một số được đưa xuống xà lan để sang tàu khác. Thủy thủ Mỹ kéo chiếc Chinook đẩy xuống biển.

"Đừng! Đừng! Chúng tôi còn một số người chờ ở Côn Sơn. Chúng tôi xin đổ xăng để bay về đón họ," phi công Việt Nam khẩn khoản.

"Không được. Chúng tôi cần ngay chỗ cho những Chinook khác sắp xuống. Họ đang chờ," sĩ quan Mỹ trả lời.

Trên trời hai chiếc Chinook khác của Mỹ đang bay tới. Chiếc Chinook của Việt Nam bị kéo đi, xô xuống biển. "Mình thấy tiếc hùi hụi, khi nhìn chiếc Chinook rơi xuống nước," Liêm nói.

Ở trên tàu, Liêm tình nguyện làm liên lạc giữa người Mỹ và người Việt.

Chiếc tàu Mỹ nhỏ còn rộng chỗ, và Liêm có chổ ngủ tươm tất. Ban đêm từ trên tàu nhìn ra, Liêm thấy giữa vùng biển có một khu sáng rực, đèn lấp lánh, trông như một thành phố. Đó là những tàu của Mỹ đậu để đón người Việt. Liêm nghĩ bụng ở tàu to lớn kia chắc thích hơn. Hôm sau Liêm ngỏ ý xin chuyển tàu.

"Anh định đi thật không?" viên sĩ quan Mỹ hỏi.

"Tôi muốn sang đó để tìm bạn bè," Liêm đáp.

Liêm được chuyển sang tàu to như ý mong ước. Lúc đến nơi, Liêm mới thấy mình lầm. Tàu to thật, nhưng người đông nghẹt, chen chúc nhau. Có tới bảy, tám ngàn người trên chiếc tàu Challenger. Chỗ ăn, chỗ nằm thật chật chội.

Tàu chạy qua Guam. Tại đây Liêm gặp lại được gia đình. Gặp luôn cả Khải. Lúc ở Côn Sơn, Khải vì mệt, nằm ngủ ở một chỗ, nên Liêm đã không tìm thấy. Khải cùng một số người khác rời Côn Sơn trên chiếc máy bay C-130.

Tòa đại sứ: Chen lấn, xô đẩy

Ngô Vương Toại nghĩ đã tới lúc "mạnh ai nấy chạy," sau khi thấy Tân Sơn Nhứt bị oanh tạc, rồi bị pháo kích, lại thêm giới nghiêm 24/24 giờ, Toại cùng gia đình bốn người xách theo những túi nhỏ chạy tới tòa đại sứ Mỹ, nơi Toại hy vọng tìm được lối đi khỏi Sài Gòn. Hai ngày trước, Toại có tên trong danh sách được gửi sang tòa đại sứ Mỹ để di tản. Toại là chánh sở ở Trung Tâm Dân Vụ, thuộc Cục Thông Tin Quốc Ngoại, Bộ Dân Vận. Cơ quan của Toại lo việc liên lạc với báo chí ngoại quốc và có văn phòng ở đường Tự Do. Năm 1967 Toại là một lãnh tụ sinh viên chống Cộng đối đầu với những nhóm sinh viên thân Cộng hoạt động ở Sài Gòn. Toại đã bị sinh viên đặc công của cộng sản bắn thủng bụng, khi Toại không cho sinh viên thân Cộng dùng máy vi âm lên tiếng trong buổi trình diễn văn nghệ tại trường đại học.

Gia đình Toại đến tòa đại sứ khoảng 9 giờ sáng, đã thấy đông đảo người tụ họp. Thấy quá nhiều người ở phía trước đường Thống Nhất, gia đình Toại đi vòng ra cổng phía sau ở đường Hồng Thập Tự. Ở cổng này cũng đã có nhiều người đứng đợi. Gia đình Toại nhập vào đám đông. Chờ mãi, không thấy cửa mở, và chẳng thấy mấy hy vọng vào được, hai vợ chồng Toại, bà mẹ và cô em lại ra phía

trước. Đám đông ở đây lúc này đã tăng thêm nhiều. Họ cố xô lấn lại gần tòa đại sứ. Thủy Quân Lục Chiến Mỹ canh gác ở phía trong. Bên ngoài cảnh sát và quân cảnh Việt Nam đứng ngăn chặn không cho vào. Đám đông có lúc hung hăng tràn tới, muốn vượt hàng rào. Quân cảnh và cảnh sát bắn súng chỉ thiên, xua đuổi. Đám đông chạy dạt một số về đường Mạc Đĩnh Chi, bên hông tòa đại sứ. Một số nữa chạy qua bên kia đường Thống Nhất. Gia đình Toại chạy qua Mạc Đỉnh Chi, đứng chờ ở lối vào cạnh tòa đại sứ.

Chờ đợi đã mấy tiếng đồng hồ ở quanh tòa đại sứ mà không thấy có hy vọng gì, Toại đã nản chí. Toại bảo gia đình cứ ở đây, còn Toại về, ra bến tàu hoặc tìm đường bộ để đi. Vợ Toại không đồng ý, nói về thì về cả nhà, chứ không muốn gia đình tách biệt nhau.

Đến chừng một giờ trưa, một chiếc xe Hoa Kỳ màu đen kiểu Falcon chạy đến, có xe hộ tống phía trước, phía sau. Trên xe bước xuống là một người mập, thấp, hai tay xách hai chiếc cặp. Toại nhận ra Trung Tướng Đặng Văn Quang, cố vấn an ninh của Tổng Thống Thiệu. Quân cảnh và cảnh sát dẹp đường, đứng thành hàng hai để Quang đi vào. Quang đến cổng bên hông tòa đại sứ. Một người Mỹ dân sự ra hiệu cho Thủy Quân Lục Chiến Mỹ mở cửa. Cửa chỉ mở hé để một người đi qua. Gia đình Toại cùng một số người khác đã ùa theo thật nhanh đẩy cửa để vào. Thủy Quân Lục Chiến Mỹ liền xô đẩy ra.

"Họ xô đẩy, hất mạnh tay, làm tôi tím bầm cả mình, cả ngực. Cô em chồng tôi kêu la. May mắn làm sao cả nhà tôi vào được. Cảnh chen lấn, Thủy Quân Lục Chiến xô đẩy, và cô em la khóc, đã được phóng viên nhà báo chụp

và đăng hình trên báo Newsweek sau đó," Nghiêm Lan, vợ Toại, kể lại.

"Gia đình anh bạn cùng sở với Toại cũng có bốn người đi, mà chỉ có chị vợ với con nhỏ bồng trên tay vào lọt. Còn anh chồng và bà mẹ bị kẹt ở ngoài.

"Vào được bên trong tòa đại sứ, chúng tôi được bảo đi về phía sân sau, cạnh hồ tắm của tòa đại sứ. Đã có cả ngàn người đứng chờ xếp hàng ở đấy. Chúng tôi lớ ngớ không biết đứng chỗ nào.

"Còn chị bạn bồng con nhỏ, mà chồng kẹt ở ngoài, thì buồn phiền, khóc lóc. Chị không muốn đi một mình mà không có chồng đi cùng. Chị đòi xin ra. Mấy người an ủi và nói với người Mỹ. Thương cảm, người Mỹ cho chị ra nhận diện chồng và mẹ. Thủy Quân Lục Chiến đứng kềm ở cửa, không cho ai vào theo, chỉ cho chồng và mẹ chị ấy được vào.

"Bên trong sân, Mỹ tập hợp mấy người Việt đứng vào hàng để họ loan báo. Toại được nhờ làm thông dịch viên. Mỹ gọi một số người lên xe buýt, bảo đưa đi phi trường. Một nhóm 60 người được lên xe. Gia đình Toại đi theo luôn.

"Xe rời tòa đại sứ khoảng hai giờ chiều, có xe như cảnh sát đi trước và đi sau hộ tống. Xe đi về phía Tân Sơn Nhứt. Nhưng rồi đường kẹt, xe đi chầm chập. Rồi sau xe đổi hướng, chạy ra bến Chương Dương, sang phía Khánh Hội. Vào kho 5, mọi người được bảo xuống chiếc xà lan đậu sẵn ở bến."

Xà lan là loại để chở đạn, có những bao cát dày chất cao ở hai bên. Người xuống xà lan phải trèo qua những bao cát đó. Sau có vài chuyến xe buýt khác chở người tới.

Đến chiều gần tối, có tàu kéo lại, lôi xà lan đi. Dọc đường xà lan đi, một số thuyền nhỏ chạy theo, xin cho lên. Xà lan mỗi lúc một đông thêm. Trên xà lan có khoảng gần 300 người, "ngồi bó gối cạnh nhau, trong đó có năm bảy tướng lãnh, cả Trung Tướng Tôn Thất Đính, " theo lời Toại.

Chiếc xà lan chạy qua một đêm mới ra tới Vũng Tàu và trông đợi có tàu Mỹ cứu vớt. Lúc đi qua Vũng Tàu, xà lan còn bị Việt Cộng pháo kích theo. Đạn nổ cách xà lan khoảng 500 thước. "Ai nấy trên tàu đều sợ. Còn sợ Việt Cộng cho tàu ra đuổi, kéo xà lan về thì chết," Nghiêm Lan nhớ lại.

Xà lan ở ngoài khơi cả ngày mà không gặp tàu Mỹ nào vớt. Buổi tối, nhìn ra phía biển xa xa thấy có những ánh đèn sáng, một số người cho là tàu Mỹ đậu ở đó. Họ liền hô hào mọi người đóng góp tiền, tặng cho tài công để anh ta kéo xà lan tới tàu Mỹ. Tài công cho hay anh ta chỉ được thuê mướn kéo xà lan ra ngoài Vũng Tàu chờ đợi, rồi tàu Mỹ đến đón. Theo Toại thuật lại, nhóm quân nhân thấy không dụ được tài công, liền tìm cách "dí" anh ta. Bị uy hiếp bằng súng, tài công đồng ý, bảo mấy người về mang hành lý lên chỗ tàu kéo để đi. Khi mấy người này vừa bước về xà lan, tài công cho tháo móc xích xà lan ra và chạy đi luôn. Chiếc xà lan bị bỏ lềnh bềnh trên mặt biển.

Xà lan là loại đáy bằng không có mái, thường dùng để chuyên chở đồ trên sông lạch. Đoàn người đi trên xà lan này bị khổ cực vì mưa nắng, sợ hãi vì lạc lõng. Nghiêm Lan kể: "Lúc trời nắng, nóng rát cả người. Lúc trời mưa tầm tã hôm 30, cứ ngồi ở xà lan mà chịu trận. Nước ở xà lên lên ngập cả chân. Nước mưa lẫn với cát rơi vãi ra làm

nhơ nhớp, dơ dáy không tưởng tượng được. Vừa đói, vừa rét. Run cả người. Lúc chạy, chúng tôi chỉ mang mỗi người một túi xách nhỏ theo lời dặn, vì tưởng được đi máy bay. Cũng vì vậy chúng tôi không mang theo thức ăn. Đói quá, chúng tôi được người bạn cho chút gạo xấy và mấy viên sinh tố. Tôi được bảo ăn chút ít thôi, gạo xấy vào bụng sẽ từ từ nở ra. Mấy viên sinh tố thì giúp cầm hơi. Có vài người ở Khánh Hội lúc xuống xà lan mang theo được ít mì gói. Họ đòi bán mỗi gói một đô la. Nhưng chúng tôi làm gì có đô la mà mua. Lúc xà lan bị bỏ rơi, tưởng không được vớt, chúng tôi chỉ còn đọc kinh cầu nguyện. Vừa đói rét, vừa sợ mưa nắng, lại còn sợ Việt Cộng cho tàu ra lôi về."

Trong lúc đàn bà cầu kinh, đàn ông ngồi trên bịch cát trông ngóng tàu. Khi thấy có tàu ở xa xa, họ cởi áo ra vẫy làm dấu hiệu cầu cứu. Ban đêm họ dùng đèn bấm làm hiệu S.O.S. Vài tàu Mỹ đi qua, không chịu dừng lại. Sau hai ngày ba đêm một tàu Mỹ đến gần, dùng loa loan báo xà lan không được cứu vì có súng đạn và vũ khí ở trên. Chỉ khi nào vứt bỏ hết súng đạn, xà lan mới được cứu.

"Một nhóm người trên xà lan liền đi thu góp súng ống, đạn dược được cả mấy bịch, vứt xuống biển. Thấy ném vũ khí đi, tàu Mỹ mới cặp lại cho lên tàu," Toại kể lại.

Trong những người lọt vào được tòa đại sứ Mỹ có Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng. Hùng vẫn điều hành công việc tại Bộ Kế Hoạch và Phát Triển như thường, dù Việt Nam có tới ba nguyên thủ quốc gia trong bảy ngày. Là Phụ Tá Tổng Trưởng, Hùng ở nhà "canh giữ" bộ, theo lời Hùng, trong lúc Tổng Trưởng Nguyễn Tiến Hưng đi Mỹ từ giữa

tháng 4 để vận động ngoại viện cho Việt Nam vào lúc vụ ngoại viện kể như không còn chút hy vọng nào.

Ngày 22/4 Hùng còn lên đường đi dự hội nghị của Ngân Hàng Phát Triển Á Châu và Ngân Hàng Thế Giới nhóm họp tại Manila, Phi Luật Tân. Tối ngày trước khi Hùng đi, Tổng Thống Thiệu loan báo từ chức, giao quyền cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Tiếp xúc với một số đại biểu các quốc gia tham dự hội nghị, Hùng nghe họ bày tỏ mối quan ngại về những diễn biến tại Việt Nam. Nhân viên trong phái đoàn Việt Nam cũng bối rối không còn lòng dạ nào nghĩ đến hội nghị. Người thì lo tìm kiếm thân nhân đang có mặt tại căn cứ Clark Field của Mỹ, cách Manila hơn 100 cây số về phía bắc. Người khác thấy tình hình Việt Nam nguy ngập đã ngỏ ý cho Hùng biết là sẽ không trở lại Việt Nam sau khi hội nghị chấm dứt.

Hùng chỉ tham dự phiên họp khai mạc hội nghị vào ngày 25/4 rồi lên đường trở về nước. Lúc này các hãng hàng không quốc tế đã chấm dứt các chuyến bay vào Việt Nam. Hùng phải lấy máy bay của China Airlines đi Hương Cảng, rồi từ đấy mới có chuyến máy bay của Hàng Không Việt Nam về Sài Gòn ngày 26/4. Đây là chuyến bay chót của Hàng Không Việt Nam từ nước ngoài về. Trên chuyến bay này chỉ có hai người Việt Nam là Hùng và Nguyễn Ngọc Bích, cùng mấy người Mỹ và một số người Trung Hoa.

Bích, tổng giám đốc Việt Tấn Xã, từ Mỹ về sau khi đi cùng Hưng qua Mỹ để vận động ngoại viện. Tới Mỹ, Bích "biết là hết rồi. Tình hình lúc ấy không còn xoay xở được gì nữa," theo lời Bích. Trước khi trở về nước, Bích được vợ điện thoại bảo đừng về. Anh của Bích là Nguyễn Ngọc Linh, đã chạy sang được Tân Gia Ba, cũng khuyên Bích ở lại. Nhưng Bích vẫn muốn trở lại Việt Nam.

Trên chuyến bay từ Hương Cảng về Sài Gòn, theo lời Bích, mấy người Mỹ nét mặt cũng buồn thiu, có lẽ tới Việt Nam để lo cho thân nhân ra đi. Lúc phi cơ vừa ngừng, mấy cô chiêu đãi viên, hẳn muốn về nhà gấp, lo chạy vội xuống trước thay vì chờ cho hành khách xuống hết.

Hùng xuống sân bay, được vợ ra đón với nét mặt âu lo báo tin một số bạn bè quen biết đã rời Việt Nam. Lúc Hùng đi, Phó Tổng Thống Hương chưa nhận chức. Nay Hùng về, Hương đang sắp sửa chuyển giao chiếc ghế ọp ẹp cho cựu Đại Tướng Dương Văn Minh.

Sáng ngày thứ hai 28/4 Hùng vào bộ, triệu tập phiên họp nhân viên cấp chỉ huy. Hùng cho nhân viên biết tình hình không sáng sủa chút nào, và hai danh sách chuẩn bị để di tản đã được thành lập từ hai tuần trước để gửi cho tòa đại sứ Mỹ. Một danh sách gồm những người được xếp vào loại "nhiều nguy hiểm" khi Việt Cộng vào. Danh sách thứ hai gồm những người đã từng du học tại Mỹ, trong đó có Hùng, tốt nghiệp tại đại học Virginia. Hùng cũng cho các cộng sự viên thân cận biết Hùng đã viết đơn từ chức lên chính phủ Dương Văn Minh.

Ngay từ sáng hôm 29 vài bạn hữu đã ghé thăm Hùng để bàn luận và trao đổi tin tức về tình hình. Một vài người bạn đã dùng điện thoại nhà Hùng nói chuyện với các bạn người Mỹ để thăm dò đường đi. Đến trưa Hùng và các bạn nghe qua đài phát thanh Mỹ tại Việt Nam bản nhạc "Tôi mơ đến ngày Giáng Sinh tuyết trắng" rồi "Nhiệt độ Sài Gòn là 105 và đang lên nữa."

Một lát sau Hùng nhận được điện thoại gọi tới, chuyển lời của Shepard Lowman thuộc tòa đại sứ Mỹ báo tin tới địa điểm tập trung tại đường Trần Cao Vân để được xe buýt đón đi.

Gia đình Hùng gồm vợ chồng và hai con trai nhỏ từ một tới ba tuổi. Cùng đi với Hùng còn có gia đình Trần Như Tráng và một người bạn. Tráng cũng có vợ và hai con nhỏ.

Ngôi nhà ở Trần Cao Vân đã đông nghẹt người, khi Hùng và Tráng tới. Đây là địa điểm tập trung dành cho những nhân vật Việt Nam trong chính quyền, cũng như các chính trị gia, được coi là "nhiều nguy hiểm" khi cộng quân vào. Có cả ngàn người tập trung buổi chiều ở đó. (6)

Trời lúc đó nóng nực, oi bức, nhiều người thích ngồi ở trong nhà vì có máy lạnh. Một cú điện thoại gọi tới bảo mọi người nên ra ngoài, chờ xe buýt tới. Một lát sau hai xe buýt xịch tới. Đám đông ùa ra, chen lấn nhau lên xe. "Mình lúc ấy còn máu quân tử, cũng muốn giữ thể diện, nghĩ không nên tranh nhau lên xe. Cứ để người khác lên trước, rồi xe sau tới mình sẽ lên," Tráng, giáo sư đại học Vạn Hạnh, kể lại tâm trạng lúc đó. Khi xe chật cứng người, tài xế bảo "Không còn chỗ nữa," rồi đóng cửa lại. Hai xe đi rồi, Hùng và Tráng chờ mãi không thấy xe nào tới. Đến lúc thấy lính gác nhà cũng biến luôn, mọi người biết không có xe nữa, đành bỏ đi. Trong số những người không đi được Tráng nhận thấy có cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao Trần Chánh Thành, cựu Bộ Trưởng Lao Động Đàm Sĩ Hiến. Thành về sau tự tử khi Việt Cộng vào Sài Gòn.

Rời Trần Cao Vân, Hùng và Tráng chạy qua khu tòa đại sứ, thấy nhiều người bu nghẹt để cố tìm lối vào. Biết không chen vào nổi, Hùng và Tráng chạy xe qua khu hải quân. Hai gia đình cũng đành thúc thủ trước hàng lính gác nghiêm ngặt và hàng rào kẽm gai vây kín. Được biết các tàu hải quân đậu phía hải quân công xưởng đang chuẩn bị lên đường, Hùng và Tráng tìm đường qua lối Thị Nghè để vào. "Con đường Hồng Thập Tự qua cầu Thị Nghè chật ních xe cộ vì nghẽn lối. Xe nhích đi từng tý, tý một. Trời nóng, xe kẹt, chưa bao giờ thấy khổ vậy. Đi mãi mới sang được khu hải quân bên Thị Nghè, rồi cũng bị chặn, không vào được," Tráng kể lại.

Lúc quay xe ra, Hùng và Tráng lạc nhau. Tráng tìm đến nhà bà cô ở khu Đa Kao, vào tắm cho đỡ mệt, rồi sau đó tiếp tục tìm đường chạy. Đến tối Tráng vẫn không tìm được lối nào đi.

Còn Hùng từ Thị Nghè trở lại Sài Gòn, lái xe vòng vòng quanh thành phố. Chạy ngang đường Trần Cao Vân, Hùng thấy ngôi nhà mà ban nãy Hùng đến chờ xe buýt đã bị một nhóm người hôi của, lấy đồ đạc ở trong nhà đi ra.

Lúc xe đến công trường Chiến sĩ cạnh đấy, vợ chồng Hùng chợt thấy người bạn ngồi trên xe đi ngang qua.

"Bạn đi đâu đấy?" Hùng hỏi Trần Minh Công, đại tá cảnh sát ngồi trong xe cùng mấy sĩ quan cảnh sát khác.

"Chạy lòng vòng. Không biết đi đâu bây giờ. Còn bạn?" Công trả lời, hỏi lại.

"Tôi cũng không biết chạy chỗ nào," Hùng đáp.

"Vậy bạn đi theo tôi," Công nói.

Hai xe đi theo nhau.

Công mới ở Thủ Đức về tới Sài Gòn lúc chiều. Công là chỉ huy trưởng Trường Huấn Luyện Sĩ Quan Cảnh Sát ở Thủ Đức. Trường này nằm gần Trường Sĩ Quan Trừ Bị

Thủ Đức. Từ sáng Công liên lạc với Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia thì được biết cảnh sát không di chuyển, ở đâu cứ ở đó. "Ông xếp mình vừa nắm cảnh sát, lại vừa là xếp sòng Trung Ương Tình Báo, ông hẳn biết rõ tình hình hơn ai hết. Mình phải tin ông, chứ tin ai nữa," Công kể lại.

Dù được lệnh ở yên tại chỗ, Công vẫn thấy áy náy, sốt ruột khi đứng trên lầu ba nhìn thấy kho đạn ở Biên Hòa nổ. Kho đạn nổ là dấu hiệu Quân Đoàn 3 ở Biên Hòa đã rút, Công nghĩ. Công liền cử một đại úy cùng mấy binh sĩ về Sài Gòn để xem xét tình hình. Toán này theo xa lộ về đến gần khu nhà máy xi măng Hà Tiên thì bị bắn, phải quay trở lại. Công liền quyết định đích thân về Sài Gòn để biết tình hình. Cùng đi theo Công có một tiểu đội hộ tống với một xe jeep có trí súng đại liên ở trên. Biết Việt Cộng có đóng chốt ở xa lộ, Công theo đường nhỏ qua chỗ có binh sĩ Nhảy Dù đang hành quân lục soát để về Sài Gòn.

Vào Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, Công đến khối Huấn Luyện. "Ông đại tá trưởng khối, trên nguyên tắc là xếp của mình, đang ngồi ở văn phòng, mặt đỏ ké, bên cạnh có chai rượu. Ông cho biết tại Bộ Tư Lệnh, một nửa chuồn rồi, một nửa còn ở lại. Mấy tướng đã dọt hết!" Công nói.

Công tạt qua văn phòng Bộ Tư Lệnh. Thấy Công, một trung úy chào hỏi: "Đại Tá về nắm Bộ Tư Lệnh?" Công còn thắc mắc về câu hỏi, chưa kịp trả lời, anh ta nói tiếp: "Các tướng đi cả rồi. Chỉ còn Đại Tá Bê ở trung tâm hành quân, và Đại Tá Phúc ở truyền tin."

Công sang trung tâm hành quân, không gặp Bê, nhưng nghe tiếng Bê vang trong máy, đang điều quân đánh nhau. Công sang khu truyền tin, và gọi nhờ máy ở đấy cho

Trường Huấn Luyện Sĩ Quan Cảnh Sát ở Thủ Đức, bảo họ di chuyển về Sài Gòn.

Công trở ra ngoài phố. Công kể: "Đường xá người đi lại nhốn nháo, lẫn lộn quân với dân. Quân nhân, người còn mặc quân phục, người thì cởi trần, tay mang súng. Lúc ấy khó mà biết quân nhân thật hay giả. Việt Cộng cũng có thể ăn mặc như vậy. Mình nghĩ cũng phải cẩn thận đề phòng. Thỉnh thoảng nghe có tiếng nổ lớn ở xa. Có cả tiếng súng nhỏ ở gần. Một vài chỗ cháy, khói bốc lên trời."

Công không nghĩ đến về nhà ở trong khu Tân Sơn Nhứt. Buổi chiều từ Thủ Đức về, Công định ghé qua nhà, nhưng gặp xe tăng chặn gác ở lối vào. Lính canh không cho Công đi, dù Công xưng danh đại tá và có lính hộ tống đi theo. Không về nhà, chưa biết ở đâu ban đêm, Công chạy vòng thành phố và gặp Hùng.

Hùng và Công theo nhau đến khu tòa đại sứ Mỹ. Trời lúc ấy sắp sửa tối. Máy bay trực thăng Mỹ phành phạch lên xuống khu tòa đại sứ. Từng lớp người vòng trong vòng ngoài dày tới ba thước, theo lời Công, bao quanh dãy tường tòa đại sứ. Số người đông tới cả gần chục ngàn. Trong đám đông có cả quân nhân Việt Nam, người cấp tá, đôi khi cả cấp tướng. Họ chen lấn nhau, xô đẩy nhau vào sát tường để cố leo lên. Người nào lên lên được trên thì bị Thủy Quân Lục Chiến Mỹ ở trong xô đẩy xuống. Có người bị báng súng đánh. Ít người lọt được vào.

Công nhìn đám đông xô lấn nhau, không biết phải làm gì. Công đang đứng, một cảnh sát đeo lon trung tá chạy đến bảo Công:

"Ông thày có muốn đi, em đưa đi."

"Đi đâu?" Công vừa hỏi, vừa vui mừng nhận ra đàn em trong ngành cảnh sát.

"Ông thày thấy trực thăng đang lên xuống bốc người đi đó," người cảnh sát đáp.

"Người ta chen nhau thế kia, làm sao vào được," Công thắc mắc.

"Được. Để em đưa ông thày vào. Vào bót cảnh sát đây, rồi bắc thang đưa ông thày qua,"

"Này cậu lên trung tá hồi nào, mau vậy?" Công hỏi.

"Em vẫn đại úy, nhưng phải đeo lon trung tá thì mới chỉ huy được trong lúc này," đàn em Công ghé tai giải thích.

Công thầm phục tài lanh lợi của người học trò cũ. Anh ta làm việc tại chi cảnh sát ở sát phía sau tòa đại sứ và có nhiệm vụ bảo đảm an ninh cho tòa đại sứ. Khu cảnh sát cũng được bao bọc bằng nhiều hàng rào kẽm gai, và có lính gác nghiêm nghị. Một đám dân chúng xúm quanh gần đấy.

Công được đàn em căn dặn cách thế để vào: "Khi em cho bắn súng đuổi dân đứng quanh đó, dân sẽ chạy dạt ra. Lính mở hàng rào kẽm gai ngay khi đó. Ông thày và mấy người đi cùng phải chạy mau vào. Kẽm gai được kéo lại liền sau đó."

Công chỉ cho đàn em biết những người đi cùng. Trong nhóm của Công vừa có thêm một đại tá cảnh sát xin đi theo. Ông này đứng trong đám đông, nhìn thấy Công, liền chạy tới, tay xách theo chiếc cặp. Thấy ông này, đàn em Công nói ngay:

"Đại Tá không đi được."

Viên đại tá nghe nói, mặt tái xanh, năn nỉ với nhân viên cùng ngành cấp bậc nhỏ hơn, nhưng lúc này quyền thế hơn.

Đàn em nói nhỏ vào tai Công:

"Tay này ăn bẩn lắm, không được."

"Thôi, bỏ qua đi. Chỗ quen biết, ông ta năn nỉ quá," Công nói.

"Nể ông thày lắm, chứ em không muốn tay đó đi," người cảnh sát chiều ý Công.

Khi nghe súng nổ nhiều loạt, dân hoảng sợ, chạy lùi lại. Công và nhóm bạn, làm theo lời dặn, chạy lẹ vào bót cảnh sát.

Từ khu cảnh sát, thang được bắc qua bức tường tiếp giáp dãy nhà phụ trong khuôn viên tòa đại sứ. Được cảnh sát hướng dẫn, Công trèo thang lên nói chuyện với Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và nhân viên tòa đại sứ. Họ đồng ý để Công và nhóm bạn qua. Công xuống thang, để các bạn đi trước. Khi leo thang, vừa bế con, vừa lo bình sữa cho con, Hùng luýnh quýnh bỏ quên chiếc cặp xách tay, trong đựng nhiều hình ảnh gia đình và bản thảo cuốn sách viết về chính trị và ngoại giao của Mỹ.

Đến lượt sắp lên thang, viên đại tá đi theo Công suýt không được đi, còn phải chịu "ân oán giang hồ" lần nữa. "Đại Tá đi, đâu cần đồng hồ đeo tay làm gì nữa," một sĩ quan cảnh sát giữ thang bảo ông ta. Viên đại tá nghe nói, miễn cưỡng tháo chiếc đồng hồ Rolex, trao lại cho người giữ thang. Chứng kiến cảnh đi này, Công nói: "Tay đó là một viên chức cao cấp trong ngành cảnh sát. Chỉ vài tuần trước, ông ta có nhiều quyền uy. Nhưng lúc này ông đành lép vế trước đàn em. Mình thì chẳng có gì. Vào tình thế

nguy kịch mới biết chỉ có tình nghĩa và lòng kính nể mới giúp được mình."

Công và nhóm bạn vào được khuôn viên tòa đại sứ khoảng gần chín giờ tối. Sân cỏ tòa đại sứ cũng đông chật người. Có cả người Mỹ lẫn người Việt và những người thuộc các quốc gia khác. Nhiều người đứng thành hàng để chờ trực thăng bốc đi.

Việc bốc đi không theo thứ tự đứng trong hàng mà theo thứ tự ưu tiên. Người Mỹ và thân nhân được ưu tiên bốc đi trước. Rồi tới những người thuộc quốc gia đệ tam. Sau đó mới tới người Việt. Khoảng nửa đêm, có tiếng loan báo những người nào là Mỹ "bước ra ngoài." Hùng lúc ấy thấy lo, nghĩ bụng "đó là dấu hiệu Mỹ được đi, còn Việt Nam có thể bị bỏ lại."

Có người lên trực thăng sớm hơn, nhờ đáp ứng nhanh trí của người bạn. Trung Tá Lê Trung Hiền vào được tòa đại sứ khoảng trưa ngày 29, mà mãi đến đêm vẫn chưa được bốc đi. Là phát ngôn viên quân sự của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung Tá Hiền xuất hiện trong những buổi họp báo hàng ngày về chiến trận. Chờ mãi mà chưa được đi, Hiền thấy gia đình chồng Mỹ, vợ Việt được gọi lên máy bay. Có quen biết gia đình này từ trước, Hiền thấy gia đình đi ngang trước mặt, liền gọi với theo, nửa như chào hỏi, nửa như cầu cứu. Anh chàng Mỹ đang bế con đi, quay lại, nhận ra Hiền, nói lớn với Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đứng chặn chỗ cửa: "Ông ấy là chồng má vợ tôi." Anh Thủy Quân Lục Chiến ngoắc tay cho Hiền đi theo lên trực thăng. Vợ con Hiền đã rời Việt Nam vài ngày trước.

Có hai chỗ để trực thăng đáp xuống bốc người đi. Trực thăng nhỏ đáp ở sân nóc tòa đại sứ. Trực thăng lớn hơn

xuống bãi đậu xe ở dưới sân. Ban đêm một dãy xe nổ máy, bật đèn sáng để trực thăng dễ nhận biết mà xuống.

Hùng và Công muốn đứng gần nhau để có thể đi cùng trên một chuyến trực thăng. Nhưng rút cục hai người đi trên hai chuyến khác nhau và xuống hai chiến hạm khác nhau của Mỹ.

Việc xếp người lên máy bay tùy theo số chỗ trống và tùy theo nhân số trong gia đình. Thường những người trong gia đình được đi cùng khi có chỗ. Khi đủ chỗ cho một chuyến, cửa cầu thang đóng xập lại.

Mỗi chuyến trực thăng thường được chở tối đa. Với người Việt bé nhỏ, lại chỉ được xách theo một túi nhỏ, có trực thăng chở cả 83 người. Cuộc di tản dự trù khoản 2.500 người ở tòa đại sứ, nhưng có tới hơn 5.000 người trong đó, theo Thiếu Tá Jim Kean, chỉ huy trưởng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tại tòa đại sứ.

Vì số người quá đông, đại sứ Martin cứ chần chừ không chịu đi, muốn ở lại tới gần chót. Tới khoảng 4 giờ sáng, Martin mới chịu lên máy bay khi Tổng Thống Ford ra lệnh cho ông rời tòa đại sứ.

Martin đi xong, Mỹ cho kết thúc cuộc di tản. Thủy Quân Lục Chiến gác chung quanh tòa đại sứ lui dần vào, rồi từ từ rút vào bên trong tòa đại sứ. Họ khóa ngay cửa, chặn lối vào, làm bất động thang máy để không ai lên tầng trên được. Dân ở bên ngoài tòa đại sứ ùa vào. Có người lái xe chữa lửa cho tông qua cánh cửa kiên cố của tòa đại sứ, nhưng cũng không ai lên được tầng trên vì các cửa đi lên đều bị khóa, bị chặn và có lính gác. Chuyến di tản chót vào lúc hơn 5 giờ sáng, nhưng chuyến trực thăng chót đến

bốc mấy Thủy Quân Lục Chiến còn lại vào lúc 8 giờ sáng ngày 30. (7)

Cuộc di tản, dù được hoạch định và chuẩn bị từ trước, đã có nhiều trục trặc. Ở một vài địa điểm, người đứng chờ mãi mà không có trực thăng hoặc xe buýt đến đón. Có địa điểm bị bỏ vào lúc chót. Có trường hợp xe buýt bị kẹt không tới được. Có chỗ người có trách nhiệm giúp di tản đã lơ là, sơ khoáng, không tận tình giúp đỡ. Theo Frank Snepp có khoảng 400 nhân viên tình báo và công an bị bỏ rơi. Tại địa điểm ở đường Trần Cao Vân có tới cả ngàn người đứng đợi mà không được chở đi. Sau họ được bảo sang Khánh Hội có xà lan chở đi, nhưng ít người chịu sang.

"Mình tưởng Mỹ nó tốt. Không ngờ nó bỏ mình như bỏ chó," một nhân viên làm việc cho Mỹ cay đắng kể lại ngày mất Sài Gòn. Anh cùng một số đồng nghiệp không được Mỹ đến đón như đã hứa.

Xuân (không phải tên thật) làm việc cho tòa lãnh sự Mỹ ở Biên Hòa. Tòa lãnh sự là một thứ vỏ bọc, thực ra anh làm việc cho Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA). Sau khi phi trường Biên Hòa bị pháo kích từ hơn 10 ngày trước, anh cùng gia đình và hơn 100 người khác được đưa về một "nhà an toàn" tại đường Công Lý, gần phía Tân Sơn Nhứt. Người Mỹ vẫn lui tới liên lạc với anh và các bạn anh, cùng cho biết họ sẽ được bốc đi.

Tới ngày 29/4 sau khi Tân Sơn Nhứt bị oanh tạc và pháo kích, Xuân kêu cho người chỉ huy ở tòa đại sứ thì được bảo sẽ có xe đến đón. Hồi sau, Xuân gọi nữa thì được trả lời "lát nữa sẽ nói chuyện," Chờ mãi, không thấy gọi lại, Xuân sốt ruột lấy xe chạy ra sở nhân viên ở gần góc đường Hiền Vương và Trương Minh Giảng. "Đồng bào lúc đó đã kéo đến đông đảo, vừa khóc lóc, vừa chửi Mỹ. Chẳng có xe nào đến đón." Xuân nhớ lại.

Khi biết cuộc di tản đã kết thúc và khi nghe tin Việt Cộng vào Sài Gòn rồi, Xuân chạy về "nhà an toàn" để báo tin. Lúc ấy, mạnh ai nấy chạy. Xuân mang vợ con về nhà, đã tính đến cách tự tử. Vợ khóc lóc, can ngăn, khuyên nên về vùng Hòa Hảo trốn tránh.

Xuân và bốn người bạn buổi chiều rủ nhau sang Nhà Bè tìm ghe để đi. Có võ trang súng sáu, M.16 và lựu đạn, họ tìm được chiếc ghe vào lúc năm giờ chiều, và cho ghe chạy ra biển. Ra khơi không gặp được tàu Mỹ, ghe lại hết nhiên liệu, trôi theo sóng. Vì thiếu lương thực, nước uống, lại bị nắng gắt, bốn người bạn bị chết sau một tuần trôi dạt. Xuân cũng bị lả người vì đói khát. Xuân được một tàu của Panama vớt vào ngày thứ tám lúc anh đã mê man. Được cứu sống, Xuân tới Mỹ và định cư ở Virginia.

Khu Hải Quân: "Ông trời cũng không vào được"

Khu hải quân ở bến Bạch Đằng là nguồn hy vọng lớn cho nhiều người muốn chạy khỏi Sài Gòn. Nhưng lọt được vào khu đó là cả một khó khăn. Những lối vào đều bị ngăn chặn bằng những rào cản, với những vòng kẽm gai chằng chịt và lính gác nghiêm ngặt. "Ông trời cũng không vào được," một lính gác hải quân bảo một đại tá Bộ Binh khi từ chối không cho sĩ quan này vào. Lính còn bắn súng chỉ thiên để dọa nạt và xua đuổi người đến gần hàng rào.

Ngay cả một số sĩ quan cũng bị ngăn chặn, không cho vào. Đại Tá Bùi Cửu Viên kể trường hợp một đô đốc cựu

tư lệnh hải quân bị lính gác không cho vào, phải có một đại tá ra đón.

"Có chỗ gác nghiêm ngặt, nhưng có chỗ lỏng lẻo, tùy theo người lính gác. Có anh trung sĩ mở cửa cho cả gia đình anh ta và luôn cả mấy gia đình bà con lối xóm mấy chục người vào lên tàu đi," Viên nói.

"Hải Quân phải cho canh gác nghiêm ngặt khu hải quân vì đã có kinh nghiệm sống tại Đà Nẵng, Qui Nhơn và Nha Trang," theo lời Đại Tá Đỗ Kiểm, tham mưu phó hành quân của Hải Quân. "Tại các thành phố trên khi có di tản, dân và lính ùa vào, không thể nào ngăn nổi. Lính có súng mà vào còn nguy hiểm nữa. Vì vậy lính gác được lệnh không cho người ngoài vào trước khi người của hải quân xuống tàu xong. Sĩ quan hải quân đi vào, nếu lính gác không biết mặt mà không cho qua thì cũng chịu."

Đại Tá Đào Trọng Tường, cựu thị trưởng Đà Nẵng, đã gặp khó khăn khi vào khu Hải Quân.

Ngày 29/4 Tường đang nằm ở quân y viện Cộng Hòa để điều trị bệnh thì được điện thoại của vợ báo tin phải về nhà gấp, vì tình hình lộn xộn lắm rồi, và nhiều nhà hàng xóm đã bỏ đi cả.

Về đến nhà, Tường thấy hàng xóm nhốn nháo, sợ Việt Cộng sắp tấn công vào Sài Gòn. Sợ ở nhà không yên, hai vợ chồng cùng bốn con nhỏ quơ vội ít hành lý lên xe đi tìm chỗ ở tạm tại khu trung tâm thành phố cho an toàn hơn. "Lên trên phố, tôi mới thấy rõ tình hình quả thật nguy kịch. Nhiều người hớt hải tìm đường chạy. Xe cộ ứ đọng ngoài đường. Trực thăng Mỹ bay lượn, lên xuống ở khu tòa đại sứ Mỹ." Tường nói.

Gia đình Tường thuê một phòng khách sạn ở đường Lê Lợi. Tường căn dặn vợ con cứ ở đấy, đừng đi đâu vì kinh nghiệm Đà Nẵng cho biết trong lúc tình hình xáo trộn nhiều gia đình đã thất lạc nhau. Rồi Tường đi ra ngoài xem xét tình hình, tìm bạn bè và thăm dò đường đi.

Tường nghĩ ngay tới việc tìm người em rể là trung tá ở Trung Ương Tình Báo, mà trụ sở đặt tại số 3 Bến Bạch Đằng, gần Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Đến nơi, Tường chưng hửng thấy lối vào khu hải quân dày đặc những hàng rào kẽm gai. Lính canh gác, tay cầm súng, đứng sát sau hàng rào kẽm. Một anh lính nét mặt giận dữ, hùng hổ khua tay xua đuổi những người định lấn tới lối cổng ra vào. Thỉnh thoảng có tiếng súng bắn thị oai để cản người liều lĩnh muốn xâm nhập.

Tường bước lại gần người lính gác, xưng danh và ngỏ ý muốn vào để gặp người em rể.

"Ông trời bây giờ cũng không vào được," anh lính hải quân thái độ hung hăng trong bộ đồ trận, xẵng giọng nói. Kể lại lời anh ta, Tường nói: "Hắn nói vậy, mình đành chịu. Loanh quanh một hồi, tôi thấy một binh sĩ hải quân khác, trẻ tuổi, mặt mũi hiền lành, tay cầm súng bước sau hàng kẽm gai. Tôi đến gần, vẫy tay gọi anh ta, rồi kể tình trạng của mình. Anh ta tử tế, bảo 'để em dẫn đại tá vào. Em phải đi theo đại tá. Không có người đi theo họ không cho vào. Rồi anh ta mở giây kẽm gai, đưa tôi vào gặp một trung tá hải quân. Ông này vui vẻ tiếp mình, rồi để mình đi tìm chú em. Cơ quan chú em lúc đó cũng đâu còn ai. Chẳng ai biết chú ấy ở đâu. Mình quay lại ông trung tá hải quân và xin hải quân cho đi theo. Ông ta tử tế đồng ý, và sai một hạ sĩ quan đưa sang khu cư xá hải quân để xem

trước địa điểm tập trung cùng đi với những người khác. Bước sang cư xá hải quân, mình thấy vắng hoe, chẳng có ai. May gặp được một người hỏi thăm thì được bảo 'họ đã lên tàu hết cả rồi.' Mình hoảng quá, quay lại xin trung tá hải quân cho mượn chiếc xe để về đón vợ con.

"Tôi không còn xe nào ở đây, Đại Tá," anh ta bảo. "Chỉ có một chiếc thì người nhà đã lấy về đón gia đình rồi. Đại Tá ngồi chờ một lát, khi nào anh ta về, Đại Tá lấy."

"Mình đã mừng khi nghe có xe. Nhưng ông trung tá bảo 'Xe không có tài xế, Đại Tá phải lái lấy.' Lúc thường, mình lái xe đâu có sao, nhưng khổ nỗi bấy giờ cái cổ còn đau, đau từ mấy tuần nay, quay đi quay lại khó khăn. Mình thắc mắc không biết lái xe có an toàn không. Vừa băn khoăn, vừa phải ngồi chờ đợi, mình sốt ruột như lửa đốt. Lát sau người nhà ông trung tá đến, chở theo cả gia đình. Mình vội ra lấy xe, đồng thời bày tỏ nỗi khó khăn phải lái xe vì cổ đau. Người nhà ông trung tá nhanh nhảu tình nguyện lái xe dùm. Mình mừng quá. Lên xe đi, ông ta mới nói xin ghé lại nhà vì còn bỏ sót một chiếc va-li. Hỏi chuyện, được biết ông ta làm công cán ủy viên ở Phủ Tổng Thống."

Về tới khách sạn, Tường được vợ cho biết mấy gia đình khác ở cùng khách sạn đã dọn đi cả rồi. Vợ con ông sốt ruột ngồi chờ ông mấy tiếng đồng hồ, không dám đi đâu, sợ nhỡ ông về không thấy lại bỏ đi tìm.

Trở lại khu hải quân, Tường cùng gia đình được đưa sang khu hải quân công xưởng, rồi sau đó lên tàu HQ 801.

Ngay hải quân nhiều người đâu có biết có vụ cho tàu đi. "Tối hôm trước tư lệnh hạm đội còn họp, nói chuẩn bị để mang tàu ra Phú Quốc, chứ đâu có nói là đi khỏi Việt

Nam" Trung Tá hạm trưởng Nguyễn Chí Toàn kể lại. "Trước đó, có một số hải quân tính đi trốn, rồi bị bắt, bị tù. Mình không dám đi trước, dù thấy tình hình nguy ngập."

Bùi Cửu Viên đưa gia đình vào khu cư xá hải quân gần bến Bạch Đằng ngày 29. Viên là chỉ huy trưởng trường Huấn Luyện Hải Quân ở Cam Ranh, trước khi rút về Sài Gòn hồi đầu tháng.

Viên đến nhà Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí. Buổi chiều Chí họp với các đô đốc và đề đốc tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Khoảng gần 6 giờ, Chí điện thoại về bảo chuẩn bị sẵn sàng để đi liền. Viên kể: "Mười phút sau, gia đình Chí và gia đình Viên kéo nhau đi cùng.

"Trước cửa Bộ Tư Lệnh có tàu Trần Hưng Đạo HQ 01 đậu sẵn. Đây là chiếc soái hạm dành cho các đô đốc, đề đốc, những sĩ quan thân cận, cùng một số bạn hữu và người quen biết. Gần Bộ Tư Lệnh có thêm lần lính gác, súng M-16 lăm lăm ở tay, kiểm soát từng xe một.

"Xe của Chí có bảng gắn sao được cho vào. Đến xe của mình bị chặn lại. Mình đại tá hải quân mà cũng không được vào. Viên định chạy theo xe Chí, nhưng vợ cản lại, bảo nhỡ xông vào lính gác bắn thì sao."

Viên thấy vậy bèn quay xe ra, rẽ ngay vào hải quân công xưởng ở đường Cường Để gần đấy. Vào thấy dương vận hạm HQ 801 giống HQ 501 màViên đã từng làm hạm trưởng, Viên vui mừng cùng gia đình lên tàu. Viên đã lãnh HQ 501 từ Hoa Kỳ về Việt Nam và sau đó làm hạm trưởng trong hai năm. Hỏi thăm sĩ quan trên tàu, Viên được biết tàu bị hư một máy và đang sửa chữa. "Mình ngu

quá! Tàu có bệnh mới chui vào công xưởng chứ. Nhưng vào lỡ rồi. Đi đâu bây giờ?" Viên nhủ thầm trong bụng.

Hỏi thăm hạm trưởng, Viên được biết hạm trưởng đang ở nhà. Biết hạm trưởng là học viên cũ của mình, Viên nhờ sĩ quan liên lạc với hạm trưởng để nói chuyện. Qua câu chuyện, Viên biết hạm trưởng còn lúng túng không định đi, vì nhà vợ không muốn đi.

"Toa bảo gia đình nhà vợ lên tàu đi tránh pháo kích. Ở Sài Gòn lúc này Việt Cộng nó pháo vào thì chết. Tàu đậu ở bến cũng là mục tiêu pháo kích của nó. Đi ra ngoài là khỏi lo," Viên bảo hạm trưởng.

Tàu lúc này đã đông người lên. Quân nhân của những binh chủng khác cũng kéo tới: Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Bộ Binh, cảnh sát. Lát sau thiếu tá hạm trưởng cùng gia đình tới.

Khoảng 8 giờ rưỡi tối tàu rời bến ra đi. Vì tàu đông người không đủ chỗ, Viên cùng một số sĩ quan kéo nhau lên đài chỉ huy nói chuyện với hạm trưởng.

Tàu ra tới gần Nhà Bè hạm trưởng nghe qua hệ thống truyền tin thấy Bộ Tư Lệnh Hải Quân ra lệnh cho các tàu phải quay trở lại Sài Gòn. Liền sau đó lại có lệnh của Đại Tá Đỗ Kiểm, tham mưu phó hành quân bảo các tàu cứ tiếp tục lên đường.

Hai lệnh trái ngược nhau do hai phe đối ngược nhau. Đỗ Kiểm ở trên tàu ra đi cùng với một số sĩ quan của Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Hai Đại Tá khác mới vào chiếm Bộ Tư Lệnh, muốn các tàu quay về. Hai bên tranh chấp và đấu khẩu nhau qua hệ thống truyền tin của hải quân.

Hạm trưởng HQ 801 phân vân, không biết nên đi hay quay trở lại, liền hỏi ý kiến Viên, sĩ quan cao cấp nhất ở

trên tàu. Viên bảo: "Toa cứ lên đường. Tắt máy vô tuyến đi, đừng có nghe nữa."

Tàu tiếp tục chạy qua sông Lòng Tào để ra biển. Lúc này sĩ quan cơ khí đã sửa xong máy hư, tàu chạy ngon trớn trên mặt sông.

Sau một ngày cùng gia đình xốn xao lo kiếm đường chạy, Viên mệt, quay ra ngủ. Ngủ chưa được mấy, Viên được hạm trưởng đánh thức dậy, rồi nói:

"Đại Tá, tàu Trần Hưng Đạo 01 bị mắc cạn, đánh điện S.O.S. xin cấp cứu. Mình tính sao?

"Chúng mình đang ở đâu đây?" Viên hỏi.

"Mình chạy quá chỗ Trần Hưng Đạo một hải lý rồi," hạm trưởng đáp.

"Có tàu nào giúp Trần Hưng Đạo chưa?' Viên hỏi nữa.

"Mấy tàu chạy trước đều đi luôn," hạm trưởng nói.

Viên lưỡng lự, không biết nên tiếp tục cuộc hành trình hay quay lại cứu.

Viên kể: "Lúc ấy mình nghĩ mình không phải là hạm trưởng. Mình chẳng có trách nhiệm gì trong việc cứu hay không cứu. Mình cũng còn lo dọt cho lẹ, chậmtrễ có thể bị Việt Cộng chặn đường thì nguy. Lúc này, quân hồi vô phèng, đâu còn ai chỉ huy ai nữa. Tàu có đánh điện, chớp đèn xin cầu cứu, nó cũng đi luôn. Mà dù có ra lệnh, nó cũng chẳng thèm cứu. Mình có đến cứu, chưa chắc đã cứu được. Cả hai tàu đều chở nặng, đông người. Nước triều lại đang xuống. Cứu càng khó thêm.

"Nhưng mình cũng nhớ ngày xưa lúc học hải quân, huấn luyện viên Pháp đã giảng bài rất kỹ về trách nhiệm của người thuyền trưởng là phải cố cứu vớt người lâm nạn trên mặt biển. Đó là niềm tự hào của người thủy thủ.

"Còn chiếc HQ 801 này, như chiếc HQ 501, mình biết rõ nó từng ly từng tý như trong lòng bàn tay. Mình sang Mỹ lãnh chiếc dương vận hạm hơn 4.000 tấn này về. Trước khi nhận lãnh nó, mình đến Norfolk ở Virginia để Mỹ huấn luyện, chỉ dẫn và thực tập trong hai tháng trên tàu. Về Việt Nam mình làm hạm trưởng nó cả hai năm. Tuy đã rời nó từ 1964, nhưng mình vẫn biết nó tường tận.

"Nghĩ vậy, mình quay sang bảo hạm trưởng 'Thôi mình trở lại cứu nó.'"

Tàu Trần Hưng Đạo bị mắc cạn lúc chạy qua khúc sông có bốn nhánh. Người lái tàu có lẽ không thạo đường, hoặc không quen lái ban đêm, hoặc lượn không khéo nên đã để mũi tàu đâm nhẹ vào bờ.

Tàu Trần Hưng Đạo, loại khu trục hạm, đã rời Sài Gòn trong hoàn cảnh đặc biệt. Ngày 29 tàu được cặp bến ngay trước cửa Bộ Tư Lệnh Hải Quân để sẵn sàng chờ đón các sĩ quan cao cấp của Hải Quân. Vào giờ khởi hành, hạm trưởng không có mặt. Hạm phó ngần ngừ chưa muốn lên đường để chờ hạm trưởng vào. Một phó đề đốc muốn khởi hành ngay, đứng ra điều khiển tàu.

Để cứu tàu mắc cạn, Viên cho biết phải tính toán cẩn thận. Tính tốc độ cho tàu vào, tính khoảng cách giữa hai tàu, tính nước triều lên xuống. Cho tàu vào được rồi, hai bên quẳng mấy chục cuộn giây sang để cột tàu, giữ khoảng cách giữa hai tàu chừng năm đến mười thước. Khi chuẩn bị xong, hai tàu lùi ra cùng một lúc khi có hiệu lệnh của Viên.

"Lúc hai tàu lùi ra được, mình mừng quá," Viên kể truyện. "Tàu vừa ra khỏi chỗ mắc cạn, hai tàu hơi sát lại gần nhau, một số người trên tàu kia nhảy sang tàu này.

Họ nhảy sang vì mất tin tưởng ở tàu kia. Trong số những người nhảy sang có vài ông tướng, trong đó có tướng Nguyễn Văn Là. Tôi sợ họ kéo sang, chen lấn nhau như vậy nguy hiểm. Rồi hai tàu đụng nhau thì sao! Tôi bảo chặn lại không cho sang. Phải bắn súng chỉ thiên nữa.

"Nghĩ lại, mình cũng thấy liều lĩnh. Những vụ cứu như vậy chỉ có năm phần trăm thành công. Nhưng may mắn thành công rồi, mình lại cảm thấy hài lòng."

Dương vận hạm HQ 801 sau đấy tiếp tục lên đường. Ra ngoài Vũng Tàu, chiếc HQ 801 nhận được vô tuyến của một trực thăng Việt Nam xin đáp xuống. Người trên tàu "đông như kiến," theo lời Viên, đâu có chỗ cho trực thăng xuống. Trực thăng cứ lượn vòng vòng, năn nỉ, nói sắp hết xăng. Viên liền cho đuổi mọi người ở trên boong tàu xuống dưới để lấy chỗ cho trực thăng, rồi chỉ hướng gió cho trực thăng đáp. Trực thăng vừa đậu, từ trên phi cơ bước xuống một đại tá bộ binh, hai tay xách hai chiếc cặp, cùng với một tùy viên. Liền sau đấy chiếc trực thăng bay vọt đi, trước sự ngạc nhiên của Viên và mấy sĩ quan hải quân. "Nó đâu có hết xăng. Chắc còn về làm chuyến khác chở người đi," Viên đoán với nụ cười.

Tàu ra biển rồi, một số sĩ quan tụ họp nhau ở đài chỉ huy bàn tính đi đâu bây giờ. Lúc tàu rời Sài Gòn chỉ biết chạy tránh vùng nguy hiểm, nay nước mất, quân đội đã buông súng, biết đi đâu bây giờ? Người bàn đi Đài Loan. Người nói đi Thái Lan hay Mã Lai. Người đề nghị đi Úc. Người bảo đi Tân Thế Giới, tức Nouvelle Calédonie, nơi có nhiều người Việt sang làm đồn điền cao su cho Pháp trước kia.

Còn đang bàn tính chưa đi tới đâu, họ nghe được lệnh các tàu hải quân sẽ tập trung ở phía đông Côn Sơn mười dặm để đi theo soái hạm.

Lệnh này, cùng với tin Sài Gòn đã đầu hàng, làm dương vận hạm HQ 801 chia thành hai phe và tạo nên tình trạng gay go, khó xử. Một phe muốn tiếp tục đi. Phe kia muốn quay tàu trở lại.

Rắc rối là hạm trưởng ở trong phe muốn quay về. Gia đình hạm trưởng ngay từ hôm trước đã không muốn đi, mà muốn ở lại Sài Gòn. Mẹ vợ của hạm trưởng có người con đi tập kết ra Bắc Việt và nay trở về với cấp bậc thượng tá. Bà nhất định muốn gặp lại con. Vợ của hạm trưởng và em gái nghe theo bà mẹ. Hôm trước ba người bằng lòng lên tàu đi vì được bảo là đi tránh pháo kích. Nay biết tin Sài Gòn đã mất, chiến tranh đã chấm dứt, cả ba đều đòi về. Hạm trưởng luýnh quýnh không biết tính sao. Một bên bị áp lực nhà vợ làm dữ. Một bên bị số đông trên tàu không bằng lòng về.

"Hạm trưởng khóc lóc, than với moa, 'tôi khổ quá! Vợ đòi nhảy xuống biển, nếu không quay về.'" Viên thuật lại. "Mình bảo hắn nếu cậu chiều lòng vợ mà về, cậu sẽ bị bắt ngay lúc về tới nơi, chứ không được ở nhà với vợ đâu. Mình đề nghị hắn cho gia đình nhà vợ vào phòng, khóa trái lại, nhưng hắn không dám. Nhà vợ còn định ép hạm trưởng mang tàu về để tâng công với Việt Cộng.

"Trong khi đó phe không chịu về tính làm mạnh. Mấy tay Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù đến bảo moa 'chúng tôi nhất định không cho tàu về. Nếu cần để tụi tôi ra tay.'

"Tình trạng lúc bây giờ căng lắm. Gần như sắp có loạn. Mà loạn trên tàu thì chết. Mình phải can ngăn, bảo họ 'Nếu tính làm gì hạm trưởng, lính của nó phải bênh hạm trưởng. Lính trên tàu có súng. Mình không có súng. Rối loạn trên tàu thì nguy.'"

Viên liền đề nghị liên lạc với Đô Đốc Chung Tấn Cang, tư lệnh Hải Quân. Viên báo cáo tình trạng và xin cho một tàu nhỏ đến để chở về Sài Gòn những người không muốn đi. Cang đồng ý, rồi thu xếp để cho một tàu dầu nhỏ tới. Hạm trưởng cùng gia đình và một số người khác không muốn rời nước đã xuống tàu dầu trở lại Sài Gòn. Phần đông những người trở về đã không có vợ con đi theo kịp lúc tàu rời bến.

Viên được cử làm hạm trưởng chiếc HQ 801 và lái tàu đi nhập vào đoàn tàu ở gần Côn Sơn trên đường sang Phi Luật Tân.

Đỗ Kiểm, người đóng vai quan trọng trong việc tổ chức đoàn tàu rời Sài Gòn, đã không đưa được vợ con đi trên tàu hải quân. Trưa ngày 29 Kiểm thấy các tướng tá bên Tổng Tham Mưu và Không Quân đã đi cả rồi, Kiểm biết Hải Quân phải sửa soạn để đi. Kiểm chạy vội về nhà ở Thị Nghè, dặn vợ con và thân nhân chuẩn bị sẵn để khi có lệnh di tản Kiểm sẽ cho xe về đón. Kiểm cũng có kế hoạch dự phòng là trong trường hợp không đi được tàu hải quân thì đã có sẵn một chiếc ghe đánh cá của người bạn để ở Cầu Sơn gần đấy. Kiểm vẽ bản đồ chỉ dẫn chỗ ghe đậu để gia đình biết chỗ tìm.

Kiểm trở về sở làm việc và theo dõi tình hình. Đến ba giờ chiều, Hải Quân có lệnh di tản. Kiểm điện thoại về

nhà. Không có ai trả lời. Chuông điện thoại reo hoài mà không có ai nghe. Sốt ruột, Kiểm nhờ Trung Úy Sử về đón gia đình hộ. Sử trở lại báo tin nhà để cửa mở, mà không có ai ở trong.

Tới giờ xuống tàu để đi, Kiểm vẫn không thấy gia đình đến, mà cũng không có tin tức gì về gia đình. Trong suốt cuộc hành trình qua Phi Luật Tân, Kiểm lo lắng, thăm hỏi bạn bè mà vẫn bặt tin về gia đình. Có lần nghe tin vợ con ở Guam, Kiểm vội tình nguyện đi Guam để tìm kiếm mà rồi cũng không thấy. Một tháng rưỡi trời đã qua, nhờ các bạn Mỹ và Việt hỏi thăm các trại tạm cư của người Việt, Kiểm càng thất vọng. Vợ con Kiểm vẫn biệt tăm.

Đến khoảng giữa tháng 6 Kiểm còn ở Guam, được báo có điện thoại gọi. Tưởng là của các bạn Mỹ báo tin tìm được việc hộ, Kiểm cầm máy nghe.

"Kiểm hả? Anh cà chớn! Sao bỏ rơi mẹ con tôi?" Vợ Kiểm vừa khóc lóc vừa trách cứ Kiểm về những khổ cực của cuộc hành trình trên biển, về bé gái còn nhỏ không có sữa ăn suýt chết vì kiệt sức, đồng thời thổ lộ nỗi tức giận Kiểm và dọa li dị Kiểm. Kiểm chưa kịp phân trần thì vợ đã cúp điện thoại.

Vợ Kiểm điện thoại từ đảo Wake. Hai tuần sau vợ con Kiểm bay qua Guam để đoàn tụ.

Hai bên thất lạc nhau vì hôm 29/4 khi cộng quân đánh cầu xa lộ gần nhà Kiểm, vợ con Kiểm và mấy gia đình thân nhân, bạn bè nghe súng nổ quá gần, hoảng sợ, chạy ra chỗ thuyền đánh cá mà Kiểm đã chỉ buổi trưa, rồi đi luôn ra biển. Thuyền ra khơi hai ngày mới gặp được tàu Mỹ vớt. Bé gái không có thức ăn mang theo, bị mệt lả, may được cứu kịp thời. Được tàu Mỹ cứu, vợ con Kiểm

được đưa đi Guam, nhưng tới nơi vì trại quá đông nên được đưa sang đảo Wake. Đảo này nhỏ bé, ít người liên lạc, nên mãi sau vợ Kiểm mới tìm được chồng.

Thương cảng Sài Gòn: "nước vỡ bờ"

Sau khu Hải Quân, thương cảng Sài Gòn là nơi nhiều người Việt ùa tới vào sáng ngày 30/4, khi cộng quân đã đến cửa ngõ Sài Gòn. Nhiều người tất tả chạy tới, vẻ mặt hãi hùng, buồn thảm, hy vọng kiếm được tàu, thuyền để thoát khỏi Việt Nam. Kho 5 Khánh Hội là địa điểm được nhiều quân nhân, công tư chức túa đến. Tại đấy có mấy chiếc tàu buôn lớn của Việt Nam đang đậu sẵn.

Đứng trên đài chỉ huy của tàu Trường Xuân, thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy nhìn thấy rõ cảnh dân chúng xông ra tàu, sau khi lệnh cho quân dân các cấp hạ khí giới được loan báo trên đài phát thanh Sài Gòn. Đàn ông, đàn bà, người già, trẻ thơ. Dân sự có, quân nhân có. Quân nhân đủ loại, thuộc nhiều quân binh chủng khác nhau. Có người còn đủ quân phục, súng ống, đạn dược. Cả một trung đội cảnh sát dã chiến võ trang đầy đủ tràn vào. Ai cũng vội vã chạy lên tàu, chen lấn nhau, làm cầu tàu gẫy. Không có cầu tàu, họ tìm mọi cách, mọi phương tiện để lên tàu. Người trèo qua cần trục ở gần tàu để xuống. Phía trên bờ, phía ngoài sông, quanh mũi, sau lái, người người leo giây, cõng nhau, công kênh nhau lên vai, trèo lên lưng nhau để cố lên tàu. Có thuyền bị lật, người bơi được, người chới với dưới nước. Chỉ trong chốc lát đã có khoảng ba ngàn người chen chúc nhau như nêm cối trên tàu Trường Xuân.

Là một tàu chở hàng và chỉ đủ chỗ an toàn để chở 12 hành khách, Trường Xuân nay phải tiếp nhận một số khách quá lớn mà không được chuẩn bị dù là tối thiểu. Máy móc đã cũ kỹ, còn bị phá hoại ngầm. Thủy thủ đoàn lại thiếu, chỉ có một phần tư. Có người lên tàu, rồi sau muốn quay trở về. Người khác hoảng hốt báo động có đặc công Việt Cộng ở trên tàu. Chuyến đi của Trường Xuân vì thế trở thành một cuộc hải hành có đủ gay cấn, nguy hiểm, bạo hành, đói khát, xen lẫn với những phấn đấu quả cảm, trước những thử thách hư máy, mắc cạn, xô người xuống biển, trôi dạt giữa biển cả.

Trường Xuân là một trong số những tàu Việt Nam chở được nhiều người tỵ nạn nhất.

Theo thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy, trong những buổi chuyện trò năm 1981 và 1999, cùng cuốn *Hồi Ký Một Đời Người*, Trường Xuân chỉ mới trở lại bến Sài Gòn ngày 17/4 sau bốn tháng ngang dọc vùng biển Đông Nam Á. Tàu lúc ấy lo chuyên chở hàng hóa theo khế ước ký kết với một hãng vận tải ở Tân Gia Ba. Khế ước đáng lẽ đến tháng 6 mới hết hạn, nhưng vào đầu tháng tư thuyền trưởng Lũy yêu cầu chủ hãng là Vishipco Lines chấm dứt khế ước để tàu trở về Sài Gòn gấp, sau khi Lũy nghe đài phát thanh BBC và Úc Đại Lợi loan báo cộng quân chỉ cách Sài Gòn chừng 60 cây số mà ít gặp sự chống cự. Lũy cũng như thủy thủ đoàn 24 người đều âu lo cho gia đình ở Việt Nam.

Là người bắc di cư vào nam sau hiệp định Genève năm 1954, và từng gắn bó với nhiều đảng viên của Duy Dân, Lũy và gia đình cũng muốn rời Việt Nam lánh nạn cộng sản. Lũy trở lại Sài Gòn vào lúc thành phố đã giao động mạnh. Nhiều người đang xốn xao tìm đường ra khỏi nước.

Lũy đề nghị với chủ hãng Vishipco Lines chuẩn bị dùng đoàn tàu của hãng để chở người tỵ nạn, đồng thời chạy được đoàn tàu ra nước ngoài, nhưng đề nghị đó không được chấp thuận.

Điều Lũy quan tâm nhất đối với Trường Xuân là tình trạng máy móc của tàu. Trường Xuân được đóng tại Nhật Bản vào thập niên 1950, và sau chuyến hải hành vừa qua đáng lẽ phải được đại tu bổ. Vì tình hình Việt Nam, việc đưa tàu vào ụ để sửa phải hoãn lại. Tàu chỉ được sửa những bộ phận cần thiết và lo chuẩn bị cho chuyến đi khác.

Trường Xuân không có cơ khí trưởng để thay thế người đã xin nghỉ việc. Lũy đã xin tuyển gấp mà chưa được. Lũy lo ngại có âm mưu phá hoại tàu khi được biết một vài người xuống sửa chữa tàu có những dáng điệu khả nghi. An ninh của tàu cũng không được bảo đảm. Ngày 28/4 Lũy ra thăm tàu, không thấy một thủy thủ nào, kể cả sĩ quan trực. Trong hoàn cảnh ấy Lũy cảm thấy mình bất lực, và hầu như tuyệt vọng, không biết làm cách nào để đưa tàu và gia đình cùng nhiều người khác ra khỏi Việt Nam.

Mãi đến bốn giờ chiều ngày 29/4, sau khi phi trường Tân Sơn Nhứt bị oanh tạc và pháo kích, chủ tàu Trần Đình Trường mới chạy xe tới nhà Lũy, báo tin: "Thuyền trưởng được toàn quyền xử dụng tàu Trường Xuân để chở đồng bào tỵ nạn đi Phú Quốc. Xếp máy Lê Hồng Phi sẽ xuống tàu." Trường trao cho Lũy giấy phép của Bộ Nội Vụ trưng dụng tàu Trường Xuân để chở người tỵ nạn.

Lúc này nhiều máy bay trực thăng Mỹ đã bay lượn trên bầu trời Sài Gòn để di tản người Mỹ và một số người Việt.

Lũy và con trai chạy vội ra tàu. Sĩ quan phụ tá báo cáo xếp máy Lê Hồng Phi đã coi máy móc tàu và cho biết tàu có thể khởi hành hôm sau. Phi đang về nhà đón gia đình ra tàu. Lũy liền quyết định lấy phấn viết lên tấm bảng gỗ treo ở cầu tàu: "Trường Xuân rời Sài Gòn 11 giờ sáng ngày 30/4/75."

Lũy sau đó cũng vội vã về nhà, thông báo cho bà con, thân nhân và lối xóm ngày giờ Trường Xuân rời bến.

Sáng sớm hôm sau, Lũy trở lại tàu. Cả đêm 29 Lũy thức trắng đêm vì lo nghĩ cho chuyến đi, trong lúc Sài Gòn giới nghiêm 24 giờ đồng hồ, và cộng quân bắt đầu xâm nhập thành phố. Gia đình, thân nhân, hàng xóm, khoảng 200 người, chen chúc nhau lên hai xe vận tải chạy theo sau. Hai xe vận tải bị cảnh sát thương khẩu chặn lại không cho vào. Lũy dơ giấy phép của Bộ Nội Vụ. Cảnh sát từ chối, nói gia đình ông sao đông thế. Một người trên xe liền đưa cảnh sát một phong bì dày cộm. Hàng rào kẽm gai được dẹp sang bên, và cổng được mở cho xe vào.

Nhiều toán người khác cũng hốt hoảng chạy tới, định vượt hàng rào kẽm gai, tràn vào thương cảng. Cảnh sát phải bắn súng thị oai để ngăn chặn. Giữa lúc hỗn độn và sợ sệt đó, sĩ quan vô tuyến điện của tàu Trường Xuân bị lạc vợ con. Không tìm thấy gia đình, anh quyết định ở lại. Mất người liên lạc vô tuyến, Lũy âu lo cho số phận Trường Xuân đi trên biển như người câm điếc. Mấy phút sau Lũy mừng rỡ khi gặp một vô tuyến điện viên của một tàu khác đang tìm đường chạy.

Trường Xuân lúc này đã có mấy trăm người trên tàu. Khi tin Sài Gòn đầu hàng loan đi, dân chúng ùa vào kho 5 Khánh Hội như nước vỡ bờ. Trong chốc lát, Trường Xuân đông nghẹt người.

Những người đến sau còn nói xe tăng cộng quân đã chiếm dinh Độc Lập. Trường Xuân lúc ấy vẫn nằm bất động tại bến.

Mãi đến 12 giờ rưỡi, Lũy mới cho lệnh khởi hành được. Tàu vừa từ từ tách khỏi bến, trục trặc máy móc lộ rõ ngay. Tay lái tàu không ăn theo hướng định lái. Cơ khí trưởng xem xét và khám phá thấy tay lái có nước ở trong, thay vì dầu. Tàu không còn cách nào khác là dùng tay lái phòng hờ để chạy gấp, tuy việc lái tàu phải khó khăn và phiền toái hơn. Một binh sĩ hải quân tình nguyện điều khiển tay lái phòng hờ theo lệnh truyền qua ống loa của thuyền trưởng. Loay hoay mãi đến 1 giờ rưỡi trưa tàu mới rời kho 5. Sau này có tin Trường Xuân vừa chạy qua khỏi kho 18 chừng năm phút, xe tăng cộng quân xông tới ủi xập cổng thương cảng và chiếm đóng toàn khu bến tàu Khánh Hội.

Ra đến Nhà Bè, Trường Xuân bị mấy ghe nhỏ đuổi theo để xin cho người lên tàu. Rồi phòng điện tín được thông báo tàu Việt Nam Thương Tín và tàu Tân Việt Nam bị phục kích ở gần khu Rừng Sát. Tin này làm Trường Xuân phải chuẩn bị để đương đầu.

Thuyền trưởng Lũy ngay sau khi thấy tàu bị đám đông tràn ngập, trong đó có nhiều người võ trang súng ống, đã cho lập ngay ban tham mưu của tàu, trong đó có một số sĩ quan quân đội. Trung Tá Lưu Bính Hảo, có cả một trung đội cảnh sát dã chiến võ trang đầy đủ đi theo, được cử làm trưởng ban an ninh. Những binh sĩ khác trên tàu cũng được điều động tham gia phòng bị. Trường Xuân may thay không bị phục kích.

Qua khỏi khu Rừng Sát, khoảng năm giờ chiều máy đèn tàu Trường Xuân ngừng chạy khi hệ thống làm nguội máy bị tê liệt. Điện mất, tay lái phòng hờ không điều khiển được. Đầu Lũy xáo động. Cố trấn tĩnh, Lũy cho tàu chạy chầm chậm để tính kế. Tàu không thể thả neo vì thiếu thủy thủ. Để tàu trôi, tàu có thể bị dạt vào bờ mắc cạn theo chiều dài của tàu thì nguy hiểm. Lủy cho tàu chạy chậm, rồi đâm nhẹ vào bờ. Với kiểu mắc cạn này, hầu hết thân tàu nổi trên sông, tàu sẽ được kéo ra dễ hơn.

Thuyền trưởng Lũy chạy vội xuống phòng máy bảo cơ khí trưởng Phi chuẩn bị hơi ép đầy đủ để cho máy chạy lùi, rút ra khỏi bãi cạn. Phi thông báo máy đèn bị hư vì ống van hệ thống nước làm nguội bị khóa lại, một dấu hiệu phá hoại. Phi cũng cho hay không có đủ hơi ép để chạy máy chính.

"Cho chạy máy đèn để "sạc" bình hơi," Lũy nói.

"Cũng không còn đủ hơi ép để chạy máy đèn," Phi đáp. "Phải cần tới 16 kí lô áp suất. Đồng hồ chỉ còn ghi 12 kí lô thôi."

Thanh niên được huy động để bơm hơi ép bằng tay. Họ cố bơm hơn 16 kí để có thể nổ máy được vài lần. Khi bơm tới 18 kí thì đầu van bơm bị gãy. Hơi ép xì mất, xuống còn 11 kí. Mang đầu van gãy đi hàn thì thấy giây hàn bị cắt, một dấu hiệu nữa cho thấy có mưu toan phá hoại. Một thợ máy chạy lục soát các nơi ở phòng máy, tìm thấy một đầu van cũ ở gần máy đèn. Việc bơm tay lại được tiếp tục.

Trong lúc tàu mắc cạn, nhiều người sợ Việt Cộng tới tấn công hoặc bắt giữ. Có người vội thủ tiêu giấy tờ trong ví. Người khác làm dấu đọc kinh, người niệm Phật.

Giữa tình cảnh lo âu, nơm nớp đó, mọi người cầu mong có tàu đi qua để cầu cứu. Niềm mong ước đó không phải đợi lâu. Một tàu nhỏ để kéo xà làn đang từ Vũng Tàu chạy đến. Trước những tiếng kêu cứu, vẫy gọi, tàu kéo vẫn tiếp tục chạy. Mấy loạt súng liên thanh bắn chặn, tàu kéo Song An mới sáp lại. Rồi sau có vài tàu nhỏ của hải quân, trương cờ trắng, cũng ở phía Vũng Tàu chạy về, đã ghé lại phụ giúp Song An kéo Trường Xuân ra khỏi chỗ cạn. Song An sau đấy bắt giây cáp lên mũi Trường Xuân, kéo ra biển. Thuyền trưởng Lũy ví Song An kéo Trường Xuân như "con cóc kéo con bò," nhưng nhờ có thêm nước triều ròng, tàu được kéo đi dễ dàng.

Kéo đi ngon trớn, Song An không để ý lắm tới mặt nước. Khi nghe thuyền trưởng Lũy hô lớn "Lái hết sang mặt," tài công Song An chưa kịp phản ứng thì đã nghe tiếng kêu răng rắc. Song An đã đâm gãy cọc dãy đăng bắt cá mà ngư phủ giăng mờ mờ trên biển gần Vũng Tàu. Lưới cá quấn vào lái và chân vịt, Song An nằm kẹt cứng ở đấy. Lúc đó vào khoảng nửa đêm.

Binh sĩ và thanh niên phải sang gỡ lưới và dùng cưa sắt để cưa cọc. Cả tiếng đồng hồ sau, Song An mới được giải thoát và tiếp tục kéo Trường Xuân đi.

Khi gặp nước lớn, Song An kéo rất vất vả. Giây cáp bị đứt mấy lần nữa. Có lúc Trường Xuân bị kéo dạt gần sát Vũng Tàu, nhìn thấy rõ Bãi Trước vào lúc sáng sớm. Nhiều người hồi hộp sợ Việt Cộng cho ghe đuổi theo tàu. Ban an ninh trên tàu đã chuẩn bị tác chiến. Một giờ sau Trường Xuân đi xa khỏi Vũng Tàu, để ra biển khơi.

Không gặp Việt Cộng, Trường Xuân lại bị vài thuyền khác chở đầy người đuổi theo để xin lên. Có thuyền còn

bắn súng chỉ thiên để áp đảo, không biết Trường Xuân được võ trang hùng hậu hơn nhiều. Thuyền này được lệnh vứt hết súng xuống biển trước khi được cho người lên.

Tới 10 giờ sáng ngày 1 tháng 5, máy chính của Trường Xuân được sửa chửa, nổ ròn rã. Thân tàu rung chuyển. Mọi người vỗ tay vui mừng. Song An chuẩn bị chia tay. Những người đi trên Trường Xuân hô hào nhau thu góp được hơn chín triệu bạc để tưởng thưởng cho Song An.

Lúc Song An giã từ, gần chục người cũng bỏ Trường Xuân để trở về với Song An. Thuyền trưởng Lũy sau này được giới hàng hải cho tin tài công tàu Song An đã bị hạ sát trước khi về tới Sài Gòn, có lẽ vì số bạc tưởng thưởng trên.

Thoát được vòi hải phận quốc tế, không còn sợ Việt Cộng đuổi bắt, Trường Xuân còn phải đối phó với nhiều cam go khác, khi gần 4.000 người chen chúc nhau trên tàu. Họ lại thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau và một số có võ khí.

Để duy trì trật tự và phòng ngừa bạo động, lệnh tước khí giới được ban hành. Súng ống mang nộp cho ban an ninh được chất đầy phòng hải đồ và khóa lại.

Đói khát, chật chội và mệt mỏi thể hiện rõ trên tàu. Trường Xuân, sau khi từ Tân Gia Ba trở về, đã được tiếp tế 180 tấn nước ngọt và 10 tạ gạo để dự trù cho thủy thủ đoàn trong chuyến hải hành ba bốn tháng tới. Thuyền trưởng Lũy nghĩ số gạo, nước đó có thể giúp những người trên tàu tạm cầm hơi trong chuyến đi ngắn ngủi này. Chính Lũy, sau cả ngày đêm lo cho tàu ra khỏi hải phận, cũng không được ăn uống gì. Bếp tàu báo cáo cơm nấu vừa chín, chưa ra khỏi bếp, đã bị nhiều người tới lấy ăn

hết. Nước ngọt cũng bị cạn quá mau lẹ. Người già và trẻ em không có cơm ăn, nước uống trong hơn một ngày đã lộ rõ vẻ mệt mỏi. Vài cảnh dành dật nước uống đã xảy ra. Ban an ninh có lúc phải bắn súng thị uy.

Trong tình trạng khổ cực, căng thẳng đó, có người đã tuyệt vọng. Hai vụ tự tử bằng súng đã xảy ra vào chiều ngày 1 tháng 5, cách nhau chỉ có 15 phút. Vụ tự tử cho thấy lệnh nạp khí giới đã không được thi hành triệt để.

Một giờ sau hai vụ tự tử, có tiếng kêu: "Người rớt xuống biển!"

Lại tự tử, hay vô tình bị rớt?

Tàu tiếp tục chạy, hay quay lại vớt người?

Thuyền trưởng lại phân vân, suy nghĩ. Quay lại vớt, nhỡ máy tàu hỏng thì sao? Liệu có tìm được nạn nhân?

Gạn hỏi nhân chứng, biết có người rớt thật, Lũy quyết định quay tàu trở lại. Một số người tỏ vẻ bất bình, cho rằng tìm thấy người giữa biển rộng là việc làm tốn công và vô ích.

Mặt biển lúc ấy êm đềm, chỉ có sóng lăn tăn. Trời vào khoảng năm giờ chiều, hãy còn sáng. Tàu quay trở lại đường cũ chừng nửa giờ thì nạn nhân được phát hiện qua ống nhòm, và được vớt lên. Trong thư viết sau này cho thuyền trưởng Lũy, người được vớt là Vũ Văn Thụ cho hay anh đã bị một vài người xô đẩy xuống biển. Anh đã hoảng hốt chạy lên tàu để đi không mang theo vợ con, khi nghe Việt Cộng về. Lúc ra khơi, anh thấy hối tiếc và tỏ ý muốn quay về Việt Nam. Vài người ở gần nghe nói liền xô anh xuống biển.

Lại có tin lầm Việt Cộng trà trộn trên tàu và mưu toan phá hoại tàu, làm ban an ninh phải lục soát những chỗ khả nghi và theo dõi mấy người bị điểm chỉ.

Tối hôm đó tàu tiếp tục cuộc hành trình ì ạch về phía nam biển Nam Hải. Đến khoảng tám giờ tối, xếp máy Phi cho hay: "Nước vào phòng máy rất nhiều. Thuyền trưởng cho đổ bộ nơi nào gần nhất."

Tin này làm thuyền trưởng giật mình. Nỗi lo tàu chìm làm Lũy biến sắc. Lũy bị mồ hôi vã ra như tắm khi đo hải đồ vị trí từ tàu tới địa điểm dự trù đến. Đoạn đường gần nhất cũng phải mất 30 giờ, vì tàu lúc ấy hãy còn loanh quanh vùng Côn Đảo. Lũy cố che dấu nỗi âu lo đang cấu xé tâm can.

Tàu chạy thêm nửa giờ nữa thì máy im bặt. Đèn phụt tắt. Tàu thả trôi trên mặt biển. Phòng máy làm việc dưới ánh đèn pin. Máy tắt vì bị nghẹt dầu. Thanh niên lại thay nhau xuống phòng máy tát nước. Đài chỉ huy tối om, không đọc được hải đồ để nghiên cứu lộ trình. Không điện, phòng điện tín cũng không liên lạc được với thế giới bên ngoài. Trường Xuân trải qua một đêm hãi hùng lo sợ. Lệnh giới nghiêm cũng được áp dụng trong đêm.

Sáng ra máy tàu được sửa và nổ lại. Máy bơm dù hoạt động hết sức cũng chỉ đủ giữ cho nước không lên cao trong phòng máy mà thôi. Điện tín cấp cứu được đánh đi trên băng tần quốc tế, báo tin Trường Xuân bị "nước tràn vào phòng máy, có cơ nguy bị chìm...Gần 4000 người Việt trốn chạy cộng sản đang bị đói khát. Nhiều con nít bị bệnh. Cần được tiếp cứu thượng khẩn."

Điện tín đánh đi được 10 phút, Trường Xuân nhận được trả lời của tàu Clara Maersk. Hai tàu tiếp tục liên lạc với nhau. Tàu Đan Mạch cho biết có thể chở đi 1.500 đàn bà và trẻ con.

Tin tàu Đan Mạch sẽ tới nơi vào khoảng trưa làm mọi người trên tàu reo vang. Ai nấy ngong ngóng chờ đợi. Niềm vui đó chưa làm thuyền trưởng Lũy hết nhức nhối khi nghĩ chỉ có 1500 người được đưa đi. Còn những người khác thì sao?

Chờ tàu đến, mọi người dương mắt ngóng nhìn mặt biển. Một chấm đen xuất hiện, sau biến thành con tàu khổng lồ, gấp bảy tám lần tàu Trường Xuân. Khi tàu Clara Maersk đến gần, tiếng vỗ tay hoan hô vang dậy cả vùng biển.

Thuyền trưởng Lũy sang gặp thuyền trưởng Anton Olsen của tàu Đan Mạch. Hai người nói chuyện, rồi Olsen đồng ý tiếp nhận tất cả 3628 người trên tàu Trường Xuân. Chuyến tàu chót của Trường Xuân kết thúc sau hơn 50 giờ hành trình.

Lên tàu Đan Mạch rồi, ban tham mưu Trường Xuân liền gửi điện tín kêu gọi thế giới tự do cứu giúp đoàn người vượt biển. Mấy giờ sau, lời cầu cứu được nữ hoàng Anh quốc đáp ứng và chính quyền Hương Cảng chấp thuận tiếp nhận đoàn người tỵ nạn.

Vũng Tàu: "thuyền đi như lá tre"

Vũng Tàu, cách Sài Gòn 128 cây số về phía đông nam, là địa điểm xuất phát của nhiều ghe thuyền chở người tỵ nạn ra khơi và được tàu Mỹ vớt sau khi miền Nam Việt Nam xụp đổ. Thành phố này đã được Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ sau khi rút từ Đà Nẵng về.

Lúc Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, tư lệnh sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, cùng một số sĩ quan sửa soạn ra đi, Lân hỏi Trung Tá Nguyễn Văn Phán: "Anh tính sao?"

"Thiếu Tướng cứ đi trước đi. Đừng lo cho tôi. Tôi sẽ tìm cách đi cùng anh em. Thế nào tôi cũng tìm được cách đi," Phán trả lời. Phán tin sẽ kiếm được thuyền để ra biển và được tàu Mỹ vớt.

Nỗi lạc quan đó tan mất vào ngày 29/4, khi những đệ tử của Phán tìm mãi mà không thấy chiếc thuyền nào. Nhìn xa ra biển thấy có tàu, thuyền đi lại, Phán cùng bảy binh sĩ người nhái quyết tâm bơi ra biển, hy vọng gặp thuyền sẽ được cứu ở ngoài đó.

"Thấy tàu và thuyền, mình tưởng gần, bơi mãi cũng không sao đến gần họ được," Phán kể lại. Bơi một hồi mệt quá, thấy một chiếc cọc liền bám vào. Cọc có kẽm gai. Mình quá mệt, đành để sóng đánh vật vờ, dạt lên dạt xuống. Người đụng vào kẽm gai, xây xước, máu chảy Mình cho đệ tử biết không đủ sức bơi thêm nữa, rồi nằm ngửa cho sóng đánh trôi trở vào bờ.

"Lên nằm nghỉ trên cát ở bãi Dâu, mình thấy nản rồi. Mấy đàn em bảo nhau đi tìm thuyền nữa. Có đứa bảo 'em tìm được thuyền thúng thì để ông thày lên, đẩy ra biển. Tìm mãi cũng chẳng có cái thúng nào.

"Trời đã quá trưa. Mình thất vọng thêm, đành tính cách khác. Mình bàn với mấy anh em: giờ chỉ có hai đường chọn lựa. Một là liều về Long Thành, rồi lẻn về Sài Gòn để xuống vùng 4. Đi dọc đường, nếu đụng địch, phải giao tranh thì ai chết hay bị thương, cứ việc bỏ lại, ai còn sống cứ đi. Tôi có bị thương, anh em cứ việc đi. Hai là tìm cách men bờ biển sang Gò Công, rồi từ đấy đi vùng 4.

"Anh em đang bàn tính, chưa ngả ngũ đi lối nào, thì có anh lính chỉ tay ra biển bảo hình như có tàu đang đi vào. Mọi người trố mắt nhìn theo, ngong ngóng trông. Quả thật có tàu đang dần dần tiến vào. Anh em bảo nhau núp kín. Ai cũng hồi hộp.

"Tàu vào thêm nữa, rồi sâu thêm, rồi ngừng lại, há miệng ra. Chúng tôi mừng sao kể siết, chạy ào ra, nhào xuống biển, lội lại phía tàu, rồi ùa lên.

"Một thiếu tá hải quân bước ra, mặt giận dữ, xua tay cản lính không cho lên, và đòi đuổi những người đã lên được tàu. Ông ta còn dọa bắn những người nào không chịu xuống. Ông bảo tàu được lệnh vào đón mấy ông lớn.

"'Đây không còn ông lớn nào nữa. Chỉ còn anh em Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi ở đây. Xin cho anh em chúng tôi đi với,' tôi trả lời. Thiếu Tá Hải Quân không chịu. Tôi liền kê khẩu M18 sát đầu ông ta, bắn một loạt rẹt rrr rẹt. Ông ta sợ quá, xỉu xuống. Anh em vực ông ta dậy, bắt quỳ cùng với mấy hải quân khác. Tôi bảo ông ta 'Tôi là Trung Tá Phán, chỉ huy trưởng căn cứ Vũng Tàu. Ở đây không còn ông lớn nào nữa, chỉ còn tôi thôi. Tôi muốn tàu này chở anh em đi.'

"Lính liền nhào thêm lên tàu. Tàu chật cứng. Có lẽ tới cả ngàn người. Bị nặng quá, tàu lún xuống, mắc cạn, không ra nổi. Tôi phải bảo anh em binh sĩ. Tàu không thể nào chở hết được mọi người. Chỉ một số đi được mà thôi. Tôi là người phải đi. Tôi ở lại, Việt Cộng sẽ giết tôi. Tôi đã bị chúng dọa chặt đầu ở Cà Mau năm 1961. Rồi sau chúng bảo dân ở Bình Định đừng bán đồ cho lính quàng khăn tím của tôi. Vậy anh em nào muốn đi thì đi. Anh em nào thấy ít nguy hiểm, có thể ở lại được thì ở.

"Một số người nghe lời, bỏ tàu lên bờ. Chúng tôi ngậm ngùi, chia tay giã từ những người ở lại. Nhưng tàu vẫn không nhúc nhích được. Hãy còn nặng. Còn bị mắc cạn. Chúng tôi bảo nhau quẳng hết những thứ không cần, cả súng ống, đạn dược. Chỉ giữ lại một số ít để phòng vệ. Quần áo cũng bỏ bớt. Nón sắt thì giữ lại, để múc nước ở tàu ra. Rồi phải xuống bớt người cho tàu nhẹ hơn. Một số xúm lại đẩy tàu ra. Mãi tàu mới ra nổi. Chở nặng, thành tàu chỉ mấp mé mặt nước chừng một tấc.

"Kiểm điểm về sau được biết có 397 Thủy Quân Lục Chiến đi được trên tàu này. Đó là chiếc tàu của Quân Vận loại LCM 8."

Tàu chạy đến chiều thì gặp một tàu của hải quân. Nhìn chiếc trực thăng có dấu hiệu hai sao ở trên tàu, Phán bảo tàu ghé lại. Phán nhận ra đó là trực thăng của tướng Lân. Gặp tướng Lân, Phán cho biết tàu của Phán nhỏ mà có tới 400 người. Phán xin tướng Lân nói dùm để cho những người đi cùng Phán được sang tàu lớn. Tàu kia cũng đông người không thể nhận thêm, nhưng Lân đồng ý liên lạc để tìm xem có tàu nào ở gần. Lát sau, Phán được thông báo có tàu buôn Đại Dương chạy gần đó. Theo lời chỉ dẫn, tàu chở Phán chạy tới và cho số người lên được tàu Đại Dương.

Cũng ở Vũng Tàu trước đó còn có binh sĩ thuộc Lữ Đoàn I Nhảy Dù. Họ đã "khóc như mưa" khi được lệnh buông súng, và Nam Việt Nam đã đầu hàng cộng sản. "Đàn ông mà cũng khóc quá trời. Nhiều người khác khóc theo," Trung Tá Lê Hồng, lữ đoàn phó kể lại lúc lữ đoàn đang ở Vòm Lá thuộc tỉnh Gò Công. Hồng cùng lữ đoàn đã tham

gia trận đánh ở Xuân Lộc trước đó 10 ngày, rồi sau rút về Vũng Tàu và đang tính tìm đường đi Quân Khu 4.

Nghe tin Sài Gòn thất thủ, đại tá Định, lữ đoàn trưởng lo lắng cho vợ con, đã trở về Sài Gòn để tìm kiếm gia đình. Ông không gặp lại gia đình mà bị bắt đi học tập, trong lúc vợ con lại tìm được tàu ở Kho 5 Khánh Hội để ra khơi.

Trung Tá Lê Hồng, 38 tuổi, cùng với khoảng 1.200 binh sĩ Dù dùng thuyền ra biển và 24 giờ sau được tàu Mỹ vớt. Lê Hồng ra đi, trong lúc vợ và sáu con dưới 12 tuổi, còn ở Sài Gòn.

Cũng rời Vũng Tàu, một số thuyền đánh cá chở theo người tỵ nạn đã ra biển tìm tàu Mỹ. Có thuyền gặp tàu Mỹ, được vớt ngay. Có thuyền bị từ chối, ngư phủ đục thuyền cho đắm để Mỹ buộc lòng phải cứu.

Từ trên tàu Mỹ Challenger, Nguyễn Ngọc Bích thấy được nhiều thuyền đánh cá chạy ra biển. Bích kể: "Thuyền đánh cá ra như lá tre. Có thuyền từ xa chạy tới, phía mũi thuyền có người đứng, một tay chỉ hướng đi trông hiên ngang như nhàlãnh đạo. Tay kia vịn vào thành bên cạnh. Thuyền dần dần đi tới. Đến gần mới nhận ra người đứng ở mũi thuyền là một linh mục mặc áo dài đen. Bên cạnh là chiếc Lambretta. Trên thuyền ngồi chen chúc cả mấy chục người."

Có người ở thuyền đánh cá bước lên tàu còn mang theo chiếu, máy may và lồng gà có mấy con, theo lời Trung Tá Hoàng Song Liêm, người đã tình nguyện làm liên lạc viên với người Việt trên một chiếc tàu Mỹ. "Lồng gà này, mình phải yêu cầu họ bỏ đi, dù biết mấy thứ đó là gia sản của họ. Với người đánh cá, thuyền có khi là nhà họ ở luôn," Liêm cười.

Quang cảnh ngoài biển ban đêm khi thuyền đánh cá chạy tới tàu Mỹ thật "huy hoàng mà bi thảm," như lời diễn tả của Bích. "Buổi tối tàu Mỹ thắp đèn sáng choang. Thuyền đánh cá ở xa đã nhìn thấy tàu Mỹ. Hàng trăm chiếc thuyền nhỏ có đèn dầu le lói chạy tới, trông như ngày hội đua thuyền. Khi người dưới thuyền lên hết trên tàu, chủ thuyền châm lửa đốt. Ánh lửa bập bùng trên sóng như một ngày hội. Khung cảnh trông thật bi thảm, thống thiết, nhưng cũng gây cảm giác kỳ lạ, quái dị! Vừa bi thảm vừa huy hoàng!"

15

Vì Đâu Nên Nỗi?

Nhiều người dân Sài Gòn không khỏi sững sờ nhìn thấy đa số binh sĩ trong những toán quân Việt Cộng chiến thắng tiến vào thành phố là những thiếu niên, mặt mũi non choẹt, thân hình nhỏ bé, gày ốm, điệu bộ quê mùa, khờ khạo.

"Nhìn chúng, mình tức muốn ứ máu. Vừa tức! Vừa nhục! Tại sao quân đội mình hùng mạnh, võ khí tối tân mà lại thua thảm hại trước tụi con nít như vậy?" một cựu thiếu tá Bộ Tổng Tham Mưu quân lực Việt Nam Cộng Hòa nhớ lại ngày mặc chiếc áo thung bước ra khỏi sở, khi xe tăng Việt Cộng đã chiếm xong cơ sở đầu não của quân đội. "Sau này vào trại cải tạo phải nghe những giảng viên ngu dốt của nó nói còn ngọng...thế mà mình lại thua. Tức thật!"

Nam Việt Nam không những thất trận, mà còn thua một cách thê thảm và mau lẹ làm nhiều người ngỡ ngàng. Tại sao miền Nam Việt Nam xụp đổ như thế? Vì đâu nên nỗi?

Câu hỏi này vẫn từng ám ảnh một số người, trong đó có nhiều người chạy ra hải ngoại. Đã có những câu trả lời hoặc giải thích việc thua trận của miền Nam Việt Nam dưới nhiều khía cạnh và nhãn quan khác nhau. Vì Mỹ bỏ rơi Việt Nam. Vì Mỹ không chủ tâm đánh thắng Hà Nội. Vì Mỹ không viện trợ đủ cho Nam Việt Nam. Vì giới lãnh đạo miền Nam Việt Nam yếu kém, tham nhũng. Vì cấp chỉ huy quân sự bỏ chạy. Vì lính Việt Nam bỏ ngũ, lo chạy vợ con. Vì cộng sản tuyên truyền giỏi và xâm nhập lũng đoạn hàng ngũ quốc gia.

Mỗi trả lời đều có lý và đúng theo một khía cạnh của nó. Chiến tranh Việt Nam rất phức tạp vì kéo dài quá lâu và qua nhiều chính phủ khác nhau, nên khó nói được cái nào là nhân, cái nào là quả, lý do nào là chính, lý do nào là phụ. Mỗi cái đều có dính líu và liên hệ với nhau, như những mắt đan của tấm lưới. Thiết nghĩ chúng ta nên nhìn vào một số những sự kiện sau đây:

Chênh lệch lực lượng-- Khi cộng quân mở cuộc tấn công năm 1975, Nam Việt Nam ở thế bất lợi. Cán cân lực lượng tác chiến đã nghiêng về phía cộng quân. Điều này thể hiện rõ ngay từ khi hiệp định Ba Lê thành hình. Trước năm 1973, cộng quân ở Nam Việt Nam phải đương đầu với trên một triệu quân của Nam Việt Nam, cộng thêm trên 600.000 quân của Mỹ và đồng minh, được yểm trợ mạnh mẽ bằng phi pháo. Khi quân đội đồng minh rút đi hết, để lại một lỗ trống quá lớn quân lực Nam Việt Nam làm sao lấp nổi. Tổng Thống Thiệu nhận thấy điều đó nên khăng khăng không chấp nhận bản dự thảo hiệp định, theo đó 148.000 quân Bắc Việt (1) không rút khỏi Nam Việt Nam.

Thiệu, trong bài diễn văn từ chức ngày 21/4/75, đã nói nếu ký hiệp định hồi đó là "phản quốc, là bán đứng Việt Nam cho cộng sản." (2) Việt Nam chỉ miễn cưỡng ký bản hiệp định khi được Tổng Thống Nixon cam kết mật là Mỹ sẻ "phản ứng mạnh mẽ và nhanh chóng" nếu cộng quân gây chiến lại. (3)

Lực lượng cộng quân Bắc Việt không những không rút đi, mà còn được tiếp tục tăng cường và bổ sung bằng quân xâm nhập mới, cùng chiến cụ tối tân hơn, để chuẩn bị cuộc chiến. Cộng quân được trang bị và hiện đại hóa hơn. Họ tổ chức "những binh chủng cơ động," tập luyện "tác chiến hợp đồng binh chủng," đưa "xe tăng, xe bọc thép, tên lửa, pháo tầm xa, pháo cao xạ vào tới rừng cao su Nam Bộ." Cộng quân còn xây dựng cả hệ thống đường xâm nhập 20.000 cây số, trong đó có đường Đông Trường Sơn mới hoàn thành, rộng tám thước, chạy hai chiều trong cả bốn mùa. Lính từ bắc vào nam đi xe cơ giới, và có 10.000 xe vận tải hỗ trợ cho chiến trường. (4) Cạnh đường Đông Trường Sơn là 5.000 cây số ống dẫn dầu chạy từ Đồng Hới tới Lộc Ninh. Một hệ thống giây điện thoại liên lạc thẳng với Hà Nội đã được thiết lập. (5) Riêng năm 1973 cộng quân xâm nhập thêm 75.000 quân với 400 chiến xa. Một trung đoàn hỏa tiễn SAM cùng 13 trung đoàn phòng không được đưa thêm vào riêng trong khoảng thời gian từ đầu năm đến cuối tháng 4/1973.(6) Khi mở cuộc tấn công năm 1975, cộng quân có 19 sư đoàn, cộng thêm những trung đoàn pháo binh, thiết giáp, cao xạ và đặc công. (7) Cộng quân đã dốc toàn lực vào chiến trận, đưa hết lực lượng thiết giáp vào nam,(8) đưa sáu trong số tám sư đoàn trừ bị chiến lược vào chiến trận. (9) Với lực lượng và hệ

thống tiếp liệu như trên, cộng quân đã trở thành một đạo quân hiện đại. (10)

Trong lúc cộng quân tăng cường mạnh mẽ như thế, lực lượng Nam Việt Nam chỉ nhận được chiến cụ do Mỹ để lại, và được thay thế theo nguyên tắc "một đổi một" của hiệp định Ba Lê. Quân viện của Mỹ cho Việt Nam lại dần dần bị cắt giảm, làm khả năng tác chiến của Nam Việt Nam giảm đi tới 60%, theo lời Thiệu. (11)

Với cán cân lực lượng mất thăng bằng đó, Văn Tiến Dũng nhận định: "Ta thế ngày càng chủ động và mạnh lên, địch ngày càng bị động và yếu đi." (12)

Chủ động chiến trường-- Chiếm ưu thế về quân sự, cộng quân lại duy trì được thế chủ động vẫn thường nắm giữ trên chiến trường. Muốn tung ra chiến dịch tấn công, cộng quân chỉ việc chọn địa diểm, định ngày giờ, rồi tập trung quân và đồ tiếp liệu để tấn công. Khi Việt Nam và đồng minh mở cuộc tấn công, cộng quân thường lẩn trốn nếu thấy mình yếu thế, và chỉ giao tranh nếu thấy đương đầu được với địch hoặc không thể tránh né được. Mỹ Việt hành quân xong, cộng quân quay trở về. Cộng quân còn lợi điểm là muốn nghỉ ngơi, dưỡng sức chỉ việc kéo quân qua Miên, Lào. Trước hè 1973 họ còn sợ phi cơ Mỹ oanh tạc, sau này họ ngang nhiên đi lại dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh.

Khi mở những trận đánh lớn, cộng quân thường phối hợp đánh phá và quấy rối ở các vùng khác để làm kế nghi binh, đánh lạc hướng địch nhận biết chiến trường chủ yếu và cầm chân lực lượng địch khỏi tiếp cứu nhau. Sau đó

cộng quân cắt đường, cô lập mục tiêu, mở cuộc tấn công và chờ đánh quân tiếp viện.

Cũng vậy, năm 1975 cộng quân gia tăng đánh phá ở vùng Pleiku, Kontum, quấy rối ở Gia Nghĩa, gia tăng áp lực ở Quảng Trị, trong lúc chọn Ban Mê Thuột làm mục tiêu tấn công. Để đánh Ban Mê Thuột, Văn Tiến Dũng dùng lực lượng tấn cộng đông gấp năm lần rưỡi quân trú phòng, sau khi đã cắt các đường giao thông đi tới thành phố. (13) Tướng Phú và Bộ Tổng Tham Mưu ở Sài Gòn biết được ý đồ của địch thì đã quá trễ. Và cho dù có đoán trước được cuộc tấn công của địch, Ban Mê Thuột có thể cầm cự lâu hơn, nhưng số mạng Ban Mê Thuột có lẽ không thay đổi.(14) Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, người chỉ huy cuộc rút quân khỏi Pleiku, cũng cho rằng nếu đoán trúng được ý định của địch, cùng lắm cả sư đoàn 23 từ Pleiku kéo về thì Ban Mê Thuột cũng chỉ làm được như Xuân Lộc mà thôi. (15)

Thế chủ động của cộng quân còn được dễ dàng vì cộng quân chỉ lo tấn công, không phải lo nhiều về phòng thủ. Cộng quân ở miền nam không có lãnh thổ, căn cứ, đường xá, cầu cống để bảo vệ, trong lúc Nam Việt Nam phải rải mỏng quân khắp nơi để phòng thủ các cơ sở hạ tầng đó.

Trong khi ấy Bắc Việt, nơi phát xuất các nguồn lực chiến tranh của cộng quân, không sợ bị xâm chiếm, chỉ bị Mỹ oanh tạc hạn chế trước năm 1973.

Yểm trợ của Mỹ-- Nắm được ưu thế về quân sự và giữ được chủ động trên chiến trường, Hà Nội biết rằng ưu thế đó có thể bị đảo lộn nếu không lực hùng mạnh, ghê gớm của Mỹ can thiệp. Cộng quân đã biết sức mạnh của không

quân Mỹ trong kỳ chiến tranh, và trong cuộc tấn công năm 1972 khi cộng quân tung nhiều chiến xa vào trận chiến. 450 chiến xa và 50.000 cộng quân đã bị không quân Mỹ tiêu diệt trong cuộc tấn công này. (16) Khi bàn thảo mở chiến dịch Tây Nguyên, đánh Ban Mê Thuột, Hà Nội đã đắn đo, suy nghĩ về khả năng can thiệp của Mỹ. Khi thấy chiếm được Phước Long rồi mà Mỹ bỏ qua không can thiệp, Lê Duẫn cho rằng Mỹ một khi rút đi sẽ khó trở lại tham chiến nữa. Do đấy Bộ Chính Trị Hà Nội mới chấp thuận mở chiến dịch đánh lớn dự trù cho hai năm 1975-76. (17)

Mỹ không trở lại tham chiến làm Hà Nội nức lòng, trái lại làm Nam Việt Nam nhụt chí, mất tự tin trong cuộc kháng cự chống trả cộng quân. Sau khi rút khỏi miền Trung, Nam Việt Nam càng ngoảnh trông về phía Mỹ, trông đợi những đoàn máy bay B.52 tới dội bom xuống đoàn quân Bắc Việt khơi khơi tiến trên các trục lộ. Giới lãnh đạo Việt Nam tin vào lời cam kết của Mỹ sẽ hành động tức thời và mạnh mẽ để cứu nguy cho Nam Việt Nam. Quân dân lúc thường vẫn nghĩ "Mỹ đời nào bỏ." Trông đợi vào Mỹ, nhiều người Việt còn coi Mỹ như vạn năng. Việc gì Mỹ nhúng tay vào thì thành công. Việc gì Mỹ bỏ thì không còn mấy hy vọng thành tựu. Nay càng trông càng không thấy B.52, tinh thần quân dân trở nên nao núng. Câu "Mỹ đời nào bỏ" được thay thế bằng câu "Mỹ bỏ đi là hết." Tâm trạng này cùng với những tin đồn đại về việc chia cắt đất đai, đã đẩy Nam Việt Nam mau tới chỗ xụp đổ

Chán gét chiến tranh-- Vụ Mỹ không tham chiến trở lại là hậu quả của tình trạng chán ghét chiến tranh đã lên cao. Hồi Mỹ mới tham chiến, 70% dân Mỹ tán thành việc gửi quân qua Việt Nam Nhưng dần dần phong trào phản chiến lan rộng vì số thương vong ngày một cao, số thanh niên bị gọi nhập ngũ ngày một đông, chiến phí ngày một tăng vọt, thất vọng trước sự hùng mạnh của một đại cường quốc mà không diệt được địch quân bé nhỏ của một nước hậu tiến. Đến năm 1968 sau vụ tấn công Tết Mậu Thân, số người Mỹ ủng hộ việc tham chiến tụt xuống 45%. Đến năm 1975 khi cộng quân khởi đầu cuộc tấn công, số người Mỹ tán thành việc tái chiến chỉ còn 30%.

Những cuộc biểu tình với hàng trăm ngàn người tham dự được tổ chức tại các thành phố lớn. Từ 1967-71 năm nào cũng có những cuộc biểu tình lớn ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Cuộc biểu tình năm 1969 có từ 250.000 đến nửa triệu người. Họ ngăn chặn nhân viên vào công sở làm việc. Chính phủ phải huy động 9.000 binh sĩ và 3.000 cảnh sát để phòng bị. (18) Đến đầu thập niên 1970 việc chống đối chiến tranh Việt Nam ăn sâu vào nền văn hóa chính trị Mỹ, ảnh hưởng đến mọi giai tầng xã hội Mỹ. (19)

Việc chống đối chiến tranh không phải chỉ có trong phe tả, mà ở cả phe hữu. Một số người hăng hái chống cộng cũng phản đối vì cho rằng Mỹ chưa thẳng tay đánh mạnh với cộng sản như đánh thẳng ra miền Bắc Việt Nam hoặc oanh tạc đê điều Hà Nội để sớm kết thúc chiến tranh.

Trước khí thế lên cao của phong trào phản chiến, Nixon khi ra tranh cử năm 1968 cũng phải ám chỉ sẽ chấm dứt chiến tranh. Kỳ vận động tranh cử năm 1972 Nixon cố làm hết cách để có "hòa bình trong danh dự" là bằng

chứng biểu hiệu ước muốn của hầu hết người Mỹ muốn rút khỏi Việt Nam (20)

Cử tri Mỹ qua lá phiếu đi bầu đã ảnh hưởng mạnh đến chính quyền, đến đường lối của chính phủ. Tổng Thống Lyndon Johnson quyết định không ra tranh cử năm 1968 cũng vì vấn đề Việt Nam. Khi tinh thần phản chiến ăn sâu vào quốc hội, ảnh hưởng còn mạnh hơn nữa.

Khi Mỹ rút hết quân khỏi Việt Nam do hiệp định Ba Lê, việc chống đối chiến tranh vẫn không tắt hẳn. Sau hiệp định Ba Lê, hai phía Việt Nam vẫn còn những cuộc đụng độ, và phi cơ Mỹ đã bí mật oanh tạc các căn cứ cộng quân ở Miên, Lào. Trước viễn ảnh chiến tranh có thể tái diễn và nguy cơ Mỹ bị lôi vào chiến cuộc trở lại, quốc hội Mỹ liền thông qua quyết nghị Quyền Chiến Tranh, buộc tổng thống phải thông báo cho quốc hội trong vòng 48 giờ việc đưa quân tham chiến ở nước ngoài, và việc tham chiến đó, nếu không được chấp thuận, phải chấm dứt trong 60 ngày. Tổng Thống cũng có thể xin gia hạn thêm 30 ngày nữa sau thời hạn 60 ngày với lý do phối trí để rút quân được an toàn. Nixon cho rằng quyết nghị đó hạn chế quyền của tổng thống, nên phủ quyết. Nhưng quốc hội với đa số lớn đã bác quyền phủ quyết cũa Nixon. Đạo luật Quyền Chiến Tranh có hiệu lực, triển vọng Mỹ tái chiến ở Việt Nam trở nên khó khăn. Rồi Nixon, người được các giới Việt Nam cho là có lập trường cứng rắn với cộng sản, phải từ chức vì vụ Watergate vào tháng 8/1974.

Vụ Watergate cũng bắt nguồn từ chiến tranh Việt Nam. Khi phong trào phản chiến lên cao, Nixon muốn theo dõi và thu thập tin tức về những nhóm phản chiến. Một toán "thợ ống nước" được thành lập để bịt lại những chỗ xì tin

tức cho báo chí như vụ tiết lộ tài liệu của Ngũ Giác Đài về Việt Nam. Toán thợ ống nước sau đó đột nhập vào trụ sở đảng Dân Chủ ở tòa nhà Watergate và bị phát giác.

Ngoài việc Nixon ra đi, quân viện Mỹ cho Việt Nam cũng giảm dần. Năm 1973 Việt Nam được Mỹ viện trợ 1 tỷ 6, Năm 1974 xuống còn 1 tỷ 1. Tới tài khóa 1975, Văn Phòng Tùy Viên Quân Sự Mỹ đề nghị 1 tỷ 600 triệu Mỹ kim, nhưng Bộ Quốc Phòng đưa sang quốc hội có 1 tỷ 400 triệu. Các ủy ban tại quốc hội cắt xuống còn một tỷ, và sau cùng quốc hội chấp thuận có 700 triệu. (21) Nhưng với vật giá gia tăng và lạm phát vì giá dầu tăng vọt, số ngân khoản trên chỉ có mãi lực bằng 20% số ngân khoản được cấp phát của năm trước. (22)

Tại Việt Nam tinh thần phản chiến không bộc lộ công khai và rộng lớn vì những vụ biểu tình dù nhỏ cũng bị nhà cầm quyền dập tắt ngay, nhưng tâm trạng chán ghét chiến tranh và ước vọng hòa bình thể hiện dưới nhiều hình thức thụ động và tế nhị.

Cuộc bầu cử tổng thống năm 1967 cho thấy một phần ước vọng hòa bình của người dân. Luật sư Trương Đình Dzu, một ứng cử viên ít được biết đến trong chính trường, đã bất ngờ về hạng nhì trong 11 liên danh tranh cử, vượt hẳn trên một số chính khách có tên tuổi khác và chỉ đứng sau liên danh Thiệu-Kỳ. Dưới chiêu bài hòa bình, Dzu chủ trương ngưng bắn, đình chỉ oanh tạc miền Bắc Việt Nam và thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Trong một cuộc bầu cử bị chính quyền chi phối nhiều, và việc cổ võ hòa bình bị coi là thân cộng, Dzu đứng hạng nhì làm nhiều người ngạc nhiên và cho thấy nhiều người Việt mong mỏi chiến tranh chấm dứt. Dzu đã

thắng phiếu nhiều ở miền quê, nơi người dân phải chịu đựng những tai họa chiến tranh nhiều nhất.

Nhạc Trịnh Công Sơn, bị coi là phản chiến, đã thịnh hành khắp các thôn xóm qua tiếng hát đượm buồn, gợi cảm của Khánh Ly. Những lời ca diễn tả tang tóc của chiến tranh đã phù hợp với tâm trạng của nhiều người.

Đối với nhiều thanh niên và binh sĩ, tình trạng mệt mỏi, chán ghét chiến tranh được ẩn núp dưới những hình thức thích ứng. Công chức, tư chức thường tìm kế để khỏi động viên, để được hoãn dịch. Thanh niên tìm cách tránh nhập ngũ. Một số bị gọi vào lính, rồi sau đào ngũ để lo cho gia đình. Số đào ngũ mỗi tháng từ 15.000 đến 20.000 (23) tức là mỗi năm mất đi khoảng 200.000 quân. Rồi còn nạn vắng mặt lâu ngày không có phép, chạy chọt để làm lính ma, lính kiểng, có chỗ ngồi ở hậu cứ.

Dân quê ở đồng ruộng thường phải đi hàng hai: ngày theo quốc gia, tối theo cộng sản, để được an thân.

Mỹ Việt không hiểu nhau-- Mỹ, Việt là đồng minh với nhau trong gần suốt cuộc chiến, nhưng trong nhiều trường hợp không hiểu được ý của nhau. Không hiểu nhau, thì hành động không đúng ý mong muốn của bên kia.

Mỹ can dự vào Việt Nam, đài thọ chiến phí và vũ khí từ đầu thập niên 1950 vì Mỹ muốn theo chiến lược "be bờ" toàn cầu để ngăn chặn làn sóng đỏ khỏi tràn xuống vùng Đông Nam Á. Người Việt thấy Mỹ viện trợ, rồi sau tham chiến ở Việt Nam, thì coi đó là trách nhiệm của Mỹ, công việc Mỹ phải làm, chứ không nương theo sự cộng tác đó để vươn lên chỗ tự lực, tự cường.

Nhiều người Việt thấy Mỹ đổ quân ào ạt vào Việt Nam khoảng giữa thập niên 1960 và bỏ tiền xây dựng nhiều căn cứ và cơ sở ở Việt Nam như Cam Ranh, Đà Nẵng, Long Bình thì cho rằng Mỹ không bao giờ bỏ Việt Nam. Các cơ sở đó to thật đối với Việt Nam, nhưng có thấm gì so với những cơ sở khác tại Mỹ.

Mỹ đưa ra chương trình Việt Nam hóa chiến tranh là để sửa soạn rút chân ra khỏi bãi lầy. Việt Nam ban đầu không hiểu được ý định của Mỹ, vẫn nghĩ rằng Mỹ có rút sẽ để lại "một lực lượng trú phòng" tại Việt Nam. Thiệu và Nixon gặp nhau ở đảo Midway vào tháng 6, 1969, rồi loan báo bắt đầu rút quân khỏi Việt Nam Các chiến lược gia Việt Nam sau đấy vẫn muốn Mỹ duy trì khoảng 200.000 quân tác chiến và yểm trợ tại những căn cứ Đà Nẵng, Cam Ranh và Vũng Tàu, khi chương trình Việt Nam hóa chiến tranh được hoàn tất vào cuối năm 1972.(24) Như Mỹ từng để quân ở Đại Hàn, ở Âu châu, Việt Nam hy vọng lực lượng trú phòng đó sẽ là một bảo đảm cho Nam Việt Nam nếu Bắc Việt xâm lăng.

Để thử lửa chương trình Việt Nam hóa, quân lực Việt Nam mở cuộc hành quân qua Kampuchia năm 1970 và Hạ Lào năm 1971. Cả hai cuộc hành quân đều không đạt kết quả mong muốn. Cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh vào Tchepone ở Lào suýt thành thảm bại nếu không có không quân Mỹ cứu kịp. (25) Thế mà cả Thiệu lẫn Nixon đều cho là thành công. Mỹ khen có tính cách xã giao, khuyến khích và để có cớ rút di. Mỹ, khi li dị hoặc sa thải nhân viên, vẫn công khai có lời lẽ ca ngợi, tâng bốc. Việt Nam được Mỹ khen, không nhìn thấy nhược điểm của mình,

không nhận thức được thực trạng mối liên lạc giữa mình với Mỹ.

Khi hiệp định Ba Lê sắp ra đời, thấy quân Mỹ phải rút đi mà cộng quân Bắc Việt còn nằm lại ở miền nam sẽ là mối nguy lớn, Nam Việt Nam đòi Mỹ cam kết sẽ hành động mạnh nếu cộng quân gây chiến lại. Hiệp định Ba Lê được ký kết. Mỹ hài lòng vì đạt được "hòa bình trong vinh dự" như lời Nixon. Thiệu, dù biết không ký cũng không được, cũng an tâm vì có lời cam kết.

Lời cam kết không được thi hành vì người cam kết không còn tại chức. Dù còn ở lại, Nixon cũng không dễ gì thực hiện lời cam kết khi quốc hội và dân chúng Mỹ vì quá chán ghét chiến tranh đã hạn chế quyền tổng thống đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài. Tổng Thống Gerald Ford, người kế vị Nixon, khi nghe Alexander Haig yêu cầu can thiệp để cứu Nam Việt Nam đã nói dân Mỹ "không còn lòng dạ nào tiếp chiến nữa." (26)

Nam Việt Nam có thể phải bám vào lời cam kết đó vì không còn gì khác để níu kéo Mỹ. Nhưng việc trông cậy vào lời cam kết còn cho thấy Nam Việt Nam không am hiểu tình hình chính trị Mỹ. Tại Nam Việt Nam tổng thống dễ dàng chi phối quốc hội. Tại Mỹ quốc hội thường gây khó khăn cho tổng thống. Với những cuộc biểu tình khổng lồ chống đối chiến tranh, với một quốc hội không muốn Mỹ trở lại tham chiến, tổng thống Mỹ có dám vì Việt Nam đi ngược lại?

Vấn đề tái can thiệp đã được đề cập đến nhiều lần và nhiều viên chức Mỹ đã cho thấy quân Mỹ khó có thể trở lại Việt Nam. Ngay sau khi hội kiến với Nixon ở San Clemente vào tháng 4/1973 để bàn về vấn đề Việt Nam

sau hiệp định Ba Lê, Tổng Thống Thiệu đã được Nixon xác nhận lời cam kết sẽ can thiệp nếu Bắc Việt xâm lăng. Thiệu cũng tỏ ý tin tưởng là không lực Mỹ sẽ oanh tạc Việt Cộng ở Kampuchia, thì đại sứ Mỹ Ellsworrth Bunker nói liền triển vọng Mỹ tái chiến ở Việt Nam "rất xa vời." (27)

Việt Nam như một cô gái đã trao cả số phận mình trong tay một công tử hào hoa và nghĩ cuộc tình bền chặt mãi mãi. Khi chàng trai bay nhảy trở về nguyên quán, nàng vẫn nghĩ chàng sẽ trở lại và cứ đợi chờ.

Người dân Mỹ quen với những thể thức dân chủ như bầu cử tự do, tự do ngôn luận, tự do báo chí, trong lúc nhà cầm quyền Việt Nam, vì phải đương đầu với cộng sản trong những công tác địch vận, phá hoại và khuynh đảo, nên nhìn những định chế đó như cản trở và nguy hại cho quyền hạn và địa vị của mình. Người dân Mỹ vì vậy nhìn những chế độ ở Nam Việt Nam là độc tài, thiếu dân chủ.

Nhiều hình ảnh trên truyền hình và các phương tiện truyền thông cho thấy những khía cạnh tham nhũng, thối nát, độc tài, vi phạm nhân quyền ở Nam Việt Nam, mà không cho thấy được những điều tương tự trong chế độ Bắc Việt.

Nhiều người Mỹ đã không nhạy bén mau lẹ để nhận biết những mánh lới che đậy của Việt Cộng. Phải qua mấy năm họ mới biết Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là con đẻ của Hà Nội và do Hà Nội chỉ huy, và cuộc chiến tại miền Nam Việt Nam do Hà Nội chủ trương.

Sách lược của Mỹ cũng không thuần nhất, thiếu dứt khoát và không rõ rệt. Mỹ sang giúp Việt Nam sau năm

1954 chỉ cốt giúp phòng vệ trong trường hợp Bắc Việt xâm lăng miền Nam Việt Nam. Khi Bắc Việt không xua quân qua sông Bến Hải mà tiến hành cuộc chiến phá hoại nhằm lật đổ chế độ ở Nam Việt Nam thì Mỹ lo giúp Nam Việt Nam chống trả cuộc chiến tranh du kích. Khi Bắc Việt đẩy mạnh chiến tranh du kích và phối hợp với trận địa chiến, Mỹ cho Bắc Việt nếm đòn chiến tranh bằng cách dội bom dần dần lên phía bắc theo kiểu leo thang, lúc oanh tạc, lúc đình chỉ. Cuộc oanh tạc nhằm ngăn chặn nguồn xâm nhập người và chiến cụ từ bắc vào nam, nhằm đánh bại ý đồ xâm chiếm miền Nam Việt Nam, chứ không nhằm đánh bại Bắc Việt. Khi kết quả không đạt như ý muốn, chiến tranh vẫn tiếp diễn, Mỹ thương thuyết để có "hòa bình trong danh dự" mà rút đi. Rút ra rồi, Mỹ không muốn trở lại bãi lầy vừa thoát.

Giới lãnh đạo Việt Nam tất nhiên có trách nhiệm trong việc Nam Việt Nam xụp đổ. Các nhà lãnh đạo Việt Nam, chính trị cũng như quân sự, vì quá lệ thuộc vào Mỹ, quá trông đợi vào Mỹ, nên có nhiều bất động, ít sáng kiến trong việc hoạch định chính sách, không thích ứng mau lẹ trước những thay đổi và biến chuyển của tình hình, ít dự phóng cho tương lai và thiếu những kế hoạch dự phòng trong trường hợp khẩn cấp.

Mỹ bắt đầu rút chân khỏi Việt Nam từ năm 1969 mà giới lãnh đạo Việt Nam không cải tổ quân đội cho thích hợp với vai trò mới trên chiến trường, ngoài việc tiếp nhận vũ khí và chiến cụ của Mỹ. Họ vẫn nghĩ Mỹ không rút đi hết. Năm 1969 giới lãnh đạo Việt Nam nghĩ Mỹ để lại 200.000 quân trú phòng. Đến năm 1971 khi quân Mỹ ở Việt Nam

còn 200.000, Tổng Thống Thiệu còn nghĩ Mỹ để lại Việt Nam ít là 50.000 quân sau năm 1973. Thiệu cũng nói Việt Nam cần không lực Mỹ yểm trợ trong nhiều năm nữa.(28) Đến khi Mỹ rút rồi thì vẫn trông đợi vào "phản ứng tức thời và mạnh mẽ" của Mỹ trong việc đương đầu với cộng sản.

Thái độ quá trông đợi này phải chăng là hậu quả của quá khứ phải dựa nhiều vào người ngoài, trước là Pháp, sau là Mỹ. Xuất thân từ quân đội và chế ngự sân khấu chính trị Việt Nam từ sau Tổng Thống Diệm, các tướng lãnh Việt Nam đã ở trong những lực lượng từng đóng giữ vai trò bổ túc trong gần suốt cuộc chiến. Quân đội Việt Nam hình thành lúc đầu là để bổ sung cho lực lượng viễn chinh Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất. Lớn mạnh lên và được Mỹ huấn luyện sau năm 1954, quân đội Việt Nam lại cũng đóng vai phụ thuộc trên chiến trường từ năm 1965 cho tới ngày Mỹ rút.

Về mặt chính trị, Thiệu cũng như nhiều chính trị gia và tướng lãnh khác đều biết sự tồn tại của mình tùy thuộc nhiều vào Mỹ. Vụ Thiệu-Kỳ đứng chung nhau trong kỳ bầu cử năm 1967 cũng có bàn tay Mỹ (xem chương 5) Trong vụ bầu cử tổng thống năm 1971 Mỹ cũng cố sắp xếp để trước là Dương Văn Minh, sau là Kỳ tham gia bầu cử để khỏi có độc diễn. (xem chương 8)

Ngoài việc củng cố địa vị của Thiệu, Mỹ đã cài người trong các cơ cấu chính trị, quân sự và hành chánh của Việt Nam, cùng theo dõi các hoạt động của chính phủ Việt Nam. Mỹ đã "mua chuộc, hối lộ và bán" nhiều nhân vật trong guồng máy chính quyền Việt Nam. Phủ Tổng Thống và Phủ Thủ Tướng đều bị Mỹ đặt máy ghi âm để nghe lén

các cuộc thảo luận và chuyện trò. Nghiệp đoàn và các đảng phái đối lập cũng bị Mỹ mua chuộc chi phối. (29)

Tại các phủ bộ khác, những chương trình, kế hoạch dễ được thực hiện nếu được Mỹ tán thành yểm trô về ngân sách.

Trong hoàn cảnh đó, các nhà lãnh đạo Việt Nam không đủ lực để có đường lối hành động độc lập, không dám làm gì mất lòng Mỹ, hoặc đi ngược lại đường lối Mỹ đã vạch ra.

Về mặt quân sự, quân đội lệ thuộc gần như hoàn toàn vào Mỹ, từ võ khí, quân trang, quân dụng, cho tới cả phi pháo yểm trợ lúc có cuộc hành quân lớn. Cố vấn Mỹ trong nhiều trường hợp là người thực sự điều khiển trận đánh, vì giữ vai trò quyết định trong việc làm kế hoạch hành quân và xin phi pháo yểm trợ.

Theo Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá, tư lệnh sư đoàn 25 Bộ Binh, tâm trạng của các chỉ huy trưởng không phải là tâm trạng chiến đấu. Khi trận đánh trở nên gay go, họ không muốn chiến đấu nữa. Họ muốn dựa vào Mỹ. Khi không có Mỹ giúp, họ bỏ chạy. Đó là bịnh mà quân đội Việt Nam mắc phải. (30)

Vì quá trông đợi vào Mỹ, giới lãnh đạo Việt Nam không có cả kế hoạch dự phòng trong trường hợp khẩn cấp. Vụ rút quân khỏi Pleiku không được trù liệu từ trước, không có hoạch định với chi tiết rõ rệt, mà chỉ được quyết định và thi hành trong hai ngày. Rút quân bình thường đã là khó. Rút quân trong trường hợp vội vã, hấp tấp với lực lượng của cả một quân đoàn, cộng thêm với thân nhân và gia đình đông đảo của binh sĩ, trong lúc địch lại có lực

lượng hùng hậu bố trí sẵn ở gần, làm sao thoát hỏi thảm họa?

"Có nghĩ rồi mà không dám nói ra," như lời Đại Tướng Cao Văn Viên nói với Thiệu, "vì sợ bị coi là đi ngược lại chính sách của tổng thống, là chủ bại." Câu nói của Viên hé lộ người lãnh đạo không cởi mở để dễ dàng đón nhận những ý kiến trái ngược với mình, và do đấy cộng sự viên không dám trình bày ý kiến mà giữ thái độ ù lì, bất động. Thiệu tập trung quyền hành trong tay, liên lạc thẳng với các tướng quân đoàn. Bộ Tổng Tham Mưu không có điều hành chiến trường, mà chỉ là "hộp thư" chuyển lệnh của tổng thống. (31)

Đảo chánh cũng là mối quan tâm khiến các nhà lãnh đạo phải lo đề phòng, nên khó dồn hết tâm lực vào việc nước. Những cuộc chính biến và biểu tình từ sau vụ đảo chánh Ngô Đình Diệm hẳn đã làm người cầm quyền lo củng cố địa vị và phòng ngừa biến động.

Rã ngũ để lo cho thân nhân là một yếu tố nữa làm Nam Việt Nam mau xụp đổ. Trước kia trong những cuộc tấn công hay chiến đấu phòng vệ, người lính Nam Việt Nam ít phải lo cho thân nhân nên chiến đấu với nhiều quả cảm. Nhưng vào năm 1975 khi phải rút chạy, họ không muốn bỏ rơi vợ con, hoặc để vợ con bị Việt Cộng sát hại, nên lo tìm kiếm vợ con để mang theo. Cảnh quân dân lẫn lộn rút khỏi Pleiku, cảnh thành phố Đà Nẵng đông nghẹt dân và lính từ những vùng khác kéo về, đã làm mất khả năng tác chiến của đơn vị đi cùng. Tình trạng đó sau lan sang các vùng khác.

Sự suy xụp tinh thần trong một số trường hợp đã biến đổi người lính ưu tú trở thành tàn bạo. Trong lúc hoảng sợ, chạy Việt Cộng, có binh sĩ thiết giáp cán đè lên chiến hữu (32), có anh lính Thủy Quân Lục Chiến bắn sĩ quan Bộ Binh theo kiểu hành quyết để giữ chỗ trên tàu. (33), có binh sĩ thám báo đạp đàn bà trẻ con để leo lên máy bay ra khỏi Đà Nẵng. (34)

Quân dân không nhiệt tình lắm với cuộc chiến là một yếu tố. Không bị kiềm tỏa và kiểm soát chặt chẽ như ở những vùng cộng sản, nhiều người dân miền nam coi cuộc chiến đấu chống cộng là công việc của chính quyền. Chính quyền là guồng máy công chức và quân đội. Nhưng đa số công chức và binh sĩ không gắn bó với chế độ, không coi mình là người của chế độ, mà chỉ muốn là kẻ bàng quang, làm xong công việc mình phải làm để cấp trên khỏi xài xể, khiển trách hoặc thuyên chuyển. "Tà tà" là danh từ phổ thông trong giới công bộc nhà nước và trong hàng ngũ quân nhân. "Ăn giải gì?" là câu nhiều người bảo nhau để lơ là với công việc.

Tìm cách trốn tránh công việc và tìm chỗ nhàn hạ bằng nhiều mưu kế khác nhau đã được nhà văn Lê Văn Phúc diễn tả trong cuốn "Tôi Làm Tôi Mất Nước."

Quân dân xa vời và cách biệt với chính quyền vì cho rằng mình phải khổ cực để phục vụ cho một giai cấp được nhiều ưu đãi. Thanh niên bị nhập ngũ không vui lòng khi thấy những con nhà lãnh đạo, con các tướng không hề khoác áo nhà binh, nói gì áo trận. Không thấy tin tức nào nói con các tướng đi trận, trong khi đọc sách báo thấy Trung Uy Bernard De Latrre de Tassigny của Pháp tử trận

ở Ninh Bình, trong lúc bố làm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh tại Đông Dương. Bảo Đại muốn lấy lòng tướng De Lattre đã đề nghị lấy Bernard về làm võ phòng, nhưng De Lattre không chịu. Trung Uy hải quân John McCain đi oanh kích Bắc Việt và bị bắn rơi, bị tù sáu năm, trong lúc bố làm đô đốc, rồi làm tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương chỉ huy những cuộc oanh kích Bắc Việt. Đại úy Charles Robbs vẫn lên đường sang Việt Nam làm đại đội trưởng Thủy Quân Lục Chiến kỳ Tết Mậu Thân, trong lúc vợ mới cưới được mấy tháng đang mang bầu mà bố vợ là Tổng Thống Lyndon Johnson quyền thế nhất thế giới.

Việc tưởng thưởng trong quân đội cũng có nhiều hoen ố. Có những quân nhân ngồi văn phòng hay hậu cứ mà lên lon nhanh, đoạt huy chương anh dũng bội tinh dành cho chiến binh ngoài mặt trận, trong khi người chiến sĩ vào sinh ra tử, lập nhiều chiến tích lại bị cướp công. Có binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến ngồi "quanh năm suốt tháng ở hậu cứ...chưa hề nghe tiếng súng bắn ngược" lại được chọn làm chiến sĩ xuất sắc đi dự đại hội ở Sài Gòn. (35)

Người bị động viên thì bị giữ lâu trong quân đội, còn người được hoãn dịch tiếp tục ở nhà.

Bị giữ mãi trong đời lính, nhiều quân nhân không còn hăng hái. Một số bỏ đội ngũ, mỗi tháng cả 20.000 người. Hầu hết những người này đào ngũ không phải vì theo Việt Cộng, mà chỉ là để lo cho gia đình.

Tham nhũng và hối mại quyền thế cũng làm dân chúng xa vời chính quyền, dù tệ nạn đã trở thành một tập tục truyền thống của Việt Nam. Với quan niệm "Một người làm quan cả họ được nhờ," những người lên cầm quyền khó giữ bàn tay thanh sạch.

Đối địch lại với Mỹ và Nam Việt Nam, cộng sản có sách lược rõ ràng và chỉ có mục tiêu để theo đuổi từ đầu tới cuối. Trong cuộc chiến dài 30 năm, cộng sản nắm giữ chiêu bài chống ngoại xâm, dành độc lập, thống nhất lãnh thổ để vận động quần chúng. Trước kia Việt Minh hô hào dân chúng chống Pháp để dành độc lập. Sau này cộng sản cổ võ nhân dân chống Mỹ để giải phóng miền nam với khẩu hiệu "Đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào."

Để đạt mục tiêu, cộng sản mở cuộc chiến toàn diện, dốc toàn lực vào chiến tranh, huy động mọi nhân lực và vật lực cho chiến trường, mở trận tuyến trên các lãnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, tuyên truyền, địch vận. Thể chế độc tài, kiểm soát chặt chẽ, thông tin bưng bít, tuyên truyền xuyên tạc đã giúp cộng sản đẩy mạnh dân chúng tham gia cuộc chiến.

Ở thế yếu lúc ban đầu, cộng sản chủ trương đánh đến cùng, không có thời hạn, nêu cao khẩu hiệu "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi." Bị bom đạn tàn phá, bị thất thế, cộng sản vẫn bền bỉ chịu đựng.

Tại các nước Pháp, Mỹ, chiến tranh kéo dài làm họ suy nhụt ý chí chiến đấu, tạo ra những bất mãn và chống đối chiến tranh. Khi gặp sự chống đối lên cao của quần chúng, chính phủ những nước đó không thể không theo ý nguyện của người dân. Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất vào lúc cuối đã làm nhiều chính phủ Pháp bị lật đổ. Tại Mỹ các tổng thống can dự vào chiến cuộc Việt Nam lần lượt ra đi vì mãn nhiệm kỳ. Chính phủ mới lên, đường lối và chính sách cũng đổi mới theo. Tại Nam Việt Nam

sau vụ đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm, có tới chín chính phủ thay nhau trong khoảng 19 tháng. (36)

Tại Hà Nội giới lãnh đạo vẫn thuần nhất trong suốt ba chục năm chiến tranh, không có đảo chánh hay chỉnh lý. Hồ Chí Minh chết, Lê Duẫn lên thay, vẫn tiếp tục cuộc chiến như trước.

Nhìn lại những sự kiện trình bày trên, việc Mỹ không tái chiến ở Việt Nam vì dân Mỹ quá chán ghét chiến tranh là yếu tố trội yếu hơn cả để chiến tranh Việt Nam chấm dứt. Cả hai phía Nam Việt Nam và Bắc Việt Nam đều chú mục và nghiêm chỉnh cứu xét khả năng Mỹ trở lại tham chiến để từ đó hoạch định đường lối hành động.

Hà Nội đắn đo, suy tính vì biết Mỹ tái chiến có thể bẻ gãy chiến dịch tấn công của cộng quân. Tin rằng Mỹ rút ra rồi sẽ khó trở lại, Hà Nội tiến hành chiến dịch Tây Nguyên. Hà Nội dự trù cuộc tổng công kích trong hai năm 1975-76, nhưng chưa đầy hai tháng đã đạt được thắng lợi.

Sài Gòn biết thực lực của mình và trông đợi vào không lực Mỹ để đẩy lui cuộc tấn công của cộng sản. Sài Gòn nghĩ Mỹ sẽ yểm trợ mình một khi Bắc Việt mở cuộc tấn công lớn, và sẽ tiếp cứu nếu Nam Việt Nam lâm nguy.

Cả Bắc Việt Nam lẫn Nam Việt Nam đều biết cuộc tấn công của cộng quân có ít cơ may thành công nếu Mỹ trở lại. Điều khác nhau là Bắc Việt đoán đúng Mỹ không trở lại, còn Nam Việt Nam lầm tin Mỹ sẽ đến cứu.

16

Được Gì?

Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt cách đây 25 năm, nhưng nhiều thứ khác vẫn làm tôi gợi nhớ đến chiến cuộc Việt Nam, đến nước nhà, dù tôi sống trên đất Mỹ.

Một vài chiếc trực thăng bay qua đầu, mấy cặp khu trục cơ thực tập bay lượn, và ngay cả một số hình ảnh thời sự ở nước khác trên báo chí và truyền hình đều nhắc tôi nhớ tới Việt Nam. Những cuộc biểu tình phản đối Mỹ ở Iraq, ở Cuba làm tôi nhớ lại những cuộc xuống đường ở Việt Nam. Những đám dân tỵ nạn ở Kosovo nhắc tôi trở về những ngày ở đảo Guam, ở trại Pendleton thuộc California. Khỏi nói những tin tức về Việt Nam trên mặt báo, trên truyền hình đều được tôi hăm hở theo dõi.

Đôi khi có những truyện không liên hệ gì tới Việt Nam cũng làm tôi lưu ý vì tôi thấy có vài nét tương đồng. Nước Mỹ có nhiều vụ kiện. Có những vụ hấp dẫn, ngộ nghĩnh, mà cũng có nhiều vụ ly kỳ, có khi quái dị.

Vụ kiện cáo nổi tiếng ở Mỹ và được thế giới biết đến giữa hai bác sĩ đã ly dị nhau mà muốn tranh nhau giữ con đã làm tôi chăm chú theo sát. Đây là vụ kiện giữ con kéo dài nhất tới trên chục năm, được nói đến nhiều nhất, và tất nhiên tốn kém nhất và tranh cãi nặng lời nhất. Tôi theo sát vụ này vì thấy có nhiều điểm tương đồng với hoàn cảnh của Việt Nam, giống cuộc chiến quá khốc hại trên giải đất quê hương.

Vụ kiện bùng ra vào năm 1985 ở ngay thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Ba người chính trong vụ kiện là nữ bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ Elizabeth Morgan, nha sĩ giải phẫu Eric Foretich và bé gái Hilary Foretich, lúc ấy mới hai tuổi rưỡi. Hilary ra chào đời được vài tháng thì bố mẹ ly dị nhau. Khi đi kiện, Morgan 37 tuổi, Foretich 42. Morgan kiện chồng cũ đã lạm dụng tình dục của bé gái Hilary, để xin tòa không cho Foretich đến thăm con. Foretich phủ nhận lời cáo buộc và tố ngược lại rằng Morgan bị bệnh tâm thần.

Tòa xét xử, thấy không có đủ bằng chứng về vụ lạm dụng tình ái, nên ra lệnh cho Morgan để Foretich được tới thăm Hilary. Morgan không chịu để Foretich tới thăm con mà không có người trông chừng, nên mang con đi dấu. Thẩm phán Hebert Dixon Jr. liền ra lệnh tống giam Morgan về tội miệt thị tòa án. Morgan đi tù và nhất định không chịu tiết lộ chỗ ở của bé gái Hilary. Trong lúc Morgan bị giam, nhiều người ngạc nhiên thấy Morgan thà ở tù hơn là đưa con ra, nên đã biểu tình xin phóng thích Morgan. Foretich cũng được một số người khác tập họp lại để ủng hộ. Dân biểu Frank Wolf của Virginia đã vận động quốc hội chấp thuận một dự luật đặc biệt, được tổng thống ban hành, để phóng thích Morgan.

Trong thời gian 25 tháng Morgan ở tù, Hilary vẫn biệt tăm. Foretich quyết tâm tìm kiếm, thuê thám tử tư đi lùng, và đăng báo tưởng thưởng tới 50.000 Mỹ kim cho ai đưa tin về chỗ ở của Hilary. Cuộc truy lùng rải rộng từ Mỹ qua một vài nước.

Cuộc tìm kiếm tốn kém đã mang lại kết quả vào tháng 2, 1990. Hilary bị phát hiện ở một khách sạn nhỏ tại thị trấn hẻo lánh Christchurch bên Tân Tây Lan. Hilary ở đấy từ hai năm qua với ông bà ngoại. Trước đó ông bà đã kín đáo đưa Hilary qua nhiều nơi khác như Nassau ở Bahamas, Toronto và Vancouver ở Gia Nã Đại, Glasgrow ở Anh, qua Tân Gia Ba, sau đi Auckland rồi mới đến Christchurch.

Khi Hilary bị lộ rồi, Morgan sang ở Tân Tây Lan. Từ khi được phóng thích vào tháng 9,1987 Morgan đã ở Hoa Thịnh Đốn với người chồng mới là Paul Michel, thẩm phán tòa liên bang Mỹ. Hai người đã thành hôn với nhau khi Morgan còn ở tù.

Tìm thấy Hilary, Foretich vẫn không mang được Hilary về Mỹ. Tòa án ở Tân Tây Lan cho Morgan được giữ con. Hai mẹ con Morgan ở Tân Tây Lan, không dám về Mỹ vì sợ tòa bắt thi hành án lệnh cho Foretich đến thăm. Frank Wolf lại can thiệp với quốc hội đặt vụ án ra ngoài quyền hạn của tòa, nhờ vậy đến năm 1997 hai mẹ con Morgan trở lại Mỹ. Foretich cũng tuyên bố không theo đuổi vụ kiện đòi thăm con nữa.

Theo dõi vụ kiện sôi nổi và lạ kỳ này, tôi không khỏi trạnh lòng nghĩ tới Việt Nam.

Foretich và Morgan đều là những người học thức, thông minh và có địa vị trong xã hội. Morgan lúc 12 tuổi đã học nhảy hai lớp. Thế mà hai bên đã đưa nhau ra tòa trong một vụ kiện tụng rất tốn kém đến nỗi hai bên gần như khuynh gia bại sản. Morgan đi tù, bỏ ngang nghề hơn chục năm, hết sạch tiền bạc, phải tiêu cả tiền để dành và lấy vào tiền quỹ hưu trí. Foretich cũng dang dở nghề nghiệp, tốn phí cho vụ kiện và thuê người tìm kiếm con.

Người Việt Nam là một dân tộc thông minh, tài nguyên đất nước phong phú, thế mà vì cuộc chiến 30 năm trở thành một trong những nước nghèo túng nhất thế giới. Đất nước bị bom đạn tàn phá. Gần hai triệu người chết. Bao nhiêu người khác bị thương tích, tật nguyền. Bao nhiêu người thành góa phụ, cô nhi. Nếu không có chiến tranh, Việt Nam hẳn cũng thành một thứ "cọp" kinh tế ở vùng Đông Nam Á, đâu chịu thua những nước lân cận trong vùng.

Morgan và Foretich trong vụ tranh tụng đều nhân danh quyền lợi của Hilary, nhưng vụ kiện cho thấy thù hằn và tự ái đã là động lực thúc đẩy hai người nhiều hơn để đi tới chỗ kiện cáo nhau. Hilary được gì khi phải sống trong cô đơn, lẻ loi, xáo trộn vì xa cha mẹ, vì di chuyển bí mật, trốn tránh cuộc sống bình thường? Đến khi trưởng thành, biết rõ hơn về vụ kiện, Hilary sẽ nghĩ gì về cha mẹ?

Tại Việt Nam, hai bên đối địch nhau đều tự nhận là chiến đấu để bảo vệ tự do, dân chủ, mưu cầu hạnh phúc cho người dân, nhưng sự việc ở Việt Nam cho thấy tự do dân chủ còn là điều xa vời, những nhà lãnh đạo hành động vì muốn nắm giữ quyền thế, vì mưu cầu lợi ích cá nhân hơn vì đồng bào, vì đất nước. Người dân Việt trong khi đó bị xáo trộn đời sống, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ đồng ruộng, quê quán, bị gọi vào lính, ra trận bắn giết nhau.

Trong lúc tranh tụng, Morgan và Foretich để lộ rõ lòng thù hận sâu xa và đưa ra luận điệu vu cáo nhau. Trong chiến cuộc Việt Nam vì thù hằn biết bao người bị bắt bớ, giam cầm, bị tra tấn dã man. Trong một số trường hợp có những vụ tàn sát không phân biệt rõ kẻ địch hay người dân vô tội. Đồng bào cùng huyết thống mà nhiều lúc đối xử với nhau còn tàn tệ hơn cả những người trước kia bị coi là thực dân, đế quốc. Nỗi thù hận đến nay vẫn chưa tắt trong lòng một số người Việt, trong khi niềm căm phẫn người Pháp, người Mỹ đã nguội nhiều.

Chiến tranh Việt Nam đã có nhiều cuộc biểu tình chống đối và ủng hộ, lại được dư luận trong ngoài nước và cả thế giới chú ý. Vụ tranh chấp Morgan-Foretich cũng có người bênh kẻ chống và cũng được dư luận nhiều nơi ở Mỹ và thế giới theo dõi.

Trong một buổi tin tức của đài truyền hình, Morgan và Foretich đều phát biểu những lời công kích nhau thậm tệ. Một đồng nghiệp của tôi ở sở, nhìn điệu bộ của hai người trên truyền hình, đã lắc đầu nói: "Cả hai đều khùng!" Mấy người đứng quanh gật đầu, tán thành. Hai đương sự quả khùng thật! Khùng mà không biết mình khùng.

Một số người ngoại quốc ngạc nhiên thấy Việt Nam đánh nhau cả mấy chục năm mà như chưa hả cơn ghiền. Khi còn chiến tranh hai bên đều tự nhận là anh hùng, ái quốc. Các thế hệ trẻ Việt Nam sau năm 1975, được đọc sách báo về chiến tranh Việt Nam, sẽ nghĩ gì về cuộc chiến và có nhìn cuộc chiến theo nhãn quan của cha chú hay không?

Trong nhiều buổi gặp gỡ, chuyện trò với bạn hữu, tôi nghe một số bạn bè nói với nhau 25 năm ở Mỹ thấm thoắt

trôi nhanh quá, so với 25 năm ở Việt Nam sao thấy lâu dài biết bao. Tôi nghĩ mình thấy thời gian ở Mỹ qua mau vì được sống trong thanh bình, không có chiến tranh, không phải chạy loạn, không lo động viên, không sợ pháo kích.

Cũng như nhiều người khác, tôi mừng thấy mình quả là một trong những người có may mắn sống sót sau cuộc chiến quá dài, quá khốc liệt.

Chú Thích

Chương 2 : "Sét Giáng"

1. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 79
2. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 758-762
3. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 35
4. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 37
5. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 44-45
6. Moore, Harold G. & Galloway, Josepht L., We were Soldiers Once...and Young, trang xvi
7. Tucker, Spencer C., Vietnam, trang 135
8. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 37
9. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 768
10. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 770
11. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 57
12. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 69
13. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 171
14. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 52, 91
15. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 81
16. Nguyễn Ngọc Vy, nói chuyện ngày 5/1/1980 và 1999
17. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 773; Hosmer, Stephen & Kellen, Konrad & Jenkins, Brian M., The Fall of Vietnam, trang 85.
18. Nguyễn Công Phúc, nói chuyện năm 1978 và 1999.

Chương 3 : "Đường Đầy Nước Mắt"

1. Lee, Edward J. & Haynsworth, Toby, White Christmas in April, trang 44
2. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 184
3. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 771-775
4. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 185
5. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 774-776
6. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 185-187
7. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 776
8. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 108-109
9. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 193-198
10. Chính Luận ngày 18/3/1975?
11. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 119
12. Ngô Đại Tuyên, nói chuyện ngày 18/8/1978 tại Maryland
13. Phạm Duy Tất, nói chuyện ngày 30/10/1999 tại Virginia
14. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 779
15. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 106
16. Trần Hùng, nói chuyện ngày 18/8/1978 tại Maryland.

Chương 4 : "Hỏa Ngục"

1. Nguyễn Hữu Duệ, nói chuyện ngày 16/11/1999
2. Đào Trọng Tường, nói chuyện ngày 19/8/1999
3. Engelmann, Larry, Tears Before the Rain, trang 29
4. Hồ Văn Kỳ Thoại, nói chuyện ngày 17/3/1999
5. Davidson, Phillip B., Vietnam at War , trang 781
6. Hồ Văn Kỳ Thoại, nói chuyện ngày 17/3/199 và 16/4/1999
7. Hồ Văn Kỳ Thoại, nói chuyện ngày 17/3/199 và 16/4/1999
8. Nguyễn Văn Phán, nói chuyện ngày 9/8/1999

9. Nguyễn Văn Phán, nói chuyện ngày 9/8/1999
10. Hồ Văn Kỳ Thoại, nói chuyện ngày 17/3/199 và 16/4/1999
11. Đào Trọng Tường, nói chuyện ngày 19/8/1999
12. Đào Mạnh Dũng, nói chuyện ngày 9/4/1975 và 1999
13. Trần Quang, nói chuyện nhiều lần 1999
14. Butler, David, Fall of Saigon, trang 161
15. Phan Thanh Tâm, ngày 29/3/1975;
    và Nguyễn Trần Anh, nói chuyện năm 1999.

Chương 6 : Ánh Hải Đăng

1. Washington Post ngày 12/3/1966
2. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 13

Chương 8 : "Người Nguy Hiểm Số 1"

1. Washington Post ngày 24/7/1970
2. Washington Post ngày 1/9/1971
3. Washington Post ngày 21/8/1971
4. Nói chuyện với Hoàng Đức Nhã ngày 27/1/2000
5. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 11
6. Nguyễn Cao Kỳ, How We Lost the Vietnam war ,
   trang 194-195
7. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 97
8. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 99
9. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 101
10. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 88
11. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 26
12. Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời, trang 248-249
13. Bản tường trình ngày 9/11/1973

14. Davidson, Phillip B., Vietnam at War trang 750
15. Nói chuyện với Hoàng Đức Nhã ngày 27/1/2000

Chương 9: Nóng lạnh

1. Washington Post ngày 4/4/1975
2. Washington Post ngày 4/4/1975
3. Washington Post ngày 20/4/1975
4. Lee, J. Edward & Haynsworth, Toby, White Christmas
   in April, trang 93

Chương 10 : "Nghĩa Vụ...Sâu Đậm"

1. Washington Post Magazine ngày 21/4/1985
2. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 298
3. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 295-296
4. Steiman, Ron, Soldiers' Stories trang 298
5. Steiman, Ron, Soldiers' Stories trang 294
6. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 334
7. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 347, 385
8. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 388
9. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 404

Chương 12 : Chui lủi

1. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 407
2. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 411
3. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 410
4. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 404

Chương 13 : Dồn Dập

1. New York Times ngày 22/4/1975
2. .Snepp, Frank , Decent Interval, trang 411

Chương 14 : Tuyết Trắng

1. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 462
2. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 787-788
3. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 225
4. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 491
5. Engelmann, Larry, Tears Before the Rain, tr. 198-202
6. Snepp, Frank , Decent Interval, trang 526
7. Steiman, Ron, Soldiers' Stories trang 337-341

Chương 15 : Vì Đâu Nên Nỗi?

1. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 737
2. New York Times, ngày 22/4/1975.
3. Nguyễn Tiến Hưng, Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập
4. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 51
5. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 19-21
6. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 738
7. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 737
8. Kutler, Stanley C., Encyclopedia of the Vietnam War, trang 232
9. Lee, Edward J. & Haynsworth, Toby, White Christmas in April, trang 44
10. Currey, Cecil Victory At No Cost tr. 293-294
11. New York Times ngày 22/4/1975)
12. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 25
13. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang
14. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 772
15. Nói chuyện với Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất ngày 30/10/1999 tại Virginia
16. Kutler, Stanley C., Encyclopedia of the Vietnam war, trang 188
17. Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, trang 27-28
18. Washington Post ngày 27/9/1969
19. Kutler, Stanley C., Encyclopedia of the Vietnam war, trang 44
20. Kutler, Stanley C., Encyclopedia of the Vietnam war trang 44
21. Lee, Edward J. & Haynsworth, Toby, White Christmas in April, trang 43
22. Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 746

23 Davidson, Philip B., Vietnam at War, trang 749
24. Washington Post ngày 27/9/1969
25. Kutler, Stanley C., Encyclopedia of the Vietnam war, trang 85
26. Lee, Edward J. & Haynsworth, Toby, White Christmas in April, trang 26
27. Washington Post ngày 7/4/1973
28. Washington Post ngày 17/9/1971
29. Snepp, Frank, Decent Interval, trang 13-15
30. Larry Engelmann, Tears Before the Rain, trang 242
31. Nguyễn Tiến Hưng, Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập, trang 451
32. Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gãy Súng, trang 116-119
33. Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gãy Súng, trang 121-124
34. Butler, David, Fall of Saigon, trang 161-164
35. Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gãy Súng, trang 28
36. Tucker, Spencer C., Vietnam, trang 124

Sách Tham Khảo

- An, Tai Sung, *The Vietnam War*
- Arnold, James R. *First Domino*
- Bảo Đại, *Con Rồng Việt Nam*
- Braestrup, Peter, *Big Story*
- Bui Diem, *In the Jaw of History*
- Bùi Tín, *Hoa Xuyên Tuyết*
- Butler, David, *The Fall of Saigon*
- Cao Xuân Huy, *Tháng Ba Gãy Súng*
- Currey, Cecil B., *Victory at Any Cost*
- Davidson, Phillip B., *Vietnam at War*
- Dunnigan, James F. & Nofi, Robert A.. *Dirty Little Secrets of the Vietnam War*
- Đỗ Kiểm, *Counterpart*
- Đoàn Độc Thư & Xuân Huy, *Giám Mục Lê Hữu Từ & Phát Diệm 1945-1954*
- *Encyclopedia of the Vietnam war*
- Engelmann, Larry, *Tears Before the Rain*
- Fall, Bernard, *Hell in a Very Small Place*
- Gardner, Lloyd C. & Gittinger, Ted, *Vietnam, The Early Decisions*
- Grantt, Zalin, *Facing the Phoenix*
- Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biển Cả*

- Hosmer, Stephen T. & Kellen, Konrad & Jenksins, Brian M., *The Fall of South Vietnam*
- Isaacs, Arnold R., *Without Honor*
- Isaacson Walter, *Kissinger*
- Kaiser, David, *American Tragedy*
- Karnow, Stanley, *Vietnam*
- Kinnard, Douglas, *The War Managers*
- Kissinger, Henry, *Years of Renewal*
- Kutler, Stanley L., *The World Almanac of the Vietnam War*
- Lê Văn Phúc, *Tôi Làm Tôi Mất Nước*
- Lee, Edward J. & Hatnsworth, Toby, *White Christams in April*
- Maclear, Michael, *The Ten Thousand Day War*
- Marr, David G., *Vietnam 1945*
- McNamara, Robert S., *The Tragedy and Lessons of Vietnam*
- Military Press, *The Vietnam War*
- Moore, Harold G. & Gallow, Joseph L., *We Were Soldiers Once...and Young*
- Newman, John M., *JFK and Vietnam*
- Nguyễn Cao Kỳ, *How We Lost the Vietnam War*
- Nguyễn Chánh Thi, *Việt Nam: Một Trời Tâm Sự*
- Nguyễn Tấn Đời, *Hồi Ký Nguyễn Tấn Đời*
- Nguyễn Tiến Hưng, *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*
- Nguyễn Tòng Bá, *Hồi Ký 25 Năm Khói Lửa*
- Phạm Ngọc Lũy, *Hồi Ký Một Đời Người*
- Schulzinger, Robert D. *A Time for War*
- Sharp, U.S.G., *Vietnam for Defeat*
- Sheehan, Neil, *A Bright Shining Lie*
- Snepp, Frank, *Decent Interval*
- Trần Hoài Thư, *Ban Mê Thuột, Ngày Đầu Ngày Cuối*
- Trần Văn Đôn, *Our Endless War*
- Tucker, Spencer C., *Vietnam*
- Turley, G. H., *The Easter Offensive*
- Văn Tiến Dũng, *Đại Thắng Mùa Xuân*

- Vandiver, Frank E., *Shadows of Vietnam*
- Werner, James S. & Lưu Đoàn Huỳnh, *The Vietnam War*
- Young, Marilyn, *The Vietnam Wars*

Danh Mục

Baughn, Richard 198
Bảo Đại30, 100, 104, 105, 106, 135, 327, 343
Bradlee, Ben 118, 192
Bùi Cửu Viên 281, 285
Bùi Thế Lân 63, 69, 304
Bùi Thị Vui 224

Cao Văn Viên47, 48, 177, 325
Chu Bá Học 132, 189
Chu Bá Phượng 132
Chu Bá Tước 133
Chu Bá Yến132, 177, 228, 253

Đặng Hiếu Điển 206
Đặng Đình Kỳ 90
Đặng Văn Quang 47, 266
Đàm Quang Lâm 130, 216
Đào Mạnh Dũng 73
Đào Trọng Tường 19, 60, 282, 337, 338
Đinh Xuân Minh 155, 162
Đỗ Kiểm 282, 286, 291, 343
Dương Đức Thụy 153
Dương Văn Minh 85, 119, 121, 146, 150, 153, 245, 246, 256, 271, 323

Foisie, Jack 116, 117
Ford, Gerald 76, 196, 199, 201, 203, 204, 258, 279, 320
Foretich, Eric 331, 332, 333, 334

Greenway, David 225, 233, 234

Hà Văn Trung 181
Harwood, Richard 121, 122
Hồ Chí Minh 28, 49, 78, 94, 100, 103, 104, 245, 257, 312, 329
Hồ Văn Kỳ Thoại 62, 63, 337, 338
Hoàng Đức Nhã 80, 133, 150, 153, 168, 185, 338, 339
Hoàng Song Liêm 247, 259, 307

Just, Ward 112, 117, 119, 120

Kaiser, Robert 114, 115, 343
Khuất Duy Trác 163

La Thành Nghệ 143
Lê Hồng Phi 295, 296
Lê Hữu Từ 99, 100, 343
Lê Minh Đảo 186
Lê Đình Cự 200, 249, 252
Lê Đức Thọ 31, 103, 106
Lê Quang Tình 215
Lê Quang Uyển 158
Lê Trung Hiền 278
Lê Văn Phúc 326, 344
LeGro, William 196

Lescaze, Lee 114, 115, 120, 121, 123, 129
Lowman, Shep 198, 272
Lý Tòng Bá 324

Maffre, John 116, 117
Martin, Graham 196, 197, 198, 199, 206, 247, 257, 279
McCombs, Phil 115, 125, 126, 127, 129, 130, 131, 193, 213-220, 224-225, 227, 230, 232, 234
Morgan, Elizabeth 331, 332, 333, 334
Murray, John E. 47, 48

Neil, Charles 258
Nghiêm Lan 267, 268
Ngô Đại Tuyên 49, 337
Ngô Đình Diệm22, 80, 84, 329
Ngô Đức Khắc 86
Ngô Quang Trưởng46, 61, 145
Ngô Vương Toại 265
Nguyễn Bá Cẩn 16, 147, 161, 169
Nguyễn Cao Kỳ 87, 112, 119, 121, 122, 145, 146, 150, 153, 167, 338, 343
Nguyễn Cao Thăng 82, 149, 161, 164
Nguyễn Chánh Thi 80, 112, 120, 344
Nguyễn Chí Toàn 285
Nguyễn Công Phúc 27, 336
Nguyễn Hải Tấn 85
Nguyễn Hoàng Cương 161

Nguyễn Hữu Duệ 60, 64, 337
Nguyễn Hữu Tương 104
Nguyễn Khắc Bình 159, 241
Nguyễn Khánh 85, 88
Nguyễn Kim Khánh 142
Nguyễn Liên Lực 202, 215, 230
Nguyễn Mạnh Hùng 269
Nguyễn Ngọc Bích 270, 307
Nguyễn Ngọc Vy 30, 336
Nguyễn Đình Tuyến 88
Nguyễn Đức Thắng 86
Nguyễn Tấn Đời 157, 338, 339, 344
Nguyễn Thành Trung178, 257
Nguyễn Thế Lộc 15
Nguyễn Trần Anh 76, 338
Nguyễn Trọng Hiền 185
Nguyễn Trọng Luật 36
Nguyễn Tú 51, 52
Nguyễn Văn Ân 163
Nguyễn Văn Chức 155
Nguyễn Văn Hướng 150
Nguyễn Văn Huyền 153, 156
Nguyễn Văn Khánh 64
Nguyễn Văn Liêm 141
Nguyễn Văn Long 100
Nguyễn Văn Ngân 80, 147, 148, 177, 185
Nguyễn Văn Ngãi 154
Nguyễn Văn Nghị 103
Nguyễn Văn Nghĩa 20, 180
Nguyễn Văn Điềm 62
Nguyễn Văn Phán65, 304, 338
Nguyễn Văn Thiệu 15, 121, 153
Nguyễn Xuân Nguyên 166

Nixon, Richard 158, 311, 315, 316, 317, 319, 320

Oberdorfer, Don 251

Phạm Duy Tất 49, 313, 337, 341
Phạm Kim Ngọc 158
Phạm Ngọc Lũy 293, 294, 344
Phạm Ngọc Thạch 104, 105
Phạm Như Phiên 156
Phạm Quốc Thành 98, 135
Phạm Trần 193
Phạm Văn Phú 34, 145
Phan Ngọc Danh 63
Phan Phụng Tiên 241
Phan Thanh Tâm 16, 21, 230, 338

Smith, Homer 196, 197, 198, 199, 242, 257

Tấn Quỳnh 91
Tạ Mạnh Chuyền 189, 222
Tạ Vinh 119, 120
Tô Tiến Phát 263
Trần Chánh Thành 272
Trần Duy Đôn 155
Trần Hữu Độ 253
Trần Hữu Thanh 145, 166
Trần Hùng 39, 56, 337
Trần Minh Công 273
Trần Ngọc Châu 92, 121
Trần Như Tráng 272
Trần Quang 16, 17, 18, 19, 75, 155, 338
Trần Thế Minh 154
Trần Thiện Khiêm 47, 85, 88, 147, 233
Trần Trọng Thức 16, 231
Trần Văn Hương 88, 246, 256, 270
Trần Văn Lắm 147, 163, 166
Trần Văn Ngữ 79
Trần Văn Đôn 155, 343
Trần Văn Trà 31, 46
Trương Tấn Ngân 80

Văn Tiến Dũng 30, 33, 53, 94, 101, 103, 106, 312, 313, 336, 337, 340, 341, 343
Võ Nguyên Giáp 31, 78, 94, 103, 105
Võ Văn Truyện 154
Vũ Ngọc Cẩn 98
Vũ Ngọc Nhạ 150
Vũ Ngọc Trản 153
Vũ Quang Thấu 98
Vũ Thế Quang 33, 36
Vũ Tiến Đạt 182

Wright, Lacy 197, 200, 202, 203, 204, 249, 251

Vài hàng về tác giả

Vũ Thụy Hoàng là nhà báo chuyên nghiệp với 44 năm trong ngành báo chí, trong đó có 33 năm làm với báo Washington Post.

Ông được mô tả là một phóng viên Việt Nam "thông thạo tin tức nhất, chuyên nghiệp nhất" trong cuốn *Big Story* của Peter Braestrup.

Jeff Stein trong cuốn *A Murder In Wartime* đã viết ông Hoàng là một phóng viên Việt Nam "giỏi," "trội vượt."

Theo nhà bình bút Peter Jay trên báo Baltimore Sun năm 1981, ông Hoàng là một ký giả Việt Nam "có khả năng cao."

Nhiều bài viết của ông đăng trên báo Washington Post đã được đăng lại trên nhiều tờ báo ở Mỹ và các nước thuộc hệ thống Washington Post-Los Angeles Times.

Tại Việt Nam ông là chủ biên nhật báo Dân Chủ, trưởng phòng quốc ngoại báo Chính Luận, phụ tá báo chí công ty Standard Vacuum Oil Company. Trong quân đội ông là sĩ quan báo chí tại Bộ Quốc Phòng và Phủ Tổng Thống. Ông bước chân vào làng báo năm 1956 với tư cách biên tập viên đài phát thanh Sài Gòn.

Ông sinh năm 1935, tốt nghiệp trường Luật Sài Gòn năm 1960, theo học Cao Học Ngoại Giao tại trường Quốc Gia Hành Chánh 1974-75, và tốt nghiệp College of Financial Planning tại Denver, Colorado năm 1990.

Có vợ, ba con và hai rể, ông hiện cư ngụ tại Virginia.

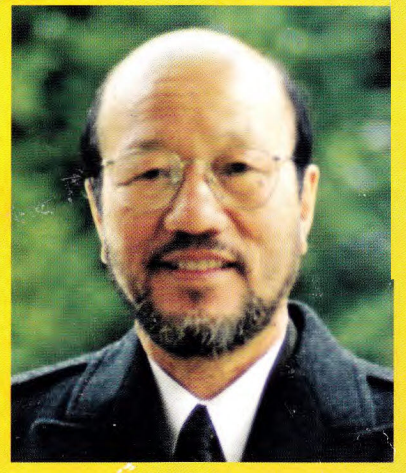

Vũ Thụy Hoàng
44 năm trong ngành báo chí
33 năm với Washington Post

Chiến trận mùa xuân năm 1975, dù muốn hay không, đã để lại nhiều ấn tượng quá sâu đậm không dễ gì xóa nhòa được trong ký ức hàng triệu người Việt ở trong cũng như ngoài nước.

Cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt cách đây 25 năm. Thắng hay bại đều đã thành truyện quá khứ.

Cuốn sách này được viết không có ý ca ngợi, hay biện minh, mà cũng chẳng đổ lỗi, hoặc chỉ trích một cá nhân hay một phe phái nào. Tán tụng, bênh vực hay chê trách, oán hờn không xoay ngược lại được lịch sử.

Người viết chỉ muốn thuật lại trung thực hoàn cảnh của mình và của một số người từng sống trong cảnh sôi bỏng của chiến tranh và có may mắn thoát khỏi thảm họa của cuộc chiến, để cùng chia sẻ những kinh nghiệm của mình với độc giả, với những người ở trong hoàn cảnh tương tự, hầu biết thêm, hiểu thêm về một biến cố lịch sử:

- **Tại sao miền Nam Việt Nam xụp đổ?**
- **Những mưu kế và đòn phép ở hậu trường chính trị Việt Nam**
- **Sài Gòn hoang mang, lo sợ, tìm kiếm đường chạy**
- **Những chuyến bay bí mật di tản khỏi Việt Nam**
- **Những cuộc di tản tất tưởi ở tòa đại sứ Mỹ, ở Tân Sơn Nhứt, ở bến tàu, trên biển cả.**

Tái bản lần thứ hai - tháng 6, 200(